



Tuyển tập truyện ngắn
Tam Bảo Đệ Tử

Thích Minh Thông



CHUYỆN ĐI CHÙA

Với tuyển tập này, con thành kính dâng lên
song thân quá vãng đã ân đức sinh thành
tâm huyết dưỡng dục con nên người.

Con cũng chân thành đánh lễ Sư Ông
Hòa Thượng Thích Đạo Quang đã từ bi khai
mở tạo nhiều phước duyên hóa độ dẫn dắt,
giúp đỡ con trong mọi trạng huống.

Và thành tâm cảm tạ, tri ân Sư Phụ
Thích Minh Thông, người đã dày công giáo
hóa con tiến tu trên bước đường học Phật,
cải hóa bản thân tìm về chánh pháp.

Đồng thời đặc biệt hoài niệm đến
anh Dzu Phan, người anh phương xa,
các em, các cháu đã khuất
nhất là Jackie đã oan nghiệt xa rời
trong một tai nạn thật bi thương.

Diệu Phước



MỤC LỤC

1. Hạnh Hiếu Người Xuất Gia	01
2. Ai Xui chi Trời Lại Đổ Mưa	17
3. Đánh Cắp Chiếc Lư Đồng	29
4. Trong Mơ và Thực Tại	39
5. Kết Hôn Với Người Khác Tôn Giáo	54
6. Tình Thương Vẫn Còn Ở Phía Trước.....	68
7. Chuyện Đi Chùa.....	86
8. Thiện Ác Đòi Sau.....	104
9. Phát Bồ Đề Tâm	122
10. Luận Về Người Học Phật	139
11. Đầu Năm Heo Nói Chuyện Bát Giới	157
12. Ôn Nghĩa Sanh Thành.....	173
13. Ý Nghĩa Của Việc Quy Y.....	192
14. Nói Với Gia Đình Phật Tử	207
15. Tản Mạn Về Chữ Hiếu	225
16. Tâm Bình Thường Là Đạo	248
17. Rộng Kinh Điển	267

Hạnh Hiếu Người Xuất Gia

Theo tục truyền của bậc Cổ Đức xưa kia, bốn phận làm con phải hiếu thảo với cha mẹ, khi cha mẹ còn sống ở đời thì không được đi xa. Phải ở nhà và phụng dưỡng mẹ cha mới tròn hiếu đạo. Còn dư những người xuất gia đầu Phật chỉ là những người con không làm tròn lòng hiếu kính, lìa mẹ bỏ cha, xa làng biệt xóm, chẳng ích nước lợi dân, chẳng giúp gì được cho xã hội.

Nhưng nếu ai đã từng tìm hiểu sơ qua về kinh Phật, chắc quý vị sẽ biết được đôi phần về tinh thần hiếu kính mà đức Phật thường dạy hàng đệ tử: trong các hạnh, hiếu hạnh là trên hết. Vậy người xuất gia thì đương nhiên phải biết lấy hạnh hiếu làm đầu, thì tâm báo hiếu sao có thể bỏ quên được. Tuy thân chẳng thể cận kề, nhưng tâm đâu thể nào xao lãng. Với lại báo hiếu mẹ cha đâu chỉ riêng trọng phần cơm ăn áo mặc, tách nước ly trà, mâm cau đĩa bánh. Mà còn hơn thế nữa.

*Hiếu thế tục chỉ hầu cơm nước
Hiếu Phật-đà giải thoát luân hồi.*

Thế mới biết, muốn trả được hạnh hiếu tròn đầy thì phải làm sao cho cha mẹ mình thoát khỏi chốn trầm luân trần lụy này. Được như thế mới là thật hiếu. Trong kinh Vu Lan Phật dạy:

*Ví có người gặp cơn đói rét
Nuôi song thân dưng hết thân này
Xương nghiền thịt nát phân thân
Trải trăm ngàn kiếp ân đây chưa đền.*

Phận làm con mà lúc cha mẹ gặp cơn khốn khó, cắt thịt moi tim dưng cha dưng mẹ mà Phật vẫn bảo rằng chưa đáp được thâm ân. Mới thấy được hạnh hiếu trong đạo Phật là hạnh hiếu phi thường, hạnh hiếu vượt thoát ngoài thế gian thường tình.

*Vì cha mẹ trì chuyên phúng tụng
Cùng ăn năn những tội lỗi xưa
Cúng dường Tam Bảo sớm trưa
Cùng là tu phước, chẳng chừa món chi.*

Rồi ngày rằm tháng bảy của mỗi năm là kỳ Tự-tứ, ngày chư Phật cùng thập phương tăng đồng hoan hỷ, phận làm con hiếu nên thiết lễ cúng dường.

Đặng cầu nguyện song đường trường thọ

Hoặc sanh về Tịnh-độ an nhàn

Ấy là báo đáp thù ân

Sanh thành dưỡng dục song thân của mình

Mình còn phải cần chuyên trì giới

Pháp Tam Quy, Ngũ Giới giữ gìn...

Hạnh hiếu trong đạo Phật không chỉ giúp đỡ cho mẹ cha mình hiện đời an ổn, mà còn hậu thế được siêu thăng. Đấy mới là hạnh hiếu chân thật vậy.

Quý vị nếu đã từng đọc qua câu chuyện của Hòa-thượng Cua, sẽ hiểu được phần nào cái hiếu hạnh của người xuất gia đối với đấng sanh thành. Những tưởng câu chuyện đó là chuyện có một không hai, và tưởng chừng tấm gương hiếu như thế sau này dù là ban ngày đốt đuốc đi tìm e tìm còn không được.

Thưa quý vị rằng là không.

Giữa đất trời bao la núi rừng hùng vĩ, trên con đường mòn vừa đủ rộng cho vài người đi, con người vốn nhỏ bé lại càng nhỏ bé hơn. Cảnh vật thiên nhiên, con tạo hóa dựng nên trời đất muôn màu muôn sắc. Cái thiên nhiên tự nó bao giờ cũng có những cái đẹp riêng lạ lùng, cái đẹp mà con người không thể tự tạo được. Những tàng

cây cổ thụ chụm đầu vào nhau đan thành những cái vòng cầu xanh rờn những vòm cành và lá. Trời lúc bấy giờ đã đứng bóng nhưng cái nắng như không đủ sức xuyên qua cái màng dày đặc của tầng lá xanh um. Trên con đường độc lộ hôm nay, có một dáng người từng bước, từng bước độc hành hướng về chân núi Trà Cú. Bà cụ đã có tuổi rồi, không phải có hứng thú viếng thăm gì núi Trà Cú, nhưng bà vẫn hướng về phía trước với những bước chân đều đặn.

Xa xa, lưng chừng núi Trà Cú loáng thoáng hiện ra một ngôi chùa nằm chen lẫn giữa cỏ cây hoa đá. Tuy không lớn lắm nhưng rất uy nghi, nơi đó có những con người không còn tham luyến cuộc đời đua chen nơi trần thế. Muốn khép đời mình trong khuôn khổ giới luật của Đức Như Lai để gạn lọc chất ác, tiêu trừ cái tập khí ô trọc của bao kiếp trầm luân. Tìm lại cái tự do thực thụ của riêng mình đã từ lâu đánh mất... Để rồi một ngày kia, có thể đi vào đời khai hóa, nhổ đi những cái áo kiến chấp vô minh, mê muội của kiếp nhân sinh buộc ràng. Nơi chốn già-lam thanh tịnh đang tựa mình vào vách núi, thầy trụ trì là vị chân tu đức độ, tặng chúng nơi đây cũng là những bậc tu hành thanh tịnh. Hôm nay, thầy tri khách

không được khỏe, mọi người đều ra rầy để canh tác. Thầy trụ trì phải ra ngôi tiếp khách. Vị khách hôm nay là một bà lão đã có tuổi, phải lặn lội đường xa đổi qua mấy chuyến xe, xuyên qua mấy ngọn đồi rồi mới đến rừng cây sẫm uất với cả sức thừa còn lại của mình mới đến được đây. Bà ta đặc biệt đến đây là muốn tìm một vị xuất gia, vốn có tục danh là như thế, như thế... Vị Tỳ-kheo đó vốn là đứa con độc nhất của bà, lúc còn tằm bé rất hâm mộ được xuất gia đầu Phật, tuy không được bà toại lòng cho nhưng cuối cùng cũng trốn nhà ra đi. Bà tuy đã phí rất nhiều công sức ra để tìm kiếm, nhưng đã trải qua nhiều năm mà vẫn không được tin tức gì nên bà đành thôi không còn hy vọng có thể tìm thấy lại nữa. Đến nay đã gần năm mươi năm rồi. Gần năm mươi năm ròng rã vắng bóng con, không một tin tức, không một nguồn an ủi. Bà đã sống trong thâm lặng đợi chờ, đợi chờ một cái gì đó mà bà tự biết thật mong manh, mong manh như làn mây xám sắp tan đi theo gió, như giọt nước long lanh trên đầu ngọn cỏ trước cơn nắng sớm, như những hòn bọt nổi nhấp nhô trôi theo con nước rút chiều hôm. Đẳng đẳng trôi qua với bấy nhiêu năm trời, tưởng chừng không còn hy vọng gì nữa.

Bỗng gần đây, bà gặp lại ông bạn già sau nhiều năm chinh chiến. Sau vài tuần trà chuyện ba chuyện bảy, chuyện năm trên năm dưới. Hai người bạn già lại bắt sang chuyện con dâu cháu rể. Khi nói đến phần con mình, bà liền sụt sùi kể lể việc đưa con độc nhất của mình vì muốn xuất gia đầu Phật mà đã bỏ nhà ra đi. Nghe đến đấy, gương mặt ông bạn già liền chìm lặng xuống, như đưa tâm hồn mình quay trở về với quá khứ, rồi ông chậm rãi kể rằng. Vào một năm nọ trong trận đánh giáp la cà, cuộc chiến xảy ra thật là thảm khốc. Tiếng người la ó, tiếng súng đi đoàn, tiếng bước chân người chạy hì hục. Ông đã ngã xuống bởi một viên đạn cắm thù nào đó bắn xuyên ngực phải của ông, cứ đinh ninh mình sẽ bỏ mình nơi chiến trường hoang vắng này. Mặt trời vừa vượt lên qua khỏi những hàng cây đầu núi, những tia nắng ấm đầu tiên trong ngày liền len lỏi xuyên qua vòm lá lúa thưa. Khiến phong cảnh núi rừng thiên nhiên càng thêm thơ mộng. Tiếng chim líu lo đầu cành làm ông chợt mình tỉnh giấc, ông thấy mình nằm trong một căn lều tranh. Ông từ từ đảo mắt nhìn quanh, ngoài những vật cần thiết cho cuộc sống của con người, ông không tìm thấy cái gì hơn ngoài căn phòng đơn sơ mộc

mạc. Lâu lắm, lâu lắm ông mới nghe tiếng bước chân người đang tiến dần phía ông nằm. Không biết người đến với mình với điềm lành hay dữ, nhưng ông cũng đành nằm im vì không thể cất người lên nổi. Nhìn thoáng màu áo nâu sòng, rồi hiện ra khuôn mặt từ ái của vị tăng nhân. Ông mới biết mình đã được vị tăng nhân mang về từ cõi chết. Sau một thời gian tịnh dưỡng theo phương pháp điều trị của vị tăng nhân, ông đã được phần nào hồi phục. Vì không tiện ở lâu và phải trở về điểm báo với quân đoàn. Cuối cùng ông đành từ giã những ngày tháng thanh bình bên vị tăng nhân như hiện thân của Bồ-tát. Năm tháng trôi xuôi tưởng chừng như đã xóa nhòa đi tất cả, nhưng hôm nay gợi nhớ lại, hình ảnh cũ hiện thân như sự việc vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Trong đôi mắt còn chìm sâu với dĩ vãng, ông liền nhớ rằng người tu sĩ có nhiều đặc điểm hao hao giống như người bạn láng giềng xưa kia của ông vậy. Tôi nghi thầy ấy chính là người con mà bà muốn tìm đó. Sau cuộc tiếp xúc nói chuyện đó, bà liền sắp xếp mọi việc nhà để bắt đầu lại chuyến viễn du tìm kiếm con mình.

Thời gian, thời gian đã khắc ghi lên vầng trán của bà những năm tháng lo âu buồn bã của đợi chờ. Mái tóc

xanh của những ngày xưa cũng ngả màu sương tuyết. Đôi mắt hần sâu, mờ đục không còn soi rõ những cảnh vật trước mắt, may ra chỉ còn nhìn thấy lại được những gì của ngày xưa trong ký ức. Đôi má cảm vào, bóng dáng đã hơi còng theo cái vòng tròn quả đất. Bây giờ và ở đây, bà đang đối diện với thầy trụ trì, hỏi thăm tin tức của con mình. Bà ngập ngừng nhẹ tiếng hỏi thăm:

- Kính bạch thầy, con có được nghe người bạn láng giềng cho biết, họ đã từng đi qua chốn này và gặp được một vị Tăng nhân tên họ là như thế, như thế... đã xuất gia tu hành tại chùa này. Không biết bây giờ Thầy ấy còn ở đây hay không? Xin thầy mở lòng từ bi cho con được gặp mặt tiếp chuyện được chăng?

Thoáng qua một chút ngỡ ngàng khó tả, nhưng Thầy cũng nén được cơn xúc động. Thầy trầm ngâm một hồi lâu rồi mới dè dặt chậm rãi lên tiếng:

- Thưa cụ, người mà cụ muốn kiếm thật ra trước có xuất gia ở đây, lúc còn sinh thời Thầy ấy đối với tôi xem nhau như huynh đệ vậy. Nhưng bây giờ thì thầy ấy đã viên tịch rồi.

Bà lão không cầm được cơn xúc động khóc nức lên, tuy những giòng lệ nóng của ngày xưa đã khô cạn không còn gì để tuôn chảy nữa, nhưng nỗi đau thương vẫn tràn dâng quần lên khước mắt ngân ngấn long lanh trên đôi mắt sâu hoắm đỏ mờ. Bà rầu rĩ than vãn:

- Trời ơi! Con tôi đã chết rồi ư!

Chờ cho cơn xúc động của bà lão lắng dịu dần, rồi với sau bao nhiêu lời khuyên nhủ an ủi xẻ chia với bà cụ. Thấy cụ bà đã trở lại đôi chút bình lặng rồi. Lúc này, Thầy trụ trì mới trịnh trọng mở lời ngỏ ý:

- Thầy ấy dù sao nay cũng đã mất rồi. Chúng tôi cũng rất thương mến và đau buồn lắm. Nhưng biết phải làm sao? Cụ bây giờ tuổi đã lớn rồi, con cái lại không được cận kề. Thôi thì cụ hãy ở lại đây với chúng tôi. Chúng tôi xin được thay thế Thầy ấy chăm sóc cho cụ vào lúc bóng xế chiều tà này. Cụ nghĩ thế nào?

Bà cụ sau một hồi than thở buồn thương, suy lui tính tới cũng chẳng còn cách nào hơn bà đành nhận lời ở lại nương nấu nơi chốn thiền môn cho qua ngày đoạn tháng trong cái tuổi về già này. Thêm vào đó, với cái tuổi chẳng còn gì để tham muốn nữa, cũng không làm gì được

nữa cho ai. Nên bà cũng muốn mượn những chuỗi ngày còn lại của mình để nương nhờ cửa Phật, sám hối tội trước, vun trồng cội phúc về sau cho mình. Mong ngày sau khi bỏ xác thân này không còn phải tái sinh vào chốn trần gian lắm khổ đau và nhiều phiền lụy này. Sau khi tiếp nhận sự quyết định ở lại của bà lão, Thầy trụ trì cho thông báo triệu tập toàn thể Tăng chúng đang trú ngụ tại bốn tự, kể rõ hoàn cảnh của cụ và ý muốn lưu bà cụ trú ngụ tại chùa.

Hằng ngày, bà được thầy trụ trì dạy cho phương pháp niệm Phật và phân công cho việc quét tước quanh chùa và lá cây xung quanh tháp. Những chuỗi ngày bình lặng trôi qua với công việc thường nhật, bà cụ có được những ngày tháng trôi qua thật êm đềm. Thầy trụ trì sau những giờ bận rộn với công tác Phật sự, thầy thường bỏ ra nhiều thì giờ để chiếu cố cho cụ bà, giảng rõ cho cụ biết từ cách sinh hoạt trong chùa ra sao, đến việc hành trì câu Phật hiệu thế nào cho lòng thanh thoát, và dạy cả phương pháp làm sao dụng công niệm Phật tu hành ngay cả trong lúc làm việc, quét dọn quanh tháp. Đôi lúc muốn cho tiền cụ bà mà không biết phải làm sao, thầy giả bộ để rơi tiền xung quanh các tháp. Với suy nghĩ rằng bà cụ có thể

trong lúc quét rác thấy cửa rơi, nhặt tạm lấy mà tiêu xài riêng cho mình những lật vặt như trâu cau, thuốc lá, v.v... Được cái tánh tình thật thà chất phác, bà cụ mỗi lúc quét lá thấy tiền rơi, bà đều lượm lại và đem giao cho thầy trụ trì chứ không cất giữ lấy riêng mình một đồng nào cả. Mỗi lần như vậy, Thầy trụ trì thường bảo:

- Tiền của ai đánh rơi, bà cụ lượm được thì cứ giữ lấy mà mua trâu thuốc, tiêu xài lật vặt, không cần phải đưa lại cho chùa đâu.

Nhưng vẫn cái tánh chất phác cố hữu của mình, Bà cụ bảo:

- Tôi già rồi đâu có xài gì đến tiền bạc nữa, ăn uống thì đã có của thường trụ rồi, trà thuốc bây giờ cũng thôi dùng nữa. Tôi nay không làm được gì ngoài cái công việc quét tước, lau chùi. Đâu còn thềm thuồng hay ham muốn tiêu xài cái gì nữa. Chỉ mong được an ổn niệm Phật qua ngày là tốt lắm rồi. Tiền này của ai đánh rơi thì xin được hoàn lại hay sung vào của thường trụ.

Nói cách nào bà cụ cũng vẫn một mực chối từ không chịu nhận. Thầy trụ trì cũng chẳng còn biết cách sao. Chỉ đành chấp nhận theo lời của bà cụ mà thôi. Thời

gian thắm thoát thoi đưa, với tuổi đời không còn luyện tiếc ở thế gian nữa, bà cụ chỉ chuyên tâm niệm Phật. Lâu ngày chầy tháng thành tâm tinh tấn, nên tâm được rộng rang, tinh thần sáng suốt, bà đã niệm Phật được nhất tâm.

Cái gì đến cuối cùng cũng phải đến. Biết được thời tiết nhân duyên đã cận kề, bà đến gặp thầy trụ trì, ngỏ lời cảm ơn thầy đã mở lòng từ bi cho bà được nương nấu gần ngôi Tam Bảo vào tuổi xế chiều. Tạ ơn thầy đã hết lòng chỉ dạy và tận tâm chăm sóc cho bà trong những ngày lưu trú tại chùa. Bà nói cho thầy biết được ngày ra đi không còn xa nữa, nên bà đặc biệt đến để bái biệt thầy. Trong pháp môn Tịnh Độ, phương pháp niệm Phật đến được nhất tâm, biết trước giờ chết thì thật là một việc rất đáng được tán dương. Bà cụ chuyên tâm niệm Phật biết cả giờ ra đi của mình, đấy là một việc hết sức đáng mừng. Thầy trụ trì sau khi nghe xong, thoáng qua một chút buồn thương nhưng đổi lại việc cụ bà tu tập đạt được kết quả mỹ mãn như thế, thầy hết sức an lòng.

Ngày giờ ra đi của cụ cũng được thông báo cùng tất cả chúng Tăng. Nên lúc lâm chung mọi người đều đến trợ

niệm tiếp dẫn. Bà cụ đã thanh thản nhắm mắt ra đi về với đức Phật, câu Phật hiệu của những người trợ niệm cho cụ cuối cùng cũng ra về. Sáng hôm sau, Thầy trụ trì cho triệu tập Tăng chúng lại. Thầy ngồi lặng lẽ nhớ lại cái ngày đầu tiên, cái lúc ban sơ khi tiếp xúc với cụ bà. Thầy trụ trì như bắt gặp lại cái gì đó rất gần gũi, một bóng dáng rất thân quen. Tuy năm tháng mòn mỏi đã tàn phai đi dáng dấp của thời son trẻ, nhưng vẫn không làm mất đi được cái dáng dấp người đàn bà quen thuộc của ngày xưa ấy, cái ngày xưa của gần năm mươi năm về trước. Thầy hết sức xúc động, nhưng nhờ vào định lực trải qua của bao năm tháng tu hành, thầy liền lấy lại được ngay định tâm. Nếu nhìn kỹ mới có thể trông thấy được, nhưng bà lão nào có nhìn được diễn biến gì đã thoáng qua gương mặt trầm mặc của thầy. Ngày ấy, tuy quyết định hơi vội vã nhưng thầy lại thấy rất bằng lòng với quyết định của mình. Một quyết định rất có thể quá khắt khe với mẹ già, mà cũng khó xử cho chính bản thân mình. Mặc dù cùng lúc nhiều tư tưởng xung khắc lẫn nhau nhưng thầy vẫn quyết định đành phải làm như thế. Bây giờ thầy trụ trì mới đưa mắt nhìn khắp Tăng chúng một lượt rồi mới lên tiếng.

- Kính thưa toàn thể đại chúng, lão bà vừa mới mất kia chính là mẹ của tôi. Nhớ lại thuở thiếu thời, tôi rất thích đi tu nhưng lại không được mẹ tôi bằng lòng. Sau nhiều ngày tháng năn nỉ hoài không được, tôi đã đánh liều trốn nhà ra đi. Từ đó về sau tôi không còn liên lạc về nhà nữa, một là tôi không dám vì sợ mẹ bắt trở về nhà, thứ nữa là vì quyết chí tu hành, cộng thêm Phật sự liên miên, con đường đạo đời cách trở. Nên chỉ biết chuyên tâm tu hành rồi đem công đức lành đó mà hồi hướng cho cụ bà thôi. Không biết sao duyên phần đưa đẩy, cụ bà lại tìm được đến chốn này. Lúc vừa mới gặp mặt tôi hết sức bất ngờ, vừa vui mừng lại vừa lo lắng. Không biết phải xử sự làm sao cho phải đạo hợp đời. Sau mấy phút đắn đo suy nghĩ, tôi đành phải phủ nhận thân phận mình. Vì muốn cho thân mẫu của mình được bình tâm nơi trần thế và nhất tâm tu hành. Những lúc gần gũi với người, đôi lúc tôi cũng muốn kêu lên một tiếng mẹ. Nhưng mỗi lần có tâm trạng như thế tôi chỉ biết câm lặng mà nuốt vào. Tôi không muốn cái tình cảm trong thế gian cứ ràng buộc nhau đời đời kiếp kiếp để rồi không ai có thể thoát ra khỏi. Vì thế mà ngay từ lúc ban đầu tôi không dám nhìn nhận bà ấy là mẹ tôi.

Bởi nếu tôi nhìn nhận bà ấy là mẹ tôi trong lúc bà cụ còn sống thì tôi e sợ cho mẹ tôi sẽ ỷ lại vào tôi mà có thể gây ra lỗi lầm với Tăng chúng. Cũng có thể sanh kiêu ngạo, tự đắc hay làm nhiều việc không hay có thể dẫn đến đọa lạc. Tôi mong muốn bà cụ tôi chuyên tâm nhất ý mà tu hành để được thoát hóa sanh về cõi Phật. Nay nguyện ước của bà cụ tôi đã thành, lòng mong mỏi của tôi cũng được toại nguyện. Nên bây giờ tôi mới dám nhìn nhận và nói rõ cùng chúng Tăng hay. Mong mọi người có thể hiểu giùm nỗi lòng của tôi.

Nghe xong, Tăng chúng ai nấy đều ngậm ngùi và tán dương quyết định và cách hành xử của thầy trụ trì. Bà cụ mất đi, Tang lễ được tổ chức một cách long trọng. Thầy trụ trì đứng ra lo tang lễ cho cụ bà giống như làm tang lễ cho một người xuất gia vậy.

Kính thưa quý vị,

Phàm làm người ở đời, có hai việc đáng được tôn quý và luôn được nhắc đến đó là hiếu dưỡng cha mẹ và làm điều phước thiện. Làm việc phước thiện đã khó rồi, mà báo đáp thâm ân sanh thành dưỡng dục đúng cách lại muôn phần khó hơn. Nên bốn phận người làm con phải

luôn ghi nhớ! Học gương người xưa mà cố gắng làm tròn hạnh nguyện cho cha mẹ mình.

*Nuôi cha dưỡng mẹ sớm hôm
Trau dồi đạo nghiệp tài bồi thiện duyên
Cầu cha mẹ thoát oan khiên
Hiện đời phúc thọ, xa miền trầm luân
Một mai xả bỏ báo thân
Sanh về Cực-lạc nương thân đời đời.
Nam mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ-tát Ma-ha-tát.*

- Cuối đông Nhâm Ngọ, tháng 2 năm 2003 -



h158c. Mộng-giác (Yume-Satori) 夢覺. Của Kōten. Vọng tượng và giác ngộ
luôn luôn hiện hữu đồng thời; có khi ta mê, có khi ta tỉnh, nhưng cả hai trạng thái
đều bao gồm trong thể thống nhất của Thiên.

Ai Xui Chi Trời Lại Đổ Mưa

Mưa! hôm nay cuối cùng trời cũng mưa. Mưa lung lăm, mưa thật là nặng hạt. Mấy ngày qua, không khí thật ngột ngạt khó chịu, nóng không nóng, mát không mát, nắng không nắng mà mưa lại chẳng chịu mưa cho. Sấm nổ rung trời, ánh sét chớp sáng lòa lóa lên rồi chột tắt. Tiếng sấm nổ ùng ùng như trống trận thúc giục người ta đang đánh nhau. Hấn ngồi đó. Ngồi im bất động nhìn ra cây cam trước sân, hấn mỉm cười khi thấy cây cam đầu đâm xuống đất và gốc chổng ngược lên trời, soi mình trong vũng nước lớn. Hấn đang nghe mưa rơi đều trên mái như có hàng trăm ngàn chiếc gậy đang gõ lộp cộp. Nghe một lúc như tiếng trống trận đang thúc dục hòa nhập vào nhịp đập quả tim của hấn. Những hạt mưa thật lớn, mưa như trút nước. Có lẽ vị thiên thần nào đó vô tình đã lỡ tay làm vỡ bồn chứa nước, để cho nước tuôn tràn xuống cả mặt đất. Mưa không phải chỉ đơn thuần là mưa. Mưa như muốn đập nát đi cả cái không khí yên bình

của trời đất, bao nhiêu cành cây không chịu nổi cơn mưa đều nằm sòng soài trên mặt đất, lá bay phủ khắp nơi. Gió, gió cũng không chịu nổi với cơn mưa nên chạy lòng vòng lòng vòng rít lên những tiếng kêu ghê rợn. Gió thổi tung cả mọi thứ và cuốn hút lên cả trên không trung, gió thổi bật tung cánh cửa làm hấn giật mình. Nhưng không biết vì lý do gì đó, hấn cũng chẳng buồn đứng dậy để đi đóng cửa. Đôi mắt hấn như thất thần. Hấn nhìn đăm đăm ra cửa, cái cảnh mưa gió âm âm chẳng làm hấn lay động. Những hạt mưa lớn vẫn rơi đều, rơi đều...

Rồi từ trong cảnh trời đất hôn ám ấy, hấn nhìn thấy cảnh vật trước mắt của hấn nhòe đi, chìm hấn. Hấn chợt thấy cả con người hấn bỗng nhiên cất lên bay vút vào không trung, bay đi, bay đi, bay nhanh lắm, bay như làn sóng điện. Rồi đột nhiên hấn thấy mình đáp xuống, đáp xuống một vùng đất hoang sơ tiêu điều. Nơi đó, hấn nhìn thấy mái nhà quen thuộc. Hấn thấy má, thấy ba, thấy anh hấn đang ngồi quây quần bên bếp lửa đang cháy leo lét. Hấn mừng quá la lớn lên: Má, má ơi! Má vẫn mạnh khỏe đây sao? Còn ba, ba nữa. ba vẫn mạnh khỏe và còn trẻ như ngày xưa nữa. Hấn ôm chầm lấy người này đến người khác, hấn sợ là hấn đang mơ. Hấn hết nhìn ba rồi nhìn mẹ, nhìn mấy anh rồi hấn nhìn trở lại chính mình.

Hắn thấy mình chỉ là thằng bé mũi còn chảy lò thò, cả cái mặt còn lấm láp tèm hem. Hắn cười, cười như chưa bao giờ được cười cả. Hắn vui quá nhảy cẫng lên, hết gọi cha lại gọi mẹ. Ba mẹ nó mỉm cười theo nó. Hắn sung sướng quá. Thì ra hắn không có mồ hôi, không có mồ hôi như những gì hắn đã từng trải. Hắn còn cha, còn mẹ còn cả mấy anh nữa. Hắn thấy nhà hắn vẫn còn nghèo như xưa, nghèo lắm. Cơm không đủ no, áo không đủ ấm nhưng hắn mãn nguyện lắm. Chỉ cần ba mẹ vẫn còn sống với hắn là hắn mãn nguyện lắm rồi. Đói cũng chẳng sao nghèo cũng không màng, khổ cũng chẳng sợ. Có cái gì nhét tậm vào bụng là hắn mãn nguyện rồi. Cả nhà hắn quây quần bên bếp lửa hiu hắt đang nướng mấy củ khoai mì, mấy đốt mía bẻ được ở vườn sau, là những lương thực duy nhất để duy trì cuộc sống. Cái gọi là “bếp” đó chỉ là một miếng thiếc lớn lót trên sàng giường. Tất cả củi đốt đều đã ướt hết. Chỉ còn lại dăm ba khúc âm ỉ tậm có thể đốt cháy. Mọi người mình mấy đều thấm ướt và đang run lên từng chập. Hắn nhìn ra hiên ngoài thấy nước trùm cả một vùng.

Nước! Nước đâu những là nước. À! nước lụt, hắn nhớ rồi mấy bữa nay nước dâng lên nhanh quá làm ngập cả đầu đường xó chợ, nay đã ngập tận cả vào nhà hắn. Tất

cả mọi người đều phải ngồi cả trên giường, nhìn ra chờ đợi. Chờ đợi một cái gì chính ba má hấn cũng không biết nữa. Bên ngoài trời vẫn còn mưa rất là nặng hạt. Mái lều tranh nhỏ bé của nhà hấn đang cố gắng chống chọi với thần hủy hoại, sự tàn phá của vũ trụ để ôm ấp che chở gia đình hấn. Nhưng căn nhà vẫn không ngớt rung lên từng hồi trước sự găm thét của bão táp mưa sa. Trời đất thật bao la, hấn bất chợt nhìn lên vì một hạt mưa to tướng rơi xuống trúng đầu của nó ướt lạnh. Hấn giật mình khi gió rít mạnh mang theo luôn cả mái tranh lưa thưa đã bao năm gắn bó với gia đình hấn, đội nắng che mưa nay không còn đủ sức để ôm ấp gia đình hấn nữa. phen vách nhà hấn cũng bắt đầu rung mạnh và .. lật nhào. Hấn thấy ba hấn, nhảy âm xuống nước, rồi mấy anh của hấn cũng lần lượt nhảy âm xuống nước chạy theo vớt nồi niêu soong chảo cùng các vật dụng khác. Đồ đạc trong nhà đã mấy ngày qua nổi lênh bênh trên mặt nước nhưng còn nhờ mấy tấm phen tre xọp xệp ngăn trở, nay đã bị nước cuốn trôi. Tất cả tuy không nhiều lắm nhưng đối với một gia đình nghèo khó như nhà hấn thì là cả một tài sản, một phần trong sự sống của họ. Nên cả nhà hấn chạy theo vớt lại, quên băng đi cả sự nguy hiểm có thể xảy ra đối với mạng sống của họ. Hấn loay hoay không biết phải

làm gì, bởi hấn còn nhỏ quá. Hấn chỉ biết kêu cha gọi mẹ. Hấn bắt đầu khóc la kêu cứu khi nhìn xung quanh tất cả đều chẳng còn ai nữa. Hấn quá khiếp sợ, nhưng trời đất nào có phải vì hấn tuổi nhỏ mà buông tha. Chiếc phen đứng bên cạnh hấn lắc lư rồi ngã âm xuống đè cả lên người hấn. Hấn đau quá, hét lên thất thanh rồi ngất lịm ...

*

* *

Tiếng chân người chạy thình thịch, tiếng gọi nhau í ới làm hấn tỉnh giấc. Hấn mở to mắt thấy mình đang nằm trên mảnh chiếu sồn gai đã bạt màu không còn dáng thể. Hấn ngồi bật dậy nhìn quanh, người đâu những người. Ai nấy đều mặt mày nhớn nhác, bơ phờ đang đi loạn cả lên, họ kêu cha gọi mẹ, hú anh gọi em. Hấn cũng bật dậy, cũng chạy loạn cả lên, tìm một lúc chẳng được hấn cũng kêu cha gọi mẹ. Cũng gọi âm cả lên. Chạy một hồi hấn chẳng còn biết được mình đang ở đâu nữa. Hấn thấy như mình đang lạc vào một thế giới khác, hấn hỏi thăm người này, thưa hỏi người kia nhưng chẳng một ai chịu trả lời hấn, cũng chẳng nói gì với hấn, thậm chí họ cũng chẳng buồn nhìn tới hấn, họ đều lách qua mình hấn rồi bỏ đi

mất. Hấn chạy mỗi cả chân, kêu khản cả cổ nhưng hấn chẳng tìm được người hấn muốn gặp. Mọi người đều xa lạ với hấn. Hấn mệt quá ngồi phệt xuống đất, hấn thấy khát nước quá. Hấn kêu lên: nước, nước. Cho tôi nước. Nhưng chẳng ai đáp lời hấn cả. Hấn thấy đôi mắt nặng trĩu, hấn cố gắng nhướng lên nhưng đôi mắt như không còn tuân lệnh theo hấn nữa...

Không biết trải qua bao lâu, hấn từ từ mở mắt ra và bất chợt nhìn thấy ba mẹ hấn, cả mấy anh hấn nữa. Hấn vẫn còn thở dốc từng cơn sau một hồi tìm kiếm mệt nhọc, rồi hấn hít một hơi mạnh. Hấn ngồi lên. Hấn mừng quá chạy tới ôm chầm lấy. Ba mẹ hấn im lặng mỉm cười, ba mẹ hấn vuốt lại mái tóc cho hấn, gạt những giọt lệ khô còn đọng trên má cho hấn. Lại lấy ra cho hấn cả một nắm xôi to tướng, hấn mừng quá đưa cả hai tay cầm lấy mà nhai ngấu nghiến. Ba mẹ cùng mấy anh hấn, nhìn hấn ăn xong lại mỉm cười. Mọi người đều thay nhau ôm và hôn vào má hấn. Hấn thấy mình hạnh phúc quá. Nhưng niềm vui bao giờ cũng ngắn ngủi, cái hạnh phúc chợt đến rồi chợt đi. Sum họp chưa bao lâu thì hấn bỗng phát giác ra ba mẹ hấn, anh hấn cũng đưa mắt buồn bã nhìn hấn và có ý như phải rời xa hấn. Hấn hoang mang không hiểu vì sao mọi người lại làm như thế. Hấn hỏi ba

mẹ hắn, hắn hỏi mấy anh hắn có biết rằng hắn cố đi tìm mọi người rất là cực nhọc bây giờ mới được gặp không. Nhưng không một ai nói lời gì mà chỉ nhìn hắn buồn bã lắc đầu. Hắn đưa tay níu kéo mọi người ngồi xuống với hắn, nhưng mọi người như vẩn tuột ra khỏi vòng tay bé nhỏ của hắn. Hắn thấy ba mẹ hắn và anh hắn từ từ bay lên không trung, và cứ thế mà bay đi tan biến vào khoảng không vô tận. Hắn gào thét gọi tên từng người, rồi hắn chạy theo, nhưng hắn không làm sao đuổi bắt theo kịp. Hắn vẫn tiếp tục chạy theo rồi bỗng nhiên vấp phải một cành cây lớn đổ ngã trên mặt đất, hắn té ngã nhào xuống. Nguyên cả một cây gai to tướng đâm vào cánh tay hắn. Hắn đau quá la thét thanh, tiếng thét của hắn vang dội làm hắn tỉnh giấc...

*

* *

Hắn chậm chậm hé mắt nhìn quanh, thấy mình đang ở trong một căn phòng khá thơm mát. Bên cạnh được mấy cô y tá đang tiêm thuốc cho mình. Hắn nhìn lại thấy mình nằm trên một chiếc giường được phủ một lớp drap trắng, áo quần của hắn cũng được thay đổi sạch sẽ hơn. Hắn nằm đó được người ta chăm sóc bao lâu hắn cũng không

biết nữa. Sau khi tỉnh giấc được mấy hôm, người ta bắt đầu hỏi tên họ hắn, hỏi cha mẹ gia đình hắn. Hắn theo ký ức trả lời cho họ những chuyện đã xảy ra. Sau khi nghe hết câu chuyện của hắn kể. Một cô y tá nhỏ nhẹ báo cho hắn biết là tất cả người thân trong gia đình hắn đã bị nước cuốn trôi mất xác. Cả căn nhà của hắn cũng đồng chung số phận, chôn vùi trong dòng xoáy của trận lũ. Hắn nghe xong như không tin vào sự thật. Hắn nói: “con!.... con! ... con còn mới gặp ba mẹ và mấy anh kia mà!” Nhưng ba mẹ hắn không chịu nhận hắn, đã bỏ rơi hắn. Hắn không hiểu tại sao ba mẹ hắn đã bỏ đi lại không mang theo hắn. Hắn gục đầu xuống và bắt đầu khóc... Sau đó hắn được người ta chuyển đến một trại mồ côi. Và từ đó, hắn bắt đầu lặn ngụp với cuộc sống mới đơn độc giữa đám người xa lạ. Ngày tháng tiếp nối, hắn trải qua không biết bao nhiêu buồn vui, đắng cay, hận tủi của trường đời. Hắn chấp nhận hết vì sự thật hiển nhiên trước mắt, bởi hắn biết dù không chấp nhận hắn cũng không còn đường lựa chọn...

Chiều nay, trời lại đổ mưa tầm tã. Hắn ngồi một mình bất động trên chiếc ghế ọp ẹp nhìn ra. Mưa đã mấy ngày rồi mà vẫn chưa thôi dứt. Không biết nước đâu trên ấy mà rơi nhiều đến thế. Hắn nghe tiếng xe gắn máy nổ

lup bup... lup bup ... rồi tắt lịm. Hấn nhìn ra đường, thấy đôi vợ chồng đã luống tuổi, mình mẩy đã ướt sũng đang loay hoay với chiếc xe gắn máy đã chết tiệt. Họ cố gắng đẩy chiếc xe ra khỏi vũng lầy nhưng không tài nào nhấc ra khỏi được. Không biết động cơ nào lại thúc đẩy hấn. Hấn ngồi bật dậy và chạy ào ra mưa chẳng còn nhớ đến mũ nón giày dép gì cả. Hấn lội cả vào giữa đống bùn ngập tận gần đến đầu gối, hấn đi ra sau xe và cố sức đẩy chiếc xe lên. Chiếc xe nhúch nhích được đôi chút rồi lại cứ nằm ỳ, hấn ngã lên té xuống đã mấy lần vẫn không được. Nhưng không gì có thể ngăn trở được người có chí. Cuối cùng hấn cũng nhấc được chiếc xe gắn máy ra khỏi vũng lầy. Người khách nhìn hấn với tấm lòng vô cùng cảm kích. Rồi họ lên xe, nhưng chiếc xe đạp hoài vẫn không nổ. Hấn ấm ớ chỉ chỗ rằng hãy vào trong một lát. Hai ông bà cũng đành theo hấn vào núp dưới mái hiên nhà. Hai ông bà vừa trú mưa và coi lại chiếc xe gắn máy. Hấn lon ton chạy xuống bếp xin được ít nước sôi. Rồi mang ra cho khách. Người khách lạ vô cùng cảm động đưa đôi mắt trù mến nhìn hấn, nhìn hấn từ đầu đến chân, nhìn thật lâu rồi mỉm cười với hấn. Hấn cũng chỉ biết mỉm cười chứ chẳng biết nói gì. Hấn có biết đâu, những

việc làm vừa rồi của hắn sẽ thay đổi cả mệnh đời hắn. Cuối cùng, trời cũng ngớt mưa và ông bà từ tạ nó ra về.

Mấy tuần sau hắn được người ta thông báo cho hay rằng có người đứng ra bảo lãnh nhận hắn làm con nuôi. Hắn ngạc nhiên giây lát, hắn tưởng mình nghe lầm. Hồi nào đến giờ, phần lớn chỉ có mấy em bé chưa tròn 1 tuổi hoặc dưới mười tuổi mới được cô nhi viện làm giấy tờ cho gia chủ bảo lãnh nuôi dưỡng. Đằng này hắn đã hơn 12 tuổi rồi, có thể phụ giúp được nhiều việc trong cô nhi viện rồi. Chỉ lấy làm lạ thôi, hắn cũng chẳng buồn bận tâm nhiều đến những chuyện đó. Hắn ở đây lâu cũng quen rồi, không tò mò tìm hiểu cha mẹ nuôi hắn là ai, người thế nào!? Trẻ mồ côi ai muốn bảo lãnh cũng được, có quan tâm cũng không giải quyết được gì. Hắn nghĩ cuộc sống rồi cũng vậy, đã không có sự chọn lựa thì dù ở đâu, đến đâu hay về đâu hắn vẫn chỉ là hắn không hơn không kém. Không nôn nao, không lộ vẻ vui mừng mà cũng không buồn gì cả, hắn lầm lũi bước về phía phòng học đơn sơ, nơi đám trẻ đang ê a tập đánh vần từng con chữ cái đầu đời... Mười ngày sau, hắn được người ta gọi lên văn phòng để tiếp nhận hồ sơ và gặp gỡ người bảo lãnh. Chân vừa bước qua bậc cửa, hắn đã gặp người trở

mất, vì cha mẹ nhận nuôi hẳn không ai xa lạ hơn là đôi vợ chồng luống tuổi hôm nọ.

Cuộc sống của hẳn thay đổi từ độ ấy. Hẳn được trở lại với sách vở, được đi học, được đến trường, được mộng mơ, được thơ thẩn dưới hàng phượng vĩ bên đường mỗi khi đến mùa hoa nở. Lần theo thời gian, hẳn theo cha mẹ nuôi đến một xứ sở văn minh với nền khoa học tối tân để học và hấp thụ tinh hoa kỹ nghệ. Hẳn có một tương lai sáng ngời, một cuộc sống hạnh phúc mà không biết bao nhiêu trẻ đồng trang lứa với hẳn hằng mơ ước. Hẳn vẫn vợ suy nghĩ, có lẽ ba mẹ hẳn, mấy anh hẳn rất đau lòng xót xa cho hẳn, thương hẳn còn nhỏ côی cút một mình, không mái ấm, không tình thương nên đã đưa đường dẫn lối cho hẳn gặp được dưỡng phụ dưỡng mẫu, những người hết lòng thương yêu chịu đựng và chăm sóc chu đáo cho hẳn như bây giờ. Hẳn cảm ơn đời đã cứu mang tại cô nhi viện, hẳn yêu quý cha mẹ nuôi đã đùm bọc hẳn... hẳn nhớ ơn họ suốt đời. Có chiêm bao hằng đêm hẳn cũng không ngờ rằng hẳn có phước lành đến như vậy.

Rầm! rầm!

Một cơn gió vô tình bỗng nhiên giật mạnh, cánh cửa lại đánh âm làm hẳn giật bắn mình lên. Hẳn vẫn còn

ngồi đó, Hấn chớp mắt! hấn mở đôi mắt tròn xoe nhìn ra như thâu lại cảnh trí của cảnh vật hiện thực trước sân. Hấn thấy cây cam trĩu quả mọng vàng vẫn còn ở đó đang đâm đầu xuống đất và gốc chổng ngược lên trời. Hấn lại mỉm cười vu vơ, giòng lệ buồn vui vẫn còn vương đọng trên khóe mắt.

- Dầu xuân Quý Mùi, tháng 3 năm 2003 -



Đằng sau câu chuyện

Đánh Cấp Chiếu Lò Nồng

Đi trên đường vào buổi trưa dưới cái nắng gay gắt thì thật là chẳng dễ chịu tí nào. Nhưng một khi bước chân qua khỏi cổng Tam Quan liền cảm nhận được ngay cái không khí yên bình, thanh tịnh của chốn thiền môn. Vì nơi đây dù dưới cái tiết trời oi bức thế mấy, những tàng cây lớn vẫn luôn vươn mình trải rộng chõ che, để bảo bọc cho mảnh đất già-lam luôn được dịu mát, nên nó đứng sừng sững uy nghi như vị hộ pháp mặc cho trời đất bốn mùa thay đổi. Nơi đây giờ ban trưa là giờ chỉ tịnh, Tăng chúng đều yên nghỉ, kể cả mọi cảnh vật nơi đây hầu như cũng đều tuân theo quy luật đó. Trên ngôi Bảo Điện cũng lặng im tịch tĩn, mõ chẳng còn khua, chuông chẳng còn gióng. Đôi mắt của Phật tượng nhìn xuống lim dim như đang nhập vào đại định. Tất cả, tất cả đều chìm vào không gian im lặng, tịch tĩn... Chỉ còn chút rung động của những làn gió nhẹ phơn phớt, chan hòa mát rượi làm tăng thêm vẻ thanh lương nơi chốn Lan-nhã này.

Trong cái không khí im lặng thanh tịnh đáng tôn trọng trên bồng vờ ra bởi tiếng dế kéo lê nơi đâu đó đang vang lên ... lẹp xẹp... lẹp xẹp. Có tiếng dế tức là có người, tức có ai đó không thể yên nghỉ vào giấc trưa nên đành phải lang thang, lang thang tìm nơi quên lãng. Đó là một chàng thanh niên, dáng dấp có vẻ hơi tiêu tụy mệt nhọc, trong đôi mắt ẩn chứa cả một bầu trời u ám. Anh ta đang lê những bước chân mệt mỏi đang rảo bộ quanh chùa như muốn rũ bỏ bớt đi nỗi nhọc nhằn trong tâm khảm. Dù đã cố gắng lắm rồi, cố xua tan đi tất cả, nhưng nỗi phiền muộn vẫn cứ bám riết lấy anh ta như dây bìm leo cây, như đám rêu trên bức tường loang lổ. Những bước chân quanh co rồi cũng phải giấp vòng tròn mỗi, nhưng trên gương mặt anh ta cũng chẳng tươi tỉnh lên được chút nào. Cửa Chánh Điện của chốn thiền môn vẫn mở rộng như tự bao giờ nó vẫn mở để hoan nghinh khách thập phương đến chiêm ngưỡng lễ bái. Ngay chánh giữa Điện thờ, nét từ quang nơi tôn tượng Đức Như Lai vừa uy nghi lại thật từ hòa. Cứ như lúc nào cũng sẵn sàng ôm tất cả chúng sanh vào lòng mà vỗ về an ủi.

Nhìn lên trông vào hàng chữ Đại Hùng Bửu Điện, chàng thanh niên chậm rãi tiến vào. Nơi đây là nơi Tôn Nghiêm nhất, cũng là nơi mà khách thập phương đến

dâng hương cúng Phật, để cầu mong với bớt phần nào tội khiên của mình, mà đôi lúc có một sự mâu nhiệm nào đó đang tỏa ra và xoa dịu được bao vết thương lòng. Vào giờ chỉ tịnh, mọi người đều yên nghỉ, chẳng có ai đi tiếp khách vào giờ này bao giờ, đó là quy luật xưa nay mà chùa nào cũng thế. Anh ta hình như cũng biết được lý lẽ này, nhất là ngay trong chánh điện này. Nên mỗi mỗi hành động anh ta đều rón rén, đều cẩn thận. Chàng thanh niên quỳ xuống miệng lâm râm khẩn vái, lễ lạy. Lễ lạy hì hục một hồi rồi lại lâm râm khẩn vái,... Anh ta ngẩng đầu tính đứng lên, nhưng đôi mắt bỗng dưng lóe sáng. Chuyện gì đã làm cho anh ta phấn khởi lên như vậy, một sự mâu nhiệm nào đó chẳng? Một ân điển từ trên vừa ban xuống cho anh ta chẳng? Có lẽ là thế. Hiện tại anh ta đã đứng lên một cách mạnh bạo, đảo mắt nhìn quanh hồi lâu. Giống như anh ta đang tìm kiếm cái gì đó. Nhưng tìm kiếm gì chứ? Bây giờ và ở đây đâu còn ai ngoài những chuông, mõ, khánh, hương đèn vô tình trên bàn kia. Ô không? Vật tuy vô tình nhưng đôi lúc lại hữu ý, chiếc lư hương bằng đồng khá lớn, khá đáng giá đấy! Đúng thật sự là chiếc lư đồng kia đáng giá. Hãy nhìn xem, anh ta đang dang rộng hai tay cánh ra đó. Để làm gì? Đánh cắp chẳng? Anh ta đã ôm trọn

chiếc lư đồng lớn và âm thầm ra đi... Cả tiếng bước chân bây giờ cũng thay đổi hẳn, chẳng còn mệt mỏi kéo lê trên đường nữa, mà bước đi lại thoăn thoắt nhanh nhẹn chỉ mang theo chút âm hưởng hơi nặng nặng vang ra từ mỗi bước chân. Anh ta đã ra đi, ra đi để trả lại hoàn toàn sự thanh tịnh nơi chốn thiền môn vốn có này. Ra đi thầm lặng như thế ai mà biết được chuyện gì có thể xảy ra chứ. Cho dù là Thần hay Quỷ biết đi nữa rồi thì sẽ làm gì được nào?

Hòa-thượng trụ trì hôm nay không nghỉ trong phòng phương trượng, là phòng dành riêng cho vị Trụ Trì, bởi lẽ trời hôm nay nóng gắt hơn mọi hôm. Hòa-thượng đành lên Chánh Điện để nghỉ, dù sao núp dưới ánh từ quang của Như Lai vẫn mát mẻ hơn nhiều. Mà thật vậy, không khí trong Chánh Điện thật là mát, mát như được ai đó gắn hệ thống máy điều hòa vậy. Hòa-thượng chọn một chỗ thật là thoải mái, thật là hữu tình, ấy là chính ngay dưới bàn Phật. Một nơi mà chắc rằng chẳng ai muốn phiền đến và nghĩ rằng có người nằm ở dưới ấy. Hòa-thượng chỉ yên nghỉ chứ không phải nằm ngủ. Vì không phải ngủ nên tất cả những hành động của chàng thanh niên nọ đều nằm trọn trong tầm quan sát của vị trụ trì. Thế mà Hòa-thượng vẫn nằm yên và chỉ nằm yên nhìn anh ta

lặng lẽ ôm trọn chiếc lư đồng độc nhất dành cho khách thập phương dâng hương cúng Phật rời khỏi chốn thiền môn. Cho đến khi những tiếng bước chân cuối cùng cũng bật tiếng mà Hòa-thượng vẫn giữ nguyên cái thế nằm bất di bất dịch ấy. Xem như chưa hề có chuyện gì xảy ra, cũng như là anh ta đến lễ Phật để lấy chiếc lư đồng của chính nhà anh ta mang về vậy.

Nhưng không được bao lâu thì chàng thanh niên nợ bỗng quay trở lại, trên tay cũng còn ôm chiếc lư đồng lớn đó. Chắc là anh ta đã hồi tâm hối cải rồi cũng nên. Chứ tại sao anh ta đã đi rồi còn quay trở lại làm gì? Có phải anh ta đã suy nghĩ đến việc lấy trộm của Tam Bảo là điều tội lỗi không thể tha thứ và cần phải đem trả lại không? Ô không! đi bên cạnh anh ta còn có mấy người cảnh sát nữa, đang giữ chặt vai anh ta mang trở lại chùa. Thì ra không phải anh ta hồi tâm hối hận. Mà không biết anh ta đã làm thế nào để rồi lọt phải vào tay của toán tuần tra cảnh sát. Sau mấy hồi quát tháo đầy uy hiếp, chàng thanh niên đành thú thật tội của mình. Vì thế anh ta bị bắt phải đưa quay trở lại.

Đến bấy giờ Hòa-thượng trụ trì mới bước ra ôn tồn hỏi:

- À, mấy chú đó hả! Chuyện gì vậy?

Một vị cảnh sát liền lên tiếng:

- Hòa-thượng trụ trì à! Tên này đã lợi dụng giờ nghỉ trưa của chùa đã lén vào đây cuỗm mất chiếc lư đồng nè. Anh em chúng tôi bắt được mang về trả Hòa-thượng đó.

Hòa-thượng mỉm cười bình thản nói:

- Làm gì có chuyện đó? Hồi nãy chính tôi đã bảo anh ta mang đi đánh bóng kia mà?

Chàng thanh niên thì vừa sợ lại vừa ngạc nhiên sửng sốt, không biết mình có nghe lầm chẳng? Toán cảnh sát cũng ngẩn ngơ với câu trả lời trên rồi thay nhau phân trần, nói hết mọi lý do tại sao bắt được chàng thanh niên này. Bởi vì cả sau khi vấn tội, chính anh ta cũng thú nhận là đánh cắp vật của chùa. Mỗi mỗi đều được kể ra một cách rõ ràng rồi. Nhưng Hòa-thượng vẫn một mực lắc đầu bảo:

- Chắc tại mấy chú làm dữ quá nó sợ nên đành phải nhận bừa đấy thôi. Chứ làm gì có chuyện đánh cắp.

Toán cảnh sát rốt cuộc không biết phải làm sao đành lên tiếng:

- Thì thôi đành vậy. Chúng tôi giao hết lại cho Hòa-thượng đó. Hòa-thượng làm sao đó thì làm. Anh em chúng tôi phải đi thôi.

Nói rồi liền kéo nhau đi, Hòa-thượng trụ trì nói thêm mấy lời cảm ơn và tiễn mấy vị cảnh sát đi khỏi rồi quay lại với chàng thanh niên nọ. Hòa-thượng vẫn giữ nguyên nét mặt từ hòa, chậm rãi hỏi lý do tại sao đánh cắp vật của Thường Trụ. Rồi động cơ nào lại thúc đẩy anh ta đi trộm vật thế này. Chàng thanh niên liền sụt sùi khóc lóc. Hòa-thượng chờ cho anh ta lắng dịu rồi mới bảo:

- Có chuyện gì thì anh cứ thật tình nói ra, giúp được gì tôi sẽ giúp cho.

Chàng thanh niên ngập ngừng hồi lâu rồi mới lấm lét nhìn lên, nhưng khi cảm nhận được nét từ bi tỏa ra từ vị chân tu đức độ. Anh ta bèn tình thật mỗi mỗi kể hết ra hoàn cảnh gia đình đang khốn khó. Vợ thì đang nằm liệt giường đau yếu không tiền để chạy chữa, con trong nhà lại đông mà miếng ăn cái mặc thì không có. Công việc đập xích-lô mỗi ngày của anh ta trong những ngày gần đây lại vắng khách. Mặt khác, lại còn phải bỏ thời gian ra để chiếu cố cho vợ cùng chăm sóc cho đám trẻ đói rách. Hôm nay đặc biệt vào chùa lễ Phật, vốn dĩ là để

vào chùa Lễ Phật, khẩn khứa Phật Tổ từ bi gia hộ cho tiểu gia đình chúng con qua được cơn ngặt nghèo này. Nhưng chợt động tà tâm mới khởi ý niệm đánh cắp chiếc lư đồng đi cầm đờ. Lạy Hòa-thượng từ bi cảm thông mà xá tội cho con, con hôm nay vì việc bất đắc dĩ mới đánh cắp lư đồng của Tam Bảo đem đi cầm đổi lấy tạm ít tiền lo toan cho gia đình trong lúc ngặt nghèo này. Vậy thì anh ta vốn thật tình là vào chùa lễ Phật, sau đó lại còn biết xin phép Phật rồi mới lấy đi chiếc lư hương đồng. Như thế thì có thể thật sự khép vào tội đánh cắp hay không?

Sau khi nghe xong và thấu hiểu mọi nguồn cơn của chàng thanh niên nọ. Hòa-thượng vẫn với giọng nói từ hòa khuyên nhủ anh ta, nào là giấy rách phải giữ lấy lề, đói cho sạch rách cho thơm, nào là ăn cắp là một trong những tội căn bản trong Phật-pháp, từ Đạo Đức kinh của Nho giáo cho đến Nhân Quả kinh bên Phật giáo, v.v... Chàng thanh niên cúi đầu lắng nghe những lời khuyên bảo của Hòa-thượng vừa oai nghiêm vừa ân cần gần gũi, như những cơn mưa mùa hạ tẩm mát mảnh đất cần khô, như những giọt nắng xuân rưới ấm tâm hồn vừa buồn thương hối hận. Thấy những gì cần nói đã nói hết, Hòa-thượng liền cho gọi sư cô trưởng đi lấy gạo tiền giúp đỡ

cho anh ta. Anh vô cùng cảm động, những giòng lệ nóng cũng trào ra, trào ra thay cho lời cảm tạ phát ra tự đáy lòng, một lời cảm tạ không thể nói ra bằng cái thứ ngôn ngữ nghèo nàn của loài người được. Những hàng cây này giờ nằm im lìm nay cũng không ngớt rung lên trước làn gió tươi mát của tình thương, trước tấm lòng vị tha cao cả, trước một tâm hồn vừa choàng thức tỉnh sau lối lầm của mình. Sau mấy lần được Tăng chúng trong bốn tự tiếp tế, gia đình anh ta cuối cùng cũng thoát ra được cái cảnh ngặt nghèo, khổ lụy.

Bẵng đi một thời gian, mọi chuyện tưởng như không còn gì để nói nữa. Thì bỗng nhiên mọi người nhìn thấy chàng thanh niên nợ quay trở lại chùa. Lần này anh ta không đến chỉ có một mình, còn đến có cả vợ con nữa. Anh ta tính làm gì đây? Dem cả vợ con vào chùa nằm vạ ư?

Không! Thưa quý vị rằng không!

Cảm nhận được ân đức cao dày của Hòa-thượng trụ trì, anh ta đem cả vợ con lên chùa lạy tạ Phật, cảm tạ lòng từ bi của Hòa-thượng cùng chúng Tăng tại bốn tự đã giúp đỡ cho gia đình vượt qua được cơn khốn khó. Nay anh đem cả gia đình lên chùa xin quy y Tam Bảo, xin được

làm đệ tử Phật và phát nguyện sẽ làm bao nhiêu điều phước thiện để mong đền bù lại những lỗi lầm của mình. Và từ đó về sau, mọi người thường thường thấy anh ta đến chùa. Nhưng không như lần trước, mà mỗi lần có giờ rảnh rỗi anh ta đều đến chùa lễ Phật, làm công quả và trở nên một Phật-tử thuần thành, làm một vị hộ pháp đắc lực nhất của chùa, được người người đều khen ngợi.

- Đầu hè Quý Mùi, tháng 4 năm 2003 -

Ghi Chú: Câu chuyện được kể ra trên đây là câu chuyện thật đã xảy ra tại Chùa Kỳ Quan quận Phú Nhuận- Sài Gòn vào năm 1968. Rất tiếc là Hòa-thượng Trụ Trì ấy bây giờ đã viên tịch rồi.



Trong Mơ & Thật Tại

Một không gian u ám mịt mờ, bầu không khí lạnh lẽo bao trùm với một màu tang tóc. Mọi vật im lìm như cõi chết. Nó đi trong hoang lạnh mịt mù, Nó cũng lẫm lõi bước từng bước lạnh lùng. Một thế giới rùng rợn như chưa từng có trong lịch sử loài người. Nó bỗng nghe tiếng gào thét đầu đó văng vẳng vang lên. Rồi tiếng bước chân, tiếng ngựa hí vang trời mỗi lúc một gần hơn. Nó ngoảnh đầu nhìn lại liền thấy một đạo binh, mặt mày đờ đờ sát khí đang cưỡi ngựa phi đến từ giữa không trung. Người đi đầu mình cao tám thước, đầu đội nón sắt, thân mang cân đai trong chiếc áo thụng xanh sẫm, tay cầm trường mâu đang lao nhanh về phía nó. Nó kinh hoảng chưa biết phải ứng xử ra sao thì liền đó như lưỡi tầm sét lóc lên chém xuống người nó. Lưỡi trường mâu chém xối xả xuống người nó luôn mười mấy nhát khiến nó một chút cơ hội tránh thoát cũng không có. Chẳng nghe thấy một tiếng động, chỉ cảm nhận từng luồng đao sắc lạnh xuyên ngang thân mình nó, nó lảo đảo ngã xuống. Thế là hết! Nó nghĩ rằng thế là mình đã chết. Nhưng nó nghe tiếng tên đầu đảng hét lớn:

- Thằng nhóc kia, sao còn chưa đứng dậy, người tưởng người giả chết rồi cứ việc nằm yên như thế là xong chuyện sao. Món nợ của người còn chưa thanh toán xong đâu!

Nó nghĩ thằng cha này thiệt là khùng điên hết cỡ mà. Người đã chém ta một lúc mười mấy nhát chết toi rồi còn gì. Chém như vậy ta còn không chết lại còn nằm đây giả bộ mới là lạ đấy. Nhưng tiếng la mắng quát tháo vẫn không ngừng. Một ý niệm vụt lóe lên trong giòng tâm thức của nó: Ô hay! Phải rồi! Lẽ ra mấy nhát đao lúc nãy lẽ ra đã lấy mạng của ta rồi, sao bây giờ ta vẫn còn có thể suy nghĩ lung tung được thế này. Rồi nó nhìn xuống thân hình nó vẫn còn nguyên đấy. Rồi nó thử đứng dậy, lạ lùng thay nó chẳng cảm thấy mảy may đau đớn, thân thể thì hoàn toàn lành lặn không một dấu vết gì đừng nói chi đến chuyện là thân nó bị chém đứt phần nào. Nó vô cùng thắc mắc: “hổng lẽ nhát đao vừa rồi là giả chẳng, hay là chưa chém trúng”? Nhưng rõ ràng là cái cảm giác từng nhát, từng nhát đao sắc lạnh xuyên qua người nó và thân hình nó đứt làm mấy đoạn rất rõ ràng kia mà. Nó đang thắc mắc thì bị người đầu đảng quát lên làm đứt dòng tư tưởng của nó. Ông ta nói:

- Đoạt mạng người chẳng khó gì, nhưng như vậy thì dễ dãi cho người quá. Ta không cho người chết một cách dễ dàng như vậy đâu. Ta phải bắt người về hành tội như người đã từng hành hạ ta mới hả dạ được.

Nói đoạn quay sang đám tùy tùng, ông ta quát tháo bộ hạ mang dây sắt đến trói gô nó lại. Những bàn tay to tướng, đen sì thô bạo vật nó xuống rồi trói lại in như người ta quật con gà, con chó, con heo... trói gô lại đem đi giết thịt. Rồi bọn chúng chỉ chỗ, cười nói hô hố phát ra những âm thanh quái dị khó hiểu, tỏ ra rất sảng khoái rồi lấy cây sắt xỏ thọc ngang bụng nó gánh đi. Thật là tàn nhẫn và đau đớn vô cùng. Nó nghĩ hoài vẫn không tài nào hiểu được tại sao nó vẫn chưa chết. Mặc dầu trong cơn đau đớn như muốn ngất đi nhưng nó vẫn gắng vịn óc mình để cố nhớ lại là chuyện gì đã xảy ra. Tại sao một mình nó lại đến nơi này và nơi này là đâu. Còn mẹ nó. Mẹ nó đâu rồi? Cuống họng khô khốc, nó thầm rên khẽ: me ơi! cứu con!

Liền vừa lúc đó, nó nghe tiếng đao kiếm chạm nhau, tiếng quát tháo, tiếng la ó, tiếng người ngã xuống thành thịch. Nó thấy người ta đánh nhau loạn cả lên đang vây quanh một người thiếu nữ. Nó cố mở mắt thật lớn ra để nhìn cho kỹ thì ra là một vị nữ thần, thân người nai nịt gọn

gàng, uy nghi lắm liệt. Tay cầm thanh nhuyễn kiếm tả xông hữu đột đánh nhau với đám người man rợn đã trói bắt nó lúc nãy. Nó ngậy cả người, mắt trông không chớp quên cả cơn đau trên mình. Nó thấy vị nữ thần múa cây nhuyễn kiếm như con rắn sắt lấp lánh đánh xông vào đám man rợn như đi vào chốn không người. Vị nữ thần chột thoát bên này, thoáng bên kia lưỡi kiếm bén nhọn quét ra tới đâu, toán người ngã rạp đến đấy. Cuộc chiến không kéo dài bao lâu vì bọn chúng không phải là đối thủ của nữ thần. Bọn chúng thét lên từng loạt âm thanh như quái thú rồi kéo nhau chạy mất, thả lại nó nằm sóng soài trên mặt đất. Vị nữ thần đến bên nó, mở trói cho nó, lại rút luôn cây sắt đang xuyên qua người nó. Cử chỉ dịu dàng với bàn tay ấm mềm, xoa lên chỗ vết thương xuyên suốt trên bụng. Nó nhìn lại thân thể mình, bao nhiêu cái đau đớn đang gánh chịu tan biến lúc nào không hay. Cảm động quá, Nó ngẩng đầu định ngồi lên để nói lời cảm tạ vị nữ thần. Nhưng nó không thấy vị nữ thần đâu nữa mà chỉ thấy người trước mặt nó không ai xa lạ hơn là ... mẹ nó. Nó mừng quá nhào tới ôm chầm lấy mẹ nó, nó ôm thật chặt như sợ bị vuột mất, miệng không ngừng mấy máy gọi: me ơi! me ơi! con sợ quá.

Mẹ nó vỗ về an ủi, hôn vào má nó rồi dắt nó đi. Quãng đường hoang vắng lạ, không một bóng người qua lại, không gian chỉ một màu xám xịt lạnh lùng. Đi như thế chưa được bao lâu thì lại nghe tiếng gió rít liên hồi, mùi tanh tưởi ở đâu đó xông đến ngợp thở. Hai mẹ con đồng quay lại, nó khiếp đảm khi thấy một đám đông, người không ra người, quỷ không ra quỷ, không biết là giống gì mà lối nhớ những toàn là đầu trâu mặt ngựa. Bọn chúng la ó vang trời những âm thanh quái dị mà chẳng ai hiểu được. Đám đông bỗng tách vệt ra, một tên mặt mày râu ria tua tũn, thân hình vạm vỡ, đầu đội nón sắt, mang đai đồng đen. Hắn nói giọng rền vang như tiếng chuông bể:

- Các người nộp mạng đi! Lần này thì các người không thể thoát được rồi. Quân bay đầu xông vào cho ta. Chém chết chúng đi.

Nó thì run bắn người lên, mặt mày tái mét vội chạy ra sau lưng và ôm chặt lấy mẹ nó. Nhưng ngược lại, mẹ nó thì khác hẳn, trầm tĩnh một cách lạ lùng, Mẹ nó ôn tồn bảo:

- Đừng sợ! Có me ở đây! Con đứng qua một bên đừng có sợ chi hết.

Nó lúu ríu buông tay mẹ mà chẳng dám rời xa. Nó chột nhận ra, mẹ nó không còn là người đàn bà yếu đuối hằng ngày như nó tưởng. Mà mẹ nó thật hiên ngang lắm liệt chẳng khác gì vị thiên thần lúc nãy. Chỉ có điều là mẹ nó thân chẳng mang cân đai, chân chẳng mang hài tay không tác sát. Mẹ nó bỗng hét lên một tiếng, mắt chẳng chớp xông thẳng ngay vào lũ côn đồ. Vừa xuất được mấy chiêu, mẹ nó liền đoạt ngay một thanh mã tấu của một tên mặt đen như quỷ. Mẹ nó vung tay chém bên này bổ bên kia trông không khác gì những nữ hiệp khách hạng nhất trong chốn võ lâm. So với thế đánh với vị nữ thần lúc nãy, mẹ nó xông vào đám hung đồ còn có phần mãnh liệt hơn và đám người không ra người này cũng đánh kinh khiếp hơn lúc nãy nhiều. Mẹ nó phải chật vật lắm mới chiếm được chút phần tiện nghi, tên đầu đảng thấy đánh lâu mà không thấy được kết quả gì còn có phần thua thiệt liền quát tháo cho đám lâu la dạt ra. Hấn quắc mắt tập trung tinh thần đứng lặng một hồi. Mẹ nó cũng không chút sợ hãi, nghiêm nhiên ngưng thần chờ đợi. Liền chớp nhoáng, ánh thép lóe lên, hai bóng người vụt tới rồi chỉ còn thấy cát bay xen lẫn trong ánh quang của đao kiếm. Quần nhau được một hồi hai cái bóng bỗng tách ra. Mẹ nó quy xuống, một tay vẫn nắm chặt cây mã tấu chống

xuống đất, một tay ôm lấy ngực. Vết máu trên miệng rỉ ra theo vành mép. Nó sợ quá chạy nhanh đến quỳ xuống bên mẹ. Nó tưởng mẹ nó thua rồi và hai mẹ con sẽ cầm chắc cái chết trong tích tắc. Nó quay đầu nhìn về đối phương, thấy tên đầu đảng hung hãn đó cứ đứng trơ trơ, đôi mắt đã ngưng tròng. Máu đang tuôn xối xả qua một lỗ hổng to tương bởi vết mã tấu xuyên qua tim. Hắn đã chết. Đám lâu la gào thét rồi đồng một lúc xông ào đến mẹ con nó. Mẹ nó cũng thét lên một tiếng rồi tay trái ôm lấy nó, tay phải vung đao múa tít mở đường máu xông ra. Nhưng đám người đông quá mà mẹ nó lại vừa trải qua một cuộc ác chiến, tuy đã giết được tên đầu đảng nhưng thân lại trọng thương, không thể tiếp tục đấu nữa. Với sức của bà, nếu một mình tuy đánh không lại nhưng cũng có thể thoát ra được một cách dễ dàng. Nhưng giờ đây, một tay phải bận ôm lấy nó với cây mã tấu đã mẻ dăm nhiều đường hiện rõ như răng cưa. Tuy sức cùng lực kiệt nhưng mẹ nó cũng phá được vòng vây chạy hướng về cổ miếu hoang gần đó. Mẹ nó đẩy nó vào trong và dặn:

- Dù cho xảy ra bất cứ chuyện gì cũng không được kêu lên, cũng không được mở cửa ra ngoài.

Bà không còn thời gian suy nghĩ nhiều, hôn vội lên trán nó rồi bảo:

- Thần linh nơi ngôi cổ miếu này sẽ phù hộ cho con. Con nghe lời mẹ tạm trốn ở đây, chốc nữa mẹ sẽ trở lại đón con.

Nói đoạn bà khép vội cánh cửa rồi phóng mình lao ngược trở lại đám người không ra người, quý không ra quý để rồi đồng quy ư tận.

Ở trong ngôi cổ miếu nhỏ hẹp, ngọn nến độc nhất trên bàn thờ cháy leo lét khiến cho ánh sáng nơi đây càng thêm mờ mờ ảo ảo. Nó đi lẩn về phía góc tường rồi ngồi bệt xuống hai tay ôm lấy đầu gối. Bên tai nó vẫn nghe rõ mồn một tiếng binh khí chạm nhau tiếng người quát tháo âm ỉ. Rồi tiếng đánh nhau mỗi lúc một xa dần rồi dứt hẳn. Nó rất hoang mang và lo lắng, không biết mẹ bây giờ đang ở đâu và ra sao. Nhưng nó vẫn ngoan ngoãn vâng lời mẹ dặn ngồi chờ trong góc cổ miếu, bởi nó rất tin tưởng rằng chốc lát nữa thôi mẹ nó sẽ trở về đón nó. Ngồi chờ mỗi mệt rồi nó nằm lăn ra thiếp đi lúc nào không biết. Đến khi tỉnh giấc, nó nhìn quanh vẫn không thấy bóng dáng mẹ nó đâu. Nó tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi nhưng hình bóng mẹ nó vẫn bật vô âm tín. Bà không quay trở lại đón nó như lời đã hứa, bởi vì bà đã thật sự không còn cơ hội để quay trở lại đón nó nữa rồi. Nước mắt lưng tròng, nó không còn chịu đựng được nữa, miệng

lớn tiếng gào lên: Mẹ ơi! mẹ ơi! mẹ! Rồi cầm đầu lao nhanh về phía cửa. Nó chưa kịp đưa tay đẩy cửa thì một bàn tay đen xì xương xẩu, buốt lạnh thọc xuyên qua cánh cửa nắm cứng lấy tay nó. Nó vùng vẫy đến toát tháo mồ hôi vẫn không tài nào thoát ra được. Nó hãi hùng la hét hoảng lên, chột rùng mình tỉnh giấc...

Vẫn chưa hoàn hồn, hấn vẫn còn thở hổn hển: Ô! thì ra chỉ là cơn ác mộng! Nó thở phào nhẹ nhõm. Nhưng nó bỗng phát giác ra rằng cánh tay của nó hiện vẫn còn bị bàn tay xương xẩu buốt lạnh nắm cứng. Nó kinh hãi nhìn xuống, thì ra mẹ nó đang nắm lấy tay nó và đã tỉnh cơn hôn mê. Bàn tay bà gầy ốm và lạnh quá, nó mở tròn xoe đôi mắt nhìn mẹ nó. Nó thương mẹ nó lắm. Nó đưa bàn tay chẳng chút mập mạp chai cứng của mình nắm lấy tay mẹ. Bàn tay mẹ nó vẫn lạnh buốt. Mẹ nó đang run lên cầm cập. Nó kéo chăn đắp thêm cho mẹ, tay nó không ngừng xoa nóng áp vào tay mẹ. Nó xoay sở đủ cách, cố sức truyền sức nóng cơ thể của nó sang cho mẹ nó nhưng vô dụng. Chẳng biết làm sao nó liền chồm người lên ôm choàng lấy mẹ mong rằng có thể truyền nhiệt lượng từ người nó sang cho mẹ. Hình như cách này mang lại chút công hiệu. Được một lúc lâu, nó thấy mẹ nó đã không còn run nữa, người có hơi ấm lại. Gương mặt xanh xao

trắng bạch của mẹ nó bây giờ đã hồng lên được đôi chút. Đôi môi khô tái bây giờ cũng đã bớt tím. Nó lấy làm rất bằng lòng về phương pháp của nó. Nó lại cúi xuống ôm chầm lấy mẹ, giồng lệ vui mừng nhỏ giọt từ trên khuôn mặt bơ phờ sau mấy ngày chạy đôn chạy đáo lo thuốc và túc trực suốt ngày đêm canh chừng bệnh cho mẹ. Nó đưa bàn tay chai cứng của mình lại nắm lấy tay mẹ, một bàn tay gầy đến trơ xương, nó cảm thấy thương mẹ hơn bao giờ hết. Nó nghe mẹ nó kêu khẽ và sai nó đi lấy một ít nước. Nó liền co giò phóng ra nhanh ngoài. Thoáng một lúc nó đã chạy quay trở lại với ly nước nóng trên tay. Mẹ nó tiếp lấy ly nước nhấp từng ngụm nhỏ, cố gắng nuốt xuống cho dễ chịu rồi đưa gương mặt hốc hác nhìn nó đang thở hồng hộc. Mẹ nó mỉm cười âu yếm nhìn nó rồi khẽ bảo:

- Con ngồi xuống nghỉ mệt chút đi. Chạy chi mà chạy dữ rứa.

Nó lắc đầu nói:

- Con có chạy chi mô, con mô có mệt!

Nhưng nó vẫn ngoan ngoãn ngồi xuống bên giường mẹ nó. Mẹ nó nhấp thêm được mấy ngụm nước rồi từ từ nhắm mắt lại. Nó ngồi đó, đăm đăm nhìn mẹ nó. Nó nhớ lại mấy tháng nay, vì ba nó mà mẹ nó phải chạy xuôi

chạy ngược. Không biết người ta đưa ba nó đi đến tận đâu. Sau ngày chiến tranh, chế độ đổi ngôi, người ta đã bắt ba nó đi tù. Gia đình nó bị tước đoạt tất cả gia sản, hai mẹ con nó bị buộc phải đi về quê. Về một miền quê mà mẹ con nó chưa từng biết và đặt chân đến bao giờ. Mẹ nó thường kể, hồi đó ba nó đi lính rồi gặp gỡ mẹ nó rồi lấy nhau, nhưng mẹ nó chưa một lần được đưa về quê nội. Ngày đám cưới thì cũng có cha mẹ hai bên nhưng mẹ nó chưa một lần về quê nội. Ngày xưa, mỗi lần được phép về thăm gia đình, ba nó muốn dành trọn thời giờ cho mẹ con nó. Phần nó còn thơ dại, ngày phép thì không nhiều mà muốn về quê thì đường xá xa vời vợi. Muốn đi về, nhanh thì cũng mất gần cả tuần lễ. Bây giờ thời thế bắt buộc mẹ con nó phải về quê. Những tháng đầu mẹ nó còn đi thăm nuôi ba nó. Nhưng dần về sau, người ta thuyên chuyển hoài, nghe phong phanh đâu đưa ra tận ngoài bắc, nhưng tin tức lại không chắc chắn bởi người ta không chịu nói rõ là đi về đâu. Mẹ nó muốn đi một chuyến nhưng phương tiện đi lại khó khăn, gia cảnh lại khốn khó, đưa con theo thì không thể, mà để lại thì không đành, bà dò hỏi nhiều nơi nhưng vẫn chẳng được tin gì chính xác, bà đành buồn bã trở về ôm con khóc suốt ngày. Nhưng dù đón đau đến mấy, buồn khổ cách chi đi

nữa, mẹ nó cũng đành phải nuốt lệ lết dạ đi làm công cho người ta. Vì còn phải sống và nhất là còn phải lo cuộc sống cho thằng con nữa. Dù túng quẫn đến mấy, bà cũng cố gắng tạo cơ hội cho con đi học, nuôi nó cho đàn ông để khỏi phụ lòng ba nó. Mấy tháng nay bà cố gắng làm đêm làm ngày mong có thể dành dụm chút tiền để có thể chạy chọt đi tìm ba nó. Vốn vóc người nhỏ nhắn, lại chẳng quen với công việc nặng nhọc như bây giờ. Cộng thêm phải thức khuya dậy sớm, giải nắng dầm sương trong khi chất bổ dưỡng chính hằng ngày chỉ nhờ vào khoai với sắn. Vừa lao lực lại thêm lao tâm, thể lực của bà như xe tuột dốc, cuối cùng bà đã ngã quỵ và cơn bệnh hiểm nghèo cũng đồng ập tới. Hàng xóm láng giềng thấy tội nghiệp đã giúp nó mang mẹ nó đến một trạm y tế duy nhất quanh vùng. Nơi đây mọi thứ đều thiếu thốn. Số tiền mà mẹ nó dành dụm được bao lâu nay, nó đã đem ra chi dùng thuốc men cho mẹ nó nay đã hết nhẵn mà bệnh tình của mẹ nó chẳng chút thuyên giảm mà còn ngày mỗi nặng hơn. Bác sĩ nói: “Me con còn có thể sống và chống chọi đến ngày nay là một kỳ tích rồi!” Mà thật sự có lẽ bà đã chết lâu rồi nếu không phải vì nó. Nó cũng biết như thế. Đã mấy lần bà ngất đi và tỉnh lại. Mỗi lần tỉnh lại là bà liền quơ tay kiếm tìm nó. Càng

nhìn mẹ, lòng nó càng đau như cắt. Nó thương mẹ vô ngần. Nó nằm xuống bên mẹ. Nó choàng tay ôm lấy mẹ nó, nó mong hơi ấm của nó sẽ tràn qua có thể sưởi ấm mẹ nó như lúc nãy.

Thời gian lê lết kéo dài cho đến hoàng hôn, thân hình mẹ nó bỗng giật nảy lên, nó kinh hoàng không biết chuyện gì xảy ra. Mẹ nó đang lên cơn co giật mạnh, bà nấc lên, nấc lên... Nó hoảng hốt la lên chạy đi báo bác sĩ, y tá hay. Rồi không chần chờ người ta đáp ứng ra sao. Nó ù chạy ngược trở lại với mẹ, nó ôm choàng lấy mẹ, nắm lấy tay người nhưng không làm sao hơn được. Bác sĩ, Y tá kéo nó sang bên và tìm cách để khống chế cơn co giật, nhưng mọi phương pháp đều vô hiệu. Bác sĩ cũng đành bó tay, y tá cũng chỉ biết lặng nhìn. Lòng nó thì như lửa đốt, nó lại nhào đến bên mẹ nhưng cơn bệnh lại trở nên ác liệt hơn. Nó đưa mắt cầu cứu hết người này đến người khác, nhưng mọi người chỉ biết gặt lệ lắc đầu. Mẹ nó dường như nhìn thấy nó mà hình như cũng chẳng thấy gì hết. Mặt mẹ nó nhăn nhúm tỏ ra rất đau đớn. Nó nắm chặt lấy tay mẹ, đôi mắt như muốn tìm sâu vào mắt mẹ, miệng không ngớt gọi mẹ ơi! Giây phút đau khổ ấy rồi cũng trôi qua, cái gì đến tất phải đến, mẹ nó thôi không còn co giật và nấc từng cơn đau vật vã nữa. Trước khi

trút bỏ hơi thở cuối cùng, đôi môi bà mấp máy như còn muốn nói gì với nó. Nhưng không còn kịp nữa, lưỡi hái tử thần đã cướp đi lời trăng trối cuối cùng của mẹ nó.

Mẹ nó đã bỏ nó ra đi, và ra đi mãi mãi. Mẹ nó đã bỏ nó thật rồi. Nó gục xuống bên giường mẹ cho đến lúc người ta đến dìu nó sang bên. Nó lặng lẽ nhìn người ta đưa xác mẹ nó đi. Trong chiều sâu vực thẳm của trái tim, nó như muốn gào thét, như muốn ôm chặt lấy mẹ lại và không muốn cho người ta đưa đi đâu cả. Nhưng nó chỉ biết nhìn theo không một cử động, không một lời kêu la, cũng không một giọt nước mắt. Bởi nó đã khóc nhiều rồi, nó cũng đã kêu la nhiều rồi, nó cũng đã xoay sở đủ điều rồi. Nên bây giờ chỉ biết lặng nhìn theo, tâm nó như đang chết và gửi theo thi thể người mẹ thân yêu nhất của nó để người ta đưa đi chôn vào lòng đất.

Nghi thức đám tang của mẹ nó được diễn ra một cách sơ sài đại khái. Thương cho nó nghèo khó, người ta đã xúm lại giúp cho nó. Máy tẩm ván mong manh được ráp lại làm quan tài. Và ngôi mộ mẹ nó cũng được người ta đắp lên cũng khá tươm tất. Nó lặng đứng nhìn ngôi mộ thật lâu, lòng khẩn nguyện cầu Phật trời phù hộ cho mẹ nó được yên giấc ngàn thu. Đốt thêm nén hương lên mộ mẹ, rồi từng bước nặng nề rời khỏi khu mộ địa. Mắt nó

mơ màng dỗi trông về phương trời xa xăm, mẹ đã mất rồi nó đành trở về làm người con cô cút. Còn ba thì không biết đang khổ sở trong lao tù ở tận chốn nao. Một cơn gió chợt thổi tung tà áo rách, đám cỏ khô bị cuốn phăng lăn lốc theo vệ đường. Nó nhìn theo như chính bản thân mình về tương lai vô định ...

- Cuối xuân Giáp Thân, tháng 3 năm 2004 -



Những điều liên quan đến vấn đề

Kết Hôn Với Người Khác Tôn Giáo

Phàm con người ta sống ở đời không ai là không mong cầu danh văn lợi dưỡng, phú quý vinh hoa, giàu sang vinh hiển. Nhưng dù là mong cầu cái gì đi nữa cũng không vượt ngoài phạm trù cầu hạnh phúc riêng ta, hạnh phúc gia đình, hạnh phúc cho một tộc quần xã hội. Thế thì muốn cầu hạnh phúc đó chúng ta phải tìm kiếm nơi đâu, có mấy ai chịu bỏ thì giờ ra mà tìm hiểu cái vấn đề không đâu vào đâu ấy, cũng có người đã từng nghe qua, đã từng nói qua nhưng không mấy để tâm vào đấy. Nên hạnh phúc vẫn mãi ở đâu đó và riêng ta cứ mãi sống trong khổ đau. Nếu quý vị chịu để tâm một chút thì quý vị sẽ biết ngay rằng hạnh phúc không phải là do bên ngoài đem đến, không phải do một ai đó ban phát cho ta mà phải là tự ta tạo dựng, vì nó vốn có tự trong ta. Nếu trong ta không có nó thì dù có tìm kiếm được từ bên ngoài hay ở nơi đâu đó thì hạnh phúc ấy là hạnh phúc của ai đó chứ chẳng phải của ta. Vì cái gì có đến ắt có đi, nếu đến

là hạnh phúc thì đi sẽ là đau khổ tràn đầy. Nhưng nói thế không phải hạnh phúc chỉ trong ta mới có mà bên ngoài kia không tồn tại. Mà hạnh phúc có mặt ở khắp mọi nơi, cũng như đau khổ luôn có mặt ở khắp mọi nơi. Mà đau khổ là cái gì hết sức quen thuộc với quý vị rồi, chẳng có chi là xa lạ cả. Ai sống ở đời cũng đều trải qua hết, không những thế mà đau khổ đôi lúc gần như là đôi bạn song hành với quý vị trong từng bước chân, trong từng nhịp thở và ngay cả trong chiêm bao cũng chưa từng vắng mặt. Ngay trong cả những buổi tiệc liên hoan mà những tưởng cuộc vui không bao giờ tận ấy cũng chưa từng vắng mặt của khổ đau. Cho nên chúng ta thâm hiểu khổ đau nhiều hơn là hạnh phúc, vì sao? vì chúng ta thường sống với khổ đau mà quên bẵng đi rằng hạnh phúc cũng chưa từng vắng mặt bao giờ, chưa từng rời ta nửa bước, mà chỉ là chúng ta phủ nhận hạnh phúc mà thôi. Nói đúng ra là chúng ta chưa từng nhận biết được hạnh phúc đang tồn tại và đang sống bên ta, hay đang sống trong ta mà chính chúng ta để cho nó trôi vào quên lãng, để rồi phải hoài công tìm kiếm. Vì không nhận biết nên chưa từng có một phúc giây thật sự hạnh phúc bao giờ.

Nay chỉ xin gói gọn trong hạnh phúc con cái của quý vị trong đời sống hôn nhân mà thôi. Bởi hạnh phúc của con

cái trong hôn nhân có liên quan mật thiết đến hạnh phúc riêng của quý vị. Con cái nên người, công thành danh toại, dựng vợ gả chồng được mỹ mãn đó chính là những gì mà bậc làm cha mẹ không ai là không mong ước, vì sanh con ra ở đời cũng chỉ mong mỗi có chừng ấy thôi.

Bây giờ đại khái giả như nói đến nên người thì cũng đã nên người rồi đấy, công danh thì cũng có chút thành tựu rồi đấy. Lại nói hôn nhân hạnh phúc cho con cái thì đấy mới chính là vấn đề nan giải trong nan giải mà phàm người sống ở đời không ai không gặp phải. Theo tục xưa thì cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Phận nữ nhi thì tại gia tòng phụ mà. Đó là theo xưa mọi quyết định đều theo lời cha mẹ. Nhưng như thế có quyết định được hạnh phúc đời sống cho con mình không? Như chúng ta được biết thì không ít chuyện đau lòng đã xảy ra và cũng không ít bậc làm cha mẹ đã hối tiếc vì đã hại cả đời con mình bởi quyết định sai lầm của mình. Đó là nói đến chuyện xưa, còn chuyện ngày nay thì sao? hãy còn lắm gia đình vẫn còn giữ nền nếp cũ, nói cũ đây không hẳn hoàn toàn là cũ hết nhưng những quyền làm cha làm mẹ hãy còn giữ lại, bổn phận làm con phải giữ cho tròn. Thật tình mà nói thì đấy đều là gia phong nền nếp rất đáng được tôn trọng nhưng đôi lúc không khéo quyền biến để xảy ra chuyện

đáng tiếc mà thôi. Nhưng với một thời đại như bây giờ, một xã hội phương tây như hiện tại, một văn hóa hỗn tạp như thế này thì lại là một điều hết sức nan giải. Nói thế không phải chỉ quy trách cho xã hội phong hóa thời đại mà còn phải xét lại nền nếp giáo dục và gia phong của gia đình mình nữa. Và điều quan trọng là bậc làm cha mẹ, cũng như bổn phận làm con phải biết xác định lại vị trí của mình, quyền hạn của mình trong gia đình mà không vượt quá là điều hết sức khó khăn vô cùng. Vì quyền làm cha mẹ nơi xã hội tây phương này thật khác biệt bởi các luật lệ của xã hội văn hóa khiến cái quyền làm cha mẹ của gia phong không thực hiện được. Còn bổn phận làm con nơi đây lại vượt ra ngoài giới hạn của phận làm con theo nền nếp tổ tông của mình. Đây là điều nan giải. Vì thế, bậc làm cha mẹ phải biết xác định lại vị trí của mình, chứ không thể nói làm cha mẹ thì có quyền quyết định mọi việc đâu. Đối ngược lại, phận làm con cũng không chạy theo phong hóa thời đại để rồi tự tôn tự tác, chẳng cần biết mình vẫn là người có nguồn gốc rất Việt Nam.

Tục ngữ có câu:

*cây có cội, nước có người
có ông bà trước rồi sau mới có mình*

hay là

“ở đời phải biết suy cổ luận kim.”

Bởi thế nên nói chuyện nay phải sơ lược đôi chút về việc xưa. Vì dòng đời là một nguồn tuôn chảy, dù ở đâu hay bất cứ thời đại nào cũng phải chịu sự ảnh hưởng của nó. Mặc dầu đời sống hiện đại bây giờ nơi xứ lạ quê người vẫn còn ảnh hưởng ít nhiều về lễ giáo ngày cổ xưa của ông bà ta vậy.

Thế thì theo lễ giáo của ngày xưa, phàm là phận nữ thì phải tuân phục những “tam tông tứ đức.”

Tam tông: 1) Tại gia tông phụ: là con gái ở nhà phải biết vâng lời cha mẹ. 2) Xuất giá tông phu: nghĩa là lấy chồng thì phải theo chồng. 3) Phu tử tông tử: tức là chồng chết thì phải theo con. Tứ đức: công, dung, ngôn, hạnh. Công là công xảo, kỹ nghệ, là nói đến việc làm hằng ngày. Nói đến bốn phận lo toan, biết việc phải làm của mình trong vai trò phận gái. Dung là dung mạo, hình tướng. Biết cách trang điểm, gìn giữ nét đẹp cho mình, phong thái đoan trang, hình nghi đoan chánh trong sinh hoạt hằng ngày. Ngôn là ngôn ngữ, lời nói, biết lời nào nên nói, lời nào không nên nói. Hạnh là đức hạnh, tánh nết. Ngôn Hạnh tuy phân hai nhưng đại khái đều chỉ cho

sự giáo dục, nền nếp, gia phong của một gia đình hay tổ tông giòng họ. Vì ngôn hạnh là lời ăn tiếng nói, xử sự việc trong gia đình cũng như đối với xã hội. Sự ảnh hưởng giáo dục của gia đình đối với con cái.

Con trai phải tuân theo “tam cương ngũ thường.”

Tam cương là quân – sư – phụ. Quân là vua, sư là thầy, phụ là cha vậy. Phận làm trai phải biết vì dân vì nước, biết đem sức trai học hỏi nên người, làm rạng danh tổ tông báo ân hiếu kính đối với cha mẹ.

Ngũ thường là nhân-lễ-nghĩa-trí-tín. Nhân là nhân đạo, là nhân từ, là đạo làm người nơi mỗi chúng ta. Lễ là lễ giáo, là lễ kính, là gia phong nền nếp hiếu để nơi mỗi người. Nghĩa là nhân nghĩa, là lễ nghĩa, là đạo nghĩa giữa mối quan hệ giữa người và người. Trí là trí tuệ, là trí đức, là văn hóa sự hiểu biết nơi mỗi người đối với phong hóa xã hội. Tín là đức tín, là niềm tin tưởng được đặt để nơi mình trong lòng mọi người. Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín không chỉ hiểu theo một nghĩa hạn hẹp như thế mà đây là mối quan hệ giữa người và người, giữa người và phong hóa xã hội, giữa chúng ta và thiên nhiên trong vũ trụ vạn vật.

Các bạn trẻ thân mến, ở đời ai cũng có quyền quyết định cho cuộc sống của mình, và bạn cũng không ngoại lệ. Bởi có được cái quyền hạn như thế nên chúng ta phải biết trân trọng nó khi quyết định. Vì nếu bạn nhất thời hồ đồ quyết định làm một việc gì đó mà không chịu đắn đo suy nghĩ, nghiệm xét cho kỹ càng có thể dẫn đến hậu quả đáng tiếc khôn lường được. Nhất là chuyện chọn bạn quan hệ trăm năm với mình, bởi nó có thể xoay đổi mệnh đời ta, thăng hoa hay giáng đọa cũng có thể nằm trong quyết định đó. Nếu bạn cho rằng lên xe hoa như đắp chăn mùa đông, xuống xe hoa như đổi áo hạ thì chuyện quyết định gọi là trăm năm đó chẳng còn có ý nghĩa là bạn đời hay cái gì đáng nói ở đây nữa. Vấn đề này không phải chỉ phạm trù trong một vài ba trang giấy mà có thể nói hết được. Nhưng chúng ta chỉ hy vọng có thể tìm ra một giải pháp để giải quyết vấn đề mà thôi.

Nếu trong lúc mới quen mà bạn gặp phải người khác tôn giáo thì thế nào? Tốt nhất là chỉ giữ lại trong phạm vi bạn bè bình thường mà thôi. Không giữ mối quan hệ nào lại càng tốt hơn. Vì như thế sẽ tránh được nhiều phiền phức khi nói chuyện đụng chạm đến tôn giáo.

Nay chỉ nói đến những trường hợp gạo đã nấu thành cơm rồi thì làm sao? Bậc sanh thành chẳng nên cố chấp

hay lấy đó làm mất mặt với tổ tông bạn bè. Vì ai cũng biết rằng hầu hết tuổi trẻ ngày nay đối với vấn đề hôn nhân là con cái tự mình quyết định. Và khi mình đã xác định được vị trí của mình là đã để cái quyền quyết định tự con cái tự tìm người trăm năm của nó rồi thì sau khi nó quyết định ra sao đi nữa cũng không nên có thành kiến, cản ngăn làm cho hạnh phúc của nó phải đổ vỡ. Nói thế không có nghĩa là không nên có lời cân nhắc, dạy bảo những điều hay lẽ phải, cân nhắc lẽ thiệt điều hơn, nhưng nếu không được cũng không nên cố chấp để rồi phải dằn vặt làm khổ đau cho mọi người.

Đối với phận làm con cũng không ngoại lệ, sống ở đời không ai hiểu con cái bằng cha mẹ, và không ai hiểu cha mẹ mình bằng chính con cái của họ. Nếu đã biết được tánh tình cha mẹ mình rồi thì cũng nên tự lượng, tự xét làm sao để cho cha mẹ được vui lòng, mà đối với hạnh phúc đời mình không đến nỗi phải thua thiệt, để rồi đi đến nuối tiếc.

Nói đến vấn đề các Tôn Giáo mà muốn giữ được hòa khí trong lòng mọi người đối với tôn giáo của mình thì tốt nhất là đừng bao giờ nói đến nó. Đặc biệt là đối với những người có thành kiến nặng nề về tôn giáo. Vấn đề được đưa ra ở đây vốn chỉ là muốn tìm một biện pháp để

giải quyết khó khăn cho những bạn trẻ trước ngưỡng cửa hôn nhân khi phải kết hôn với người khác đạo. Và đặc biệt là những bạn trẻ đang gặp phải sự phủ nhận của đấng sanh thành đối với riêng mình cũng như cha mẹ của đối tượng. Mà tôn giáo chúng tôi muốn đề cập đến đây là Phật Giáo đối với Thiên Chúa Giáo, hay Tin Lành. Vì sao không đưa các tôn giáo khác mà lại chỉ liệt kê Phật giáo với Thiên chúa giáo thôi, bởi vì đây là hai tôn giáo đối lập rõ rệt nhất nếu đem so ra với các tôn giáo khác. Sự đối lập đây chúng tôi không nói đến chi tiết ý nghĩa, tôn chỉ, hành xử, chủ trương hành động hay là vị giáo chủ của mình. Mà chúng tôi muốn nói đến đây là vì sự ảnh hưởng lớn lao, sâu rộng trong quần chúng, trong đời sống tâm linh của mỗi người chúng ta khi gặp phải. Vì sự ảnh hưởng sâu đậm và mang nhiều nét đặc thù riêng biệt trong đời sống của chúng ta như thế nên sự va chạm, tác động đến con người của chúng ta cũng rất to lớn. Sự tác động tương phản đến con người với con người rất mạnh mẽ. Vì những lý do trên nên chúng tôi mới đưa ra vấn đề như thế này. Dẫu biết rằng có né tránh thế nào cũng sẽ va chạm đến người đọc không ít. Nhưng bởi vì mục đích nhắm đến không phải là vấn đề tôn giáo mà là vấn đề hướng đến giải quyết và tìm ra một giải pháp cho những

bạn trẻ đang bỡ ngỡ trước ngưỡng cửa hôn nhân và tâm linh trong hạnh phúc gia đình. Bởi thế mà chúng tôi không ngại nói lên những ý nghĩ thô thiển này. Chúng tôi xin giữ vai trò rất khách quan trong khi viết để có thể đem lại lợi ích thiết thực đối với người cần biết và bạn đọc. Chúng tôi mong mỗi bạn đọc sẽ giúp thêm ý kiến và cũng như những giải pháp để cùng giúp nhau cho những người gặp phải cảnh ngộ bất như ý trong vấn đề kết hôn với người khác tôn giáo.

Bây giờ chúng ta đi sâu hơn một chút về vấn đề tôn giáo trong hạnh phúc gia đình. Dù bất cứ tôn giáo nào lúc lập ra thấy đồng hướng về nhân sanh mà dựng lập, đồng quy về nhân thiện mỹ tuệ mà thực hành. Thì Phật giáo hay Thiên chúa giáo cũng không ngoại lệ. Chúa thường nói đến nhân từ và bác ái. Phật dạy về trí tuệ và từ bi.

Nơi đây không nói đến vấn đề dị lập, mà chỉ hướng đến phương diện tương đồng. Như trong Kinh Phật nói: “hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh.” Còn Chúa thì bảo rằng: “chúa ngự trong ta.” hay là “nếu tin chúa thì sẽ được rước về thiên đàng.” Phật nói: “hết hẳn chúng sanh đều sẽ thành Phật.” Ở đây là nói đến tánh đức thiện lương trong mỗi chúng ta ai cũng sẵn có, bởi sẵn có nên chúng ta phải biết nuôi dưỡng và đem áp dụng vào đời

sống hằng ngày mà không nên để ác tánh chà đạp để rồi đưa đến tranh chấp khổ đau. Nếu quý vị đều cho rằng Phật là thánh thiện, Chúa là hiền nhân thì tất cả đồng quy hướng về sự an bình trong xã hội và hạnh phúc cho muôn dân.

Trước khi viết bài này, chúng tôi đã suy nghĩ rất kỹ, và cũng tham khảo nhiều người có liên quan đến tôn giáo trong đời sống lứa đôi của họ. Làm sao cho đời sống gia đình được hạnh phúc mà không bị vấn đề tôn giáo làm ngăn trở, hay nói rõ ràng hơn là phá mất đi hòa khí gia đình, hay thậm tệ hơn là làm gia đình phải ly tán chỉ vì đời sống tâm linh không được thông qua. Như vậy thử hỏi có đáng không? Có nên vì một chút mê lầm trong tôn giáo mà làm cho đời sống hạnh phúc gia đình phải đổ vỡ, tình cảm lứa đôi phải bị rạn nứt chia ly không? Vậy thì tôn giáo khiến cho hạnh phúc gia đình, xã hội phong hóa sẽ thăng hoa trong cuộc sống, hay là làm cho đời sống đi đến trầm trọng, bế tắc?

Quý vị đều biết, bất cứ tôn giáo nào cũng đưa ra những lập luận, những tôn chỉ, những chủ trương, những hành động, những ý nghĩa vô cùng cao quý. Nhưng tìm được người có thể thâm hiểu được những ý nghĩa cao quý đó, áp dụng thực hành được những tôn chỉ cao quý đó trong

đời sống hằng ngày thì thật là ban ngày đốt đuốc đi tìm còn khó kiếm.

Trước hết mỗi người tự vấn lấy lòng: đối với tôn giáo mình đang theo mình hiểu được bao nhiêu phần. Bao nhiêu phần phần ảnh hưởng được sắc thái, ý nghĩa hay thâm ý của đảng giáo chủ của mình muốn đề cập đến hay nói rõ hơn là tôn chỉ tôn giáo của mình. phương thức áp dụng trong đời thường, hay ảnh hưởng trực tiếp đến ý nghĩa hay lợi ích trong sinh hoạt của chúng ta. Một khi quý vị xác định được vị trí của mình đang đứng, phương diện của mình đang làm, hướng đi của mình đang tới và đặc biệt là gia đình của quý vị đang xây hòa lẫn trong tôn giáo mà quý vị đang tín ngưỡng. Vì nếu một người thật sự ngoan đạo, một tín đồ thuần thành thì đời sống tâm linh sẽ tươi nhuận, tâm hồn trong sáng, trí tuệ rạng soi biết biện biệt được đâu là chân thiện mỹ tuệ. Biết được đâu chánh đâu tà, đâu phải đâu quấy, đâu nên đâu hư. Đâu nên theo và đâu không nên theo thì trong ứng xử giữa đời thường không đến nỗi hành động theo lối hồ đồ, nói năng bất kể. Nếu bạn là người mới theo đạo, mới bước vào ngưỡng cửa của tâm linh. Hay bạn lại là người quá ư bận rộn với công việc, không có nhiều thì giờ nghiên cứu. Hay là người lười về những triết lý, những giáo đầu cũ mèm,

những tâm linh phiền toái mà không để mắt đến và cũng không quan tâm gì mấy về vấn đề tôn giáo mình đang theo. Thì khi gặp trường hợp kết hôn với người khác phái chẳng nên lấy đó làm chướng trước mà khổ lụy về sau.

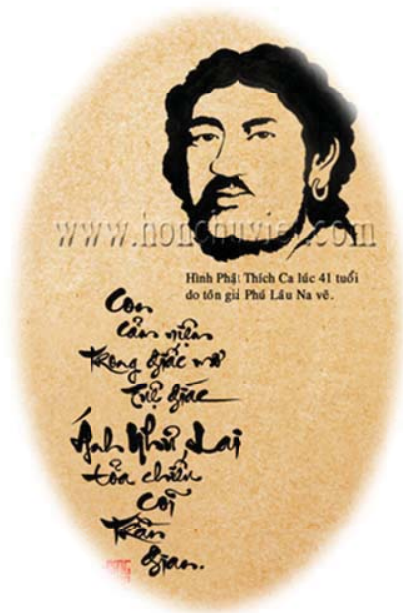
Sự thật, nếu mình muốn cảm hóa một người nào, muốn mình xác cho người bên cạnh mình biết được tôn giáo mình là đáng quý ấy chính là trong hành động từ hòa, nói năng lễ độ, khiến người nhìn thấy sanh lòng cảm phục. Chứ chẳng phải là những lý thuyết suông, cùng những câu cãi lý bắt bẻ, chẹn họng người khác. Phải biết rằng đạo vốn không hư người, nhưng người làm hư đạo. Đạo nên hay hư vốn ở lại lòng người có đạo hay không có đạo. Có được hiểu biết như thế thì chớ nên chướng trước đạo để rồi làm khổ cho nhau. Phàm làm bậc cha mẹ cũng thế, chớ nên chướng lấy con cái mình lấy người ngoại đạo mà sanh lòng bức dọc mà la rầy, vì đã không giải quyết được gì mà đôi lúc đi đến kết quả thậm tệ hơn. Cho nên điều thiết yếu nhất vẫn là vấn đề cha mẹ và con cái cần có sự cảm thông, chịu ngồi xuống với nhau và giữ được không khí hòa ái mà nói chuyện. Được như thế thì không gì quý bằng.

Trên đây là những vấn đề hết sức nghiêm túc. Chúng tôi viết ra đây là để mong được cùng quý vị tham khảo,

để chúng ta có thể đi đến một vài phương pháp nào đó, để những bạn trẻ của chúng ta khi gặp phải trường hợp bất đắc dĩ này còn đủ bình tĩnh mà ứng xử vậy.

Mong lắm thay!

- Đầu thu Giáp Thân, tháng 7 năm 2004 -



Tình Thöông

vẫn còn ở phía trước

Trời về chiều, ánh nắng hoàng hôn chưa kịp tắt hẳn thì bỗng chợt đâu mây đen từ bốn phía ùn ùn kéo đến... chỉ trong khoảnh khắc không gian bỗng trở nên xám xịt mịt mù. Tiếng sấm chớp nổ đùng đùng, gió từng cơn rít lên lồng lộn, cát bụi bay lẫn trong đám giầy vụn cuộn tròn xoáy tít lên không trung. Nhìn cảnh vật hỗn độn hôn ám như trời đất lúc mới sơ khai đang vặn mình rên rỉ. Những ánh chớp hãi hùng lại hiện ra như những con quái long dài ngoẵng đang dương vuốt nhe nanh vẫy vùng giữa lưng chừng trời, con quái long chưa kịp ra oai hùng hổ đã bị nuốt chửng bởi khoảng không gian đen ngòm ấy. Cùng lúc đó, trong căn nhà gần cuối phố cũng có tiếng thét vang lên giận dữ.

- Dung Kiều! Dung Kiều à! mày đâu rồi? ... Nhỏ, mày ở đâu hả? Tao bảo mày đi mua mấy điều thuốc cho tao mày đã mua chưa?

Con bé sợ hãi đang thu mình trong góc tủ chột nghe tiếng gọi phải lấp ló lần ra. Vừa giáp mặt, con bé còn chưa kịp hoàn hồn thì thấy bàn tay to tướng đánh phủ lên gương mặt nhỏ nhắn của em xen lẫn trong tiếng sấm sét đi đùng của cơn giông ... chát ... chát...

- Mà y trốn đâu nãy giờ tao gọi không trả lời, hả?

Gương mặt trắng nõn bây giờ đã sưng húp ửng đỏ vằn lên những lằn tay sau chiến tích của kẻ thù không đối thủ. Em thấy trời quay, đất cũng quay, và em... em cũng quay. Em quay... quay... rồi ngồi bệt xuống đất. Chúm tóc đuôi gà bây giờ cũng xổ tung cả ra phủ lên gương mặt đang nhòa máu lệ. Người đàn ông liếc nhìn tỏ vẻ khinh bỉ gớm ghiếc, rồi thuận chân đạp lên ngực con bé, khiến con bé té xuống nằm sõng soài trên nền nhà. Người đàn ông đưa chân lên định dậm cho mấy đạp nữa, nhưng không biết ông ta nghĩ sao rồi lại buông xuống. Trên gương mặt giận dữ hãy còn in dấu thù hằn. Cơn đấm đá tạm qua, nhưng tiếng chửi rủa vẫn còn vang lên lờng lờng những lời thô bỉ. Trước khi bỏ đi, người đàn ông cúi xuống, gương mặt chột đành lại. Ông ta cất tiếng rít nói qua kẽ răng:

- Nè, con kia, chút nữa má mày về mà mày hé răng nói nửa lời với má mày là tao giết chết mày đó, nghe không?

Em chỉ biết gật đầu khóc lóc. Hiên ngoài, trời đã đổ mưa xen lẫn trong tiếng sấm chớp âm âm của đất trời hỗn độn. Người đàn ông lại gần thêm mấy tiếng:

- Mày có nghe rõ lời tao nói không!?

- Nghe...! Dạ... nghe... rõ!

Con bé run sợ, mặt mày tái mét, nó ngược mắt nhìn người đàn ông vừa gật đầu vừa trả lời trong tiếng nấc đang đứt quãng. Người đàn ông đưa tay túm lấy cổ áo con bé kéo đứng lên, ông ta đưa tay xốc lại quần áo cho nó rồi quát khế:

- Nín, tao bảo mày câm miệng lại. Lấy nón đội vào đi mua thuốc ngay cho tao, lẹ lên. Nói rồi, ông ta quay mình bỏ đi mặc cho con bé van nài khóc lóc.

Sáng ra, trông trời bên ngoài hãy còn rất sớm, những giọt sương chưa kịp tan còn đọng long lanh trên đầu ngọn cỏ. Nhìn chúng ướt át như những giọt nước mắt của đêm đen còn sót lại. Mặt trời mới lên chừng một dải tay, trông hãy còn đang đỏ ối đã bị đám mây đen che kín nửa vầng. Con bé dụi mắt vừa tụt xuống giường đã nghe thấy mẹ cùng với người đàn ông cãi vã lẫn nhau. Càng lúc càng to lời lớn tiếng, la lối om sòm. Cuối cùng mẹ nó tức giận xách giỏ bỏ đi, chẳng đoái hoài gì đến con bé đang đứng

tần ngần nơi mép cửa. Mỗi lần chứng kiến cái cảnh cãi vã nhau là em biết đó là điềm báo những cuộc chiến lại sắp đổ sang cả mình em. Dù biết như thế nhưng không làm sao tránh khỏi. Đôi lúc em muốn chạy theo mẹ nhưng em không dám, nhưng dù có muốn thì mẹ vẫn chẳng cho em theo bao giờ. Mỗi lần mẹ vắng nhà là em đều nơm nớp lo sợ, muốn chạy trốn mà chẳng biết phải trốn nơi đâu. Cố gắng tuân phục nhưng vẫn không tránh khỏi những trận đòn vô cớ. Sau mỗi trận đòn là em chỉ biết ngồi ôm mặt khóc hu hu... Mỗi ngày nao còn ở bên ngoại, được chạy nhảy tung tăng quanh vườn, được vùi vãnh. Sáng sáng được những nắm xôi to tướng ấm bụng, đến những nào là bánh chuối, bắp luộc thơm lừng. Chỉ mới đây thôi cảnh đời đã trái ngược. Còn đâu, còn đâu ngoại hời. Sao ngoại lại sớm ra đi chi để đời con khốn khổ. Ngoại ơi con nhớ ngoại vô cùng.

Em gục đầu cúi xuống theo giòng nước mắt ràn rụa, em nhớ lại ngày mới lên Sài Gòn ở với mẹ. Mẹ bây giờ đã lấy chồng khác. Vừa nhìn thấy người đàn ông đứng cạnh mẹ là em đã không thích rồi. Mặc dầu ông ta rất bảnh trai, ăn mặc tươm tất trông vẻ rất nho nhã phong lưu. Ngày đầu tiên gặp mặt, mẹ đã bảo em phải kêu ông ta bằng ba. Em lắc đầu quây quây và chẳng chịu mở

miệng kêu bằng một tiếng ba. Mẹ nó sượng mặt lớn tiếng quát, bắt con bé phải gọi ông ta bằng cha. Em chỉ giương mắt ra nhìn và thối lui từng bước, nhưng thủy chung vẫn chẳng chịu mở miệng gọi một tiếng ba. Mẹ nó bắt đầu nổi trận lôi đình quát tháo:

- Mà y có chịu kêu ông bằng ba không thì biểu?

Con bé không những không chịu mà lại còn lên tiếng cãi lại:

- Ông ấy không phải là ba tui, ông là cái gì mà bắt tui kêu ông bằng ba.

- Con nhỏ mà y sao cứng đầu quá vậy, tại sao tao bảo mà y kêu ông bằng ba mà mà y không chịu kêu ông bằng ba hả?

- Tại sao bắt tui phải kêu ông ấy bằng ba chứ, dù đánh chết tui cũng không kêu ông bằng ba đâu.

Mẹ nó tức giận tiện tay phết vào mông con bé đánh đét. Nhưng con bé vẫn đứng yên chịu trận chứ chẳng chịu hé môi nói thêm nửa lời. Người đàn ông cũng sượng mặt đứng ngẩn người ra đấy không biết phải nói gì nên chỉ đành câm nín. Người đàn bà bắt đầu đánh mắng con bé xối xả nhưng rốt cuộc cũng không xoay chuyển được

gì. Trái suốt luôn mấy ngày liên tục, con bé vẫn cứng đầu đối với người đàn ông lạ mặt vẫn không chịu kêu lấy một tiếng ba. Không những thế mà trong lúc mẹ nó vắng nhà, con bé đã không chịu kêu ông ta bằng ba mà đôi lúc còn lớn tiếng cãi lại. Chiều nay vở tuồng cũ vẫn diễn ra như trước, con bé vẫn cứng đầu chối bỏ chứ không chịu kêu một tiếng ba xa lạ với người đàn ông như thế. Mẹ nó tức giận quá không biết làm sao hơn đành túm tóc con bé lôi ra sân đánh mắng và đuổi đi. Những tưởng con bé biết sợ hãi mà chịu kêu một tiếng ba, hay sẽ năn nỉ khóc lóc. Nhưng sự tình xảy ra ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Con bé lẳng lặng ôm áo quần bỏ đi. Người đàn bà trong lúc giận dữ cũng chẳng buồn ngăn cản. Bà còn nói với theo:

- Đi đi, có giỏi thì đi khuất mắt tao cho rồi? Cái đồ cứng đầu cứng cổ, cái thứ mất dạy. Không biết sanh ra cái thứ gì đâu không?

Bà ta tức giận mắng thêm một hồi rồi bỏ vào nhà. Riêng phần con bé bắt đầu với cuộc phiêu lưu của mình. Lúc mới ra khỏi nhà, nó chẳng nghĩ gì đến mình sẽ đi đâu, về đâu. Nhưng sau một lúc nó lang thang hết chỗ này sang chỗ nọ, nó cảm thấy đói bụng và bắt đầu thấm mệt. Nó nhìn thấy cái cần-xé rách bươm nằm lăn lóc bên

đường, nó mệt mỏi ngồi thừ ra đấy, đưa hai tay lên chống cằm ngồi nhìn người qua kẻ lại mà đầu óc suy nghĩ vẩn vơ. Nó chợt phát hiện phía đối diện bên kia đường có một sạp bán tạp chí, ở đó có một người đàn bà đứng tuổi đang cười nói đầy đưa với khách hàng. Bà ta với thân hình khá đồ sộ, gương mặt hiền từ nhưng vẫn không dấu đi được sự tinh anh nhanh nhẹn trong lúc giao tiếp. Nó lon ton bước lại, ban đầu còn tần ngần lấp ló. Nhưng trông thái độ điềm đạm của bà ta khi nhìn thấy nó, nó đánh bạo đến gần rồi tìm cách bắt chuyện với bà ta. Con bé không những trông dáng dễ thương lại khéo biết ăn nói, nên chỉ một lúc sau là nó đã lấy được lòng bà ta. Bà ta không ai xa lạ hơn là bà Tám Xề bán sạp báo đã gần chục năm nay ở chợ này ai cũng biết. Bà Tám Xề được tiếng hiền từ, tốt bụng. Bà hỏi con bé có đói bụng không? Rồi đi lấy bánh cho nó ăn. Ăn rồi, con bé theo bà Tám Xề làm này làm nọ loay hoay cho đến hết ngày. Lúc sắp đóng cửa tiệm, bà Tám Xề định hỏi con bé ở đâu rồi còn đưa về, nhưng con bé chỉ dương đôi mắt tròn xoe nhấp nháy nhìn người đàn bà đôn hậu, nó gục gặt cái đầu không đáp thẳng lời bà Tám Xề mà còn đòi xin ở lại ngoài sạp báo. Bà Tám Xề hỏi nó thế nào, khuyên nó làm sao cũng không được, bà chỉ biết lắc đầu đưa tay xoa

đầu nó rời ra về. Trải suốt luôn hai ngày, con bé ở với bà Tám Xề bán báo và ăn cơm ở đó. Tối lại thì nó vẫn ngủ lại ở ngoài sạp. Hai bà cháu ở với nhau nói chuyện rất vui vẻ, nhưng mỗi lần hỏi đến chuyện nó ở đâu, con nhà ai thì nó liền cầm miệng như hến, mở miệng ra thì lại khóc lóc đến thảm thương. Có lúc bà Tám Xề nghiêm sắc mặt nói với nó:

- Sao mày gan quá vậy, mới từng nầy tuổi mà dám bỏ nhà đi.

Con bé xụ mặt một đống, cúi gằm xuống đất hai tay xoắn tít lấy chéo áo nhưng vẫn không nói gì. Bà Tám Xề tiếp lời:

- Mày không nói thì thôi, nhưng thế nào rồi thì mày cũng phải trở về nhà chớ.

*

* *

Nói lại phần ở nhà, sau khi đuổi con bé đi. Mẹ nó cứ ngỡ rằng con bé bỏ đi một hồi thế nào rồi cũng trở về. Nhưng đến lúc con bé đi luôn suốt buổi thâu đêm. Bà ta bắt đầu đâm ra lo lắng, chạy kiếm hết chỗ này, hỏi hết chỗ kia. Câu chuyện con bà Hai Tòng vừa mới lên Sài Gòn mà nó dám bỏ nhà ra đi phút chốc đã đồn ra khắp

chợ. Đến ngày thứ hai, bà Tám biết được mới lôi con bé ra gặng hỏi:

- Mày có phải con bà Hai Tòng ở gần cuối phố không? Tao nghe người ta nói má mày kiếm tiền quá trời luôn. Mày mà không về để má mày kiếm tiền không được, bả giận lên là bả đánh chết mày đó.

Con bé vẫn một mực khẳng khái không chịu về, bà Tám Xề đành cho người báo cho bà Hai Tòng biết là con bé hiện đang ở sạp báo với bả. Đến khi bà Hai Tòng kiếm được con bé về, vừa vào đến cửa là bà ta thẳng tay đánh cho con bé một trận nên thân.

Đánh cho hả giận xong, bà ta nói:

- Từ đây về sau, nếu còn đi nữa thì đi luôn đi. Để tao kiếm được là tao giết chết mày đó.

Rồi bà ta bắt con bé từ nay phải kêu người chồng mới của mẹ bằng ba, nếu còn không chịu thì từ đây sẽ phải ăn đòn dài dài. Mấy ngày kế tiếp, con bé tuy vẫn cứng đầu nhưng đòn roi lại chẳng mềm hơn nó chút nào. Cuối cùng con bé không chịu nổi nữa đành phải khuất phục kêu người đàn ông xa lạ ấy bằng một tiếng ba mặc dầu trong lòng nó vẫn còn rất ảm ức. Từ ngày lên Sài Gòn ở với mẹ nó, con bé không còn phải khổ sở về vật chất nữa, nhưng

sống chung với người cha ghe khắc nghiệt như thế thì con bé khổ sở tột cùng. Em chỉ biết âm thầm cắn răng chịu trận mà thôi. Bởi những lúc có mẹ nó ở nhà thì ông ta đối xử rất tốt đối với nó. Coi nó chẳng khác chi con ruột của mình. Nhưng mỗi khi mẹ nó đi rồi thì con bé bị hành hạ một cách thậm tệ không khác chi một con đòi ở đợ. Mẹ nó nổi tiếng một tay đánh bài, lại hung dữ một cây ai cũng biết, nhưng rất mực chiều con bé. Mỗi lúc ở nhà, bà ta thường bênh vực cho con, lại còn bắt bình lớn tiếng với người chồng mới, lại luôn miệng bảo ông ta là người vô tích sự. Nhưng lại cũng thường vắng nhà luôn, cho nên bao nhiêu nỗi oán hận, bực tức trong lòng ông ta bèn đổ hết lên đầu con bé. Thế là hết trận đòn này đến trận đòn khác mỗi khi mẹ vắng nhà. Sau mỗi trận đòn đau đớn, em chỉ biết trăn mình hứng chịu. Mỗi lần mẹ về là em chỉ biết nói dối, rằng thì là con bị ngã, nào bị cây xóc, hay bị thằng bạn hàng xóm đánh. Còn những trận đòn được người cha “tặng cho” thì em dấu nhẹm. Em chẳng dám hé răng rỉ môi nói với mẹ nửa lời. Bởi lời uy hiếp, dọa nạt hãy còn văng vẳng bên tai “nếu mầy hé môi thì hãy coi chừng cái mạng của mầy đó.”

Đã mấy ngày qua mẹ nó liên tiếp đi đánh bài biệt tăm. Riêng con bé ở nhà thì cứ thấp tha thấp thỏm, lấm lét từ

xó này qua góc khác sợ vô cơ lại phải ăn đòn. Bên ngoài khí trời bắt đầu oai bức, nhìn hàng cây vàng úa đứng yên chẳng một chút gió khiến lòng người cũng nóng nực. Trước sân người đàn ông với dáng vẻ đăm chiêu bước lui bước tới, đôi lông mày nhăn tít lại như đang suy nghĩ lo lắng điều gì. Cành trúc cong queo bỗng vang lên tiếng kêu khô khốc gãy vụn dưới bước chân ông. Ông ta chợt dừng lại rồi lớn tiếng gọi con bé đi mua nước đá. Biết phận mình, con bé liền ù té chạy biến mình sau đám trúc khẳng khiu. Con bé vốn có thân hình nhỏ nhoi nên thường bị đám trẻ trêu ghẹo. Mỗi lần đi đâu một mình là con bé phải lẩn trốn đâu này, lấp ló đâu nọ. Nhưng đôi lúc bị đám trẻ bắt gặp thì cũng bị bọn chúng hành tội đủ điều. Sáng nay, vừa bước chân ra khỏi tiệm nước đá được một đoạn đường là con bé chạm phải ngay đám cỏ hàng xóm. Chúng xúm nhau chọi đá ném đất, thỉnh thoảng còn phun cả nước bọt lên mình con bé, khó khăn lắm em mới thoát ra được chạy về nhà. Vừa vào tới sân, con bé bắt gặp ngay gương mặt hằn học của người ba mà em thường phải gọi bằng như thế. Em chưa kịp mở miệng nói lời nào đã lãnh ngay lấy mấy cái tát tai trời giáng, mấy cái đá dít lộn mèo.

- Bảo mày đi mua mấy cục nước đá thôi mà sao đi mày đi suốt luôn cả buổi vậy hả? Bộ muốn chọc tức chết tao sao mày?

Thế là miệng nói tay đánh, con bé mặt mũi in hằn những lần tay, đầu óc tóc tai rối bời. Người đàn ông hiện đang đối diện với em không còn là người mà em hằng ngày phải gọi bằng tiếng ba nữa, mà là người đang tra tấn vấn tội phạm nhân. Mà tội gì? Vì em là người không cùng da vàng mũi tẹt, vì em là người mang dòng máu ngoại lai, vì mẹ hay cưng em đủ điều và còn la rầy ông ta nữa, lại lúc ban sơ chẳng chịu nhận ông một tiếng ba hay còn vì cái gì nữa ai mà biết được? Ông ta hành hạ em một cách tàn nhẫn, hành hạ em như một tội nhân trong chốn lao tù. Sau những trận đánh hét, đá đập chưa xả hơi, ông ta nhảy lên dẫm đạp cả lên mình con bé. Con bé chỉ mới bảy tuổi đầu thôi, dù có lớn nhanh hơn bình thường đi nữa cũng không thể nào chịu nổi. Huống nữa là thân gái nhỏ bé của em. Lần này thì con bé thật sự không còn chịu được nữa rồi. Em ngất đi, ngất đi rồi tỉnh lại. Vừa tỉnh lại thì nôn tháo cả ra, có cái gì trong bụng cũng ói ra hết, ói đến độ đàm dãi cũng không còn để ói nữa thì em té xỉu, ngất đi...

Con bé đang thêm thiếp chột cảm giác nhói đau trong mình, em hé mắt thì thấy mẹ đang ôm chầm lấy em, đôi tay không ngừng quờ quạng khắp trên mình nó. Miệng bà không ngớt gọi em:

- Dung Kiều con! Dung Kiều con! Con sao rồi, tỉnh lại cho má coi nào.

Con bé ngơ ngác không biết mẹ nó đang làm gì. Bà Hai Tòng thấy con tỉnh lại, khoe mắt chột lóe lên niềm vui. Con bé nhìn lại mình thì thấy em đang nằm trên giường rất tươi tắn. Em thấy người đàn ông cũng đang đứng cạnh mẹ với gương mặt rất lo âu. Mẹ nó vừa mở miệng hỏi chuyện xảy ra thế nào thì người đàn ông liền bảo: Ấy là do thằng bé nghịch ngợm ở đầu xóm đánh con mình, và còn lấy ổ ong để cho ong chích vào mặt nên mới sưng lên như thế. Bà Hai Tòng sa sầm nét mặt quay lại hỏi con bé.

- Chuyện có phải như thế không con?

Con bé đưa mắt liếc sang người đàn ông, rồi quay lại nhìn mẹ ... em chỉ biết khẽ gật đầu. Bà Hai Tòng giận dữ đứng bật dậy chạy đến nhà hàng xóm gây chuyện và đánh lộn với người ta, quên bẵng cả con mình nằm trong tình trạng nguy cấp... thật là oan uổng cho người ta. Con

bé chỉ biết nằm đó thắm ứa nước mắt mà không dám nói thiệt nửa lời. Nó nghĩ thương cho mẹ nó vì thương con mà phải đi làm chuyện hồ đồ, lại tội nghiệp cho người ta phải chịu hàm oan. Trên giường bệnh, con bé cứ thêm thiếp, lúc tỉnh lúc mê, hơi thở chỉ thoi thóp. Người đàn bà đầu óc rối xù sau khi đi gây chuyện với người ta. Về nhà nhìn thấy tình trạng không ổn của con mình như vậy, mẹ nó liền xốc nách ôm con chạy thẳng vào bệnh viện nhi đồng. Ở bệnh viện, bệnh tình con bé không đỡ hơn được chút nào. Con bé càng hoang mang hơn nữa khi thấy nghe nhiều đứa trẻ kể bên khóc la, rồi nhiều em chết đi theo giòng đời chối bỏ. Những ngày kế tiếp của con bé vẫn còn ở tình trạng lúc mê man, lúc ói mửa. Bác sĩ cũng đành phải lắc đầu chịu thua. Lại thêm mỗi chiều về, con bé lại kêu la đau bụng, đau hoài không ngớt. Cho uống thuốc gì vào phút chốc lại ói ra, ăn cái gì vào cũng ói ra. Những ngày sau đó lại chỉ còn ói ra toàn là máu, làm ai cũng khiếp đảm. Thêm phần con bé cứ nặng nặc đòi về. Thuốc thang đã vô hiệu quả rồi, y tá bác sĩ cũng bảo chúng tôi tận lực rồi, thôi thì mang cháu về nhà. Bà Hai Tòng rầu rĩ đành ôm con trở về.

Trời về chiều không khí êm mát thật dễ chịu. Một tia nắng bắt chợt xuyên qua đám mây dày đặc rọi chiếu qua

cửa sổ làm sáng lại căn phòng tăm tối sau nhiều ngày mưa rơi tầm tã. Mé hiên nhà hầy còn đọng lại mấy giọt nước còn chưa ráo hẳn. Thỉnh thoảng vài cơn gió nhẹ lướt qua làm giọt nước lao chao như vì sao lấp lánh. Chợt đâu một ngọn gió lùa thổi đến làm lay động làn tóc rối, để lộ ra gương mặt bà Hai Tòng đang ngồi bất động bên mép giường đang đăm đăm nhìn con bé với vẻ đầy mệt nhọc. Hai mắt đã sâu hoắm bởi nhiều đêm không ngủ, bà quay lại nhìn con Bé đang nằm thiêm thiếp trên giường mà thở dài sườn sượt. Bên ngõ trúc khẳng khiu vừa mới đêm ra một chồi non xanh mơn mớn, một bóng người đàn bà lác la lác lư đơn đả bước vào. Bà Hai Tòng nhìn thấy cũng từ từ đứng dậy bước ra cửa hỏi chào vài câu khách sáo. Ấy là Bà Năm Hạnh ở gần đấy hay tin cũng đến thăm, sau khi coi con bệnh xong bà nói với bà Hai Tòng bằng giọng nhát gừng, để tui thử cách này coi có được hay không nhen? Nhưng nói trước là tui cũng không bảo đảm là chắc ăn đâu? Nhưng nếu bà chịu thì tui cũng xin thử một lần xem sao? Bà Hai Tòng tuy trong bụng chẳng có phản ứng gì nhưng cũng gật đầu chấp nhận, đến đâu thì hay đến đó chứ bây giờ còn biết tính sao. Bà Năm Hạnh liền đi lấy gừng giã nát ra trộn lẫn với muối, nấu nước sôi hòa vào rồi cho uống luôn cả nước lẫn xác.

Thuốc đặc chế này vừa cay vừa mẫn mẫn thật là khó uống vô cùng, con bé nhăn mặt uống vào lại muốn lè trở ra. Nhưng khi nghe mẹ nó bảo nếu mày không chịu uống thì phải trở lại nằm nhà thương, nên nó đành phải nhắm mắt uống vào. Thứ thuốc gia truyền giản dị như thế nhưng công hiệu phi thường, uống được mấy ngày thì thấy bệnh tình thuyên giảm dần dần. Con bé bắt đầu có thể ăn cháo lại được. Mọi người ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm, trong đó có cả người đàn ông đáng kính sợ ấy. Nhưng trước sau, con bé vẫn không hề hé môi nói nửa lời về thành tích mà ông ta đã tặng cho nó qua một trận thừa sống thiếu chết ấy...

*

* *

Sáng nay, nhìn trời xanh xanh ngắt một màu, thỉnh thoảng làn gió mát lại lướt qua khóm trúc bên hè cất tiếng khua xào xạc. Xa xa có đàn chim đang bay lượn trên không tíu tít gọi bầy. Con bé đứng trông đến gần người, nó chợt mỉm cười rồi lại chạy nhảy lò cò quanh sân. Trước ngõ, người đàn ông đứng đó tự bao giờ. Ông ta lặng lẽ quan sát con bé đang đùa giỡn một mình. Con bé đang nhảy thụt lùi bất chợt đụng phải ông ta. Nó kinh hoàng quay phắt mình lại thấy người đàn ông với gương

mặt rất quen thuộc, nó lúng túng không biết phải làm sao. Trong lúc con bé đang sợ hãi chột bắt gặp ánh mắt trìu mến và nụ cười hiền từ thì lòng nó dịu hẳn xuống. Người đàn ông dang tay ra ôm chầm lấy nó và gọi khẽ:

- Dung Kiều con!... ba có cái này cho con nè.

Nói đoạn rồi ông móc ra từ túi xách một con búp bê thật xinh xắn dúi vào tay của nó. Con bé vừa ngạc nhiên lại xít xoa mừng vui. Và từ đó, không ai thật sự hiểu được vì lý do gì, nhưng có lẽ người đàn ông có chút hối hận về hành động tàn nhẫn vượt quá giới hạn của mình, nên ông không còn hành tội con bé như trước nữa. Ông ta bắt đầu rỉ chút tình thương lên thân phận con bé tội nghiệp ấy. Mỗi lần có dịp đi xa, ông còn nhớ mua cho con bé một vài món đồ chơi hay bánh kẹo nữa. Có những khi mẹ nó la mắng, đánh đòn con bé, ông ta còn đứng ra mở lời can ngăn và vỗ về cho con bé. Từ chút tình thương mong manh ấy dần dần sâu đậm thêm trong lòng ông ta. Tiếng ba gượng gạo mà hằng ngày nó gọi người đàn ông xa lạ ấy cũng dần trở nên gần gũi. Con bé cũng từ đó, không còn cảm hờn hay oán giận ông ta nữa. Niềm thương cảm vin từ tội nghiệp đã chuyển sang tình thương thật sự. Mặt trời đã lên cao, từng tia nắng mới rọi chiếu xuyên qua từng khóm trúc. Cành trúc mềm như búp

mãng hã y còn bụ bẫm chọt rung rung. Có con chim xanh vừa hạ mình đáp xuống, nó ngoe ngậy chiếc đuôi tí tẹo cất tiếng líu lo hót một mình trong nắng mới.

- Mạnh đông Giáp Thân, tháng 10 năm 2004 -

Câu chuyện này là chuyện rất thật được kể lại bởi chính bản thân người ngộ nạn, và có lẽ có không ít số người mang hai dòng máu cũng trải qua những khổ nạn như trên.

*Báo duyên hư huyền.
Chẳng thể cưỡng cầu
Đời có bao lâu
Tùy thời an phận
Khổ vui nghịch thuận
Đạo lý trong ấy.*



CHUYỆN ĐI CHÙA

C húng tôi đang học kinh: “A-nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh.” Đại ý bài kinh đại khái nói về việc ngài Anan thưa hỏi đức Thế Tôn về việc phụng sự Phật pháp là kiết tường hay hung tai? Nhân duyên lại có phật-tử gọi điện thoại cho chúng tôi yêu cầu chúng tôi viết bài về lợi ích của việc đi chùa. Chúng tôi thiết nghĩ âu cũng là nhân duyên trùng hợp, nên nương theo bài tựa của kinh mà đặt đề cho bài viết này: “đi chùa là nên hay không nên.”

Phàm đến chùa ai cũng có chủ đích, có người biết được chủ đích của mình rất rõ ràng, cũng có người rất mơ hồ với việc đến chùa của mình, và cũng có người chẳng có chủ đích gì nên việc đến hay không đến cũng vậy thôi. Vậy cuối cùng đến chùa là nên hay không cần thiết. Nếu không cần thiết thì ất hấn chùa miếu đã trở thành tường rêu cổ kính, tàn lụi rồi, và người ta cũng không cần phải tạo dựng thêm làm gì. Nhưng theo sự thật thì hiện tại chúng ta đều thấy chùa miếu các nơi càng thêm nhiều, thậm chí mua luôn cả nhà thờ làm

chùa. Điều đó chứng thực rằng chùa là nơi rất thiết thật cần phải tạo dựng. Mà tạo dựng để làm chi? Để cho Phật ngự, cho quý Thầy ở thôi, hay còn có phần lợi ích trong việc tới lui của người Phật-tử?

Để quán xét lại và làm rõ vấn đề này, chúng tôi xin trích một vài đoạn trong Kinh Ngài Anan thưa hỏi đức Thế Tôn về việc kiết hung để giới thiệu cùng quý vị. Phần đầu của Kinh vẫn được giới thiệu với hai ý chính trong vấn đề phụng sự phật-pháp được tốt lành như ý, hay trái ngược lại bị suy hao tổn thất. Đức Thế Tôn đã mỗi mỗi vì ngài Anan hồi đáp, cũng chính là mỗi mỗi vì chúng ta giải đáp. Chúng ta ai cũng biết được ngài Anan là thị giả của Phật, luôn hầu cạnh bên Phật thì những vấn đề này đâu thể không hiểu, đâu thể không biết mà phải đi thưa hỏi đức Thế Tôn. Nhân vì lòng từ bi của ngài, muốn lợi lạc cho chúng sanh đương thời và cho hàng hậu thế về sau mà đại diện cho chúng ta đứng ra thưa hỏi. Bây giờ chúng ta xem đoạn mở đầu kinh văn:

“A-nan bạch Phật ngôn: hữu nhân sự Phật đắc phú quý hài ngẫu giả, hữu suy hao bất hài ngẫu giả. Vân hà bất đẳng đồng gia? Nguyên Thiên trung Thiên phổ vi thuyết chi.” (阿難白佛言：有人事佛得富貴諧偶者，

有衰耗不諧偶者。云何不等同耶？願天中天普爲說之）。

tam dịch:

“Bạch Thế Tôn! Có người phụng sự Phật được phú quý kiết tường như ý, lại có người bị suy hao không được kiết tường như ý. Vì sao quả báo lại không đồng nhau? Nguyên đức Thiên trung thiên khắp vì giảng nói.”

Đoạn kinh văn trên, vấn đề then chốt là ở mấy chữ “phụng sự Phật.” Chỉ vì từ cái nhân duyên “phụng sự Phật” mà quả báo không đồng nhau. Vậy thì phải phụng sự Phật như thế nào để được sự sự xứng tâm như ý, sở nguyện toại lòng; và phụng sự ra làm sao lại phải chịu suy hao tổn thất không như chỗ mong cầu. Điều này quý vị nhất định phải thông hiểu, minh liễu rõ ràng.

Phụng là phụng hành, phụng hiến. Sự là thừa sự. Như ngài Thanh Lương đại sư giảng trong kinh Hoa Nghiêm “Tín - Giải - Hành - Chứng.” Nếu đem bốn chữ này làm được viên mãn thì gọi là phụng sự Phật.

- Tín: tin Phật tức là tin vào chân tâm, tự tánh, tánh đức của mình. “Tín vi Đạo nguyên công đức mẫu, Tín năng trưởng dưỡng chư thiện căn” (信爲道源功德母信

能長養諸善根, *Đức tin là nguồn của Đạo, là mẹ của muôn công đức, nuôi lớn các gốc rễ lành*). Người thật sự tin Phật phải đem thành kiến của mình, tư tưởng của mình, chỗ thấy của mình thấy đều buông xuống, thường tùy thuận theo lời dạy của Phật-đà ; đây mới gọi là tin Phật. Thông thường mọi người chỉ tin vào phiền não, tập khí, thói quen sở thích của riêng mình nên thường tự chuốc lấy những phiền toái không cần thiết. Bình thời xử sự tiếp người đái vật hãy còn thuận theo thói quen của mình thì chưa thể gọi là tin Phật.

- Giải là lý giải, là hiểu rõ, cần phải lý giải một cách thấu triệt, một cách viên mãn. Chỉ cần thấu đáo triệt để một vấn đề thì tất cả các thứ khác đều có thể thông đạt, bởi vì Phật nói: “nhất thiết chư pháp tùng tâm tưởng sanh” (一切諸法從心想生, *tất cả các pháp đều từ tâm tưởng sanh*).

- Hành là hành vi, hành động. Hành quan hệ rất chặt chẽ đến vấn đề lý giải. Vì sao? Vì hành vi việc làm của mình là toàn do sự lý giải hiểu biết của mình chủ động. Nên sự hiểu biết rất quan trọng. Mà muốn thấu hiểu đạt đến thâm sâu thì phải có được kinh nghiệm qua thực hành. Hành giải nương nhau mà thành lập. Hành được

nhiều thì lý giải càng sâu, giải được thấu triệt thì việc làm thêm viên mãn.

- Chứng là chứng ngộ, là chứng đắc. Dem tín giải hạnh gom lại làm một thể thì gọi là chứng. Thật ra cả 4 chữ Tín - Giải - Hành - Chứng vốn không thể phân chia. Nếu như Tin không mà không Giải thì gọi là mê tín. Giải mà không Hành là lý giải ngoan không, hiểu biết suông thôi. Nên chứng là nhờ vào thực hành, thực hành mới cho mình kinh nghiệm thâm giải, hiểu rõ lý giải giúp mình tăng thêm niềm tin. Khi mình hiểu rõ, thực hành chứng thực rồi thì giúp cho việc phụng sự Phật pháp mới thật chân chánh. Khi nhân duyên đến với Phật được đúng đắn thì sự phụng hành đạt kết quả tốt lành, sự sự được như ý xứng tâm.

Chúng ta xem tiếp phần kinh văn, đoạn kinh này rất trọng yếu, nên quý vị cần gia tâm lưu ý, y theo đây mà hành trì ắt đạt được lợi ích vô cùng.

Phật cáo A-nan: hữu nhân phụng Phật. Tùng minh sự thọ giới. Chuyên tín bất phạm, tinh tấn phụng hành. Bất thất sở thọ. Hình tượng tiên minh, triều mộ lễ bái, cung kính nhiên đăng. Tịnh thí sở an. Bất vi đạo cấm. Trai giới bất yếm. Tâm trung hân hân. Thường vi chư thiên thiện

thần ủng hộ. Sở hưởng hài ngẫu. Bách sự tăng bội. Vi thiên long quý thần chúng nhân sở kính. Hậu tất đắc đạo. Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân! Chân Phật đệ tử dã.

(佛告阿難:有人奉佛.從明師受戒.專信不犯.精進奉行.不失所受.形像鮮明.朝暮禮拜.恭敬然燈.淨施所安.不違道禁.齋戒不厭.心中欣欣.常為諸天善神擁護.所向諧偶.百事增倍.為天龍鬼神眾人所敬.後必得道.是善男女善女人.真佛弟子也).

tam dịch:

Phật bảo A-nan rằng: có người phụng sự Phật pháp. Từ mình sự thọ giới, tin chuyên chẳng phạm, tinh tấn phụng hành không để trái mất chỗ thọ. Hình tượng trang nghiêm, sớm tối lễ bái, cung kính nhang đèn, thanh tịnh vui vẻ bố thí. Chẳng trái phạm giới cấm. Trai giới không nhàm chán, trong tâm thường hoan hỷ. Thường được các hàng trời, thiện thần ủng hộ, nên chỗ mong cầu được như sở nguyện, trăm sự thêm nhiều. Chư thiên long, quý thần, mọi người đều cung kính, về sau sẽ chứng được đạo quả. Ấy chính là kẻ thiện nam, người thiện nữ chân chánh đệ tử của Phật.

Đoạn kinh văn trên đây là nói về tướng tốt lành của người phụng sự Phật được như lý như pháp. Bởi bài viết có hạn, nên không thể giảng giải tường tận cùng quý vị, chỉ xin nêu ra ý chính.

Từ câu “*Từ mình sư thọ giới... chẳng trái mất chỗ thọ.*” Chỗ này là trọng điểm tối yếu nhất ở trong bước đầu học Phật. Vì sao? Vì chúng ta bước vào ngưỡng cửa của đạo mà không được Thầy lành bạn tốt chỉ dẫn, thì dù vào đạo bao lâu đi nữa cũng không gặt hái được lợi lạc vì không thể phân biệt chánh tà, phải quấy, lấy bỏ ở trong Phật pháp. Nhưng việc này tất phải coi vào phước đức nhân duyên thiện căn của mỗi người. Nói tóm lại thì nhân duyên đối với Phật pháp, quý vị đã nghe thấy, tao ngộ rồi đấy. Bây giờ chỉ trông vào “thiện căn phước đức” của quý vị thôi. Phước đức đây không luận đến việc giàu sang nghèo hèn ở thế gian. Phước đức đây là nói về việc khi nghe đến Phật pháp, gặp được Phật pháp rồi quý vị có thật sự tin tưởng được chưa; như ở phần đầu có nói qua. Còn việc quý vị có thể nhận chân được lý đạo, tinh tấn hành trì hay không thì đấy chính là “thiện căn.” Cái căn lành này nhiều đời nhiều kiếp mình đã vun trồng được rồi thì ngày nay một khi gặp gỡ quý vị

liền tin nhận nỗ lực tu hành, không còn sanh tâm nghi ngờ, tâm lui sụt trong việc tiến tu hành đạo.

Từ câu *“Hình tượng trang nghiêm ... trong tâm thường hoan hỷ.”* Chỗ này là Phật thuyết về “sự tu hành” và “lý tu hành.” Nếu chúng ta y theo lời Phật dạy, sự hướng dẫn của quý Thầy thì chỗ hành trì được an ổn, trong tâm thường sanh vui vẻ. Chúng ta một khi đã nhận chân nỗ lực tu hành, mỗi mỗi đều đúng như pháp hành trì thì *“thường được các hàng trời, rồng, quỷ thần ủng hộ, cho nên chỗ mong cầu được như sở nguyện...”* nếu quý vị làm được như vậy thì Phật dạy rằng: *“đó chính là kẻ thiện nam người thiện nữ, đệ tử chân chánh của Như-lai.”*

Chúng ta lại xem thêm một ít phần kinh văn. Lẽ ra chúng tôi trích một đoạn thôi, nhưng vì phần kinh văn dưới đây rất thiết thực trong vấn đề đi chùa mà hàng Phật tử cần phải hiểu rõ, người học Phật cần phải cố tránh. Vì vậy nên chúng tôi không thể không nêu ra.

Hữu nhân sự Phật, bất trực thiện sư, bất kiến kinh giáo, thọ giới nhi dĩ. Thị hữu giới danh, hội tái bất tín. Vi phạm giới luật. Sạ tín sạ bất tín. Tâm ý do dự, diệc vô kính tượng cung khác chi tâm. Ký bất thiêu hương nhiên đăng lễ bái. Hằng hoài hồ nghi, sân nhuế mạ ly, ác

khẩu tật hiền. Hựu bất lục trai, sát sanh thú thú. Bất kính Phật kinh, trì trước tỳ khiếp y phục bất tịnh chi trung, hoặc trước thê tử sàng thượng bất tịnh chi xứ, hoặc trì quả bích. Vô hữu tọa đế cung kính chi tâm. Dĩ thế gian phạm thư vô dị. Nhược tật bệnh giả, hồ nghi bất tín tiện hô vu sư, bốc vấn giải tấu, từ tự tà thần. Thiên thần ly viễn, bất đắc thiện hộ. Yêu my nhứt tiến, ác quỷ đồn môn, linh chi suy hao, sở hưởng bất hài. Hoặc từng tíc hành ác đạo trung lai, hiện thế tội nhân dã. Phi Phật đệ tử.

(有人事佛. 不值善師. 不見經教. 受戒而已示有戒名. 憤塞不信. 違犯戒律. 乍信乍不信. 心意猶豫. 亦無經像恭恪之心. 既不燒香然燈禮拜. 恒懷狐疑. 瞋恚罵詈. 惡口嫉賢. 又不六齋. 殺生趣手. 不敬佛經. 持著弊篋衣服之中. 或著妻子床上不淨之處. 或持掛壁. 無有座席恭敬之心. 與世間凡書無異. 若疾病者狐疑不信. 便呼巫師卜問解奏. 祠祀邪神. 天神離遠不得善護. 妖魔日進. 惡鬼屯門. 令之衰耗. 所向不諧. 或從宿行惡道中來. 現世罪人也. 非佛弟子).

Tam dịch:

Lại có người phụng sự Phật pháp mà không gặp được thầy lành, chẳng thấy biết kinh điển. Thì dù cho có thọ giới rồi cũng chỉ là mang danh thọ giới. Vì mê lầm che lấp chẳng chịu kính tin, trái phạm giới luật. Nên có lúc chột tin rồi lại không tin, tâm ý do dự. Lại không có tâm cung kính kinh tượng, cũng không thấp đèn đốt nhang lễ lạy. Tâm hoài hồ nghi, sân hận mắng nhiếc, chê trách Thánh hiền.

Lại không thực hành sáu ngày trai giới, chỉ vui thích giết hại. Không có lòng tôn trọng kinh Phật, đem để vào rương tủ đựng đồ áo quần chẳng sạch, hoặc lại để trên giường nằm ô uế của vợ con, hoặc đem máng lên vách. Không có tâm cung kính sắp xếp vào tủ kinh kệ sách, xem kinh điển như sách thế gian chẳng khác.

Nếu khi có bệnh tật liền nghi ngờ không tin. Bèn cho gọi thầy cúng tế để bốc quẻ coi xăm viết sớ cầu giải trừ, tế lễ tà thần khiến cho trời thần xa lánh, không được thiện thần ủng hộ. Yêu ma kéo đến nhà, ác quỷ đóng đồn ngoài cửa nên khiến suy hao, chỗ cầu chẳng được như ý. Hoặc do nghiệp xưa gây tạo mới chuyển sanh nên hiện đời phải chịu làm người tội khổ, không phải là đệ tử của Phật.

Đoạn trước là giảng giải về tướng kiết tường của người phụng sự Phật được như lý như pháp. Đoạn này thì giảng về tướng bất tường không được như ý. Bởi do

không có duyên lành gặp được thầy lành bạn tốt hướng dẫn đúng chánh pháp, để đến nỗi phải lầm như vậy. Nhưng nay chúng ta đã gặp được Phật pháp rồi lại không chịu y giáo phụng hành, sanh tâm nghi ngờ chẳng tin, không chịu làm theo thì quả báo khổ về sau ắt khó tránh thoát.

Từ đoạn kinh văn: *“có người phụng sự Phật không gặp được thầy lành ... chê trách Thánh hiền.”* Đây là hạng người phước đức nhân duyên không đủ nên chẳng gặp thầy lành hướng dẫn, không hiểu được kinh giáo nên nghi ngờ không thật tin theo. Lại thêm việc tu trì mỗi ngày không có, thì chỗ mong cầu làm sao được như ý. Đã mê lầm không hiểu được lý nhân quả lại đi chê trách Thánh hiền. Khiến cho tội nghiệp xưa chưa dứt lại tạo thêm tội nghiệp nay, cũng chỉ vì không liễu giải, không hành trì đúng chánh pháp vậy. Vì thế cho nên hàng sơ học Phật điều trọng yếu nhất là phải cần cầu minh sư, cần cầu thiện tri thức, phải thường luôn gần gũi để học hỏi. Như người xưa chỗ nói: *“sai một ly đi một dặm”* là thế. Khi mình định hướng đi lỡ sai lệch một chút rồi thì hậu quả thật khôn lường. Ở đây, bởi không biết được giá trị chân chánh của Tam-bảo, không hiểu rõ đạo lý nhân quả nên *“không thực hành trai giới, vui thích giết hại, không tôn*

trọng Kinh điển...” xem kinh điển như sách tạp ngoài thế gian, đây chính là tâm khinh mạn. Người có tâm khinh mạn thì dù là thế hay xuất thế gian pháp đều không thể thành tựu. Nếu có thành tựu thì là do phước báo của đời trước mang đến, tuyệt không phải của đời này vậy. Phước báu này một khi hưởng hết rồi thì phiền phức lắm đấy. Chúng ta có bảo vật quý giá không biết trân quý gìn giữ thì cuộc sống khổ đau đi đến bế tắc là đạo lý tất nhiên. Trong “Kinh Pháp Hoa” có đoạn: *“Phật chỉ vì một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời... chỉ vì muốn chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến.”* Thế mới biết, Phật vì lòng từ bi hết thấy, thương xót tất cả khổ nạn chúng sanh mà hiện ra nơi đời, giảng kinh thuyết pháp 49 năm cũng chỉ vì muốn chúng sanh thoát khổ được vui, ra khỏi mê lầm đến bờ giác ngộ. Chúng ta ngày nay đối với kinh Phật lại không kính tin, vì không liễu giải được nên đem kinh điển của Phật xem như sách tạp ở thế gian chẳng khác. Vì làm nhân duyên sai lầm như thế, nên nghiệp báo kéo tới khiến cho bệnh tật, tai nạn dồn dập. Đã không hiểu được nhân, lại không minh bạch được quả nên chạy theo tà sư cúng tế cầu ma khẩn quỷ khiến cho trời rỗng, thiện thần xa lánh không được thiện hộ. Đó là hậu quả được nhắc đến trong đoạn kinh văn sau chót.

Cho nên Thế Tôn dạy rằng: người này không phải là đệ tử Phật. Vì sao? Vì theo Phật mà không hiểu Phật chính là phỉ báng Phật vậy.

Đến đây, quý vị đã xem qua một vài đoạn kinh văn rồi, có thể nắm bắt được một vài ý chính qua lời Phật dạy. Vậy thì vấn đề ngày nay là việc đi chùa, là vấn đề rất phổ thông. Thế quý vị đã thật sự nhận biết được chùa đóng vai trò là gì không? Bây giờ chúng ta thử đi trở lại một đoạn lịch sử để hiểu thêm một chút duyên do về sự hình thành của chùa.

Chữ “Chùa” là tiếng gọi của người Việt Nam, chữ “Tự” là danh xưng của Tàu. Trước đây, Tự là cơ quan biện sự của triều đình dưới sự trực tiếp quản lý của hoàng đế mới xưng là “Tự.” Vì sao được xưng thành Tự? Tự có nghĩa là “kế tục bất đoạn” ; tức là cơ cấu này vĩnh viễn được thiết lập, quyết định không thể phế trừ. Cơ quan biện sự cấp dưới do Tể tướng điều hành thì xưng thành “Bộ” ; như trong sách xưa có các bộ: Lễ bộ, Sử bộ, Công bộ,... Tể tướng thì quản lý Lễ Bộ, mà hiện nay gọi là bộ Giáo Dục. Ngoài ra còn có một bộ giáo dục là quy nạp trực tiếp do Hoàng đế quản lý, dùng danh từ ngày nay mà nói là Tôn-giáo giáo dục. Đặc biệt là Phật giáo, cơ cấu dạy học của Phật-giáo xưng là “Tự” mà không

xưng thành “Bộ.” Trưởng quan của Tự xưng là “khanh.” Do Hoàng-đế trực tiếp chỉ đạo xuống cho ông ta quản lý. Tổng cộng có 9 cơ cấu xưng là Cửu Tự. Từ xưa chỗ quan ngoại giao là Hồng Lô Tự do Hoàng đế trực tiếp chỉ đạo, nên nó là cơ quan biệnsự.

Thuở ban sơ, lúc Phật giáo mới du nhập vào Trung quốc. Nguyên là vào đời Hậu Hán cũng gọi là Đông Hán (vì so với Tiền Hán nên gọi là Hậu Hán; vào thời Tiền Hán thì kinh đô đóng ở Trường An tức tọa lạc về phía tây nên gọi là Tây Hán, còn vào thời Hậu Hán thì kinh đô lại dời về thành Lạc Dương tức nằm về phía đông nên cũng gọi là Đông Hán). Vào năm Vĩnh Bình thứ 3 (T.L. năm 60). Một hôm vua Hiếu Minh Đế nằm mộng “thấy một người mình vàng cao một trượng sáu, trên đánh có hào quang chiếu sáng như mặt trời, bay đến trước sân điện nhà vua.” Sáng ra, vua bèn đem điềm mộng ấy ra hỏi quần thần. Lúc đó có ông Thái sử Phó Nghị tâu rằng: “Thần nghe Tây Vực có bậc Thánh nhân lấy hiệu là Phật-đà, toàn thân một màu vàng kim sắc, có lẽ giấc mộng của bệ-hạ là thấy ngài đó chăng?” Bác sĩ Vương Tôn cũng tâu: “Căn cứ theo sách nhà Chu ghi chép các việc lạ, có nói Phật sinh nơi đời Chu Chiêu Vương năm thứ 26 (Canh Dần), lúc đó nước sông dâng,

mặt đất chấn động, ánh sáng năm màu xuyên qua Thái-vi. Thái sử Tô Do bốc quẻ, được quẻ Càn cửu ngũ: ‘Phi long tại thiên’ (rồng bay trên trời), là bậc Đại Thánh ở Tây Vực vậy, một ngàn năm sau, lời dạy của Người sẽ tràn khắp cõi này. Nhà vua liền sai khắc trên bia đá, chôn ở phía nam ngoài thành. Sau đến đời Chu Mục Vương, trời đất chấn động, có mười hai đạo cầu vòng trắng, thấu tới mặt trời, quá cả trời xanh. Thái sử Hồ Đa bốc quẻ, nói rằng đó là điềm bậc Đại Thánh ở Tây nhập diệt”. Vua Minh Đế vào năm thứ 7 (Giáp Tý) sai quan Lang Trung Thái Âm, Trung Lang Tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tôn cả thảy 18 người, qua phương Tây tìm Phật pháp. Đến xứ Ấn-độ thỉnh các ngài Ca-diếp Ma-đăng và Trúc-pháp-lan, dùng bạch mã (ngựa trắng) chở kinh, cùng xá lợi và tượng họa Phật. Đến Vĩnh Bình năm thứ 10 (Đinh Mão) thì tới Lạc Dương. Được nhà vua tiếp đãi nồng hậu. Sau khi đàm luận, triều đình vô cùng hoan nghinh lưu giữ các ngài ở lại. Vua sắc chỉ truyền lệnh cho thiết lập một cơ cấu chuyên môn cũng xưng là Tự, với tên gọi là “Bạch Mã Tự.” Nên về sau, dưới hoàng đế có “thập Tự.” “Phật Tự” lúc đó là làm những gì? Ban đầu khởi sự từ công việc phiên dịch kinh-điển. Bước thứ hai là một nơi thuyết giảng, giải thích kinh điển. Đem

chân lý giáo dục của Phật-đà phát dương quang đại truyền khắp trong nhân gian. Cho nên cần phải biết Tự viện ngày xưa là cơ sở dạy học của Phật giáo.

Trên đây là một đoạn nhân duyên chúng tôi tóm sơ lược việc Phật pháp sơ kỳ truyền đến Trung Quốc, và cũng là duyên do đầu tiên triều đình cho xây dựng chùa chiền. Vì nước ta xưa kia chịu sự ảnh hưởng của Tàu rất lớn. Mà Tự-viện xưa kia ở Trung Quốc là cơ quan hành chánh của Triều đình. Thế mới biết được cơ duyên xưa kia cho xây dựng chùa chiền, dụng ý dựng chùa so với ngày nay thật khác xa. Ngày khởi thủy của Phật pháp là một cơ cấu trong ngành giáo dục đẩy mạnh lời dạy của Thánh hiền cho mọi tầng lớp thông hiểu để hành trì. Ngày nay ngoài danh từ chùa ra chúng ta còn xưng thành là đạo tràng. Thế thì đạo tràng là thanh tịnh. Đã là thanh tịnh thì chúng ta nên giữ cho ngôi tự viện đúng với vai trò của nó. Chúng ta đến chùa là để học hỏi, thân cận thầy lành bạn tốt để sửa lỗi hướng thiện. Hành trì theo giáo pháp của Như-lai. Cùng nhau sách tấn tu hành để mai hậu được nhiều lợi lạc, hiện tiền làm gương cho mọi người noi theo. Nếu chúng ta đến chùa vì tìm cầu một cái gì đó ngoài chân thiện mỹ tuệ, hạnh phúc của tinh thần thì thật là tìm không đúng chỗ rồi. Chúng ta

không nên biến chùa chiền thành nơi tụ họp cùng bàn tán việc thế gian chính trị, những việc không nằm trong khuôn khổ của Phật pháp. Kẻo không, đối với tự thân chẳng được lợi ích gì mà đối với Phật pháp lại còn mang lại những chuyện không hay cho chùa.

Chúng tôi biết viết bài này sẽ khó tránh khỏi đụng chạm vào một vài vấn đề cấm kỵ cho nhiều người. Nhưng vì lợi ích chung của người con Phật, nên chúng tôi đành xin thất lễ mạo muội nói thẳng. Cổ đức nói: *“thuốc đắng già tật, sự thật méch lòng.”* Vì mục đích của bài viết không phải là để khoe phần văn chương, cũng không phải tô vẽ thêm cho phần kiến thức. Mà chủ ý mong người có tâm đọc đến hiểu được nỗi khó khăn và thấu cho lòng mong mỏi của chúng tôi. Như phần trước chúng tôi đã trích dịch một ít phần kinh văn trong: *“Anan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh”* để biểu lộ chút tâm ý, lòng biết ơn đối với ngài Anan tôn giả. Ngài đã nghĩ đến chúng sanh đời sau mà thưa hỏi đức Thế Tôn để phơi bày những việc làm, bốn phận của mỗi người con Phật. Bài viết này của chúng tôi cũng không ngoài mục đích trên. Như có chỗ nào làm phật lòng quý vị, xin vui lòng hỷ xả cho. Được như vậy thì việc đi chùa của mọi người sẽ đạt được lợi lạc vô cùng thù thắng. Nguyên nhờ Hồng ân Tam bảo

gia trì, cầu xin tất cả quý vị có lòng hảo tâm ủng hộ cho Phật pháp trường tồn, nghĩ thương cho hàng mai hậu mà tự mình cải đổi cùng hướng dẫn mọi người đồng bước theo những bước chân thiện hạnh của chư Phật, Bồ-tát đã đi. Rất mong lắm thay!

Nhưng rồi, dù có nói gì đi nữa thì cũng vẫn là:

*“Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muốn đời của tổ tông.”*

(Hòa thượng Mãn Giác)

Trước thêm năm mới xin chúc cho tất cả đồng hương cùng đồng bào Phật-tử một năm mới tăng phúc tăng thọ, thân tâm an lạc trên bước đường tu học Phật pháp.

- Đầu Đông Ất Dậu, tháng 11 năm 2005 -

Kinh sách tham khảo:

- *Di Giáo Tam Kinh của Ngẫu Ích Trí Húc đại sư do Tỳ-kheo Thiện Huệ dịch*
- *Phật Tổ Ngũ Kinh do Hòa-thượng Thích Hoàn Quan soạn dịch.*
- *Anan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh do Hòa-thượng Tịnh Không giảng thuật.*

Thiên Ác Đời Sau

Thời đại bây giờ mà còn nói chuyện nhân quả luân hồi, thiện ác nghiệp báo... nghe xưa như quả đất!!!

- Ấy!!! tuy là thế ! nhưng chuyện này lại mầu nhiệm huyền bí vô cùng, lắm lúc xưa như trái đất thật, nhưng lắm lúc lại mới mẻ vô cùng. Nó mới tinh và ngỡ ngàng y như ngày nao, cái ngày đầu hẹn hò gặp gỡ người yêu đầu đời của quý vị vậy ấy - rất khẩn trương, rất hồi hộp mà cũng rất ư là e lệ... Tất cả quý vị đều đã biết rất rõ chỉ là gặp một người khác phái thôi mà, thật sự là đâu có gì... thế mà vẫn cứ rất khẩn trương, thận trọng lại e dè khi tìm và gặp người yêu đầu tiên của quý vị. Thưa có đúng không ạ? Thuyết nhân quả luân hồi cũng lại như vậy!

Hôm nay rằm tháng bảy là ngày xá tội vong nhân, ngày mà các vong linh trong cõi u minh được thoát tội, được đi đầu thai, được trở lại làm người hay làm một thứ thân mạng gì đó rất mới mẻ, rất ngỡ ngàng khi ngày đầu bước vào thế giới của họ. Nhưng đó có phải là lần đầu tiên họ đến thế giới này không? Hay đã bao lần lên xuống ra vào ba cõi sáu đường đã từ vô lượng kiếp. Vậy mà mỗi lần tái

sinh lại làm như rất mới, mở mắt chào đời nhìn thế giới hết sức lạ lùng, ngỡ ngàng...

*

* *

Trong truyện dài “Tu Bụi” của Trần Kiêm Đoàn, chương 26: Bờ Bên Kia có kể một chuyện rất hay về mẫu chuyện hành đạo của người trong cửa Phật và những người thế tục tu hành. Vì là chuyện dài nên chúng tôi chỉ xin tóm gọn những ý chính. Quan thượng thư Lê Trung Ẩn có tìm cách thuyết phục Phạm Xảo trở lại triều-chính nên đã kể lại mẫu chuyện ẩn dụ về thừa xa xưa.

Chuyện kể về hai huynh đệ Trí Quang và Trí Minh sau mười lăm năm dài tu học, sư phụ dạy họ nên cùng nhau xuống núi hành đạo. Trong phút quyết luyến chia tay, vị ân sư dặn dò: “cuộc đời thật dưới kia không phải là cảnh trời, mà cũng chẳng phải là địa ngục. Hai con đã học chín những lời dạy tinh yếu nhất của ba tạng kinh điển. Nay phải xuống núi giúp đời là việc phải làm. Nếu chỉ lo tu trên núi để cầu mong giải thoát cho riêng mình như thầy là điều rất khó đạt vì nợ nần chúng sanh là món nợ trùng trùng ân tình, ơn nghĩa dễ vay mà khó trả. Chưa trả sạch nợ thì nghiệp chưa giải hết, làm sao buông tay, quay mặt với đời để giải thoát một mình... trong các món nợ thì nợ mình là lớn nhất. Cái tôi càng nhỏ, nợ nần càng ít. Tâm không, vô ngã là hết nợ.” Trở về lại với đời thường, Trí

Quang tin rằng, nuôi được tâm không, vắng lặng giữa chốn bụi đời phiền trước mới thật là tịnh tâm và tịch diệt được mọi ham muốn ở đời. Nghĩ vậy nên Trí Quang suốt ngày lê la sống giữa chợ, mỉm cười bất chấp những điều tục lụy khen chê. Riêng phần Trí Minh thì hoàn toàn ngược lại, nghĩ rằng bỏ-tát hạnh không xa thế gian một máy may nên lặn lội vào đời để sống như mọi người. Trí Minh làm ăn trở nên giàu lớn và lấy vợ sinh con, có đủ thế thiếp, kẻ ăn, người ở đầy nhà. Mười năm sau, Trí Minh chạnh nhớ người huynh đệ nên cho người tìm và mời về nhà mình. Khi Trí Quang đến nhà thấy dinh thự đồ sộ của Trí Minh thì ngẩn người choáng ngợp; nghĩ rằng huynh đệ của mình đã quên lời Thầy dạy, tham luyến giữa đời liền xách gậy đập vỡ hết những thứ quý giá sang trọng trong nhà, lại còn rượt đánh người nhà của Trí Minh chạy tán loạn. Xong rồi trừng mắt hùng hổ vung gậy lên trước mặt Trí Minh, nhưng bắt gặp ánh mắt trong ngần mát lạnh, thân ái của Trí Minh đang nhìn mình. Gậy trong tay Trí Quang rơi xuống, họ không ai nói một lời nào, đồng dang tay chạy ào đến ôm nhau... Trí Quang cất tiếng thở dài: “Đứng lại giữa đời mà lạc đường! hèn gì Thầy mình phải vào sâu trong núi...” Trí Minh an ủi: “Mọi vật đều biến đổi trong từng khắc. Có gì đứng lại được đâu. Cho nên tự mình đứng lại cũng có nghĩa là đang bị xô đi. Đã biết phút trước không còn, phút sau chưa đến thì có gì để bám víu và bám víu để làm gì chứ!”

Kể xong câu chuyện, Lê Trung Ân kết luận cho rằng huynh đệ của họ đều bị dính mắc. Trí Quang khinh bỉ quay lưng hay nóng nảy đập phá thế giới vật chất mà anh ta coi như là “có”, là kẻ thù của vô ngã. Trí Minh thì tự cho mình đã vượt ra khỏi vòng câu chấp, ôm trọn đời sống vật chất trong tay nhưng quay lại đánh đổ và coi thường nó như một phũ nhận hiện hữu với tâm trạng thỏa mãn của một người “giác ngộ.” Sự giác ngộ dễ dãi và ngây thơ của người chỉ thấy tượng Phật trong chùa mà không thấy tánh Phật quanh ta...

Phạm Xảo thì góp ý một cách lơ lửng:

- Biết đâu vậy mà hai anh em ấy lại cảm thấy an lạc và hạnh phúc hơn tất cả chúng ta bây giờ.

- Tại sao tướng quân lại suy diễn như thế?

- Vì tất cả chỉ là phương tiện tạm thời để đi đến cái đích. Ấy là hạnh phúc. Sống là phương tiện. Thân xác này là phương tiện. Tu bụi hay tu đạo cũng chỉ là phương tiện. Qua những thay đổi, thăng trầm bên ngoài mà có người cho là “dầu bể” thì hạnh phúc nhất là tìm được ra nhau. Trí Quang và Trí Minh tìm ra nhau, ôm lấy nhau sau những đổ vỡ tang thương. Ấy là hạnh phúc.

Câu chuyện được tiếp diễn và kéo dài qua một khúc quanh. Những oan trái thường theo danh mà đến, bám lợi mà vào, nương theo lòng ham muốn mà đi. Riêng Phạm

Xảo sống đời lạng lẽ như chiếc bóng trong Thái Ấp. Cho đến một hôm, Quan Tổng Đốc Trần Minh tìm đến nhà. Ông đã ôm mối hận đi tìm kẻ thù giết cha mẹ mình và ôm ấp một hoài niệm đi tìm lại ân nhân đã cứu mình và cấp dưỡng mình trưởng thành cho đến khi ra làm quan. Hôm nay ông đã tìm đến gặp lão tướng Phạm Xảo. Họ đều là những tướng quân chỉ khác thế hệ. Và bây giờ giữa có một mối thù bất cộng đới thiên, nhưng Phạm Xảo không chịu động đến đao kiếm. Nên Trần Minh đành dùng chiến tranh lạnh, đấu pháp họ phải đối mặt bây giờ là giao đấu bằng cách ngồi bất động và lạng thình. Trần Minh cầm kiếm bên bàn đá và ra điều kiện người nào bị ngã ngục trước thì người kia sẽ cắt đi đầu của họ và coi như oán thù này được giải quyết. Xem ra cuộc chiến thì rất êm ả nhưng chỉ có họ mới hiểu được cam go ở trong đó. Thời gian chậm chậm trôi đi, nhưng nội tâm của họ bắt đầu vục dậy, cuộn trào lên bao nhiêu thứ đòi hỏi rất bình phàm của loài người, nhưng họ mỗi người tự biết mình cần phải làm gì nên chỉ còn nước cắn răng chịu đựng. Với tuổi trẻ nóng nảy, năng động của Trần Minh thì chắc hẳn sẽ thua xa bản lĩnh âm trầm chịu đựng của Phạm Xảo. Tiếp diễn cho đến rạng ngày thứ hai, khi ánh nắng đầu rải đều trên mặt đất cũng chính là lúc Phạm Xảo tiếp xúc được với tâm linh, sống lại với cái chân thật của mình. Nên ông xóc kiếm đứng lên đi sát đến bờ tường vôi trắng xóa, một nhát kiếm hoa lên, một ngón tay bị đứt lìa, máu! Máu biến thành màu mực son uốn

lược những nét đại tự cuồng thảo. Mực son vừa cạn kiệt, một nhấc kiếm hoa lên, một ngón tay lại rơi xuống, động tác đẹp mắt đau lòng ấy tái tiếp diễn cho đến lúc trên tường vôi hiện toàn bày bài thần chú Bát-nhã: “*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ-đề tát bà-ha*”, nghĩa là vượt qua, vượt qua, hãy vượt qua bờ bên kia. Bài chú vừa kết thúc cũng là lúc thân hình của Phạm Xảo biến thành một cái xác không hồn. Chính ngay lúc ấy, Trần Minh cũng như choàng tỉnh sau cơn ác mộng đưa tay vào ngực áo lôi ra tấm vải gấm vàng đã cũ với những giòng chữ cuồng thảo màu son viết bài Kinh Bát Nhã đã bị xết mất đi đoạn cuối. Những nét chữ cuồng thảo thật giống nhau, chỉ khác chăng dòng chữ trên tường chính là phần cuối của tấm vải vàng đã bị xết đi. Đây là vật duy nhất để cho Trần Minh đi tìm và nhận biết ân nhân của mình mà bà Vãi ở chùa đã trao cho trước khi nhắm mắt. Trần Minh xiết chặt mảnh gấm vàng và khóc vùi dưới chân của Phạm Xảo. Ông nói lời đủ cho mình và cả ba ngàn thế giới cùng nghe: “*Mẹ ơi! Cha ơi! Ân nhân ơi! wóc chi con gần được những trái tim của mẹ, của cha, của người ân từ ngày còn bé để con biết khóc như hôm nay trước khi con biết hận thù!*”

Câu chuyện trên tình cảnh khúc chiết, chúng tôi chỉ sơ lược vài dòng để quý vị nắm phần chính yếu. Một người khi đã liễu giải được nhân quả, tiếp xúc được chính mình sẽ tự biết phải làm gì để cởi mở vòng nghiệp báo luân hồi. Vấn đề hôm nay chúng tôi muốn bàn đến cũng chỉ là

chuyện Thiên Ác Nghiệp Báo. Bởi có phật-tử đưa ra vấn đề thế này: *Kiếp này con làm điều thiện, mà con sợ kiếp sau con sẽ làm điều ác thì có cách nào chắc chắn con có thể làm việc thiện trong tất cả các kiếp về sau của con không?*

Đây là một vấn đề rất nan giải. Vì sao? Trong kinh Phật nói: “Bồ-tát còn mê khi cách âm”, nghĩa là khi nhập thai và sanh ra đời khác, hàng Bồ-tát hãy còn mê muội khi chuyển sanh, hà huống chúng ta là phàm phu trong hạng phàm phu. Làm sao có thể giữ được? Chỉ có một cách là tu thôi, mà phải tu làm sao chứng đến bậc thánh mới được. Hiện giờ chúng ta đang trong địa vị phàm phu thì cũng phải chiếu theo bốn quy tắc căn bản của Ấn Quang đại sư^① sau đây:

1. Tồn hảo tâm: luôn giữ tâm niệm thuần thiện.
2. Thuyết hảo thoại: luôn nói lời thật ngữ tốt lành.
3. Tổ hảo sự: luôn hành trì những điều thiện.
4. Tác hảo nhân: làm người tốt hay cứu giúp người khác.

Y theo đây thì cái nhân lành này chúng ta đời sau mới có thể tiếp tục con đường thiện hạnh của mình được. Do giữ tâm thuần thiện nên ba chất ác của tham sân si không

^① *Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Hội Pháp Ngữ*

thể sanh khởi nên lòng được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chất liệu vô cùng trọng yếu, nhờ có nó mà ta mới có thể nuôi dưỡng và phát huy được lòng nhân nơi ta. Chữ lòng nhân đây, theo cách viết Hán là nhân tâm (仁心): nó mang tính chất hội ý. Nghĩa là tâm ý nghĩ đến phúc lợi, giúp đỡ và thành tựu cho người thứ hai, chẳng phải mình. Chỉ luôn nghĩ đến mình thì không có lòng nhân từ, mà phải biết nghĩ đến người khác. Như vậy cũng đồng nghĩa với BỒ-tát, vì BỒ-tát là giác hữu tình, giúp chúng hữu tình đồng giác ngộ như mình không khác. Như câu chuyện Vua Ma-Ha-Nam tính biết trước sẽ không tránh khỏi việc Vua Lur-ly sang trả thù đánh phá. Ngài đã nghĩ ra một kế hy sinh bản thân mình để mong cứu thoát dân lành, nhưng bởi lòng còn lưỡng lự không biết hành động của mình có ảnh hưởng đến cận tử nghiệp và lúc chuyển sanh hay không, nên ông đã tìm đến hỏi Phật.

Ngài Ma-ha-nam bạch Phật rằng: những lúc tôi gặp phải xe, ngựa, voi điên và người đánh lộn là khi ấy tôi mất tâm niệm Phật, không may lâm nạn bị chết thì sẽ sanh về cõi nào?

Đức Phật dạy: lúc ấy không may thời người vẫn được sanh về cõi lành, chứ chẳng sanh về ác thú đâu, người đừng lo sợ. Ví như cái cây thường ngày nó nghiêng về hướng đông, nếu mà nó bị gãy thì quyết định nó ngã về hướng đông. Người lành cũng như thế, nếu khi thân chết

nhờ sức hun đúc ý thức lành đã nhiều ngày từ trước như kính tin trì giới, học hỏi, bố thí và trí tuệ chắc được lợi ích mà sanh lên trời. (*)

Cho nên cái tiêu chuẩn đầu tiên rất ư là thiết yếu, nếu vắng mặt nó thì mọi việc thiện lành của chúng ta cũng chỉ kể như công suông. Chính là Kinh Anan Vấn Sự Phật Kiết Hung chỗ nói: “*Bất chi tiền thế túc tội vô công*” nghĩa là không chỉ đời trước làm phước không thật công đức; đời nay lại tiếp diễn, tức tuy cũng là làm thiện, làm phước nhưng không gặp hái được công đức. Chỉ vì hư danh mà không thật dụng vậy. Nên phải tu tâm thuần tịnh, thuần thiện. Có được vậy rồi thì mới nói được lời thành thật tốt lành mà trong Tứ Nhiếp Pháp gọi là ái ngữ: nói lời hòa dịu dễ cảm hoá người. Đến phần làm việc tốt, người tốt. Làm việc tốt là không những không cản trở việc tốt đẹp của người mà còn hết lòng giúp đỡ thành tựu cho họ. Làm người tốt thì không bao giờ nghĩ chuyện phương hại đến người khác. Như Tam Tụ Kinh vừa mở đầu cổ đức dạy: “*nhân chi sơ tánh bản thiện.*” nghĩa là con người ban sơ tánh vốn thiện. Sách này là sách dạy trẻ nhỏ, nên câu kệ là: “*tánh tương cận, tập tương viễn.*” tức tánh nương ở gần, mà tập thành thì lâu sau. Bởi vậy, cái tánh bản thiện đó

(*) *Phản Nhơn Quả chương Chúng Sanh “Luận Tà Trì” trong Kinh Lời Vàng.*

phải được nuôi dưỡng từ nhỏ mà quan hệ mật thiết nhất không ai hơn là ông bà, cha mẹ, cô cậu, anh em,... Thế nên, muốn là người tốt thì cần rất nhiều yếu tố xung quanh tạo nên. Một chứng cứ hùng hồn là ngài Mạnh Tử thành tựu là nhờ vào cách ứng xử khéo léo của mẹ. Nếu không có sự trợ giúp đó ngài quyết định không có được người đời kính trọng như bây giờ. Ở đây có một điểm nhỏ chúng tôi có lời thưa với quý vị, hãy học theo hạnh của mẹ ngài Mạnh Tử, để mắt lưu tâm đến con cháu mình. Nuôi dưỡng hun đúc chúng nó với lòng từ bi, biết yêu thương giúp đỡ chớ đừng để nó mang nặng niềm oán ghét thù hận trong tâm. Trên đây là bốn yếu tố căn bản nhất của căn bản để chúng ta trở thành người thiện.

Bước thêm bước nữa chúng ta phát tâm tu hành, thực tập theo Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên của hàng nhị thừa. Nếu muốn không còn rơi vào ba đường ác nữa thì chí ít cũng phải chứng đến quả Tu-đà-hoàn, vì Tu-đà-hoàn là quả Dự Lưu tức là đã nhập vào dòng thánh. Còn nếu phát đại tâm, hành đại nguyện, tu theo đại thừa thì phải nắm chắc câu thần chú này: “hy sinh phụng hiến, xả kỷ vị nhân.” Thực hành sáu pháp ba-la-mật và bốn lời nguyện lớn. Mà thực tế và gói gọn nhất là Thập đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền trong Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của Kinh Hoa Nghiêm. Còn nếu tự nghĩ mình không đủ năng lực vượt thoát trần lao thì chuyên một lòng trì danh niệm Phật cầu sanh về nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Vì cõi

ấy không có ba đường ác, và một khi vãng sanh về nước đó thì không còn thoái chuyển trong sanh tử trầm luân. Phật A Di Đà lại còn phát đại nguyện hễ chúng sanh nào hết lòng tín nguyện niệm Phật cầu sanh sẽ được đơi nghiệp vãng sanh. Lại như thấy tất cả những điều trên đây khó khăn quá không làm được nữa thì chỉ còn một nước là phải tạo cho được đại phước báo để được sanh lên đến Đạo-lợi thiên. Người khi sanh đến Đạo-lợi thiên vẫn còn nhớ biết được nguyên nhân đời trước làm sao mình được sanh lên đến cõi này nên không mất đi nhân duyên trước, có thể tiếp tục con đường thánh thiện của mình cho đến ngày giải thoát.

Bây giờ chúng tôi xin trích một vài đoạn kinh văn đề quý vị hiểu rõ thêm về nhân quả nghiệp báo. Mở đầu Kinh Nhân Quả Ba Đời – Phật dạy: - *Này các tỳ-khưu, hết thấy trai, gái, già, trẻ, phú quý, bần tiện, chịu khổ vô cùng hay hưởng phúc vô tận đều do sự báo ứng của nhân quả kiếp trước, vậy cần phải làm gì? trước tiên phải hiếu kính cha mẹ, kính tin Tam-bảo! thứ đến cần phải giới sát, phóng sinh, niệm phật, bố thí, trồng các ruộng phúc cho đời sau!*

Trước hết Phật dạy rõ cho chúng ta, người ta sanh ra có giàu nghèo, quý tiện, trai gái đẹp xấu là do quả báo của kiếp trước. Muốn kiếp sau như thế nào thì phải do nơi nhân trồng nơi kiếp này. Nên trong kinh có chỗ Phật thuyết: “*Muốn biết nhân đời trước thì hãy nhìn vào quả*

*báo hiện tại, muốn biết kết quả đời sau thì hãy nhìn vào chỗ tạo nhân ở hiện tại”. Phật từ bi dạy cho chúng ta những điều về hiếu kính, niệm Phật, bổ-thí là muốn cho chúng ta biết gieo nhân lành để hưởng quả phúc về sau. Bởi vì sau khi chuyển sanh ở kiếp khác, người ta thông thường không còn nhớ được những gì ở kiếp trước nữa. Cũng có một số rất ít người nhớ lại được, đó là những hình thức đoạt thai khi sanh, hay nhân duyên đặc biệt mà có được. Kinh Kiến Chính – Phật nói: *Này các đệ tử! thần thức chuyển đời đi theo với nghiệp, người không có đạo hạnh, không có thần thông trí tuệ sáng suốt hoàn toàn, không thể nào biết được những việc trước... Này các đệ tử, thần thức khi còn ở đời. làm thiện làm ác, tới lúc chết đi, sẽ tự theo chỗ nghiệp cảm phải thụ báo, mang thân hình khác, thì chỗ thấy biết cũng đều thay đổi hết, không còn có chi là như cũ nữa... Sinh tử cũng như thế, người nào chưa tu chứng được đạo quả, không có mắt trong sạch sáng suốt, thì lúc thân chết đi, thần thức phải theo nghiệp mà biến hóa đổi đời, mang lấy thân khác, lại phải chịu ở trong bào thai, tất nhiên mọi sự thấy biết, cũng đều khác hết, nên không còn nhớ đến những việc cũ nữa.**

Thần-thức trong kinh Phật nói chính là cái mà chúng ta thường gọi là linh hồn. Thần thức đây là cái thấy biết luân tập do một đời tạo tác, vin theo mà sau khi chết đi chuyển sanh thành thân trung ấm. Bởi vì chấp trước nên phải chịu luân hồi theo nghiệp duyên thiện ác. Như trong Tứ Liệu

Giản của Tổ Vĩnh Minh có viết: “*ám cảnh nhược hiện tiền, phiết nhĩ tùy tha khứ*”. khi ám cảnh hiện ra thì thoáng chốc tùy theo nó mà chuyển sanh. Vì thế nên Phật ra đời, đem đạo lý ra chỉ bảo cho người tỉnh ngộ ngay trong tâm mình đã. Vậy ai muốn biết thần thức đi lại trong vòng sanh tử, hưởng thụ thế nào. cần học ngay 37 phẩm cốt yếu của Phật dạy về các phương pháp tu hành, là những phép rất mâu nhiệm vào thiên-định, khiến cho trí tuệ được sáng suốt vô cùng cực, để kiểm điểm thân tâm, gìn giữ thân tâm, điều hòa thân tâm, khiến cho thân tâm, trở lên chân chánh, đầy đủ trí tuệ, thì mới có thể biết rõ hết mọi chỗ thần thức đi lại, và các việc xưa nay thay đổi như thế nào.

Đoạn kinh văn kể tiếp, Phật từ bi nói rõ hơn về cách hành trì và đối trị: *Nầy các đệ tử! các người cần phải học hỏi cho hiểu rõ mọi sự của thân và tâm, phải biết rõ các phương pháp để đối trị, mỗi khi gặp sự mờ ám, kíp phải diệt trừ ngay đi, chớ nên làm cho rối loạn thân tâm, giữ vững tinh thần theo chánh pháp, giữ đúng được như thế mãi, thì những chỗ ngờ vực không cần phải hỏi, tự khắc là giải quyết được rồi.*

Trên đây là những đoạn kinh văn thuộc bên tiểu bộ, dạy rõ về sự cho chúng ta hiểu để hiểu làm sao ứng xử khi tiếp người, đối vật, đối sự trong cuộc sống hằng ngày. Bây giờ đi sâu hơn chút nữa, chúng ta lần vào đại thừa bộ, học hỏi phần lý tánh mà ứng dụng. Kinh Thập Thiện Nghiệp

Đạo, Phật dạy: *Long vương nên biết! Bồ-tát có một pháp hay dứt tất cả các đường ác khổ. Thế nào là một? Nghĩa là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ quán sát pháp lành, làm cho các pháp lành mỗi niệm mỗi tăng trưởng, không để một mảy may bất thiện xen lẫn vào. Tức là hay khiến cho các ác pháp hằng dứt, thiện pháp viên mãn, thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát và các Thánh chúng.*^(*)

Đoạn kinh văn này là chỗ tối diệu trong việc tu thiện, hành thiện và quả báo thiện thù thắng về sau. Vì sao? Vì từ người, trời, cho đến quả vô thượng Bồ-đề đều phải y theo nơi pháp này làm căn bản mới được thành tựu. Cho nên muốn đời nay và mãi mãi về sau nữa, muốn chẳng còn phải chịu thối đọa trong ba đường ác nhất định phải tu theo pháp này. Mọi người đều biết, chúng ta có mặt trong đời này khổ nhiều vui ít. Đức Phật thương xót than rằng: “*Nhân sanh tại thù đồ.*” Nghĩa là chúng ta sanh ra có mặt ở cõi đời này chỉ là để trả nợ và đòi nợ. Vì vậy mà Quy Sơn Cảnh Sách chép: “*Bởi do nghiệp trói buộc mà có thân.*”

(*) nguyên văn: *Long vương đương tri! Bồ-tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ. Hà đẳng vi nhất: Vị u trí dạ thường niệm tư duy, quán sát thiện pháp. Linh chư thiện pháp, niệm niệm tăng trưởng, bất dung mao phần bất thiện gián tạp. Thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn. Thường đắc thân cận chư Phật, bồ-tát cập dư thánh chúng.*

Đây chính là chỗ Phật chỉ rõ cái gốc vô minh của chúng ta. Chúng ta có mặt đây là do nghiệp duyên trôi buộc tạo thành, nên chỉ thấy cuộc đời đầy đau khổ. Tuy khổ là thế mà nào có mấy ai muốn thoát ra, có người bảo rằng: *Ai bảo em cuộc đời đầy đau khổ, khi em còn có mẹ ở trong tâm.* Nghe dễ thương làm sao! Hạnh phúc sao mà giản dị quá. Vậy mà ở đời có nhiều người lại không tìm được cái hạnh phúc đơn giản bình phàm như vậy đó. Hà huống chi là những thứ khác. Nên cần phải phát đại tâm, nếu không thoát ra ba cõi thì sanh tử tử sanh không bao giờ ngừng dứt. Như trong Chứng Đạo Ca của Huyền Giác đại sư viết: *“Mấy hồi tử, mấy hồi sanh, sanh tử liên miên không ngừng nghỉ”*.⁽¹⁾ Bởi một khi nhân đã tạo thì quả phải nhận thọ, dù đó là nhân thiện hay ác: *“Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì”*. Hoặc như Quy Sơn Cảnh Sách nói: *“Giả sử trăm nghìn kiếp, nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Nhân duyên khi gặp gỡ, quả báo lại phải chịu”*.

Nhưng rồi, dù là thiện báo, phước báo, hay gì gì đi nữa. Chúng ta không nên chấp trước phước báo hữu lậu để rồi rơi trở lại sanh tử luân hồi, do đó mà Kinh Kim Cang, Phật thuyết: *Vị bồ-tát đứng nơi pháp, phải nên không có chỗ trụ trước mà làm việc bố-thí.* Nghĩa là không trụ trước nơi

⁽¹⁾ Nguyên văn: *Kỷ hồi sanh, kỷ hồi tử. Sanh tử du du vô định chỉ*

hình sắc mà bố-thí, không trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố-thí.

Bởi dù phước báo nhiều như cát sông hằng, lớn bằng cả tam thiên đại thiên thế giới rồi cũng có ngày hưởng tận. Phước báo hết tất sẽ rơi vào ba ác đạo, lại giáp mặt với thế giới khổ đau. Bởi vô minh nên chúng ta mê lầm không hiểu được chân tướng vũ trụ nhân sanh, nên mãi trôi lăn trong ba cõi sáu đường trầm luân khổ hải. Không nhận chân được sự thật nên lấy khổ làm vui. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Thí Dụ nói: *Các người không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham, mê ắt sanh ái nhiễm thời sẽ bị nó đốt.*

Chung quy lại, tất cả vạn vật hiện hữu trong thế gian này, thấy đều là giả hợp, là vô thường biến đổi, không thật. Phật ví những gì có mặt đây cũng như là những cảnh trong mộng, như thuật huyền hoá, như ánh điện chớp, sương long lạnh dưới nắng, ảnh tượng trong gương phản chiếu. Vì vậy mà trong kinh Kim Cang Phật thuyết kệ rằng:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ, diệt như điện
Ứng tác như thị quán.*

tam dịch:

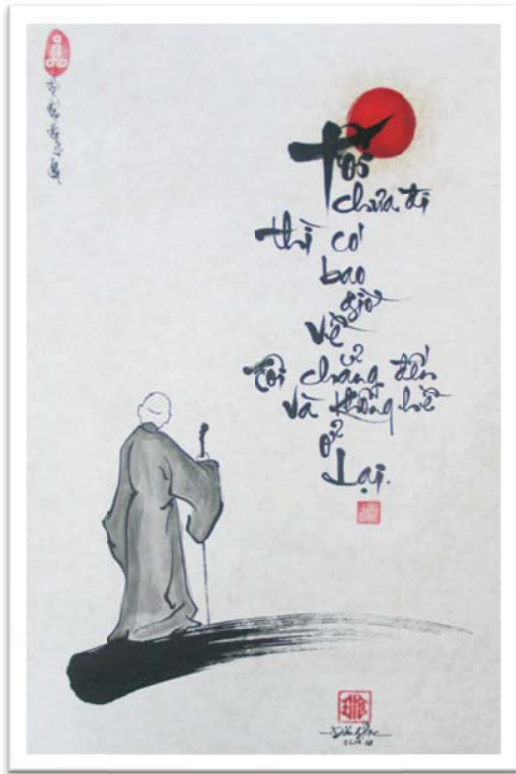
*Tất cả các pháp hữu vi
Khác nào mộng, huyễn, khác gì điện, sương
Như (bong) bóng nước, như ảnh tượng
Xét suy như thế cho tường cho quên.*

Biết được hết thấy các pháp đều không thật nên chúng ta phải suy xét mà sống thật lại với bản tâm mình, đừng chạy theo, đừng chấp trước. Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa có đoạn: *Các pháp bản lai rỗng lặng, tàn tạ thay đổi không ngừng, niệm niệm sanh diệt. khổ không, vô thường, vô ngã,... bản lai bất sanh, nay cũng bất diệt, một tướng vô tướng, không tới không lui mà bốn tướng của chúng sanh thường phải biến thiên.*

Chúng ta thấy được vạn vật biến đổi vô thường như thế thì làm sao nắm chắc được việc hành thiện của mình được mãi luôn bền vững. Không nên vì việc quá khứ mà mãi lưu tồn niệm oán hận trong lòng, nên hướng về tương lai cùng nắm tay nhau ca khúc khải hoàn thoát ly khổ não. Vì vậy, phải y theo lời Phật dạy mà hết lòng trì danh niệm Phật để sanh về Cực-lạc mới được cái thiện chân thật không biến đổi. Kỳ vọng mọi người đều minh bạch đạo lý này mà đồng phát tâm học Phật, tu hành, hoằng dương Phật pháp khởi cô phụ đại ân của chư Phật, Bồ-tát, không lãng phí kiếp này sống ở thế gian. Được vậy thì chúng tôi không uổng một phen hạ bút.

Mong thay! Mong thay!

- Dầu hè Bích Tuất, tháng 5 năm 2006 -



Phật Bồ-đề Tâm

Ngày nay đại-chúng đồng-nghiệp trong Đạo-tràng đã cùng nhau rửa sạch tâm ô-úế rồi, thập-ác, trọng chướng không còn, nghiệp lụy đã hết, trong ngoài đều thanh-tịnh. Thứ lại xin học các vị Bồ-tát tu-hành trực-đạo, công đức trí-huệ do đó mà sanh. Bởi vậy, chư Phật thường khen ngợi sự phát tâm là Đạo-tràng, vì hay thành tựu được đạo quả vậy.

Nguyện xin đại-chúng đều nên kiên-tâm trì-chí, chớ tưởng sống lâu mà đợi ngày lâu-tận, chớ luống qua, sau ăn-năn không kịp. Bây giờ đã cùng nhau gặp thời buổi tốt, ngày đêm chớ để phiền-não che lấp tâm tánh, phải nên nỗ lực phát tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề là tâm Phật, công đức trí huệ vô lượng, không thể nghĩ bàn... Giả sử lịch kiếp tu hành vô lượng phước đức, làm đủ hết thầy việc lành, không bằng một niệm phát tâm Bồ-đề trong muôn một. Toán số thí dụ cũng không thể so lường được công đức phát tâm Bồ-đề. (trích chương: Phật Bồ-đề Tâm trong Lương Hoàng Sám Pháp)

*

* *

Trong cuộc sống đời thường cũng như trong Phật pháp, có những danh từ được lặp lại nhiều lần, biến chúng trở thành quen thuộc khiến ta ngỡ rằng đã hiểu, thật ra chúng ta chỉ làm quen mà chưa biết rõ tường tận. Phát Bồ-đề tâm! câu nói này ở trong nhà Phật thì hầu như chẳng còn ai xa lạ nữa. Đôi khi còn dính chặt trên môi của mọi người; bởi lẽ lúc có việc gì cần thì mình liền khuyên họ nên phát bồ-đề tâm ủng hộ, giúp đỡ, bố thí cúng dường.v.v. Khi công việc hoàn thành rồi thì liền tán thán họ công đức vô lượng, khen tặng tốt cùng... Hiện nay chúng ta ở vị trí phàm phu địa, muốn phát tâm bồ-đề thì phải có năng lực hiểu biết mới phát được. Mà phát tâm bồ-đề thì phải có đủ nhân duyên mới phát được, không phải tùy tiện lúc nào cũng phát được. Cái mà quý vị thường gọi là phát Bồ-đề tâm đó chỉ là phát lòng lành, hành thiện chia xẻ mà thôi. Không phải là phát Bồ-đề tâm đâu! Phát Bồ-đề tâm là phát tâm làm Phật, phát tâm ra khỏi ba cõi sáu đường, mười pháp giới. Nay chúng ta phải ở nơi địa vị phàm phu mà muốn phát Bồ-đề tâm thì phải thường hằng tâm nguyện, bởi phát tức là từ trong lòng mình phát nguyện ra chứ chẳng phải là từ bên ngoài mà được. Vậy thì những chữ chúng ta dùng đó thật thỏa đáng chưa? Chúng ta có nên dùng những câu nói như vậy để làm những việc như thế chẳng? Để khảo lược chuyện này, quý vị cùng chúng tôi đi tìm hiểu một chút về mấy chữ rất phổ thông này.

Cách nói phát bồ-đề tâm, phát tâm Bồ-đề hay phát lòng Bồ-đề thấy đều là một thứ. Mà Bồ-đề là gì? Bồ-đề là tiếng dịch âm theo Hán ngữ từ chữ Bodhi, đọc theo âm tiếng Việt chúng ta thành là Bồ-đề. Bồ-đề dịch nghĩa là giác, trí, tri đạo, tỉnh thức, giác ngộ. Trí huệ đoạn tuyệt phiền não thế gian để thành tựu Niết-bàn, tức là trí giác ngộ mà Phật, Duyên giác, Thanh văn đã chứng được ở quả vị của mình.

Trong tiểu thừa, Bồ-đề là chứng được Tứ Diệu Đế, thoát ly khổ hải sanh tử. Trong đại thừa, Bồ-đề được hiểu là trí huệ, nhận ra rằng không có sự sai khác giữa Niết-bàn và luân hồi. Bồ-đề là chứng được trí Bát-nhã, nhận ra Phật tính của chính mình hay của muôn loài, nhận ra tính Không của thế gian, nhận biết sự thật như nó là chân như. Đại thừa phân biệt ra ba loại Bồ-đề: giác ngộ cho chính mình (sự giác ngộ của một vị A-la-hán), giải thoát cho chúng sanh (sự giác ngộ của một vị Bồ-tát) và giác ngộ hoàn toàn của một vị Phật. Trong quan điểm này, mỗi trường phái Đại thừa lại có một cách giải thích khác nhau.

Bồ-đề tâm (菩提心) tiếng phạn là Bodhi-citta, dịch nghĩa là giác tâm. Bồ-đề tâm gọi đủ là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề; còn có những tên khác như: vô thượng chính chân đạo ý, vô thượng Bồ-đề tâm, vô thượng đạo tâm, vô thượng đạo ý, vô thượng tâm, đạo tâm, đạo niệm, đạo ý, giác ý. Mới bắt đầu phát tâm gọi là sơ phát tâm, đem cái tâm cầu thành Phật;. Tâm hướng về giác ngộ là

một trong những thuật ngữ quan trọng của đại thừa. Tâm là hạt giống sinh ra tất cả chư Phật, là ruộng tốt nuôi lớn tịnh pháp, sau khi phát khởi tâm này, siêng năng tinh tấn tu hành sẽ chóng được thành Phật. Lương Hoàng Sám Pháp nói:

“Lại như có người chỉ làm việc phước đức chớ không phát tâm vô thượng Bồ-đề; người ấy cũng như kẻ cày ruộng không gieo giống. Mầm mống đã không gieo thì làm sao có lúa thóc. Vì lý do ấy nên phải phát tâm Bồ-đề để làm nền duyên cho việc chứng quả; trước là báo ơn chư Phật, sau là cứu vớt muôn loài. Cho nên Phật khen ngợi các thiên-tử rằng:

Lành thay! Lành thay! Như lời các người nói là vì muốn lợi ích cho hết thảy chúng sanh.” Phát tâm Bồ-đề là cách cúng dường lớn hơn tất cả.”

Thế nên biết Bồ-tát Đại thừa trước tiên cần phải phát khởi tâm rộng lớn, gọi là phát Bồ-đề tâm, phát tâm, phát ý. Theo cách định nghĩa của Phật giáo Tây Tạng thì Bồ-đề tâm có hai dạng tương đối và tuyệt đối. Bồ-đề tâm tương đối lại được chia làm hai cấp bậc:

1. Xuất phát từ lòng Từ Bi, hành giả quyết tâm giải thoát để cứu độ chúng sinh.

2. Hành giả hành trì thiên định, mục đích đạt được phương tiện thiện xảo, để biến ước mơ thành hành động.

Còn Bồ-đề tuyệt đối chính là sự chứng ngộ được tánh Không của mọi hiện tượng. Mỗi khi hành giả trực nhận được tánh Không thì tâm thức nội tại lúc ấy của họ chính là Bồ-đề tâm tuyệt đối.

Theo kinh Bồ-tát Địa Trì I, có bốn thứ duyên trợ giúp hành giả phát Bồ-đề tâm:

1. Thấy nghe thần thông biến hoá bất khả tư nghị của Phật, Bồ-tát mà phát tâm.
2. Tuy chưa thấy thần biến, nhưng được nghe nói về Bồ-đề và Bồ-tát Tạng mà phát tâm.
3. Tuy chẳng nghe chính pháp, nhưng tự thấy tướng chính pháp diệt, vì muốn hộ trì chính pháp mà phát tâm.
4. Chẳng thấy tướng chính pháp diệt, nhưng thấy chúng sinh bị phiền não trói buộc khó phát tâm được nên mình phát tâm.

Cho nên Phật kinh thuyết:

Lại nữa tâm Bồ-đề chỉ gặp thiện-tri-thức liền phát, vị tất phải gặp Phật xuất-thế. Như ngài Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát, lúc đầu hướng về Bồ-đề là nhờ gặp được nữ nhân mà phát. Nhưng sơ tâm huệ thức không phải kẻ phàm phu, tâm chí hạ liệt mà phát được. Phải là người có thật tâm khát ngưỡng đại thừa, tham cầu Phật-pháp, y theo kinh, xem thường thế sự, oán thân bình đẳng, lục đạo như nhau. Nguyện cho hết thấy chúng sanh nhờ sự phát tâm ấy mà

được giải thoát, đều đồng tín-giải. Nên biết sự phát tâm không phải là việc nói chơi, hạng người tâm thường mà phát tâm được...

Tịnh độ tông của phái Trần Tây chia Bồ-đề tâm ra thành Bồ-đề tâm thánh đạo và Bồ-đề tâm tịnh độ môn. Họ cho rằng Bồ-đề tâm là tổng an tâm, còn tam tâm (1. chính thành tâm, 2. Thâm tâm, 3. Hồi hướng phát nguyện tâm) là biệt an tâm, cho nên chủ trương cần phải phát Bồ-đề tâm. Tịnh Độ Chân Tông lại phân ra Tự lực Bồ-đề tâm và tha lực Bồ-đề tâm. Trong đó, Phật dùng bản thể nguyện cho chúng sinh tin ưa tức là tín tâm chân thật vì tâm nguyện làm Phật (tâm tự lợi nguyện thành Phật), tâm độ chúng sinh (tâm lợi tha tế độ tất cả chúng sinh), cho nên gọi là Tha lực Bồ-đề tâm, Tịnh độ đại Bồ-đề tâm.

Theo Đại Thừa Nghĩa Chương 9, có ba loại duyên:

1. Tướng phát tâm: thấy tướng sinh tử và Niết-bàn, nên chán sinh tử và phát tâm cầu Niết-bàn.

2. Tức tướng phát tâm: biết bản tính của sinh tử tịch diệt cùng Bát-nhã không khác, lìa tướng sai biệt mà khởi tâm bình đẳng.

3. Chân phát tâm: biết bản tính của Bồ-đề là tự tâm, Bồ-đề tức tâm, tâm tức Bồ-đề mà quay về bản tâm của chính mình.

Luận Đại Trí Độ lại chia Bồ-đề ra năm loại:

1. Phát Bồ-đề tâm: loại Bồ-đề của Bồ-tát ở giai vị Thập-tín phát tâm cầu Bồ-đề, tâm này là nhân đưa đến quả Bồ-đề.

2. Phục tâm Bồ-đề: loại Bồ-đề của Bồ-tát ở giai vị Thập-trụ, Thập-hạnh, Thập hồi-hướng do thực hành các ba-la-mật, chế phục phiền não, hàng phục tâm mình.

3. Minh tâm Bồ-đề: loại Bồ-đề của Bồ-tát ở giai vị Đẳng-địa đã liễu ngộ Thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh, tức là tướng Bát-nhã ba-la-mật.

4. Xuất đạo Bồ-đề: loại Bồ-đề của Bồ-tát ở giai vị Bất động địa, thiện huệ địa, Pháp vân địa; vị này ở trong Bát-nhã ba-la-mật được sức phương tiện, không chấp trước Bát-nhã ba-la-mật, diệt trừ phiền não trói buộc mà ra khỏi ba cõi, đến Nhất thiết trí.

5. Vô thượng Bồ-đề: Bồ-đề của đấng Đẳng giác, Diệu giác đã chứng thành A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tức giác trí của quả vị Phật.

Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu thì lấy Tứ hoàng thế nguyện làm Bồ-đề tâm: 1.- Tùy sự phát tâm: do sự việc cụ thể mà phát. 2.- Thuận lý phát tâm: do chân lý phổ thông mà phát.

Thiên Thai tông còn lập ra 3 nghĩa Bồ-đề:

1. Thật tướng Bồ-đề (Vô thượng Bồ-đề): Ngộ được chân tánh Bồ-đề thuộc lý thật tướng, ứng với đức Pháp thân.

2. Thật trí Bồ-đề (Thanh tịnh Bồ-đề): ngộ được trí huệ thuộc lý khế hợp, ứng với đức Bát-nhã.

3. Phương tiện Bồ-đề (Cứu cánh Bồ-đề): ngộ được tác dụng tự tại giáo hoá chúng sanh, ứng với đức Giải thoát.

Theo luận Đại Thừa Khởi Tín, sự phát tâm lược có ba món:

1. Tín hoàn toàn (Tín thành tựu) mà phát tâm.
2. Hiểu và Tu (giải, hạnh) mà phát tâm.
3. Chứng nhập chơn-như mà phát tâm.

Trong Tín thành tựu mà phát tâm, có chỗ hỏi rằng: - Phải là người thế nào và nhờ tu hạnh gì để thành tựu vị Thập-tín, mới phát tâm được? Đáp: - những chúng sanh bất định, nhờ sức căn lành huân tập, đời trước làm cho họ tin hơn quả, nên nhàm khổ sanh tử, phát tâm tu thập-thiện, để cầu đạo vô thượng Bồ-đề. Nhờ được đích thân hầu hạ, cúng dường chư Phật và tu hành trải qua muôn kiếp, nên họ mới đặng thành tựu tín tâm. Do hơn duyên đó nên được gặp Phật, Bồ-tát dạy mà họ phát tâm; hoặc vì lòng đại bi mà họ tự phát tâm; hoặc vì thấy chánh pháp sắp diệt mà muốn duy trì nên họ tự phát tâm. Những người như thế, được vào hàng chánh định, trọn không thối chuyển. Có

những chúng sanh, từ hồi nào đến giờ, căn lành mỏng ít, phiền não sâu dày, tuy cũng gặp Phật cúng dường, song chỉ cầu phước báo cõi nhơn thiên, hoặc tu theo nhị-thừa, hoặc họ có cầu pháp đại-thừa, nhưng căn tánh chẳng quyết định, tấn thối không chừng ; hoặc họ cúng dường chư Phật mà chưa đầy một vạn kiếp. Những hạng người này cũng gặp nhơn duyên lành để phát tâm (như thấy sắc tướng của chư Phật mà phát tâm, hoặc nhơn cúng dường chư Tăng mà phát tâm, hoặc nhơn gặp hàng Nhị-thừa dạy bảo mà họ phát tâm, hoặc học với thầy bạn mà phát tâm). Nhưng các loại phát tâm này, đều chẳng nhứt định, nếu gặp hoàn cảnh xấu ngược thì họ thối tâm, hoặc đọa vào Nhị-thừa.

Tóm lại, khi tín tâm đã thành tựu, thì phát ba món tâm như sau:

1. Trục tâm: nghĩa là tâm trục niệm chơn như.
2. Thâm-tâm: nghĩa là tâm ưa làm các việc lành.
3. Đại bi tâm: nghĩa là tâm muốn cứu khổ các chúng sanh.

Bồ-đề Tâm Luận thì lập ra bốn loại phát tâm:

1. Tín tâm: tâm không có chút nghi ngờ đối với việc cầu thành Phật đạo, vì đây là nền tảng của muôn hạnh, nên gọi là bạch tịnh tín tâm.

2. Đại bi tâm: sau khi phát bạch tịnh tín tâm rồi thì phát tứ hoằng thệ nguyện. Đại bi tâm này còn gọi là hạnh nguyện tâm, hạnh nguyện Bồ-đề tâm.

3. Thắng nghĩa tâm: chọn lựa sự chân thật thù thắng trong các giáo pháp. Thắng nghĩa tâm này còn gọi là thắng Bát-nhã tâm, thắng nghĩa Bồ-đề tâm.

4. Đại Bồ-đề tâm: ngay lúc quyết định bỏ cái kém liệt, chọn cái thù thắng, mười phương chư Phật liền hiện ra trước mắt chứng minh, chúng ma thấy việc này đều khiếp sợ mà thoái lui. Đại Bồ-đề tâm này còn gọi là Tam-ma-địa Bồ-đề tâm.

Phật dạy: “công-đức phát tâm rất rộng lớn sâu xa, không thể so lường. Chư Phật và Bồ-tát nói cũng không thể hết. Thiện-lực như vậy, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.”

Sáng nay trong lúc trì đại bi chú, chúng tôi đột nhiên nhận ra rằng mình làm muôn việc âu cũng chỉ vì một chuyện này thôi. Trước kia mỗi lần trì chú thường nghĩ đến oai lực của câu thần chú, sẽ giúp năng lực cho mình, đạt được thần thông, chỉ mong cầu những cái huyền bí. Nhân duyên hôm qua đọc cuốn Đại Bi Chú giảng giải của hòa thượng Tuyên Hóa mới biết được. Mỗi câu mỗi lời thầy đều là nói lên, bản thể, chân tướng, diệu dụng của Bồ-đề tâm.

Kinh Pháp Hoa nói: Chư Phật ra đời cũng chỉ vì một đại sự nhân duyên, vì muốn chúng sanh tử ngộ khai nhập Phật tri kiến, mà tri kiến tức là Bồ-đề tâm. Cho nên chẳng chỉ chẳng phải là Bồ-đề tâm. Trì chú không phải để phát huy năng lực thần bí, mà tiêu trừ nghiệp chướng để bảo trì việc này thôi. Tọa thiền cũng là an định lại việc này. Tụng kinh để tăng trưởng lý giải chỉ vì việc này. Làm bao nhiêu điều phước thiện cũng vì hỗ trợ cho việc này. Phật trọn đời lao nhọc đi khắp nơi hoằng truyền Phật pháp cũng chính là việc này. Đem cái sơ phát tâm Bồ-đề đạt đến cứu cánh viên mãn Bồ-đề tâm.

Bây giờ chúng ta điểm sơ qua những hành trạng của chư Tổ, trong Pháp Bảo Đàn Kinh cảnh ngộ của Lục Tổ Huệ Năng bị Hạnh Xương đến hành thích, Tổ biết trước không những không giận trách còn đem vàng trao cho và hứa về sau sẽ độ cho người. Ngài Hám Sơn trong Đường Mây Trong Cõi Mộng bị Vua hiềm khích mà đày đi biên ải, còn bắt hoàn tục. Nhưng ngài vẫn một lòng hành đạo cho đến ngày được ân xá mà tâm ngài không hề có niệm oán trách. Hư Vân Đại Lão hòa-thượng trong thời cận đại bị chính phủ hiềm nghi, đánh đập, hành hạ nhưng ngài vẫn một lòng hướng Phật không thê than oán. Đến như cảnh giới của hàng Bồ-tát thì khỏi phải nói, như Bồ-tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa khi bị người đánh mắng ngài không những không giận mà còn chạy ra xa lớn tiếng kêu rằng: tôi chẳng dám khinh các ngài, các ngài đều sẽ thành

Phật. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba-la-mật có đoạn nói về chuyện vua Ca-lợi vì nóng giận và ghen tức với vị tiên nhân nhục. Nên đã dùng gươm cắt tiết vị tiên nhân nhục ra từng phần. Nhưng vị tiên nhân nhục vẫn một lòng chịu đựng, không chút giận hờn còn phát nguyện: ngày tôi thành chánh giác người đầu tiên tôi độ là ông. Và lời nói hùng hồn đó đã chứng thật. Khi đức Thích-ca Mâu-ni Phật là đạo người đầu tiên ngài độ là A-nhã Kiều-trần-như, mà tiền thân là Ca-lợi-vương, còn vị tiên nhân nhục kia chính là tiền thân của Phật. Tích truyện này được tả rõ trong Kinh Đại Bát Niết-bàn ở Phẩm Su-tử-hống Bồ-tát. Với những hoàn cảnh khắc nghiệt như thế, các ngài nương vào đâu để vượt qua được? đâu không phải là do nguyện lực của phát Bồ-đề tâm!

Theo thứ lớp tuần tự để Phát Bồ-đề tâm trong Lương Hoàng Sám Pháp thì trước hết phải hành đại sám hối, sửa lỗi cải quá khiến thân tâm thanh tịnh rồi mới phát được Bồ-đề tâm. Nếu không vậy thì phát Bồ-đề tâm kia chỉ là hư ngụy giả tạo, không chứng thực. Sau khi phát Bồ-đề tâm rồi thì phải Phát Nguyện. Phát nguyện tức là phải hành theo, làm những Phật, Bồ-tát dạy bảo, mình phải nguyện làm bao nhiêu công đức lành để đạt đến tuyệt đối Bồ-đề tâm. Muốn thành tựu rốt ráo viên mãn tâm Bồ-đề còn phải Phát-tâm hồi-hướng, tức là đồng cầu hết thầy chúng sanh được như mình không khác. Nếu còn thấy mình và chúng

sanh là khác, chỉ riêng mình đắc độ thôi thì Bồ-đề tâm kia không trọn nên vậy.

Phát Bồ-đề tâm! một khi phát lên thì cả tam thiên đại thiên đều chấn động, chẳng phải việc thường. Chúng ta mỗi khi phát tâm lành trời đất đều hoan ca, chúng ta phát tâm ác cả Diêm vương kia còn nổi giận, chẳng phải chuyện thường. Quý vị có dịp xem kinh Diệt Tội Trường Thọ sẽ thấy được tường tận hơn. Đừng nghĩ rằng việc làm riêng ta thì dù là thiện ác, hay tốt xấu chẳng quan hệ đến ai. Tôi có sống chết chẳng có sao cả! không phải như thế đâu. Chỉ đơn cử chuyện hôn nhân gia đình thôi. Chuyện hôn nhân không phải là chuyện cá nhân của giữa hai người đâu, mà cả một gia đình, một xã hội, ảnh hưởng đến cả thế giới. Vì vậy mà ngày xưa việc chọn bạn trăm năm cho con cái ông bà mình đắn đo suy xét rất cẩn thận, thế mà còn không được trọn lành thay. Ngày nay tự do luyến ái, thương nhau. Nên thế giới ngày một tệ cũng chính bởi vì lý do này. Vì sao? cuộc sống của họ không ổn định, gia đình trở ngại buồn lo. Công việc ở công ty của họ cũng bị ảnh hưởng. tức xã hội có vấn đề. Sanh con ra, gia đình không hòa thuận thì biến thành sinh ly. Từ đó nảy sinh không biết bao nhiêu điều phiền phức, con cái họ lớn lên không người nuôi dưỡng, giáo dục tạo thành đứa con đờ, làm bao nhiêu là việc... rồi từ đó gây nên không biết bao nhiêu việc rắc rối về sau nữa. Ở đây do vì bài viết có hạn, chỉ thoáng sơ chuyện hôn nhân thôi... nói kỹ ra ắt cả bài viết nho nhỏ

này cũng không đủ. Hà huông chi nói chuyện phát Bồ-đề tâm, là phát đại tâm, hành đại nguyện, thành đại nhân.

Để thực tế hơn, chúng tôi xin thuật lại một câu chuyện người Phật-tử chân chính thời nay được kể lại trong bài diễn văn của Chánh án Nguyễn Trọng Nho trong buổi đại lễ Phật Đản Pl.2550 tại chùa Bảo Quang – California, do chính ông ta đứng ra xử án từ bốn năm trước.

*

* *

Một người đàn bà trông đáng vẻ gầy gò, sắc mặt hầy còn xanh xám trông chừng y như một người đang bệnh. Bà ta đang đứng trước tòa với một vết sẹo lớn bị dao chém dài từ thái dương gần đến mang tai. Vết sẹo xem ra còn rất mới, hầy còn chưa lành hẳn, đường chỉ may vẫn còn lộ lộ chưa cắt. Quan viên tố tụng bước đến gần hỏi bà ta:

- Bà hãy nhìn kỹ người đàn ông đang đứng kia, có phải là người đã âm mưu sát hại bà chăng?

Người đàn bà đưa mắt nhìn người đàn ông hồi lâu, đôi dòng lệ từ từ ứa ra rồi chậm chậm quay lại thưa với viên quan tố tụng rằng:

- Thưa quan toà, không! Ông ta không phải là người âm mưu giết tôi. Lúc bấy giờ tôi bị bệnh, cảm thấy vô phương cứu chữa nên nhờ ông ta giúp tôi thôi.

Mọi người đang hiện diện trong phiên tòa đều ngẩn người. Quan chánh án nhìn xuống tập hồ sơ, lật lại những lời khai và những tang chứng đã gây án của phạm nhân. Nhưng khi nghe đến câu trả lời của nạn nhân, ông ta cũng giật mình như không còn dám tin vào tai của mình nữa. Quan chánh án nhìn kỹ lại người đàn bà, thấy bà ta tuy có vẻ bệnh hoạn thật nhưng tinh thần thì rất bình thường, sáng suốt. Và lời nói chẳng có mang âm hưởng gì là bị áp bức đe dọa, hay trá trở cõn bọt chút nào, vì chẳng ai dám đứng trước tòa mà có tư cách đó bao giờ. Ông Chánh-án định thân thấy trước ngực người đàn, trên cổ có đeo tượng đức Quán Thế Âm Bồ-tát, mới biết lời nói kia là thật, thật một cách không chê vào đâu được. Ông nhận ra rằng người đang đứng kia là hiện hữu của một lòng từ bi cực độ, một đáng dấp thân quen là hóa thân của đức Quán Thế Âm Bồ-tát. Bà đã thể hiện được những gì mà Phật, Bồ-tát đã giáo hóa. Bà thật sự đã làm được một phật-tử chân chánh, thuần thành đúng nghĩa.

Bấy giờ Quan chánh án thể hội được hành động vô cùng cao quý đó nên ông xúc động mạnh. Ông nhìn lại phạm nhân rồi chậm chậm đưa mắt nhìn khắp phiên tòa, một nơi mà cảnh vật thật chẳng còn lạ lùng gì đối với ông nữa, nhưng hôm nay ông thấy đâu đâu cũng hiển hiện bóng hình của Quán Thế Âm Bồ-tát. Bởi ông đã hiểu được người đàn bà đang hiện diện trước mặt ông đây là hiện thân tấm lòng từ bi của Bồ-tát, trong mắt người đã không còn nhìn thấy

kẻ thù của mình, mà ai ai cũng đều là những con người thật đáng thương, đáng được cứu giúp...

* *
*
*

Hy vọng quý vị đọc đến chuyện này, học theo đức hạnh cao quý của họ. Đồng phát tâm đồng mãnh xả bỏ hận thù, nuôi dưỡng tánh đức thiện lương, khởi lòng từ bi hành thiện hạnh, phát Bồ-đề tâm. Chúng ta cùng nhau ngồi lại chỉnh đốn đạo tràng, phát huy đạo pháp. Nắm tay nhau một lòng hướng đến chân thiện mỹ tuệ, xây đắp cõi Ta-bà nhiều khổ lụy này thành Nhân gian Tịnh-độ. Ôi! như thế thì còn gì hạnh phúc bằng! Mong lắm thay!

Xin mọi người đồng niệm bài Phát tâm hồi hướng trong Lương Hoàng Sám Pháp:

“Nguyện xin mười phương tận hư-không giới vô lượng vô biên chư Phật, chư đại Bồ-tát, và hết thảy Hiền Thánh đều đem lòng từ-bi, đồng gia tâm che chở phù hộ cứu vớt chúng con, và chúng sanh, cho chúng con được mãn nguyện, tín tâm được kiên cố, phước đức ngày một cao dày, có từ tâm, nuôi dưỡng chúng sanh như nuôi đứa con một.

Khiến các chúng sanh ấy được bốn vô lượng tâm, sáu ba-la-mật, thập thọ tu thiền, tâm nguyện đầy đủ, móng tâm liền được thấy Phật như bà Thắng-man phu nhân. Hết

thấy hạnh nguyện hoàn toàn thành tựu, đồng như chư Phật, đồng đến Đạo-tràng, thành bậc Chánh-giác.”

- Đầu hè Bính Tuất, tháng 5 năm 2006 -

Tài liệu tham khảo:

- Từ Điển Phật Học Huệ Quang của thượng tọa Thích Minh Cảnh chủ biên
- Từ Điển Phật Học của Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách
- Luận Đại Thừa Khởi Tín của hòa thượng Thích Thiện Hoa
- Lương Hoàng Sám Pháp



Luận Về Người Học Phật

Mấy tháng qua, tăng ni tại bốn tự có được duyên lành gần gũi học hỏi Phật pháp với chư tôn thiên đức. Thượng tọa Thích Phước Tịnh đã không quản khó nhọc, đường xá xa xôi mỗi tuần đều thân lâm đến bốn tự giảng dạy cho Tăng Ni, thật là một điều khích lệ lớn lao cho hàng tăng sinh trẻ, vì vậy bốn phân học trò phải biết nên làm thế nào để đền đáp lại công khó và ân tình đã hết lòng gia tâm giáo dưỡng. Tuy khóa học chưa viên mãn, nhưng thượng tọa vẫn muốn học viên mỗi người đều viết một bài tiểu luận trình lên với đề tài: “Làm thế nào để xứng đáng được gọi là một tỳ-kheo có phẩm chất!” Chúng tôi thấy đề tài khá thú vị cũng muốn viết một bài nhưng trong thời gian qua chúng tôi có duyên sự đi xa không có mặt trong lớp, tự mình đã không là học viên mà nay viết bài trình lên e có đường đột lắm chăng?! Nay nhân dịp xuân về, Đặc san Từ Ân lại sắp ra số mới, nên chúng tôi chuyển luận văn sang bài viết đăng vậy.

Đề tài được tuyên giảng hiện là Quy Sơn Cảnh Sách Văn, là cuốn sách gởi đầu dành cho người học Phật, bắt luận là xuất gia hay tại gia. Cảnh sách văn này tuy viết sách tấn cho hàng xuất gia nhưng lại vô cùng thiết yếu cho

hàng Phật-tử tại gia. Nghĩ đến ân đức của Tổ, lòng thiết tha vì hàng hậu học mà viết ra văn cảnh sách này. Chúng tôi tuy chưa thể theo kịp những gì như trong văn cảnh sách đã nói, nhưng cũng muốn vì lợi ích mọi người làm một chút giới thiệu để cùng nhau sách tấn tu học, một chút gì để san sẻ lòng cảm thán thiết tha của Tổ Quy Sơn:

“Cảm thương than thở, đau xót cực lòng, đâu thể im lờn nên cùng nhau nhắc nhở. Tội vì sanh vào thời mạt pháp, cách hiện thánh đã xa, Phật-pháp lỗi thời người tu đa phần biếng nhác. Thế nên, lược bày chỗ thấy hạn hẹp của mình khuyên bảo người sau. nếu không bỏ tánh kiêu căng, thì thật khó mong chuyển đổi.”¹

Đọc đến đây, chúng ta thấy lòng trần trở và niềm khắc khoải của Tổ cùng tâm Phật rất tương đồng. Một lòng từ bi cực độ chỉ vì thương xót chúng sanh mê muội mà phải lao tâm khổ trí, tìm mọi phương tiện để kết duyên hóa độ muôn loài. Xưa kia, sau khi đức Thế Tôn thành đạo dưới cội Bồ-đề, ngài trầm tư chiêm nghiệm lại những sở chứng, sở ngộ của mình: “giáo pháp mà Như-lai đã chứng ngộ quả thật thâm diệu, khó nhận thức, khó lãnh hội, vắng lặng, cao

1

Nguyên văn: Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm, khởi khả giam ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh tượng quý, khứ Thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ, nhân đa giải đãi, lược thân quảng kiến dĩ hiểu hậu lai. Nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán.

siêu, không nằm trong phạm vi luận lý, tế nhị, chỉ có bực thiện trí mới thấu hiểu. chúng sanh còn luyện ái trong nhục dục ngũ trần. lý như quả tương quan, ‘tùy thuộc, phát sanh’ là một đề mục rất khó lãnh hội, và Niết-bàn – sự chấm dứt mọi hiện tượng phát sanh ra có điều kiện (hữu lậu), sự từ bỏ mọi khát vọng, sự tiêu diệt mọi tham ái, sự không luyện ái và sự chấm dứt – cũng là một vấn đề không phải dễ lãnh hội. nếu Như-lai truyền dạy giáo pháp ấy thì kẻ khác không thể hiểu được thật là phí công vô ích, thật là phí công vô ích.” Đức Phật thấy giáo lý giải thoát thì tế nhị, thâm sâu, ly dục, vô ngã, đi ngược với tập quán ham muốn và suy tư chấp ngã của con người, làm sao để người đời chấp nhận giáo lý ấy? điều này khiến Đức Thế Tôn phân vân trước con đường giáo hoá. Giữa lúc ấy, đấng Phạm thiên Sahampati đọc được tâm niệm đó và thuận theo ý của Thế Tôn đã hiện thân trước Phật tâm thành tha thiết thỉnh cầu đức Như-lai cứu thế: “Bạch Đức Thế Tôn, cầu xin đức Thế Tôn truyền dạy giáo pháp! cầu xin đấng trọn lành truyền bá giáo pháp! Có những chúng sanh bị ít nhiều cát bụi vương trong mắt, nếu không nghe được giáo pháp sẽ phải trầm luân sa đọa. Nhưng cũng có người sẽ ngộ được chân lý.” Cho đến khi vị Phạm-thiên cung thỉnh lần thứ ba, Đức Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thế gian, thêm vào đó hình ảnh hồ sen trước mắt, có những cọng sen vươn ra khỏi mặt nước, có những cọng lưng chừng, có những cọng ở sâu trong lòng nước, v.v... gợi lên trong lòng

đức Thế Tôn thấu hiểu được căn cơ bất đồng của con người: có những căn cơ thấp như những cánh sen ở đáy hồ, có những căn cơ trung bình như những cánh sen ở lưng chừng nước, cũng có những căn cơ cao có thể tiếp nhận giáo lý giải thoát của Ngài, như những cánh sen đã nhô ra khỏi mặt nước có thể tiếp thu ánh sáng mặt trời. Vì vậy đức Thế Tôn liền quyết định lên đường chuyển bánh xe pháp, nhờ vậy mà ngày nay chúng ta có được ba tạng giáo điển để về nương tu học, thực hành theo giáo pháp đến được bờ giải thoát.

Để đạt được bên bờ giải thoát thì nhất định phải tu học theo chánh pháp. Người tu hành trước hết phải tự biết lỗi mình, bởi tu là sửa. Nếu chính ngay cả lỗi của mình, bệnh của mình cũng không thấy được thì lấy cái gì mà tu, mà sửa!? Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng nói: “Nhược chơn tu đạo nhơn, bất kiến thể gian quá, thể gian một hữu quá, chỉ kiến tự kỷ quá.” Nghĩa là nếu người thật tu đạo, không thấy lỗi thể gian, thể gian vốn không lỗi, chỉ thấy lỗi của mình. Ngài Phật Nhãn cũng nói: “Tuy những người thấy được đầu lông nhỏ ở mùa Thu^(*), nhưng lại không thể nhìn thấy lông mi của chính mình. Tuy nhắc được sức nặng ngàn cân, nhưng lại không thể tự nhắc nổi thân mình. Cũng như người học chỉ sáng suốt ở chỗ trách

(*) thu hào: vào mùa thu loài thú thường mọc lông mới, những sợi lông mới ra rất nhỏ.

người mà lại mờ mịt ở phần tha thứ lỗi mình, thật chẳng sai khác chút nào vậy.” Thế nên trước phải tự biết lỗi của mình. Nhiều người tu, lúc mới vào đạo thấy mình chẳng có lỗi gì, tu lâu dần mới thấy mình có rất nhiều lỗi, thật ra đó không phải mình tu lui sụt mà do mình bắt đầu có trí tuệ tự thấy được lỗi của mình. Thí như khi có ánh dương quang xuyên qua khung cửa, mới thấy được đám bụi trần lãng xăng. Có lỗi, điều quan trọng là phải biết cải đổi, có cải đổi mới tiến bộ được. Thiền sư Viên ngộ nói: “con người ai không có lỗi, lỗi mà biết hối cải, thời tất cả chẳng gì lớn hơn vậy. Từ thời thượng cổ đều nhận biết: nếu biết cải quá là người hiền, chẳng lấy việc không có lỗi làm người tốt. Cho nên, việc làm của con người có quá nhiều sự sai lầm. Bậc thượng trí kẻ hạ ngu đều không thể tránh khỏi điều đó được. Duy có người trí hay đổi lỗi để sửa lại nét hay, còn kẻ ngu phần nhiều lại trang sức để che đậy lỗi lầm. Đổi lỗi để sửa lại nét hay thời đức đó ngày một mới, nên gọi là quân tử. Trang sức để che đậy chỗ sai lầm, thời ác đó ngày càng dày, nên bảo đó là tiểu nhân. Bởi thế, thấy việc nghĩa mà lại dờn bỏ, đó là cái nạn thường tình, thấy điều thiện vui theo, là chỗ chuộng của người hiền đức.” Cảnh Sách Văn của Tô Quy Sơn cũng nói: “Biết rõ lỗi lầm nên mới khuyên nhau tu tập. Nguyên trăm kiếp ngàn đời, chỗ chỗ cùng nhau làm bạn pháp”²

² Nguyên văn: *Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyên hành trì.*

Trở lại nhân duyên giáo hóa của đức Thế Tôn, khi ngài đã quyết định bước lên con đường hoằng pháp của mình, đức Như-lai bèn dùng huệ nhãn quán sát ai sẽ là người có cơ duyên được độ trước. Ngài nghĩ đến hai vị thầy cũ: Alàra và Uddaka; hai người này đã thác sinh. Tiếp đến Ngài nghĩ đến năm người bạn cùng tu khổ hạnh, thấy họ đang trú ở vườn Lộc Uyển ở Benares (Bàranàsi), Ngài liền đi bộ đến đó. Tại đây, bài thuyết pháp đầu tiên về Tứ Đế được giảng gọi là “Sơ Chuyển Pháp Luân.” Muốn đưa người lên bờ giải thoát, trước tiên đức Phật phải chỉ ra cho nhân thế biết được những gì là khổ sở đeo đẳng họ bao nhiêu kiếp rồi, khiến cho tâm trí họ mãi bị mê lầm trong trầm luân khổ hải. Cho nên kim khẩu vừa khai, đức Thế Tôn liền tuyên giảng Tứ Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Văn Cảnh Sách vừa mở ra, những dòng chữ đầu tiên cũng chỉ rõ cái nguyên nhân gốc khổ, đánh thẳng vào cái tâm thức chấp trước của mình: “Bởi do nghiệp trói buộc mà có thân, tức chưa khỏi khổ lụy về thân. Bám thụ tinh cha huyết mẹ, tạm mượn các duyên hợp thành. Tuy nhờ tứ đại giữ gìn, nhưng chúng thường trái nghịch.”³ Bởi chúng ta không thật nhận chân được thân tứ đại giả hợp này, nên mãi theo nó mà tạo nghiệp. Kinh Pháp Hoa phẩm Thí Dụ

Nguyên bách kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp tử.

³ Nguyên văn: *phù nghiệp hệ thọ thân vị miễn hình lụy. Bám phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Tuy nãi tứ đại phù trì, thường tương vi bội.*

nói: “... các món khổ như thế mà chúng sanh chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay chẳng biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng sanh lòng nhàm không cầu giải thoát; ở trong nhà lửa tam giới này đông tây rảo chạy dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo...” Chúng ta hiện sống ở đời, phải mưu toan muôn việc, lao tâm khổ trí tạo tác bất phân thiện ác cốt để duy trì cuộc sống cho được giàu sang, chăm sóc cho thân thể cho thật béo tốt. Đến khi khá giả thì tự cho rằng đời sống của mình thật may mắn hạnh phúc, rồi đắm chìm trong dục vọng vật chất, lấy khổ làm vui mà không tự biết. Kinh Pháp Cú chép rằng: “xưa có bốn ông tỳ-kheo, luận việc khổ của đời. Một ông nói: dâm dục hại người là khổ; một ông nói: đói khát ép mình là khổ; một ông nói: giận giữ rối loạn là khổ, một ông nói: kinh bố khiếp là khổ, cùng nhau tranh đua phải quấy với nhau. Phật nói: chỗ luận của các ông vì không xét cái nghĩa khổ, phải biết thân là gốc các khổ, nguồn các hoạn; các ông phải cầu về cõi vắng lặng “Tịnh độ” thế mới là rất vui.” Lão Tử cũng nói: “ta có đại hoạn vì ta có thân; bằng ta không thân hoạn nạn đâu có. Nhưng muốn đừng không thân, cần nhứt không tâm vọng; vọng tâm là cái dụng gây tạo nghiệp, nghiệp từ các duyên phát khởi. Nếu một niệm không sanh vọng thì bao nhiêu hoạn lụy đều dứt.”

Ở trên chỉ mới nói đến có thân là có khổ, nay phần kế là nói đến sự mỏng manh tạm bợ của thân. Cảnh Sách nói: *Vô thường già bệnh chẳng hẹn cùng người, sáng còn tối*

mắt, chỉ trong khoảng sát-na đã qua đời khác. Nói vô-thường ai cũng nghe, ai cũng biết nhưng không mấy ai thật nhận chân lấy sự vô thường. Bởi không thật thể hội được mặt thật của vô-thường nên đời sống tâm linh chúng ta vẫn một bề trôi xuôi theo khổ đau mà không hề biết dừng lại. Có lắm lúc chúng ta cũng muốn dừng lại, nhưng hầu như lại không sao làm chủ được như người xưa nói: cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng. Những danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tám gió⁴ thổi khiến cho tâm thức chúng ta mãi hoài chạy theo không sao ngừng nghỉ được. Nhưng cái kết quả gặt được là những thứ chi? Hay là...

Rốt cuộc chỉ còn là cơn ác mộng

Nào lợi danh nào tài sắc

Bọn mình đua nhau tranh giành đuổi bắt

Nắm được rồi nhìn lại chỉ tay không.⁵

Để thật tế hơn về vấn đề vô thường đó, Tổ Quy Sơn lại nói rõ hơn: *Thí như sương mùa xuân, mọc sáng sớm, phút chốc liền tan.* Sáng trời xuân sương mù giăng phủ đầy lối đi, nhưng một khi ánh nắng mai hồng vừa mở mắt thì lớp sương mù kia liền tan biến vào hư không. Hay mỗi sớm mai chúng ta thức dậy, thấy vương trên nhành cây đọng lại những giọt sương long lanh, hay trên đóng lại trên đầu

⁴ *Tám gió tức Bát Phong: lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc (nghĩa là được, mất, chê, khen, vinh, nhục, khổ, vui).*

⁵ *Trích bài thơ Tặng Bạn của hòa thượng Thanh Từ.*

ngọn cỏ như những hạt lưu ly trong suốt, trông vô cùng mỹ lệ nhưng sẽ tan biến nhanh dù chúng ta chưa kịp tận hưởng ngắm nhìn khi ánh nắng mai chiếu đến. *Niệm niệm qua nhanh, chỉ trong khoảng sát-na, chuyển hơi thở đã là đời sau, sao lại an nhiên để ngày tháng trôi sông vô ích?* Nơi đây đáng chú ý nhất là ở chỗ: sao gọi chuyển hơi thở đã là đời sau? Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh có đoạn: Phật hỏi sa-môn: mạng sống con người trong bao lâu? đáp: vài ngày. Phật nói: ông chưa biết đạo. Lại hỏi vị sa-môn khác: mạng sống con người trong bao lâu? đáp: trong một bữa ăn. Phật nói: ông chưa biết đạo. Lại hỏi vị sa-môn khác: mạng sống con người trong bao lâu? đáp: mạng sống trong hơi thở. Phật nói: lành thay, ông đã thấy đạo. Đây là một dẫn chứng cụ thể nhất cho chúng ta thấy được mạng sống của chúng ta chỉ dài có bấy nhiêu thôi, chẳng phải vài mươi năm hay trăm tuổi. Bởi một khi hơi thở vừa ngưng đã là chuyển sanh qua kiếp khác, mới biết được mạng sống mong manh như gió thoảng lấy gì làm bền chắc!? Thế mà chúng ta mãi cố chấp bám víu lấy nó để rồi tạo không biết bao nhiêu ác nghiệp. Trên lịch sử chúng ta biết được đã có không biết bao nhiêu đạo sĩ, thuật sĩ đã dành hết thời gian của đời mình để tìm thuật trường sinh, để rồi tất cả chỉ là cơn mộng ảo. Vậy nên, nơi vườn Lộc Uyển, khi tuyên thuyết pháp Tứ Đế vừa xong, tôn giả Kiều Trần Như (Kodanna) liền chứng đắc Tu-đà-hoàn, Thế Tôn thu nhận

năm tôn giả làm các đệ tử đầu tiên. Từ đây hàng tỳ-kheo được tiếp nhận và Tăng đoàn xuất hiện.

Người xưa nói: kia trượng phu ta đây cũng thế, chớ tự khinh mình mà lui sụt. nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo dần dà hết một đời, trọn không có lợi ích.⁶

Phàm người đọc sách trước phải lập chí. người tu đạo trước phải lập nguyện và vạch ra hướng đi của mình. Chúng ta đang theo học đây là theo học làm Phật, mà đã học thì cố học sao cho giống. Tục ngữ có câu: con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Nay thử nhìn lại mình xem, mình cũng học Phật mà học đến nỗi phiền não ngày một nhiều, bất mãn ngày một thêm lớn thậm chí luôn cả việc đi chùa cũng cảm thấy quá ư phiền toái mệt mỏi, thà đừng đi còn hơn. Như thế là chúng ta đang học Phật hay học thứ chi!? Người ta làm được sao chúng ta không làm được?! phải tìm cho ra được lỗi ở chỗ nào để rồi dần bước đường tu. Nếu không vậy, đời nay dù tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, trì chú, gì gì đi nữa cũng chỉ là kết chút duyên nơi cửa Phật mà thôi, nghiệp quả vẫn hoài trôi nổi vậy. Phật bảo: Này các đệ tử! chớ nên theo thuận cái ý kiến ngu si của các người, vì nó ràng buộc ngăn che, mà

⁶ Nguyên văn: Cổ vân: bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất. nhược bất như thử, đồ tại tri môn, nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích.

không biết tin theo đạo chân chánh trong sạch, tự mình đem thân vào địa-ngục để mang lấy mọi sự đau khổ đời đời. Đây là điếm then chốt, cốt yếu mà mỗi người xuất gia cần phải hiểu rõ, Quyết chẳng phải *nói xuất gia trọng cầu ăn mặc*. Nếu không hiểu mà mù mờ theo thầy vào chùa, rồi mù mờ mà sống cho qua ngày đến lúc đối mặt Diêm Vương mới kêu rằng oan uổng thì không phải đã muộn và đáng tiếc lắm ru!?

Người đệ tử thời xưa, khi thầy mất rồi thì niềm tin càng kiên định, càng không dám trái lời thầy. Người đệ tử thời nay, thầy còn đó, niềm tin đã lung lay biến đổi, nguyên nhân là vì đâu?! Quả thật là do khi mới xuất gia, không thật sự muốn nương tựa bậc có chánh tri chánh kiến để thoát ly sanh tử, mà chỉ nhất thời hay vô tình bái làm thầy mà thôi. Cho nên thấy danh lợi hay gặp bạn xấu rủ rê liền bỏ thầy lập tức, hoặc bị sai trái điều chi, thầy trách cứ hay đánh đập liền hận thầy bỏ đi nơi khác, thậm chí có kẻ không theo bạn lành mà chơi còn theo bạn ác, làm như hận đời, làm cho bỏ ghét!/? giống như từ trên cao mà rơi xuống vực thẳm vậy. Ôi thật đáng kinh sợ!

Người nay phần nhiều mê đắm không thôi, ngày lại tháng qua thoạt nhiên đầu bạc. Đây bởi chúng ta trong cuộc sống cứ mãi mê bê bộn với trăm nghìn thứ, khát khứa lần lựa qua ngày không chịu dọn đường cho mình. Người xưa, lúc tuổi còn trẻ cũng tính chuyện sự nghiệp làm ăn,

một khi tóc vừa đổi sắc liền sắp xếp công việc để lo việc cho mình, thế mà Cổ Đức còn than: Mồ hoang ngoài đồng phần nhiều là người trẻ tuổi. Thế mà bây giờ chúng ta nhiều người đã gần tuổi thất thập cổ lai hy rồi mà vẫn còn đắm chìm trong công danh lợi lộc, chẳng chịu hồi đầu phản tỉnh nghe buồn làm sao! Kinh Kiến Chính nói: người ta vì lúc đầu không chịu học hỏi cho hiểu biết rõ mọi việc về thân tâm mình, lại làm toàn những việc trái với kinh luật, chỉ thích đua theo thói tục, phóng túng ham mê vật dục, chỉ thích theo như ý muốn của riêng mình, cắt đứt pháp chân thực, không thích vui theo, không chịu tu theo, những pháp chân chánh ấy, cũng ví như người quay lưng về đồng lửa, ngoảnh mặt vào chỗ tối, thì cái môi “ngờ” kia càng xiết chặt lại, không bao giờ trông thấy chi mà hồng hiểu rõ các sự lý được. *Đề đến khi: Một mai bệnh nằm trên giường mọi thứ đau đớn doanh vây bức bách...đường trước mặt mờ chưa biết đi về đâu.* Cái nạn bệnh khổ trên giường vào tuổi xế chiều là một điều rất khổ, nhất là ở nơi phương tây đầy tính vật chất này. Chúng tôi biết được có rất nhiều gia đình giàu có, thế mà cha mẹ về già bệnh không tự thân để nhà chăm sóc mà đưa vào viện dưỡng lão trả tiền cho thiên hạ lo. Có gia đình thì dành cha mẹ về lo để chỉ vì muốn lấy tiền trợ cấp người già. Ôi! cha mẹ lúc sanh con chăm chút nâng niu, thương yêu lo lắng cho con chóng lớn nên người, để rồi hy vọng có thể nương nhờ vào tuổi già bóng xế, thế mà bây giờ có nhiều kẻ ăn học thành danh trong thiên hạ

rồi mà chẳng biết họ nghĩ gì!? Nên mỗi người nên tự mình nỗ lực tự lo cho mình, chớ đến gỏi mỗi chân chùn mới toan tính: *Hận mình sớm chẳng lo tu, đến lúc tuổi già nhiều điều tội lỗi. bây giờ mới biết hối hận ăn năn, đợi khát mới đào giếng sao cho kịp? Hãy đọc kỹ văn này, thường tự nhắc nhở. cố gắng làm chủ chớ theo tình người. nghiệp quả kéo lôi thật khó trốn tránh. Việc làm phải noi gương hàng thượng đức, chớ học kẻ tầm thường. Đời này tự mình quyết đoán, chẳng do người khác liệu dùm. Dứt ý quên duyên, đừng với các trần làm bạn.* Đây là đoạn chuẩn xác để quyết định đời sống và hướng đi của mình. Chúng ta vì nghiệp mà sanh ra thì cố gắng sao chẳng nên vì nghiệp mà chết đi, hãy nên vì nguyện mà ra đi. Muốn được vậy thì phải ngay từ bây giờ mà dọn mình, cố gắng làm chủ lấy mình chớ theo tình người. Chớ thấy người ta chẳng cần lo tu, chẳng cần làm thiện mà sao cứ phơi phới rồi sanh tâm đua đòi chạy theo. Vì vậy việc làm chớ học theo kẻ tầm thường mà phải nương theo hàng thượng đức chính nghĩa này vậy. Nhất là câu: đời này tự mình quyết đoán, chẳng do người khác liệu dùm. Không nên nghĩ rằng từ từ rồi tu, bây giờ còn trẻ, còn khỏe, chuyện tu là để cho ông già bà cả. để rồi thời gian thấm thoát qua mau, đến khi nhìn lại thì đã không còn kịp nữa.

Hầu như mọi người khi mới học đạo, tuy chí nguyện của họ có lớn nhỏ, nhưng đều ít nhiều cũng có đạo tâm, dần dà bị danh lợi làm ô nhiễm, tích chứa tiền tài, phan

duyên hét mình làm chuyện thế gian, chẳng khác chi người thế tục. chúng ta phát tâm học Phật, học riết nhìn trở lại sao giống như quyền thuộc của ma không khác. Trong kinh Phật nói: có một người xuất gia học đạo thì thiên ma Ba-tuần liền lo sợ, khi người xuất gia biến thành một kẻ không khác chi thế tục thì ma Ba-tuần liền uống rượu chúc mừng. Thật đáng để hàng học Phật lưu tâm cảnh sách. Người xuất gia phát bồ-đề tâm, đầu tiên phải biết việc này mới phải. chúng ta tụng kinh sám hối – phát nguyện rằng: “con nay phát tâm chẳng vì tự cầu phước báo nơi cõi như thiên hay quả Thinh-văn, Duyên-giác, nhẫn đến các quả vị Bồ-tát quyền thừa, con chỉ phát lòng Bồ-đề rộng lớn nguyện cho chúng sanh trong pháp giới cùng một lúc đồng chứng ngôi Vô-thượng Chánh-đẳng, Chánh-giác.” Nghe thật hùng hồn làm sao, nhưng xét lại những hành vi và tâm hạnh ngày thường của mình thì thật là trái ngược. vậy chẳng phải chúng ta đang diễn tuồng sáo rỗng, chẳng ý nghĩa chi vậy!?

Nhân lễ nghĩa trí là bốn điều kiện căn bản làm người. Bởi nhân đạo là nền tảng cần phải xây đắp cho vững chắc mới có thể bước vào Phật đạo. Lòng trắc ẩn là căn bản của lòng nhân, tâm hổ thẹn là nền tảng của nghĩa, tâm từ bi nhường nhịn là gốc của lễ, tâm không thị phi là cội của trí. Từ bi hỷ xả là tứ vô lượng tâm của nhà Phật. tâm từ vô lượng là tâm luôn ban niềm vui sống, tâm bi vô lượng là tâm luôn cứu khổ, tâm hỷ vô lượng là tâm thấy người hạnh

phúc sanh lòng vui mừng, tâm xả vô lượng là tâm bình đẳng không oán thân, không chấp trước. bốn tâm này duyên khắp vô lượng chúng sanh, mang hạnh phúc vô lượng nên nói là tâm vô lượng. nếu không có từ tâm thì cho dù học rộng nghe nhiều, chúng đắc tam-muội thì cũng chỉ là ma quỷ mà thôi. Không nên cho rằng ân tình chút chút, chăm sóc sơ sơ gọi là từ bi. Có người nói: từ bi đồng dùng với oai nghiêm, mới là bản sắc của Phật đạo! sao lại chỉ sùng riêng từ bi thôi!? Làm sao biết cứu giết đều là biểu hiện của lòng nhân, đây là hai mặt của một bản thể: chiết phục, nhiếp phục cũng đều là biểu hiện của lòng từ. Phật ở trong kinh từng thuyết qua một cổ sự, lúc bấy giờ cũng chính là tiền kiếp của Thích-ca Mâu-ni Phật tại nhiều đời nhiều kiếp về trước khi còn tu Bồ-tát đạo, ngài tu cũng được rất đắc lực, cũng có được đạo hạnh. Có một lần ngài cùng những thương chủ ngồi chung trên một chiếc thuyền lớn qua biển. Thời xưa giăng là thương chủ, thời nay gọi là mậu dịch đoàn. mọi người cùng nhau kết bạn đi kinh doanh. Trên chiến thuyền này là chuyên hàng trở về quốc thổ, nên được chở về rất nhiều tài vật. Vì vậy mà chính ngay trong đoàn thương buôn có một người khởi tâm. Nghĩ cách đem 500 người cùng đi trên thuyền tìm cách giết đi, để độc chiếm hết thủy tài vật trên thuyền. Do Bồ-tát tu hành có được tha tâm thông, biết được tất cả sự việc trừ tính của anh ta. Nhưng vì người này bị tài lợi vật chất làm cho tâm trí mê mờ, không còn cách gì để khuyên nhắc hay

cảnh tỉnh anh ta được nữa. nếu bạn muốn tìm cách khuyên anh ta, việc đầu tiên chắc chắn anh ta sẽ đem bạn giết đi. bởi bạn làm sao biết được bí mật của tôi, nên sẽ giết người diệt khẩu. Bồ-tát lúc bấy giờ phải xử sự làm sao đây? chỉ còn một cách lựa chọn là thừa cơ lúc anh ta không kịp chuẩn bị, đem anh ta giết đi. Bồ-tát đã khai sát giới: là giết người. Đây có phải là phạm giới không? Ngài không phải là phạm giới mà là khai giới. Khai giới là gì? Là đem tất cả số người có mặt đó mỗi mỗi đều cứu hết. 499 người kia bị cứu rồi mà tự mình vẫn không biết. cái người khởi ác tâm mưu tài đoạt mạng này cũng bị bồ-tát cứu nốt. Vì sao? nếu mưu đồ của anh ta làm được thành công, anh ta tương lai tất đọa A-tỳ địa ngục. Bồ-tát đem anh ta giết đi, khiến anh ta tuy đã khởi ác tâm rồi nhưng sự việc vẫn chưa làm được hoàn tất, anh ta sẽ không bị đọa A-tỳ địa ngục. Như vậy là cứu anh ta rồi. mỗi mỗi đều được cứu hết. Đây là sát nhân nhưng vẫn thể hiện được lòng từ. Cổ đức chỗ nói: sát nhất miêu nhi cứu vạn thử, tức là vì muốn cứu đàn chuột nên đành phải giết con mèo chính là nghĩa này vậy. Cho nên biểu hiện lòng từ chủ yếu là làm sao cho họ được lợi ích mà phương cách không giống nhau. Bên ngoài tuy biểu hiện tướng uy nghiêm, nhưng kỳ thực trong tâm đầy lòng nhân ái. Nếu thật làm được như thế mới là đại từ bi chân chánh. Có lẽ có người sẽ bảo ý nghĩa của người tu là phải nhẫn nhục, phải tu lục hòa kính, cần không có chữ nghiêm mới phải. Những người này thật không hiểu chữ

nghiêm chúng tôi đang nói. Nghiêm đây là không phải là nghiêm khắc, mà là nghiêm chánh, lấy hành vi nghiêm chánh mà thu nhiếp thân tâm thì tâm địa sẽ được đoan chánh. lấy hành vi nghiêm chánh nắm giữ chánh pháp, Phật pháp chắc sẽ trường tồn. nếu biểu hiện thân tướng oai nghiêm đề cầu danh lợi, tỏ tướng hung ác để thể hiện tướng oai phong thì thật khác xa chữ nghiêm chúng tôi đang nói. người học Phật không thể không biện biệt cho rõ.

Chúng ta học Phật là học đạo giác ngộ, vậy nên người hiền thì cẩn thận ngay từ lúc ban đầu, thánh nhân giữ gìn ở điều răn cấm. Dòng nước tuy nhỏ, nhưng nếu chằng ngăn kịp thời sẽ biến ruộng dâu thành biển cả. Ngọn lửa tuy nhỏ, nhưng chằng dập tắt sẽ cháy cả đồng rộng, nước chảy lửa cháy một khi đã thịnh, tai họa đã thành thì dầu muốn cứu vãn cũng không sao kịp được. Cổ nhân nói: “chằng giữ gìn hạnh nhỏ, tắt lụi đến đức lớn” là nghĩa này vậy. Nhưng lúc ban đầu chớ nói: nghĩ đến ân đức cao dày của Phật, Tổ mà làm chút giới thiệu, văn này tuy viết phần nhiều nói về việc của người xuất gia nhưng lại vô cùng gần gũi với người Phật-tử tại gia. Nhưng điều chính yếu vốn viết ra là để tự răn nhắc mình. Khuyên mọi người nên tự ngẫm lại mình và nghĩ cho hàng mai hậu. Nghĩ đến con chó cả năm chạy rong sủa đông sủa tây làm náo loạn khiến cho thế giới bất an, hy vọng con lợn béo sẽ mang lại phúc âm và giấc ngủ bình yên cho tất cả muôn loài. Trước thêm

năm mới chúc tất cả luôn mạnh khỏe, tăng phúc tăng thọ và luôn sống được an lạc trong chánh pháp của Như-lai, tận hưởng trọn mùa xuân Di-lặc.

- Cuối thu Bính Tuất, tháng 10 năm 2006 -



Sách tham khảo

Phật Học Khái Luận – T.T. Thích Chơn Thiện

Đức Phật và Phật Pháp – Đại đức Narada Thera

Thiền Lâm Bảo Huấn – H.T. Thích Thanh Kiểm

Quy Sơn Cảnh Sách giảng giải – H.T. Thích Thanh Từ

Quy Sơn Cảnh Sách chú dịch – H.T. Thích Hành Trụ

Đất năm heo nói chuyện

Bát Giới

Cây cối, đất đá rơi đổ ầm ầm, khói lửa mịt mù, động Vân Sơn như muốn nổ tung. Hai lão quái vật đánh nhau đến trời long đất lở, lão Trư bị Tôn Hành Giả đánh cho tơi bời hoa lá. Đến khi bị hàng phục mới vỡ lẽ ra đều là người một nhà nên dẫn về ra mắt Đường Tam Tạng. Sau khi nghe hết duyên do sự tình, thầy trò Tam Tạng vui mừng bèn cho thiết bàn hương án vọng bái lễ tạ đức Quan-thế-âm Bồ-tát. Lạy tạ xong quay lại bảo:

- Đã theo thiện quả và xin làm đồ đệ của ta, vậy ta đặt cho một pháp danh để sớm tối gọi tên cho tiện.

Lão Trư nói: thưa sư phụ, con đã được bồ-tát xoa đầu thụ giới, đặt cho con pháp danh là Trư Ngộ Năng rồi!

Tam Tạng cười bảo: Tốt! tốt! sư huynh con là Ngộ Không, con là Ngộ Năng, cũng đều thuộc tông phái trong pháp môn ta cả.

Ngộ Năng nói: Thưa sư phụ! Con đã nhận giới hạnh của Bồ-tát đoạn tuyệt với ngũ huân, tam yém¹, ở nhà với bố vợ ăn chay giữ giới, không bao giờ ăn mặn, nay gặp sư phụ con xin phá giới một bữa.

Tam Tạng bảo: Không được, không được! con đã không ăn mặn rồi, vậy thì ta đặt cho một tên nữa là Bát Giới nhé!

Chép một đoạn Tây Du thay cho phần mở đề!

*

* *

“Chúng ta học Phật mục đích quan trọng và lớn nhất chính là sự giải thoát sinh tử.” Đây là câu nói rất thiết yếu mà tất cả người học Phật, tu Phật thầy đều nên biết, ghi nhớ nằm lòng nhất là hàng Phật tử tại gia. Còn hàng xuất gia tất nhiên tự biết. Vì sao? Vì xuất gia có nghĩa là xuất thế tục gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia. Thế tục gia đã lìa rồi, tiến đến phải lìa phiền não xuất tam giới. Nếu chẳng thế thì chẳng gọi là hàng xuất gia. Bài viết này chúng tôi chỉ hướng đến hàng Phật-tử tại gia. Do vì hàng Phật-tử tại gia trăm công ngàn việc, lo toan đủ điều cho sự nghiệp, công danh, gia đình và cuộc sống. Tuy cũng muốn học Phật cho tốt, cho rớt ráo nhưng sự đời lại chẳng chịu

¹ Ngũ huân là năm thứ gia vị: hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ. Tam Yém: là kiêng không giết thịt ba loại: chim nhạn vì có nghĩa vợ chồng, Chó biết nghĩa chủ tớ, Ô-ngư (cá đen) có lòng trung kính.

lòng người. Cũng vì ưu tư và lo lắng này mà đức Phật chế ra pháp thọ Bát Quan Trai Giới trong lục nhật trai, là để cho hàng tại gia nhị chúng gieo trồng căn lành giải thoát, thú hướng xuất ly, nên đặc biệt chỉ bày pháp môn hy hữu, phương tiện tối thắng này. Kinh Xử Thai nói: “*Bát quan trai giới là cha mẹ chư Phật.*” Thái Hư đại sư nói: “*Đây là Phật vì cư sĩ tại gia chế ra giới điều để luyện tập ngăn hạn đời sống xuất gia,*” mong chư vị thọ giới không nên xem thường đó vậy. Thọ Bát Quan Trai chắc quý vị chẳng còn lạ gì nếu ai đã từng thọ giới tu trì. Nhưng ý nghĩa có thật hiểu hay chưa? Khó mà nói chắc được! Bởi vậy, vì muốn những ai đã thọ, chưa thọ và sẽ thọ bát quan trai giới được lợi ích mà không ngại phần kiến văn hẹp hòi của mình giới thiệu với quý vị.

Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang: Bát quan trai giới còn gọi Trường dưỡng luật nghi, cận trú luật nghi, bát giới, bát chi trai giới, bát phần trai giới, bát giới trai, bát trai giới, bát cấm, bát sở ưng ly. Bát quan trai giới là tám pháp trai giới:

1. không sát sinh.
2. không trộm cắp.
3. không dâm dục.
4. không vọng ngữ
5. không uống rượu

6. không dùng hương hoa trang sức nơi thân, không xem nghe ca múa

7. không ngồi nằm giường rộng cao đẹp

8. không ăn phi thời.

Trong bát giới thì 7 phần trước là giới, một phần sau không ăn phi thời là trai, hợp lại gọi là bát quan trai giới. tám pháp này Đức Phật chế định mỗi tháng giữ 6 ngày trai tức mỗi tháng vào ngày mùng 8, 14, 15, 23, 29,30 (nếu tháng thiếu thì 28, 29 tính theo Nông Lịch).

Chữ Bát là số mục, vì khi thọ giới này, để phòng và ngăn chặn tám việc, nên gọi là bát chi) hay bát phần, tức tám phần ngăn che này. Trong Phật pháp: giới có nghĩa là ngừa quấy ngăn ác (phòng phi chỉ ác). Quan: giải theo chữ có nghĩa là đóng, hàm nghĩa là người thọ giới rồi tức là đóng cánh cửa của tam ác đạo, không còn rơi vào trong ba đường dữ nữa. Chúng ta đóng bằng cách tu các thiện pháp, tạo bao việc lành. Trai có nghĩa thanh tịnh bởi vì trai giới có thể giúp cho tâm được thu nhiếp tịch tĩnh, đoạn được hết mọi tội lỗi, phát sinh được sức phòng hộ sáu căn. Trai theo Ấn độ có nghĩa Bố-tát, hoặc Bao-sà-đà cũng có nghĩa là tịnh trụ và trưởng dưỡng. Hàng cư sĩ tại gia vào các ngày lục trai, thọ bát quan trai giới để trừ khử dần các ác pháp, đồng thời tu tập thêm các pháp lành, khiến thiện pháp tăng trưởng, ác pháp giảm dần, nhờ vậy thân tâm mới trụ nơi thanh tịnh, trọn ngày không trụ trong phiền não và

tội nghiệp, nên gọi là tịnh trụ. thứ nữa, hàng tại gia học Phật, nhờ thọ bát vào các ngày lục trai, khiến thiện pháp mỗi ngày tăng trưởng, với sự tu tập không ngừng ấy, nên công đức không ngừng trưởng dưỡng, vì vậy gọi là trưởng dưỡng.

Bát quan trai giới còn gọi là Cận-trụ luật nghi, hay Trưởng-duỡng luật nghi. Cận-trụ luật nghi: là do thân cận Tam Bảo, an trụ ở Đạo tràng của Tam-bảo, chịu sự huân tập của tư tưởng Tam bảo:

1.- Cận thời nhi trụ (ở thời gian ngắn) chỉ cho thời gian ngắn tạm thọ giới một ngày đêm.

2.- Cận trụ thọ giới trụ: bát quan trai giới thời gian tuy ngắn, nhưng rất gần với giới xuất gia một đời nên gọi là cận trụ luật nghi.

3.- Cận A-la-hán trụ: thọ bát quan trai giới, học tập đời xuất gia đó là hành môn của A-la-hán. Tuy hôm nay còn là một kẻ phàm phu, song nhờ thân cận chỗ A-la-hán, cùng A-la-hán gần gũi ngày đêm, thanh tịnh thân tâm, phòng hộ giữ mình, tuy chưa xuất ly tam giới ngay được, nhưng nhờ nương công đức trai giới này, gieo trồng hạt nhân xuất thế thù thắng, tương lai chắc chắn được giải thoát.

Chúng ta đã hiểu sơ về ý nghĩa của Bát quan trai giới rồi, tiến thêm bước nữa chúng ta đi sâu vào phần duyên khởi cùng lợi ích của Bát chi giới này. Phật giáo sở dĩ có

ché độ xuất gia, đức Phật lập Tăng đoàn, mục đích để cho chính pháp mà Như-lai cần khổ chứng đắc được tiếp nối lâu bền ở thế gian. Trong kinh Phật thường thuyết phải tu tập suốt ba đại a-tăng-kỳ kiếp lâu xa mới thành Phật được. Đức Phật hiểu rõ căn lành giải thoát xuất thế không thể gieo trồng trong chốc lát, mà phải huân tập lâu dần mới thành tựu nên tạo ra pháp Bát quan trai này. Trong Luận Bồ-tát Bản Sinh nói: *“Lợi ích của xuất gia cao hơn cả Tu-di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư không. Sở dĩ như vậy là do xuất gia mới thành Phật, ba đời chư Phật chưa có vị nào thành Phật mà không do nhờ xả gia xuất gia cả”*. Như Kinh Hiền Ngụ Nhân Duyên thuyết: *“Cho người xuất gia hoặc tự xuất gia, hoặc già hoặc trẻ, phúc đức vô cùng”*. Bằng ngược lại, chúng ta tự mình đã chẳng thể xuất gia, chẳng khuyên người xuất gia mà có ý làm trở ngại thì quả báo phải chịu như Kinh Xuất Gia Công Đức nói: *“Nếu có người phá hoại nhân duyên xuất gia của người khác, tức là cướp đoạt kho báu vô tận phúc thiện, hủy hoại nhân của 37 phẩm trợ đạo ở nơi 4 đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân) sinh ra thường đui, người này không có ngày giải thoát”*. Phật pháp dĩ nhiên chẳng kêu gọi hết cả mọi người phải xuất gia, chỉ có điều hoàn cảnh thanh tịnh và phương thức sinh hoạt của đời sống xuất gia thích hợp với những người tìm cầu xuất ly và tiến tu giải thoát.

Chiều theo lịch sử thì tập xưa ở Ấn Độ đã có phép tu tương tự như pháp Bát quan trai giới. Do xưa kia lúc cõi

Ta-bà này mới thành lập Ác quỷ lộng hành trong những ngày lục trai trong tháng nên đã chế ra phép nhịn ăn sáu ngày này để tránh tai họa. Theo Kinh Tứ Thiên Vương thì nói: “Sở dĩ đức Phật cho thọ bát quan trai giới vào lục nhật trai, bởi vào các ngày này, chư thiên thường đến nhân gian để xem xét thiện ác. Nếu thiên hạ làm ác nhiều thì trừng phạt, gây cho nhân loại nhiều điều nghịch ý, nếu thiện nhiều thì ủng hộ, bằng cách cho nhân loại nhiều việc tốt lành”. Luận Tỳ-bà-sa quyển 41 nói: “Vào các ngày trăng sáng, tối, thường ngày 8 hoặc 14, hoặc 15, chư Thiên 33 tầng trời tập họp ở Thiện Pháp Đường luận kể thế gian bao nhiêu thiện ác, thấy người làm thiện thì ủng hộ, thấy người làm ác thì hủy đi”. Kinh Địa Tạng nói: “Mười ngày trên đây là ngày mà các nghiệp tội kết nhóm lại để định là nặng hay nhẹ”. Vì thế mà chúng ta thường trì trai giữ giới tu tập làm lành trong sáu ngày, hay mười ngày này. Những ai đã phát tâm thọ trì tám giới, thì phải thời thời khắc khắc thủ hộ tâm mình, vì tâm là đầu mối của tội họa, tội ác nào cũng do tự tâm ra, nếu khéo hành đúng tinh thần tám giới, luôn luôn phòng giữ tự tâm, ắt không phát triển ác nghiệp nữa, nên gọi là bố-tát hộ. Thọ trì bát quan trai giới, dĩ nhiên không chỉ chuyên phòng hộ nội tâm, mà phòng cả thân khẩu nữa, nên Cổ Đức thường bảo: “nơi tâm gọi hộ, nơi thân khẩu gọi giới.” Điều quan trọng nhất khi thọ giới là phải phát tâm rộng lớn, có phát tâm rộng lớn thì tuy giữ giới một ngày đêm vẫn đạt được phúc đức thù

thắng. Có nghĩa là khi các vị phát tâm thọ bát quan trai giới không nên vì công đức hay giải thoát riêng mình, mà nên vì tất cả chúng sinh cùng thọ giới hạnh này. Không xem công đức thọ giới là của riêng mình, mà coi như của chúng sinh chung có, nguyện cùng chúng sinh đồng hướng đến quả vô thượng Phật đạo, như vậy mới có thể đạt được công đức thù thắng. Ngẫu Ích đại sư từng nói: *“Chỉ cần nhân duyên của một ngày đêm bát quan trai tất được đầy đủ kho báu hết thấy hằng sa số vô lượng công đức của Phật-pháp.”*

Đến đây, quý vị đã biết sơ về duyên do cùng lợi ích của bát quan trai giới rồi. Bây giờ đi thẳng vào phần thọ giới và thực hành giới. Chúng ta phát tâm học Phật đương nhiên không phải để thỏa mãn tánh hiếu kỳ, làm tăng kiến thức, cầu tiêu khiển, mà để mong cầu thánh quả, chứng Niết-bàn giải thoát. Song thánh quả không phải chỉ do mong cầu suông mà được, mà phải cầu bằng sự thực hành thiết thật chính là đoạn ác và tu thiện, nếu ác pháp không đoạn trừ, thì thiện pháp khó mà tu tiến được. Kinh Lục Đà la ni nói: *“Các ma nghiệp ở nơi ta, nếu không sám hối trước, ắt không sao phát tâm duyên Vô-thượng giác, cho nên mọi tội lỗi cần phải sám hối trước”*. Kinh Tăng A Hàm nói: *“Nếu thọ bát quan trai, trước tiên phải sám hối các tội tạo từ trước, sau đó mới thỉnh thọ giới pháp”*.

Các pháp sự trong Phật giáo phần đông đều bắt đầu bằng lễ sám hối, đặc biệt là lúc quy y và thọ giới, lại càng không thể thiếu phần sám hối. Có điều khi cử hành pháp sám hối, phải chí thành tận đáy lòng quyết cải đổi các lỗi xưa, triệt để tịnh hóa thân tâm, mới tiêu trừ được mọi nghiệp chướng từ vô thủy. Nếu chỉ bằng hình thức bề ngoài sám hối, thì không sao tiêu trừ được tội nghiệp. Hết thấy tội chướng như ngôi nhà tối ngàn năm, tầm quý sám hối như ngọn đèn chiếu phá bóng tối ngàn năm. Cho nên quý vị thọ giới nên sinh tâm đại tầm quý chân thật sám hối, chí thành lễ Phật, chẳng những mọi sự đều thành tựu, mà ba nghiệp đều được thanh tịnh. Phàm phu chúng ta thường bị phiền não vọng khởi, không chế ngự được mình mà phạm giới, khiến thân tâm ô nhiễm. Muốn khôi phục sự thanh tịnh ắt phải hành pháp sám hối mới khỏi bị chướng ngại khi tu học Phật. Phơi bày các lỗi của mình, bộc bạch các tội đã gây, không dám che đậy chút nào, như vậy rồi còn phải đoạn trừ tâm tương tục, ăn năn chán ghét các tội lỗi tự gây, tuyệt đối xả bỏ không bao giờ tái phạm, đó mới là điểm quan trọng nhất của pháp sám hối. Ấn Thuận luận sư nói: “quy tắc của giới luật không ở nơi một người, ở nơi đại chúng... người học nên theo chân tinh thần của cổ thánh, phát lồ tội lỗi, không dám che giấu, không dám tái phạm, để thân tâm được thanh tịnh, thừa thọ vô thượng pháp vị.” Công khai bộc bạch hết mọi tội lỗi, điều này không phải dễ làm, bởi một khi nói ra lỗi lầm sẽ làm mất thể diện, hại danh dự, vì vậy mà kẻ

phạm tội thì nhiều, người nhận tội thì ít. Cũng chính vì nguyên nhân này mà đành chịu đấm mình mãi trong hồ sâu tội lỗi, không chịu thoát ra. Đại sư Linh Phong Ngẫu Ích rất khẩn thiết bảo với những người không dám phát lộ tội lỗi: *“Người ta khi tạo tội, thực đang làm ác mà không biết xấu hổ. Nay phát lộ trước mọi người, đó là điều thiện, lại cho là xấu hổ. Cam lòng giữ ác mà tránh điều thiện, dần dà thành ác trong ác, vĩnh viễn không có ngày ra, diên đảo ngu si, còn có gì hơn đây nữa?”* Thật là lời nói chí thiết chí tình, con người ta khi không làm chuyện ác thì muốn mọi người biết, nhưng khi làm ác, do vì phiền não xung động, chẳng còn biết xấu hổ nên có can đảm làm quấy. Đợi đến lúc chuyện ác đã rồi, biết rõ đó không phải là việc đúng, nhưng vì sợ mất thể diện, nên che dấu không chịu tiết lộ với ai. Có biết đâu, vì không dám phơi bày tội ác, nên cội gốc tội ác của họ không sao thanh tịnh được, như vậy chẳng phải như đại sư Ngẫu Ích đã nói: diên đảo ngu si hay sao? Nhưng ở thế gian này, chuyện gì nói cũng dễ, làm mới khó, nhất là việc công khai sám hối này lại càng không đơn giản. Hy vọng mọi người đều là những viên tướng dũng mãnh trong công cuộc tiên phong cải đổi lối tư tưởng tệ hại này.

Trong pháp Sám-hối phải biết lấy tâm quý làm thể, vì vậy có thuyết cho sám gọi là tâm, hối gọi là quý. Tâm là xấu với người, quý là hổ với mình. Tâm quý thực sự mạnh và đủ sức, chính là tâm tâm quý đối với tự thân. Tức

chúng ta niệm niệm tâm quý, tức chính là niệm niệm tu trì trang nghiêm thanh tịnh, đâu đến nỗi phạm giới hay tạo ác, và căn lành công đức của ta trong niệm niệm cũng được tăng trưởng. Cho nên người học Phật phải coi trọng pháp này. Phải biết Phật với ta vốn đồng một tánh giác mà sao ta hiện tại lại đến nỗi như vậy?! một niệm tâm quý tâm này hiện khởi liền lập chí sửa đổi con người, không chỉ sửa sai mọi lỗi lầm trong quá khứ, còn quyết tâm không tái tạo mọi ác nghiệp, nhờ vậy dần dà khai mở giác tính sẵn có nơi mình đồng Phật không khác. Đồng thời phải biết, các tội ác ẩn dấu trong tâm, nếu không do tâm tâm quý khởi sức sám hối, ắt nội tâm không bao giờ được an lạc. Nên trong Giới Kinh nói: “có tội nên sám hối, sám hối ắt thanh tịnh.”

Theo đúng pháp thọ bát quan trai giới thì phải thọ từ sáng sớm trong ngày là đúng pháp nhất, nếu để sau Ngọ mới thọ thì không đắc giới. Nhưng trong Bà Sa Luận lại phương tiện nói: “Người phát tâm thọ giới, giả sử nghĩ rằng ngày mai mình phải thọ giới, nhưng đến lúc đó, tự nhiên gặp chuyện phải lo, quên bém mắt bát quan trai, cho đến khi xong việc về nhà dùng bữa mới chợt nhớ lại, vội đến thọ bát quan trai giới cũng có thể được. Nhưng điều này không những không thể coi là đương nhiên, mà phải sinh tâm tâm quý, cho rằng mình quá lơ là, từ nay về sau không được làm thành lệ”. Phải biết trường hợp trên là trường hợp vạn bất dĩ lưỡng một lần thôi. Còn như trường

hợp trong vùng lân cận không có Tăng-già thì có thể đời trước Phật, tự nguyện thọ hành bát giới, vẫn đắc giới như thường. Nhỡ luôn cả tượng Phật cũng không thì có thể nhất tâm hướng lên không trung, trong tâm tưởng và miệng nói như vậy: “Con nay thọ trì bát quan trai giới,” như vậy vẫn đắc giới. Nơi đây điều đáng chú ý nhất là hành giả phải dụng tâm chí thành, tâm cung kính, tâm ân trọng, tâm thanh tịnh tha thiết cần cầu mới được cảm ứng và đắc giới. Bởi vì pháp thân chư Phật biến khắp hư không, như kinh nói: “Đức Tỳ-lô-giá-na thân khắp cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường Tịch Quang, cho nên phải biết cả thấy các pháp đều là Phật-pháp.” Người thọ giới phải trì giới thanh tịnh không được hàm hồ. Hành Sư Sao trích dẫn Kinh Thiện Sinh nói: “Thọ bát giới không được đông, chỉ riêng mình thọ.” Hiện nay đa số các chùa tổ chức thọ bát quan trai giới đều là nhiều người cùng thọ, trên tình lý thì không có gì hại, nhưng đời giới luật thì không được mỹ mãn. Sở dĩ trong kinh nói riêng một người thọ vì để hành giả chuyên tâm nhất ý đến giới hạnh mình thọ, không để cho tâm niệm thuần khiết này bị các hỗn loạn khác làm động, cũng là biện pháp bắt buộc, chỉ mong các vị bảo trì nghiêm túc. Cho nên thiết tha mong các vị hộ tịnh giới như giữ tròn con mắt, để tránh mọi tội ác khiến cho việc trì giới được thanh tịnh. Trong Kinh Niết-bàn kể: “Quá khứ có vị Bồ-tát dùng chiếc ván trôi qua biển, trôi đến giữa biển xuất hiện một La-sát, đòi chiếc ván của Bồ-tát, Bồ-tát

bảo La-sát: nhà người muốn gì cũng được trừ tâm ván này, đừng nói cả tâm, một miếng nhỏ cũng không được". Tâm ván này như giới của chúng ta, nếu thiếu một mảnh cũng đủ hại mất huệ mạng, vì vậy các vị nên cố giữ gìn giới hạnh như giữ mạng sống.

Lại nữa, khi phát tâm thọ giới, bất luận trước hay sau, hoặc trong khi thọ giới, phải nghiêm túc dùng tám giới rửa sạch thân tâm, khiến thân tâm tương ưng với giới, do vậy mới được thanh tịnh và đủ công đức thù thắng. Mà muốn được công đức thù thắng thì trong khi thọ bát trai giới một ngày đêm, phải buông bỏ hết mọi việc thế tục, đem trọn thân tâm tẩm gội trong Phật-pháp, chịu sự thấm nhuần của Phật-pháp và tương ưng với Phật-pháp. Nếu như là hạng chỉ biết hòa theo người, thọ giới thì thọ giới, nhưng chưa hề chuyển đổi mình theo giới, thì kết quả chỉ là một ngày luống không trôi qua vô ích mà thôi. Thành Thật luận nói: có 5 pháp có thể khiến cho giới hạnh được thanh tịnh.

1. Trong thời gian thọ giới, có thể đúng như pháp hành thập thiện.

2. Trong thời gian thọ giới, đoạn trừ hết các điều gây nhiễu hại cho chúng sinh từ trước hay sau này, không còn làm chúng sinh chịu khổ nữa.

3. Trong thời gian thọ giới, không để cho ác tâm làm nhiễu loạn nội tâm, tức không để cho các niệm không chính

đáng khởi lên, để khởi trở ngại cho sự thanh tịnh của giới hạnh.

4. Trong thời gian thọ giới, luôn luôn nhớ tưởng Phật, pháp, tăng, giới, xả, thiện để thủ hộ cho giới hạnh. dựa vào công đức của sáu niệm này bảo trì cho giới hạnh thanh tịnh.

5. Trong thời gian thọ giới, nguyện đem công đức trì giới này, hồi hướng đến cứu cánh Niết-bàn, quyết không dùng công đức này cầu phúc báo nhân thiên. thọ trai giới như vậy thì giới hạnh ắt thanh tịnh.

Thọ giới điều quan trọng là phải đắc được giới thể, nếu không đắc giới thể cũng đồng như không thọ. Trong Ngũ Chính Phạm nói: *“Thọ Tam quy rồi liền đắc giới thể”*. Ở đây chỉ cho trường hợp là từ bậc truyền giới cùng hành giả thọ giới đều nghiêm cẩn thanh tịnh. Hoàng Nhất luật sư căn cứ theo Tam Pháp thứ đệ trong Tư Trì Ký giải thích: *“Bát luận thọ ngũ giới hay bát giới, khi nói ba lần thệ nguyện quy y là đã đem giới thể quy nạp nơi tâm, quá trình của nó như sau: khi nói thệ quy y biến thứ nhất, do sức quan hệ của tâm, vô biên thiện pháp ở pháp giới, có thể khiến tâm niệm chuyển động hoàn toàn, biến đổi ác pháp thành thiện pháp. Khi nói thệ quy y biến thứ hai, vô biên thiện pháp hoàn toàn tụ lại trên không, như mây che, khiến thân tâm được thanh lương. Khi thệ quy y biến thứ ba, vô biên pháp giới thiện pháp bỗng từ không trung rơi xuống,*

rót vào thân tâm, tràn đầy trong sinh mạng thể. Vô biên thiện pháp như vậy, chứa trong thân tâm đó nương theo giới pháp này, tu tập định huệ vô lậu, lâu dần vượt được dòng sinh tử, đến thành Niết-bàn, được đại giải thoát”. Từ nãy giờ, quý vị đại khái đã hiểu sơ về duyên do, pháp thọ cũng như hành trì về Bát quan trai giới rồi, biết được thọ trì bát giới xác thực có công đức thù thắng thì nên phải thường phát tâm phụng hành bát giới. Có điều trong xã hội máy móc hiện nay, nhất là ở một đất nước quá văn minh về vật chất này. Muốn hành đúng pháp bát quan trai, lại giữ được đúng số theo lục trai nhật thì khó có người thọ được. Vì vậy, hy vọng quý vị khéo sắp xếp công việc, nhín chút thời giờ để tối thiểu mỗi tháng cũng có được một lần. Kinh Thiện Sinh nói: “Thọ trì bát giới có thể trừ được các tội nặng ngũ nghịch”. Trung A Hàm Kinh cũng nói: “Hàng thánh đệ tử đa văn khi trì tám giới này, ghi nhớ mười hiệu của Như-lai, nếu có các điều bất thiện nghĩ ác, đều được trừ diệt”. Vậy những ai muốn trừ tội tăng phúc nên nhân lấy cơ hội này thọ trì bát trai giới.

Toàn bài chỉ là phần trích yếu cùng tóm lược về pháp Bát Quan Trai Giới, quý vị nào muốn biết rộng, hiểu rõ hơn xin đọc kỹ trong cuốn Bát Quan Trai Thập Giảng của Diễn Bồi pháp sư do thầy Thiện Huệ dịch. Nguyên những ai đọc được những lời này đều phát tâm làm mới lại mình, thọ trì bát quan giới thanh tịnh, tu tập đúng theo chánh

pháp, khiến cho Phật-pháp được trường tồn, cho muôn loài thấy được nhờ ơn tế độ. Mong lắm thay!

Trước ngưỡng cửa năm Đinh Hợi, kính chúc tất cả quý vị luôn được thân tâm thường lạc, gia đình hưng vượng tăng phúc hoàn duyên hạnh phúc trong ánh hào quang hồng ân của chư Phật.

- Đầu xuân Đinh Hợi, tháng 1 năm 2007 -



Tri Túc

Bình sanh tu được tùy duyên tánh
Trà thô cơm đạm cũng đủ rồi.

Ôn Nghĩa Sanh Thành

– Điều lành cao tốt chẳng gì bằng hiếu. Điều cực ác là bất hiếu vậy!

– Kinh Nhẫn Nhục –

Nam mô Đại Hiếu Mục-Kiền-Liên Bồ-tát.

Gần đến rằm Vu-lan, là ngày báo hiếu của người con Phật. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, đầu tháng bảy thì Phật-tử tựu về chùa tụng kinh Vu-lan rất đông... để cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền được an lạc cùng quá vãng được siêu sanh lạc quốc. Chúng ta chỉ biết đến chùa tụng kinh và cầu nguyện cho Phật, Bồ-tát nghe, mà không biết tụng kinh cầu nguyện cho cha mẹ mình nghe! Thế nào là tụng kinh và cầu nguyện cho cha mẹ mình nghe? Chính là những hành động cùng lời nói của mình làm sao phù hợp với lời kinh Phật dạy, khiến cha mẹ thấy được, nghe được sanh lòng vui mừng. Đây mới là việc chính gốc cần phải làm. Còn việc đến chùa tụng kinh Báo Hiếu, làm những chuyện bên ngoài thấy đều việc phụ cả. Biết đến chùa tụng kinh cầu nguyện là tất phải y lời kinh mà làm theo thì mới trọn nghĩa báo hiếu vậy.

Kinh Đại Thừa Bồn Sự Tâm Địa Quán, Phật nói: “*Bà mẹ hiền thương con, thật không biết lấy vật gì để so sánh cho cân xứng vậy. Từ khi con vào thai, trải qua thời gian*

mười tháng, những lúc mẹ đi đứng ngồi nằm chịu trăm điều khổ não mà miệng mẹ không thể nói ra. Muốn những đồ uống ăn hay áo mặc, dù có được mẹ cũng chẳng mừng vì lòng lo lắng không khi nào dứt, chỉ lo nghĩ đứa con sắp sanh sao cho hoàn hảo là hơn thôi. Nếu khi đẻ khó thời như trăm ngàn mũi dao đồng thời đâm cắt toàn thân; nếu khi sanh dễ được an lành, bà mẹ với các thân thuộc cùng chung vui sướng in như kẻ nghèo được ngọc báu; sự đau khổ trong mười tháng của mẹ do một tiếng khóc đầu tiên của đứa con khi mới lọt lòng mà nỗi khổ ấy mẹ liền quên mất và vui sướng như nghe âm nhạc. Con lấy nơi bụng ngực của mẹ làm chỗ ngủ, lấy hai cổ vế là chỗ dạo chơi và do nước giếng cam lồ nơi ngực mẹ chảy ra mà nuôi lớn. Ôi! ơn đức của mẹ, núi cao biển sâu cũng chẳng thể sánh kịp. Nếu đứa con nào biết tùy thuận nghe theo những lời dạy bảo của từ mẫu mà không trái nghịch thời được các chư thiên hộ niệm, phước đức vô cùng. Nếu có kẻ trai lành gái thiện nào muốn trả ơn cha mẹ, trải qua thời gian một kiếp, cứ mỗi ngày ba lần từ cất thịch nơi thân đem nuôi cha mẹ cũng chưa có thể gọi là đã trả ơn được một ngày vậy”. Vậy chúng ta phải làm gì để gọi là một người con hiếu thảo, đền đáp ân nghĩa sâu nặng của đấng sanh thành và những người thân của mình?

Thông thường chúng ta chỉ biết bậc đại hiếu trong nhà Phật là đức Mục Kiền-liên Bồ-tát, nhưng kỳ thật thì chẳng có bậc chân tu nào mà chẳng tu hiếu đạo cả, đặc biệt là các

hàng Bồ-tát. Thí như Địa-tạng Bồ-tát thật là bậc đại hiệu vậy, không chỉ một đời mà nhiều đời. Kinh kể lại chuyện về thừa lâu xa vô số kiếp về trước, lúc đó có Phật hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trong đời tượng-pháp, có một người con gái dòng bà-la-môn, người này nhiều đời chứa đức sâu dày, mọi người đều kính nể, khi đi đứng, lúc nằm ngồi, chư thiên thường theo hộ vệ. Bà mẹ của người lại mê tín tà đạo, khinh khi ngôi Tam-bảo. Mặc dầu thánh-nữ đem nhiều lời phương tiện khuyên nhủ bà mẹ, hầu làm cho mẹ sanh chánh kiến, nhưng mà bà mẹ chưa tin hẳn. Chẳng bao lâu bà ấy chết, thần hồn sa đọa vào vô-gián địa ngục. Lúc đó thánh-nữ biết rằng người mẹ khi còn sống không tin nhân quả, liệu chắc phải theo nghiệp quấy mà sanh vào đường ác. Thánh-nữ bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương, hoa cùng những đồ lễ cúng, rồi đem cúng dường tại các chùa tháp. Do lòng lành chí thành hiếu dưỡng nên cảm ứng đạo giao, được đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-lai đến chứng minh và phát tiếng trên hư không bảo thánh-nữ rằng: “... *ta thấy người thương nhớ mẹ tội hơn thường tình của chúng sanh nên ta đến chỉ bảo. Cúng dường xong, người mau mau trở về nhà, rồi ngồi ngay thẳng nghĩ tưởng danh hiệu của Ta, thì người sẽ biết chỗ thác sanh của mẹ người*”. Lễ Phật xong, thánh-nữ liền trở về nhà. Vì thương nhớ mẹ, nên thánh nữ ngồi ngay thẳng niệm danh hiệu của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trải suốt một ngày một đêm

liền thấy thân mình đi đến một bờ biển kia, nhập vào cánh giới của địa ngục, gặp được Vô Độc quý vương. Thánh-nữ hỏi thăm tin tức của mẹ mình thì được Vô Độc chấp tay thưa rằng: “*Xin thánh-nữ hãy trở về, chớ đem lòng thương nhớ buồn rầu quá lắm nữa. Tội nữ Duyệt-đế-lợi được sanh lên cõi trời đến nay đã ba ngày rồi. Nghe nói nhờ con gái của người có lòng hiếu thuận, vì mẹ mà sắm sửa lễ vật, tu tạo phước lành, cúng dường chùa tháp, thờ đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-lai. Chẳng phải chỉ riêng thân mẫu của Bồ-tát được thoát khỏi địa ngục, mà ngày đó, những tội nhân cũng đều được vui vẻ, đồng được thác sanh cả*”. Bấy giờ, thánh-nữ dường chiêm bao chợt tỉnh, rõ biết việc đó rồi, bèn đôi trước tháp tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-lai mà phát thệ nguyện rộng lớn rằng: “*Tôi nguyện từ nay nhĩn đến đời vị lai những chúng sanh mắc phải tội khổ, thì tôi lập ra nhiều phương chước làm cho chúng đó được giải thoát*”. Quý vương Vô Độc trước đó nay chính ông Tài Thủ Bồ-tát. Còn thánh-nữ bà-la-môn đó, nay là Địa Tạng Bồ-tát vậy.

Lại nữa, vô lượng vô số kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Liên Hoa Mục Như-lai. Trong thời mạt-pháp, có người con gái tên là Quang Mục hết lòng hiếu thảo, nàng này sắm sửa đồ ăn cúng dường La-hán. La-hán sau khi nhập định quan sát, thì thấy bà mẹ của Quang Mục đọa vào chốn địa ngục rất là khổ sở. La-hán xót thương bèn dạy phương chước, ngài khuyên Quang Mục rằng:

“Người phải đem lòng chí thành mà niệm đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như-lai, và vẽ đắp hình tượng đức Phật, thời kẻ còn cùng người mất đều được phước lợi”. Quang Mục nghe xong, liền xuất tiền của, họa tượng Phật mà thờ cúng. Nàng lại đem lòng cung kính, khóc than chiêm ngưỡng đánh lễ tượng Phật. Đêm đó nàng chiêm bao thấy thân của đức Phật sắc vàng sáng chói như hòn núi Tu-di. Đức Phật phóng ánh sáng mà bảo Quang Mục rằng: “Chẳng bao lâu đây thân mẫu của người sẽ thác sanh vào trong nhà của người, khi vừa biết đói lạnh thì liền biết nói”. Sau đó, đứa trẻ gái trong nhà sanh một đứa con trai, chưa đầy ba ngày đã biết nói. Trẻ đó buồn khóc mà nói với Quang Mục rằng: “Nghiệp duyên trong vòng sanh tử phải tự lãnh lấy.... nhờ phước lực của người, nên nay được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm số mạng ngắn ngủi, năm 13 tuổi đây sẽ bị đọa vào địa ngục nữa....” Quang Mục nghe xong than khóc rơi lệ mà bạch cùng giữa hư không rằng: “Nguyện cho thân mẫu tôi khỏi hẳn địa ngục khi mãn 13 tuổi không còn có trọng tội cùng không còn đọa vào ác đạo nữa. Xin chư Phật trong mười phương thương xót chứng minh cho tôi, vì mẹ mà tôi phát nguyện rộng lớn như vậy: Như thân mẫu tôi khỏi hẳn chốn tam đồ và hạng hạ tiện cùng thân gái, cùng kiếp không còn thọ những quả báo xấu đó nữa, tôi đối trước tượng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như-lai mà phát lời nguyện rằng: Từ ngày nay hẳn về sau đến trăm nghìn muôn ức kiếp, trong những thế

giới nào mà các hàng chúng sanh bị tội khổ nơi địa ngục cùng ba ác đạo, tôi nguyện cứu vớt chúng đó làm cho tất cả đều thoát khỏi chốn ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, v.v... Những kẻ mắc phải tội báo như thế thành Phật cả rồi, vậy sau tôi mới thành bậc Chánh-giác”. Quang Mục phát nguyện xong, liền nghe tiếng của đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như-lai dạy rằng: “*Này Quang Mục, nhà người rất có lòng từ mẫn, vì mẹ mà phát ra lời thệ nguyện rộng lớn như thế, thật là hay lắm. Ta quan sát thấy mẹ nhà người lúc mẫn 13 tuổi, khi bỏ báo thân này sẽ thác sanh làm người phạm-chí sống lâu trăm tuổi. Sau đó vãng sanh về cõi nước Vô-ưu sống lâu đến số không thể tính kể. Sau rồi sẽ thành Phật độ nhiều hạng người, trời, số đông như số cát sông Hằng.*” Vị La-hán phước lành độ Quang Mục thưở đó chính là Vô-tận-ý Bồ-tát. Thân mẫu của Quang Mục là ngài Giải-thoát Bồ-tát. Còn Quang Mục thời là ngài Địa Tạng Bồ-tát đây vậy.

Qua hai câu chuyện trên, quý vị nên nhớ việc cầu cúng của chúng ta, kết quả ra sao là phụ thuộc vào tâm đức, và công phu tu hành của mỗi người. Nếu không có tâm đức, công phu tu hành thì những gì chúng ta cầu nguyện không thể thành tựu được.

Chủ ý của bài viết là bàn đến việc hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ, không chỉ con cái hiện tại mà phải nói luôn cả con cái về sau nữa. Bởi sự hiếu thuận của con cái mình

có hay không phần lớn quy về sự ảnh hưởng giáo dục của cha mẹ. Theo thuyết nhà Phật thì tất cả đều nằm trong lý nhân quả. Chuyện kết hôn và nối dõi tông đường không phải là việc riêng giữa hai người hay một tổ tông dòng họ nào, mà là sự ảnh hưởng cả một tộc quần xã hội và luôn cả thế giới. Quý vị chớ cho rằng sao có thể nói lời nghiêm trọng đến thế. Thật ra chúng tôi nói lời này vô cùng nghiêm túc, chẳng khoa trương và cũng chẳng hù dọa ai cả. Ngẫm kỹ lại mà xem, nếu quý vị có được cuộc sống hòa thuận an vui và gia đình hạnh phúc thì tất nhiên sẽ đào tạo được những đứa con ngoan hiền, học giỏi. Thì sự hữu ích mang lại không riêng gì gia đình quý vị mà luôn cả xã hội tộc quần. Nếu đứa trẻ về sau có khả năng và tước vị có thể làm nên sự ấm no hạnh phúc của muôn dân. Nhưng nếu ngược lại, đứa trẻ trở nên hư hỏng thì chẳng hại riêng gì cuộc đời nó mà còn liên lụy đến bao nhiêu kẻ khác, lại còn để lại ấn tượng xấu cho những thành phần bất hảo noi theo. Nếu trẻ càng giàu có và nhiều quyền lực thì sự ảnh hưởng của nó càng thậm tệ hơn, có thể khiến cho bao nhiêu gia đình nhà tan cửa nát. Quý vị từng đọc và học qua sử lược của các nhà chính trị cùng các vị lãnh tụ của các đảng phái. Có người đem lại sự vinh quang và hạnh phúc cho muôn dân do sự giáo dưỡng ban đầu của họ được gieo trồng bằng những hạt giống lành. Còn có người được đào luyện nên từ những hoàn cảnh và tư tưởng xấu ác thì mang lại sự họa hoạn cho cả một quốc gia và làm chết không biết bao nhiêu

người vô tội. Diên tích và lịch sử để lại rất nhiều, quý vị có thể tự đọc tự biết, nơi đây không cần phải gọi lại những việc đau lòng đó.

Trong sinh hoạt đời sống hằng ngày nhất là trong nhà có con nhỏ, ăn nói cần phải cẩn trọng. Người xưa nói: tánh tương cận, tập tương viễn. Những hành động và lời nói của mình vô hình trung ăn nhập khắc sâu vào tâm khảm của trẻ, đôi lúc em bé phát ra những lời nói cùng hành động vô ý thức, nhưng có những lời nói vượt ngoài giới hạn trẻ, và có chiều hướng xấu, chúng ta không thể đứng nhìn và cười cho là vô hại, cho rằng trẻ chỉ bắt chước không biết gì, nhưng đó là những mầm mống mà chúng ta đã gieo trồng vào tâm thức trẻ, tương lai khó mà suy lường được. Những lúc bắt gặp những trường hợp như vậy chúng ta trước hết phải cảnh tỉnh lại mình, khi có mặt trẻ cần có những lời nói và hành động ôn hòa, nhã nhặn, lễ nghĩa mang tính cách giáo dục để cho con bắt chước. Đừng cho rằng trẻ chẳng biết gì. Bởi ai cũng biết rằng tâm trí trẻ như tờ giấy trắng, chúng ta vẽ như thế nào thì tâm thức trẻ sẽ biến thành như vậy. Những lời nói cùng hành động chúng ta làm mỗi mỗi đều được ghi nhận in sâu vào tâm thức trẻ. Nên khi dạy con cái không nên có những lời nói thô lỗ và hành động bạo lực. Như chuyện kể về cuộc đời của ngài Mạnh Tử. Ông mồ côi cha, chịu sự nuôi dạy nghiêm túc của mẹ là Chương thị. Bà sau này được biết tới với cái tên Mạnh mẫu (mẹ của Mạnh Tử). Mạnh mẫu đã ba

lần chuyển nhà để Mạnh Tử được ở trong môi trường xã hội tốt nhất cho việc học tập, tu dưỡng. Nhờ đó mà sau này ông mới có thể kế thừa tư tưởng của Khổng Tử, và còn phát triển và hoàn thiện thêm học thuyết của họ Khổng cho thích ứng với tình hình thực tế đương thời. Về sau, ông được xem là tổ thứ hai của nho giáo và được hậu thế tôn làm Á Thánh Mạnh Tử. Sự thành tựu và công lao đó phải đâu chẳng phải nhờ Mạnh mẫu Chương thị.

Không có người con nào mà không thọ nhận sự giáo dục của cha mẹ. Nếu là gia đình đạo Phật, quý vị phải dạy con cái giáo lý nhân quả. Phật dạy: phạm làm việc gì phải nghĩ đến hậu quả của nó. Biết đó là tác nhân xấu sẽ đưa đến quả không tốt, mình răn dạy con đừng làm việc đó, nếu gây tác nhân xấu sẽ bị quả báo xấu. Đó là một cách giáo dục, cha mẹ đã giáo dục mình, mình giáo dục lại người sau. Đây gọi là gia giáo. Tục ngữ có câu: “công cha như núi thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.” Phận làm con không thể nào quên ơn đức của cha mẹ, mà sống thật hiếu thuận để hy vọng đền trả phần nào thâm ân như trời bể vậy.

Chúng ta ai cũng muốn con cái mình sau này đều ngoan hiền, dễ thương và có tương lai tốt đẹp. Những điều này chẳng phải chỉ mong cầu suông mà được, tất phải cần có sự giáo dục và giúp đỡ của cha mẹ. Đào tạo một con người từ sơ sanh đến trưởng thành thông thường phải trải

qua bốn trường lớp hay bốn nền giáo dục: 1.- gia đình giáo dục; 2.- học đường giáo dục ; 3.- xã hội giáo dục ; 4.- tôn giáo giáo dục. Tuân tự theo thứ lớp thì gia đình giáo dục là điều tiên quyết, bởi trẻ chào đời và trực tiếp đón nhận sự giáo dục của gia đình là trước hết. Vậy thì gia đình giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng cho sự thành bại của một con người. Tục ngữ có câu: sai một ly là đi một dặm. Cho nên nền tảng gia đình giáo dục là căn bản của căn bản, là nền tảng sâu đậm nhất của trẻ xuyên suốt cả cuộc đời. nên khi dạy trẻ không thể không cẩn thận. Do bài viết có hạn không thể phân tích kỹ lưỡng. Đi sâu hơn chút nữa, chúng ta phải nói đến cá tánh riêng của bậc làm cha mẹ đã được giáo dưỡng như thế nào? thứ nữa là lúc hòa hợp tâm lý cùng tâm tình của họ ra sao? Và điều quan trọng hơn nữa là thời kỳ thai nhi giáo dục. Xuyên suốt mười tháng thì tâm lý và sức khỏe của người mẹ phải ổn định vui vẻ. Người xưa quan niệm: muốn con cháu mình tương lai dễ thương thì trong lúc đang mang thai nhất định chớ để bà mẹ có những tâm lý sầu khổ buồn lo, cho đến sanh lòng bực dọc, mà phải luôn làm sao tìm cách giúp cho bà mẹ được tươi vui, lành mạnh, sức khỏe kiện khang và hằng ngày thường có nhiều thời gian để tâm tình cùng dạy dỗ thai nhi. Vẫn biết với xã hội hiện tại quá phức tạp, và nhất là đất nước phương tây quá ư nặng về chạy đua vật chất này lại thêm nhiều chướng nạn. Đây quả thật là một điều bất hạnh, và cũng là xu hướng và đà xuống dốc đạo đức

con người sắp đi đến cùng cực vậy. Nay chỉ nói đến những ai còn có lòng và biết nghĩ đến tương lai của con mình, nhất là những đôi vợ chồng son nên học hỏi một ít kinh nghiệm của các bậc đi trước và nên tìm đọc những sách giáo khoa lành mạnh về việc sanh nuôi dạy trẻ. Còn việc sau khi cho trẻ ra đời thì Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện dạy rõ: “*Nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ mới sanh ra đó mà tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ-tát đủ một muôn biến. Được vậy thì đứa trẻ hoặc trai hay là gái mới sanh ra đó, nếu đời trước nó có gây lầy tội vạ chi cũng được thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ dễ nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi phước lực mà thọ sanh, thì đời nó càng được an vui hơn cùng sống lâu hơn*”.

Trở lại vấn đề bốn phận làm con, chúng ta không thể viện cớ để đổ lỗi hết lên cho gia đình, xã hội hay hoàn cảnh đã đào tạo tôi trở thành con người như thế. Chúng ta phải biết phục thiện. Hồi còn nhỏ, thân phụ của chúng tôi hay nhắc đi nhắc lại câu: “*làm người phải biết phục thiện.*” Lúc tuổi còn trẻ, tánh tình xốc nổi, nghe nhiều phát chán vì chẳng hiểu gì, đến nay phải trải qua hơn hai mươi năm va chạm với cuộc đời mới thể nghiệm được cái giá trị bên trong của nó. Làm người mà không biết phục thì là thứ bỏ đi. Bởi không phục thiện tức không thể hay không chịu học theo lời hay lẽ phải, không tiếp nhận sự giáo dục, chỉ thích làm càn bướng theo tánh khí phiền não của mình.

Kết quả gặt được nhất định phải đắng cay. Phàm là người chung quy rồi ai cũng phải học cả. Người khôn lanh trí tuệ thì sẽ chụp lấy cơ hội học hỏi và tập tành theo khi hoàn cảnh và sức khỏe còn tốt. Kẻ cố chấp hơn chút thì phải đợi đến khi u đầu chảy máu rồi mới chịu tỉnh ngộ, họ sẽ phải ở trong hoàn cảnh khổ đau mà học tập. Còn kẻ vô trí thì cho đến chết cũng không chịu phản tỉnh. Theo tinh thần Phật giáo thì hạng này cuối cùng rồi cũng phải học. Nhưng phải trải qua nhiều kiếp lâu xa trong khổ đau cùng cực mới chịu phản tỉnh, rồi mới chịu học hỏi theo. Cái giá phải trả thật quá đắt cho những bài học hết sức bình dị. Thật đau xót thay!

Trong nhân gian có bài hát rất quen thuộc được nhiều người biết đến. Mọi người thường hát cho nhau nghe, và cũng hát cho tự mình nghe, để ngâm nga, ca tụng và để thưởng thức âm điệu, cùng ý nghĩa thâm thúy bên trong của nó. Nhưng lại không có được nhiều người làm theo những gì bài hát đã nói, để khiến cho bài hát trở nên trống rỗng, hay trở thành niềm ân hận hay nuối tiếc cho những ai đến khi cha mẹ chẳng còn mới vỡ lẽ, thấm thía hiểu ra được thì đã muộn mất rồi “...*Công đức sanh thành, người đời đừng quên...*” chúng ta căn bản chẳng quên, chỉ do công việc hằng ngày bận rộn đâm ra không nhớ. Không chỉ riêng một lý do này mà còn nhiều lý do khác nữa, nhưng cho dù là lý do gì đi chăng nữa cũng không được phép quên mới đúng. Bởi tuy rằng chẳng quên nhưng

trong cuộc sống đời thường lại không bao giờ nhớ thì cũng chẳng khác gì là đã quên... đã vậy, chẳng những tự mình không nhìn nhận sự thiếu sót của mình mà đôi lúc còn viện lý do thứ lý do “thật chính đáng” để biện luận cho mình và làm kẻ còn đòi hỏi ngược lại làm tệ hơn, đây là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến những người con bất hiếu. Nếu quý vị thật hiểu được lòng bao dung và tâm tình của những bà mẹ thì không lý do gì quý vị có thể quên công đức sinh thành.

Quý vị hãy nghe chuyện kể về tấm lòng của một bà mẹ thật cảm động. Bà có 3 người con trai, người nào cũng tài giỏi. Nhưng đến khi trưởng thành và lập gia thất thì mỗi người tùy theo phước duyên của mình mà có cuộc sống khác nhau. Ba người con đều hiếu thảo nên phân chia bổn phận lo chu cấp nuôi dưỡng mẹ già. Lúc đến sống với người con cả, do anh này khá giả nhất nên phụng dưỡng mẹ được chu đáo. Lúc đến ở với người con thứ hai, anh này do làm quan nên có tiền, có xe, lo lắng cũng hoàn toàn tốt đẹp. Đến người con thứ ba thì túng thiếu, nhưng anh ta vẫn cố gắng hiếu thảo trong khả năng của mình, nên không thể bỏ dưỡng đầy đủ cho mẹ. Mỗi lần từ người con này đến người con kia bà mẹ đều được cân đo, xem ba cậu con trai lo cho mẹ có chu đáo không. Kết quả thì từ anh cả đến anh hai thì cân đo đều tốt, qua người con thứ ba muốn cân đo cho tốt bà mẹ phải bỏ một cục chì trong túi áo. Vì ở với cậu thứ ba nghèo thiếu nên bà ốm gầy, nhưng thương con,

sợ các anh phàn nàn quở trách nên bà mẹ phải làm như thế. Từ đó trong nhân gian mới có câu “cha mẹ bù chì” là xuất phát từ tích truyện trên, để nói lên tấm lòng của người mẹ. Người mẹ suốt đời sẵn sàng bảo bọc, che chở cho con.

Chúng ta thường nói: Đạo hiếu là đạo Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật. Để làm rõ hơn nghĩa này, chúng ta hãy đi vào một trong nhiều câu chuyện mà đức Phật đã khai môn phương tiện dạy cho người sau về hạnh hiếu như trong Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân. *“Khi vua Tịnh Phạn lâm bệnh nặng. Ngài muốn thấy mặt các con một lần chót. Bảy giờ đức Phật ở tại thành Vương-xá cách chừng năm mươi do tuần. Phật mới bảo A-nan, Nan-đà và La-vân liền dùng thần túc mà về vương cung. Rồi ngài phóng hào quang sáng rực soi khắp thân phụ-vương thì bệnh tình được thuyên giảm chút ít; và Ngài lại lấy tay rờ lên trán phụ-vương mà an ủi rằng: phụ-vương là người tu tịnh giới, đã diệt sạch tâm phiền-não cấu nhiễm; nay phụ-vương nên vui mừng và nghĩ nhớ lời kinh pháp. Đức phụ-vương nghe nằm chấp tay đem tâm mà kính lễ! Liền lát sau ngài băng hà. Các Thích-tộc và triều đình lo việc tẩm liệm vào quan tài và đem quan tài tôn trí trên tòa sư tử. Đức Phật và ngài Nan-đà nghiêm chỉnh đứng trước linh xa; ngài A-nan và La-vân đứng sau linh xa. A-nan quỳ thưa Phật rằng: cho tôi xin gánh quan tài bá-phụ; La-vân cũng xin với Phật cho mình gánh quan tài ông nội. Đức Thế-tôn nói lời an ủi: con người sau này đều là hung bạo, bất hiếu chẳng biết trả*

ơn dưỡng dục của cha mẹ, ta vì chúng sanh bất hiếu ấy mà bày ra phương pháp để giáo hóa. Rồi Như-lai đích thân gánh quan tài phụ-vương và tự tay bưng lư hương đứng trước mà đi đến nơi Lãng-mộ! Đức Như-lai kiếp trước ở trong sanh tử, thời gian như vậy nhiều như số vi trần không thể nghĩ bàn được và trong hình loại tất cả chúng sanh chịu đủ mọi thân hình. Vì chịu nhiều thân hình nên tất cả chúng sanh đã từng làm cha mẹ đức Như-lai, và Như-lai cũng đã từng làm cha mẹ tất cả chúng sanh. Vì từng làm cha mẹ tất cả chúng sanh nên thường tu những khổ hạnh khó tu, hay bỏ những vật khó bỏ. Siêng tu tinh tấn, trì giới, bố-thí, đa văn, thiền định, trí huệ cho đến đầy đủ tất cả muôn hạnh, chẳng nghĩ chẳng thôi, tâm không mệt mỏi. Vì hiếu dưỡng cha mẹ, biết ơn trả đức nên ngày nay được chóng thành tự quả vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác”.

Lời nói của Phật là ngôn giáo, mà đời sống của đức Phật chính là thân giáo. Thân giáo quan trọng hơn tất cả. Có nhiều việc mình nói người khác không tin hiểu nhưng khi mình hành động thì sẽ cảm hóa được người khác. Cho nên dạy con cái, phần thân giáo không thể thiếu. Sự thành bại tương lai của con cái về sau được đặt để trên nền tảng căn bản của gia đình giáo dục, mà trực tiếp không ai hơn hết là bậc làm cha mẹ. Khi vào học đường biết chăm chỉ học hành, làm người học trò giỏi là do việc dạy con ngoan nên không bị bạn bè xấu rủ rê lôi kéo. Lớn lên bước vào

trường lớp giáo dục của xã hội, không bị các thành phần xấu, những ô nhiễm của lợi danh mê hoặc cũng nhờ vào công gia đình giáo dục vững chắc. Cả cuộc đời có được nếp sống chơn thiện mỹ tuệ thấy đều quy về công ơn giáo dưỡng ban đầu của bậc làm cha mẹ. Thế mới biết được, ơn nghĩa sanh thành dưỡng dục của cha mẹ còn hơn trời cao biển rộng sông dài, không chi đền đáp đặng. Nói chi đến công ơn thầy tổ khi bước vào ngưỡng cửa của tôn giáo giáo dục. Nên Kinh Bất Tư Nghì Quang nói: Cung phụng đồ ăn uống và châu báu chưa đủ trả được ơn cha mẹ. Hướng dẫn cha mẹ xoay về chánh pháp mới là báo hiếu.

Hy vọng bài viết ngắn ngủi này có thể mang lại một chút gì cho những ai đọc được nó, tự mình phản tỉnh, thăm hỏi lại mình đã làm được gì cho mình để thoả mãn được kỳ vọng của cha mẹ! Mình đã làm được gì giúp cho cha mẹ có được cuộc sống thoải mái ổn định! Và mình đã sống ra sao có khiến cho cha mẹ không lo lắng cho mình chăng? Hơn thế nữa là mình đã làm được gì khiến cho cha mẹ vui lòng chăng? Những điều trên đây nếu hay làm được thì quả thật là xứng đáng người con hiếu thảo. Thực tế hơn một chút, Kinh Lễ Lục Phương nói con thờ cha mẹ phải có năm điều:

1. Phải lo sanh kế.

2. Dậy sớm sai khiến tôi tớ lo làm cơm nước cho kịp thời.

3. Chẳng nên làm cha mẹ lo thêm.

4. Phải nhớ ơn cha mẹ.

5. Khi cha mẹ có bệnh, phải lo sợ liền mời thầy chữa thuốc kịp thời.

Lại nữa, Kinh Thiện Sanh thì nói đạo làm con đối với cha mẹ có năm việc:

1. Lo gia sự

2. Lo trả nợ nần

3. Phải hiểu lời dạy

4. Cúng dường

5. Làm sao cho cha mẹ vui

Nếu ai chưa từng làm thì hãy bắt đầu hôm nay và bây giờ, ai đã làm rồi mà chưa tròn thì cố gắng làm thêm nữa. Ai đã làm được rồi thì nên phát triển và khuyến tấn mọi người cùng thực hành hiếu đạo. Kinh Đại Tập nói: “*Gặp đời không có Phật, nếu biết khéo phụng sự cha mẹ tức là phụng sự Phật vậy*”. Nhưng cung dưỡng cha mẹ phải biết có ba việc: 1.- dưỡng phụ mẫu chi thân ; 2.- dưỡng phụ mẫu chi tâm ; 3.- dưỡng phụ mẫu chi chí. Dưỡng phụ mẫu chi thân là chăm lo sức khỏe, sớm tối thăm hỏi, lo việc ăn uống nóng lạnh. Dưỡng phụ mẫu chi tâm là luôn để ý đến tâm tình của cha mẹ, luôn làm cho cha mẹ vui lòng và dưỡng phụ mẫu chi chí thì phải khéo biết thời khiến cho cha mẹ thoát ra khỏi khổ luân hồi. Học Phật Hành Nghĩa

nói: người học Phật rồi thì mỗi khi thấy cha mẹ nên giữ thân ngời ngay đứng thẳng. Thường niệm kệ rằng:

Hiếu sự phụ mẫu
Đương nguyện chúng sanh
Thiện sự ư Phật
Hộ dưỡng nhất thiết

tạm dịch:

*Hạnh hiếu hầu cha mẹ
Nên nguyện cho chúng sanh
Khéo phụng sự chư Phật
Cung dưỡng giúp tất cả.*

Lúc phải thời thì nên đem nhân duyên Phật-pháp ra mà trình bày. Luận Tỳ-na-da nói: “Nếu cha mẹ không tin, khuyên phát khởi lòng tin ; nếu chưa có giới pháp, khuyên thọ trì giới pháp ; nếu tánh tình bủn xỉn, khuyên tu hạnh bố-thí, nếu không trí tuệ, khiến kia tu trí huệ. Làm con được như thế, mới được gọi là trả ơn.”

Mong lắm thay!

- Giữa thu Đình Hối, tháng 8 năm 2007 -



Đạo làm con chớ hững hờ

Phải đem hiều kính mà thờ từ nghiêm

Ý nghĩa của việc Quy Y

Đại lễ Phật Đản ngày một gần, người người phát tâm đến chùa xin Quy y Tam Bảo mỗi lúc một đông. Thông thường, quý vị sẽ được nghe giảng về mục đích quy y trong lúc truyền giới; tuy nhiên cũng có ít nhiều người chưa đủ duyên lành nên chưa từng được nghe giảng qua. Nhân tiện đây, chúng tôi trích ra vài đoạn trong khoa nghi Quy y Tam Bảo để quý vị tiện bề tham cứu, tu tập trong việc thọ giới và giữ giới hầu đạt đến được niềm an lạc. Đây là phần khai đạo trong mỗi khóa lễ quy y. Trước nói cho mọi người hiểu tại sao quy y.

Phật dạy rằng: ba cõi không yên, như ở trong nhà lửa. Muốn xa lìa cõi khổ, thì phải nương về ngôi Tam Bảo. Người muốn thoát khỏi bờ sanh tử luân hồi, không thể bỏ qua sự thọ trì giới pháp mà được. Giới như chiếc bè báu đưa người qua bể khổ, giới như đất bằng phẳng, muôn vật đều từ đấy phát sinh, giới như ngọn đèn sáng, chiếu phá các chỗ tối tăm, giới là con đường tắt đưa đến cõi nhơn thiên, là cửa ngõ vào Niết-bàn. Thế nên kinh sách đã ghi rằng: nếu có chúng sanh nào muốn dứt trừ cái khổ, hưởng sự vui vô thượng Niết-bàn, thì phải thọ Tam Quy, trì Ngũ Giới. Nếu người nào giữ được thanh tịnh, cho đến trong

giây phút quy y Tam Bảo, ở đời vị lai cũng được chứng quả Niết-bàn.

Quy y và thọ giới là vấn đề rất quan trọng, nên một khi chúng ta phát tâm nhận thọ quy y phải dụng tâm chân chánh, nghiêm túc mà lãnh thọ. Khi thọ rồi thì đừng để cho sai phạm, lỡ có phạm thì phải mau mau đối trước Tam Bảo sám hối và nguyện dứt trừ bỏ, cầu cho được thanh tịnh trở lại mới đúng phép sau khi lãnh thọ phép quy y. Chứ nào phải quy y là chỉ để mong cầu Tam Bảo gia hộ an lành, tiêu tai giải nạn, hay xin pháp danh. Ở đời, có một số người sau khi quy y rồi, không thích vị thầy của mình nữa liền đến chùa khác xin quy y trở lại. Việc làm ấy quả thật là một hành động sai lầm, muôn vạn lần không nên. Quý vị có thể nhiều lần đến tham dự các khóa lễ quy y để nghe giảng dạy lại những điều mình cần phải hành trì khi thọ giới cho thêm thông thuộc, rành rõ cũng như hộ giới cho những người mới phát tâm lãnh thọ pháp quy y. Và quý vị cũng có thể lãnh thọ thêm giới nếu lần quy y trước chưa thọ đủ năm giới. Trước khi truyền năm giới, Vị Giới-sư thường bảo: *“Quý vị phải thành tâm chú ý, nghe cho kỹ mà lãnh thọ nhưng phải xét trước và định trước. Phải lượng sức mình mà lãnh thọ, mấy giới cũng tốt chứ không có bắt buộc giữ đủ năm giới”*. Đây là phương tiện trong phương tiện, bởi vì có nhiều người do vì hoàn cảnh cũng như nghề nghiệp chưa cho phép nên chưa thể vâng giữ trọn năm giới được. Quý vị có thể quy y với vị thầy có duyên với mình,

và sau đó trở về nơi ở của mình và theo học y chỉ với một vị thầy khác, tuyệt nhiên không có lỗi gì cả mà không cần phải quy y lại. Bởi quy y là quy y mười phương Tam Bảo, nên trong Phật pháp nói: *“Quý vị đã quy y mười phương Phật, Pháp, Tăng rồi thì từ đây về sau Tăng ở xứ nào, chùa nào, hay nước nào cũng đều phải nên kính quý, không nên riêng chỉ kính quý Tăng chùa mình cầu quy y, được như vậy đó là một người Phật-tử hiểu biết chọn chánh”*.

Chúng tôi nhớ hồi còn nhỏ, quy y Tam Bảo thì hết thầy là do ba mẹ sắp đặt, mình chỉ việc đến chùa, thấy người ta làm sao thì mình làm vậy. Lễ quy y ngày ấy rất trang trọng và mất cả ngày, cũng như đội sớ quỳ đầu cả đầu gối. Lễ quy y bây giờ có khác hơn, nhiều nơi chúng tôi đi qua chứng kiến được sự giản lược và tùy tiện đến chẳng còn gì, nhìn thấy thật đau lòng đến rơi lệ. Chẳng những không giảng dạy cho Phật-tử hiểu thế nào là quy y Tam Bảo, thậm chí cũng không hướng dẫn người thọ giới sau khi quy y làm đệ tử của Phật rồi thì cần phải hành trì thế nào. Vì vậy việc hiểu và hành trì Tam Quy và Ngũ Giới thật là vô cùng khiếm khuyết. Chính vì lẽ đó nên dù đã thọ giới quy y rồi, đời sống sinh hoạt hằng ngày của mình chẳng nào khác xưa, không mấy may thay đổi. Điều khác chẳng đó chỉ là có thêm một cái tên mới, tạm gọi là pháp danh để xưng niệm trước Phật và đại chúng mỗi khi đến chùa. Nên ở đây, quý vị nào đã hiểu phép quy y rồi, xin tìm đọc bộ Phật Học Phổ Thông của Hòa thượng Thích Thiện Hoa để biết thêm

bổn phận và trách nhiệm của Phật-tử tại gia mà tu tập và hộ trì Tam Bảo. Quý vị nào chưa quy y, hoặc giả đã quy y rồi mà khóa lễ không hề nhắc đến những điều sau thì mỗi tuần về chùa lễ Phật, nên đối trước bàn Phật thành tâm sám hối cầu cho mình chóng tiêu trừ nghiệp chướng và cầu thọ giới cho được thanh tịnh. Đây là phép Vô Tướng Sám Hối của Lục tổ Huệ Năng, quý vị có thể y theo đây mà phát lồ sám hối:

- ☐ *Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị ngu mê ô nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp ngu mê đã có từ trước, thấy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa.*
- ☐ *Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị kiêu căng dối trá ô nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp kiêu căng dối trá đã có từ trước thấy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa.*
- ☐ *Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị ganh tỵ ô nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp ganh tỵ đã có từ trước thấy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa.*

Ý nghĩa Sám Hối, trong Luật Phật dạy: “Người quy y Tam Bảo, trước phải sám hối cho thân tâm được thanh tịnh. Cũng như muốn chứa đựng vị cam lồ, trước phải súc bình

cho thật sạch. Còn người khi thọ quy giới, trước cần phải sám hối trừ phiền não cho tâm được thanh tịnh, mới có thể lãnh thọ quy giới thanh tịnh. Nhưng phải hiểu ý nghĩa sám hối là gì? Sám nghĩa là ăn năn, tự thú tội ra, chừa bỏ các lỗi đã làm, chẳng những tội lỗi trong một đời, mà cho đến các tội đã từng gây ra trong nhiều đời nhiều kiếp về trước, tất thấy đều sám. Hối nghĩa là hối hận, biết lỗi mà chừa bỏ, đổi xấu thành tốt, không cho tội lỗi phát sanh nữa. Ví như cái áo dơ bẩn đã giặt sạch, thì phải giữ gìn không cho dính dơ nữa”.

Thứ đến là phần truyền thọ Quy y Tam Bảo. “Chữ Quy là trở về, Y là nương tựa, là trở về nương tựa Phật, Pháp Tăng. Chúng ta đã nhiều đời nhiều kiếp say mê lầm lạc, nay cần phải quay về với chánh Pháp, nương tựa Tam Bảo. Người đời nương tựa với cha mẹ, vợ chồng, anh em bầu bạn, thì không hoàn toàn an lành. Nên phải nương tựa Phật, đáng từ bi bình đẳng, đáng cha lành. Nương tựa Pháp là một phương pháp giải khổ, như thuốc hay chữa lành tật bệnh. Nương tựa Tăng, bậc đại trí hoằng pháp lợi sanh, mới thật là hoàn toàn an lành”.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, đức Lục-tổ sợ mọi người hiểu lầm khi quy y Tam bảo rồi, không biết quay về nương tựa vào đâu mà hành trì, nên khi truyền thọ, Ngài không dùng quy Phật-Pháp-Tăng mà dùng quy y Giác-Chánh-Tịnh. Ngài nói: Thiện tri thức, quy y Giác, lương túc tôn;

Quy y Chánh, ly dục tôn; Quy y Tịnh, chúng trung tôn. Từ nay trở đi, xưng Giác làm Thầy, trọn chẳng quy y tà ma ngoại đạo, dùng Tự Tánh Tam Bảo thường tự chứng minh. Khuyên các thiện tri thức, nên Quy y Tự Tánh Tam Bảo: Phật tức là Giác, Pháp tức là Chánh, Tăng tức là Tịnh. Tự tâm quy y Giác thì tà mê chẳng sanh, thiếu dục tri túc, hay lìa tài sắc, gọi là Lương Túc Tôn. Tự tâm quy y Chánh, niệm niệm chẳng tà kiến, vì chẳng tà kiến nên chẳng có nhơn ngã, công cao, tham ái, chấp trước, gọi là Ly Dục Tôn. Tự tâm quy y Tịnh, tự tánh đối với tất cả cảnh giới trần lao ái dục đều chẳng nhiễm trước, gọi là Chúng Trung Tôn. Nếu tu hạnh này là tự quy y. Phàm phu chẳng hiểu, từ sáng đến tối thọ tam quy y, nếu nói quy y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì dựa vào đâu mà quy y? Nói lại thành vọng. Thiện tri thức, mọi người hãy xem xét kỹ, chớ lầm dục tâm, trong Kinh rõ ràng nói là quy y tự tánh Phật, chẳng có nói quy y tha Phật. Tự tánh Phật, chẳng quy y thì đâu còn chỗ nào để quy y nữa! Nay đã tự ngộ, mỗi mỗi đều phải quy y Tự Tánh Tam Bảo, bên trong tự sửa tâm tánh, bên ngoài kính mến mọi người, tức là Tự Quy y vậy.

Quý vị đã nghe và hiểu sơ lược nghĩa quy y Tam Bảo rồi, thì từ nay trở đi thà bỏ thân mạng, trọn không quy y thiên thần và quỷ vật. Vì sao? Vì thiên thần và quỷ vật kia còn bị luân hồi sanh tử, không phải là thánh nhân xuất thế gian. Quý vị đã quy y Pháp rồi, thà bỏ thân mạng, chớ không

quy y theo kinh điển ngoại đạo tà giáo. Vì sao? Vì kinh điển của ngoại đạo tà giáo không phải là pháp môn vô lậu giải thoát. Quý vị quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng, chớ suốt đời không quy y đồ chúng ngoại đạo. Vì sao? Vì đồ chúng ngoại đạo không phải là người giải thoát chứng quả tam thừa, họ sẽ dẫn dắt quý vị vào con đường tối tăm nguy hiểm.

Phần trên đây đã ít nhiều chi tiết rõ việc quy y Tam Bảo, chúng ta bây giờ có thể học hiểu đến phần thọ lãnh 5 giới. Phật chế ra năm điều ngăn cấm này hầu để cho người Phật tử tại gia thọ trì, tu tập. Nếu ai giữ trọn năm điều răn cấm, tức là giữ tròn nhân cách, kiếp sau khỏi đọa vào địa-ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Giới thứ nhất: *Không được giết hại chúng sanh: chúng sanh là hữu tình chúng sanh. Nghĩa là chúng sanh có tánh biết, tuy chỗ tạo nghiệp thọ thân bề ngoài có khác nhau, nhưng cái tánh biết đối với người không khác. Nó cũng biết tham sống, biết sợ chết, biết khổ, biết vui, biết thương, biết ghét như chúng ta. Người tham sống, vật cũng tham sống, người sợ chết, vật cũng sợ chết. Vậy, Phật-tử không được giết chết người, hay tất cả con vật gì có mạng sống. Vật lớn như con voi, con bò, cho đến vật nhỏ như con gà, con vịt, con muỗi, con kiến, con trùng, đều không được giết hại. Chẳng những chúng ta không giết hại chúng sanh mà ngược lại còn phóng sanh tất cả các con vật như: chim, cá,*

v.v... thì hiện đời sẽ được tăng thọ, đời sau sanh làm người sẽ được trường thọ. Trái lại người ưa sát hại chúng sanh, thì hiện đời sẽ bị giảm thọ, mà qua đời sau phải bị quả báo thường đau và chết yếu.

Giới thứ hai: Không được trộm cắp. Trộm cắp là thế nào? Là tất cả những vật quý báu, như vàng, bạc, ngọc ngà, cho đến vật nhỏ nhất, như cây kim, trái ớt, đã thuộc quyền sở hữu của người, tức là vật có chủ trông coi, người ta không cho, mà mình lén lấy, hoặc cậy thế, ý quyền mà lấy, lường thặng, tráo đấu, đi làm việc trễ giờ đều thuộc về tội trộm cắp cả. Trộm cắp có những điều hại gì? Hiện tại bị người tìm bắt, trói buộc, tra tấn kìm kẹp, hành phạt khổ sở, cha mẹ buồn khổ, xã hội khinh thường, bạn bè xa lánh, mất sự tin cậy nhau. Sau khi chết, lại tái sanh làm người bần cùng, cơm không đủ no, áo không đủ ấm. Hoặc có khi tậu được của cải thì lại bị cướp giựt, hỏa hoạn, nước trôi, rớt cuộc cũng hoàn nghèo khổ; hoặc làm tội tở trâu bò để đền trả nợ trước. Chúng ta đã quy y thọ giới thì không những không trộm cắp mà trái lại phải nên phát tâm bố-thí, thì đời này cũng như đời sau mới hưởng phúc thanh nhàn, an vui sung sướng, con cháu nhiều đời nhờ phúc thừa của ông bà, cha mẹ mà được giàu sang, vinh hiển. Song nhờ sự phát tâm bố-thí, mà vì đó chúng ta ngày càng tiêu trừ lòng tham lam, trộm cắp. Bởi có sự ích lợi như thế, nên Phật-tử cần phải giữ cho thanh tịnh.

Giới thứ ba: *Không được tà dâm. Phật dạy: người Phật-tử còn tại gia giữ năm giới, duy cấm tà dâm, là cấm chồng hay vợ không được lén lút làm việc tà bậy.*

Tham tâm tà bậy có hại gì?

- 1.- Làm cho chồng hay vợ buồn khổ, ghen tương*
- 2.- Làm cho mất lòng tin cậy nhau*
- 3.- Thân mạng gởi trên dao gươm*
- 4.- Gia đình dần dần suy sụp*
- 5.- Mắc phải quả báo xấu về sau, là chồng hay vợ con sanh lòng lang chạ*

Nếu muốn cho gia đình đầm ấm, vui vẻ, muốn được tin cậy, muốn mạng sống vững yên, muốn cho thành tựu gia nghiệp, muốn cho được tiếng thơm sạch ở đời này và khỏi bị quả báo xấu đời sau, thì nên đoạn hẳn tà dâm. Không tà dâm được lợi ích như thế, Phật-tử cần phải giữ gìn đừng cho phạm.

Giới thứ tư: *Không được nói dối. Nói dối là thế nào? Là tâm nghĩ, miệng nói trái nhau. Nói dối có bốn cách:*

1.- Nói không chân thật: nghĩa là lấy phải làm quấy, cho nên thấy mà nói không thấy; lấy quấy làm phải, cho nên việc không thấy mà nói thấy.

2.- Nói thêu dệt: nghĩa là trau sửa lời hoa nguyệt, tiếng hay khéo, xui người buông lung tâm trí, để làm việc tà bậy.

3.- Nói lười đời chiều: nghĩa là đến người này nói chuyện xấu người kia, đến người kia nói chuyện xấu người này, kêu gọi đấu tranh nhau, làm cho ân ái chia lìa.

4.- Ác khẩu: nghĩa là nói lời thô ác, mắng nhiếc, hủ nhục người, làm cho người lửa giận tức bốc lên; cho đến có mặt thì khen, vắng mặt thì chê; ở trước mặt thì cho là phải, sau lưng cho là trái; hoặc nói ra những chuyện dở xấu của người, đều thuộc về loại nói dối cả.

Vì nói không thật, nên hiện đời mất lòng tin cậy nhau, không thể lập nên công nghiệp vĩ đại, khi chết, đọa vào ba đường ác chịu khổ. Không nói dối thì tâm nghĩ, miệng nói hợp nhau, sau khỏi ăn năn, ở đời được mọi người tin cậy, nhiều đời sau, thân trang nghiêm tốt đẹp, tướng lười rộng dài. Bởi có sự lợi ích như thế, nên Phật-tử lúc nào cũng nói lời chân thật.

Giới thứ năm: Không được uống rượu, bia, xì-ke, ma túy, không được uống những thứ rượu làm say mê người, rượu say dù một giọt nhỏ cũng không nên uống. Tự mình uống, tội còn nhẹ, nếu ép nài đưa người uống thì phạm tội rất nặng. Thuốc độc uống vào thì chết ngay, song chỉ giết chết mạng một đời người, nhưng còn ít độc hơn là rượu, vì rượu là thứ làm cho người cuồng tâm, mất giống trí huệ, gây nên đầy tội lỗi, chết đi sống lại nhiều kiếp, nên rượu là món độc hơn là thuốc độc.

Trong Luận Bà-sa truyện kể rằng: xưa có ông ưu-bà-tắc sẵn tánh nhơn hiền, thọ trì năm giới, chuyên rông không phạm. Một dạo sau, có dịp đi xa trở về nhà, giữa đường vừa khát vừa đói, ghé lại nhà người, người nhà đi vắng. Ông ta do bị khát nước quá ngặt, thấy chum đựng rượu, tưởng nước uống lầm bị say. Mắc phải phạm giới rượu. Khi đó có gà hàng xóm chạy lại nhà kia, ông trộm giết mà ăn, lại phạm giới-trộm và giới-sát. Liền sau đó có cô gái bên xóm vào nhà kiếm gà, ông cưỡng bức giao thông, lại phạm giới-dâm. Bà con nhà xóm đi thưa quan, ông cãi chối không chịu, lại phạm giới vọng-ngữ. Uống rượu không phải sát hại, trộm cắp... song trong kinh Phật dạy rượu lại là nhân sanh ra các tội lỗi, Kinh Thiện Ác Sở Khởi nói: uống rượu gây ra 36 lỗi, ở đây xin tạm chỉ lược kê 10 điều tội lỗi:

- 1) Tâm tán loạn, của cải rơi mất
- 2) Thân hay sanh tật bệnh
- 3) Tăng trưởng lòng giết hại
- 4) Tâm sân hận bùng bốc, ưa sanh sự tranh đấu
- 5) Trí tuệ dần kém
- 6) Phúc đức tiêu mòn
- 7) Sự nghiệp chẳng thành
- 8) Thêm nhiều sự buồn khổ

9) Khổ nhục cha mẹ vợ con

10) Thân hoại mạng chung, đọa vào địa ngục chịu khổ, đời đời ngu tối

Phật tuy cấm uống các thứ rượu làm say mê người, song cũng có khai cho, khi nào bệnh nặng, uống các thứ thuốc không lành, thầy thuốc bảo phải cần có rượu dầm thuốc uống, bệnh mới lành, thì được tạm dùng đến khi mạnh thì thôi. Nhưng trước khi uống dùng, cần phải bạch cho chúng Tăng chứng biết. Vậy người biết giữ năm giới được những sự lợi ích; người không biết giữ năm giới có hại như thế. Các vị quy y thọ giới rồi, thì thường phải nhớ Phật, niệm Phật, chán cõi Ta-bà lắm điều khổ não, cầu sau khi mạng chung thân thức sanh về nước Cực-lạc của Phật A Di Đà, liên hoa hóa sanh, sống mãi không phải sanh, già, bệnh chết nữa. Theo lời Phật Thích Ca dạy: đức Phật A Di Đà đương chờ đợi tiếp dẫn chúng sanh về Cực-lạc, nếu ai thành tâm chuyên niệm danh hiệu Ngài. Vậy mỗi vị phải có một xâu chuỗi tràng, mỗi ngày đêm niệm ít nhất ba tràng, tùy sức, niệm càng nhiều càng tốt. Nên biết: ngọc Ma-ni gieo vào nước đục, nước đục trở thành trong; câu hiệu Phật gieo vào tâm chúng sanh, tâm chúng sanh trở thành tâm Phật. Trong kinh có câu: “mạc đãi lão lai phương niệm Phật, cô phần đa thị thiếu niên nhơn,” nghĩa là: chớ đợi đến già rồi mới niệm Phật, mờ hoang ngoài đồng phần nhiều là người tuổi trẻ. Song đã quy y thọ giới

rồi, là phải thực hành theo lời Phật dạy, nguyện trừ bỏ các điều ác, nguyện tu các việc lành, để trở thành người Phật-tử chân chánh.

Các Phật-tử! từ hôm nay trở đi, quý vị phải tinh tấn siêng năng học hỏi giáo lý của Phật dạy, rồi y theo đó mà tu hành, bỏ bớt các phúc lành, tạo cái nhân tốt, hầu về sau sẽ thành Phật quả. Từ đây về sau tránh sự sát sanh, quý vị phải tập ăn chay, cho lòng từ bi tăng trưởng, ăn ít nhất là mỗi tháng 2 ngày chay, khi quen rồi thì lần lên 4 ngày, 6 ngày, v.v... Thường ngày ăn uống, nên cứ kiêng hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu, thịt trâu, thịt chó, v.v... vì các thứ ấy người Phật-tử ăn không tốt, sanh con ngu tối, chỉ có hại mà không lợi, nên tất cả cố gắng giữ gìn. Phải thường năng đến chùa lạy Phật sám hối (mỗi tháng 2 lần: tối 14 và 30, nếu tháng thiếu thì 29), nghe kinh, phải ráng học ít nhất là mười bài Phật Học Phổ Thông về lớp sơ đẳng mới hiểu bốn phận của người Phật-tử tại gia mà hành trì. Khi vào chùa lạy Phật thì đừng mang giày dép vào chánh điện, vì sợ mang đồ dơ bẩn vào chùa mà vô tình tạo thêm tội, mặc khác để tỏ lòng cung kính chư Phật, Bồ-tát. Vào chùa phải y phục sạch sẽ và tề chỉnh. Nếu thuận tiện thì ở nhà nên lập một bàn thờ Phật, để thường ngày chiêm ngưỡng và lạy Phật, tụng kinh, cho Tăng trưởng phước lành. Về cách thờ, tụng thế nào cho đúng phép, thì quý vị nên xem trong quyển Phật Học Phổ Thông khóa thứ nhất.

Ý nghĩa phái quy y. Phái này không phải là một cái bùa trừ tà ếm quỷ, vậy quý vị không cần mang đeo trong mình, phái này cũng không phải một ông thần để ban ơn giáng phước cho quý vị, nên cũng không cần cất kỹ để thờ trên trang. Phái này chỉ là một cái bằng chứng ghi lại ngày này, tháng này, quý vị đã cải ác tùng thiện, xả tà quy chánh, quy y theo đạo Phật. Vậy quý vị nên làm cái khuôn kiến treo chỗ nào thường ra vào trông thấy. Phái này có công năng nhắc nhở quý vị mỗi khi làm những điều sai quấy. Như khi quý vị muốn giết một con gà hay con vật gì để ăn, quý vị thấy cái phái này, nó liền nhắc nhở cho quý vị nhớ rằng: mình đã quy y thọ giới, đã hứa hẹn trước Tam Bảo, sao còn làm việc tội lỗi thế này, thì quý vị sẽ không dám sát sanh, v.v... Căn bản, cái phái này chỉ có công năng nhắc nhở quý vị bỏ các điều ác, làm các điều lành, khi trăm tuổi già, cũng không cần đốt đem theo, vì việc ác nếu quý vị không chữa, thì dù có đem theo một trăm cái cũng vô ích.

Chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa:

- 1.- Phải gắng bỏ các điều dữ làm các điều lành, siêng năng niệm Phật
- 2.- Cố gắng học hỏi giáo lý cao siêu của Phật
- 3.- Phải ăn chay mỗi tháng ít nhất là hai ngày

4.- Nên cử kiêng hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu, thịt trâu, và thịt chó, v.v...

5.- Treo cái phái này chỗ nào thường thấy

Bài viết này, chúng tôi đã phần trích từ kinh sách ra, thêm vào vài chỗ thiếu sót hầu thêm phần rõ nghĩa, hy vọng mọi người có duyên đọc được phát tâm đồng mãnh tinh tấn hành trì cho đúng với tâm phát nguyện ban đầu khi đến chùa lãnh thọ pháp quy y. Rằm tháng tư lễ Phật Đản là ngày kỷ niệm đức Bồ Sư ra đời, chúng ta học Phật, cũng phát nguyện sanh ra trở lại làm người Phật-tử mới đúng nghĩa với danh hiệu con nhà Phật. Chúng tôi thành tâm kính chúc tất cả quý vị đều là Phật-tử như ngài Xá-lợi Phất giảng nói trong Kinh Pháp Hoa: *“Ngày nay mới biết mình là Phật-tử, từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh, được pháp phần của Phật.”*

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Đầu hè Mậu Tý, tháng 5 năm 2008 -



Nói với Gia đình Phật tử

Dang trong mùa an cư, chúng tôi lại nhận được tin nhắn từ các anh chị em áo lam có nhã ý thỉnh chúng tôi về tham dự lễ chu niên lần thứ 9 của Gia Đình Phật Tử Từ Ân. Chúng tôi đã vào chùa, thời gian tuy không lâu lắm nhưng cũng nếm đủ mùi tương chao. Chuyện lễ hội đình đám gần như không còn tham gia nữa. Vẫn biết Lục Tổ có nói: *“Phật pháp ở thế gian, chẳng rời thế gian giác, ly thế cầu Bồ-đề, giống như tìm sừng thỏ”*. Trên lý tuy là thế, nhưng tình thật chẳng biết phải làm sao, nên chúng tôi chỉ đành từ khước. Tuy không thể đích thân về tham dự lễ chung vui cùng các em, nhưng cũng muốn làm một chút gì đó gọi là quà cho các em, nhưng biết làm gì ngoài những lời nhắn nhủ đến với các em thân thương của độ nào. Nhân đây, xin mượn những giòng chữ này xin gửi lời chúc tốt lành nhất đến với các em, chúc các em mãi luôn là những Phật tử chân chánh không dừng ở nơi tuổi tác, xứng đáng với sứ mệnh mình đang đeo mang, đem vào đời phụng sự xã hội và giúp ích cho muôn loài. Chúc tất cả anh chị em trong Gia Đình Phật Tử có một buổi lễ chu niên thật dễ thương trong tình lam hài hòa ấm áp, thật đúng nghĩa với những vòng tay đã từng xiết chặt, để cùng nhau

chia sẻ, giúp đỡ, sách tấn lẫn nhau trên bước đường tu học, làm tròn sứ mệnh và lý tưởng của mình.

NÓI VỚI HUYNH TRƯỞNG

Các anh chị em thân mến, nhắc đến chu niên lần thứ 9, vừa nghe xong chúng tôi chợt đánh thót giựt mình. Thấm thoát thời gian qua đi thật mau, mới ngày nao chúng ta còn bé nhỏ, thế mà đảo mắt một cái thì đã mười năm. Nhìn lại quãng đường của mình đi qua, thấy mình vẫn chưa làm gì cho mình, chưa làm được gì cho ai, chưa tạo nên thành tích gì trong đời sống này cả. Và nhìn ra, trong số chúng ta có nhiều người, đến khi tuổi già sức yếu, lực bất tòng tâm rồi mới hối tiếc: giá như ngày xưa..., đã thốt ra những lời ta thán nghe thật mũi lòng. Lẽ ra phải nên làm gì cho người đó, làm cái nọ cho người kia, hay chẳng nên gây tạo chi những thứ oan khiên như vậy. Nhưng thời gian thật chẳng cho phép để chúng ta đi ngược lại dòng đời mà vá lấp lại những lỗi lầm đó. Chúng tôi mỗi lần nghe được những lời như vậy, thường lấy đó làm lời cảnh tỉnh cho chính mình. Kinh Phật thường nói: “nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn”. Đây là câu nói không phải dễ gì nói ra được, nếu chẳng phải chư Phật lòng từ bi cùng cực nói ra cho chúng ta biết cái giá trị được làm người, thì chúng ta không thể nào thể hội được. Và cũng vì những duyên do như thế nên chúng tôi muôn nhắc nhở cho các anh chị em biết, với lứa tuổi các anh chị em còn rất trẻ, rất khỏe, nhiệt huyết tràn

đầy thì phải nên biết làm sao tiêu thụ chúng một cách xứng đáng, đừng lập lại vết mòn đồ nát như bao nhiêu người khác đã đi qua để rồi hối tiếc.

Lật lại dòng lịch sử, trở về thời gian của mấy mươi năm về trước, chúng ta thấy được sự khởi nguyên của Gia Đình Phật Tử, dụng ý của chư Tôn Đức Tăng-già là đem nguồn Phật pháp gieo trồng cho các em từ còn bé. Bởi theo lệ thường chúng ta thường chỉ nghĩ chuyện đi chùa, ăn chay niệm Phật là chuyện của ông già bà cả, chứ con nít, thanh niên còn trẻ thì lo đi học, đi làm, nỗ lực trên con đường công danh lợi lộc, mở mang sự nghiệp. Còn chuyện đến chùa là chuyện của mấy người rảnh rỗi không việc gì, hay đợi đến khi về hưu rồi, muốn tiêu phí thời gian còn lại trong lời Kinh tiếng kệ để giải bớt đi phần nào những phiền muộn. Những lý do tương tự như vậy đại khái còn rất nhiều, không thể lược hết ra đây được, nhưng đại loại cũng đồng như thế. Còn như có nhãn quang thấy được cái giá trị chân thật trong lời Phật dạy thì thật không nhiều. Dựa trên nguyên lý đó, mà chư Tăng đã làm công cuộc chấn hưng, canh tân Phật giáo vào những năm 1931-1934. Trong công cuộc chấn hưng này, lược sử nói: “ không chỉ cải tổ lại vấn đề tổ chức quản trị, giới luật tu trì của tăng sĩ, mà còn có sự tham dự hộ pháp của cư sĩ tại gia, đồng thời đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ. Từ đây bắt đầu xúc tiến hình thành Ban Đồng Ấu Phật Giáo để quy tụ thanh, thiếu, đồng niên đến chùa học Phật pháp, tụng kinh, nghe giảng giáo

lý, vui hát, rước lễ dâng hoa, ...” Cho nên chúng ta phải thấy được mục đích của chư Tăng ngằm nhắm vào những gì, đó là vấn đề giáo dục. Giáo dục có nhiều loại như: gia đình giáo dục, học đường giáo dục, xã hội giáo dục và tôn giáo giáo dục. Vấn đề giáo dục chúng ta đang nói đây chính là tôn giáo giáo dục, là thứ giáo dục được xem như là cuối cùng trong đời người, nhưng cũng phải được xem như là mở đầu cho mọi thứ giáo dục, chính là căn bản giáo dục. Bởi tôn giáo giáo dục là thánh giáo, là dạy cho con người ta về chân thiện mỹ tuệ đến chỗ rốt ráo viên mãn. Chúng ta thường thấy trong đạo Phật, cũng như các tôn giáo khác, cha mẹ thường đem con em mình đến chùa quy y, hay nhà thờ rửa tội trong khi còn rất nhỏ. Dụng ý là kết duyên với thánh hiền, hy vọng con em mình khi lớn lên không quên đi bản tánh thiện lương của chính nó. Không Tử nói: “nhân chi sơ tánh bản thiện, tánh tương cận tập tương viễn”, chính là ý này. Giáo dục không chỉ văn giáo, khẩu giáo, mà quan trọng hơn hết là thân giáo.

Trở lại sự khởi nguyên hình thành của Gia Đình Phật Tử, bắt đầu từ Ban Đồng Ấu Phật giáo, đến Gia Đình Phật Hóa Phổ và kết thành Gia Đình Phật Tử, phải trải qua bao trở lực rất khó khăn mới đứng vững được. Chúng ta có một dòng chảy lịch sử kéo dài gần cả trăm năm, nếu chẳng phải nhờ sự giáo dục đúng đắn theo tinh thần Phật dạy, sự đùm bọc che chở của chư tôn đức Tăng-già thì làm sao có thể kéo dài tới ngày hôm nay. Hy vọng, các anh chị trưởng

không quên nguồn gốc, không rời trách nhiệm, sứ mạng của mình mà không ngừng nỗ lực làm rạng rỡ thêm cho Gia Đình Phật Tử ngày một vững tiến.

NÓI VỚI CÁC EM NGÀNH THIẾU

Cổ đức nói: làm người phải biết luận cổ suy kim. Các em ngày nay thừa hưởng được gia tài quý báu mà người xưa đã để lại, cũng như được sự truyền trao từ các anh chị trưởng thì phải biết tri ân người đã tạo ra nó, cùng người đã giữ gìn và truyền nó lại cho chúng ta. Phật dạy: biết ơn thì phải đền ơn, có đền ơn thì mới nói là biết ơn được. Thế thì, muốn đền ơn những người có công trong công cuộc khai sáng Gia Đình Phật Tử, chúng ta phải làm gì? Điều đầu tiên đó là chúng ta không được vong bản, tức không được quên đi nguồn gốc. Nguồn gốc Gia Đình Phật Tử là được khai sáng từ chư tôn đức Tăng-già, thế thì đối với Tam Bảo phải luôn một lòng tín phục. Phải đem câu châm ngôn: Bi – Trí – Dũng lên hàng đầu và phải làm sao sống trọn vẹn với ý nghĩa nó. Đem câu châm ngôn đó lồng vào trong mục đích của Gia Đình Phật Tử là đào tạo thanh thiếu đồng niên trở thành những Phật-tử chân chánh, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo. Mà tinh thần Phật giáo là gì? Đâu không phải là tinh thần Bi – Trí – Dũng. Chúng ta thường chào nhau bằng cách bắt ấn kiết tường, còn gọi là ấn tam muội. Ấn kiết tường, là gì? Đâu chỉ là cái chào như cái bắt tay người ta, mà chính là chào

nhau trong sự an lành, chúc nhau luôn an lạc. Ăn tam muội là gì? Tam muội là chánh thọ, chánh là chánh định, thọ là thọ dụng. Sự thọ dụng trong chánh định an lành mà không vọng loạn. Hiểu được điều này thì khi chào nhau phải nghiêm cẩn, thành khẩn cung kính mà chúc lành cho nhau vậy.

Sự biểu hiện trong Gia Đình Phật Tử, cái nổi bật nhất mà cũng là cái phổ quát nhất chính là màu áo lam. Dù xưa hay nay, dù may theo kiểu nào chúng ta cũng vẫn giữ nguyên màu áo. Bởi màu lam mang được bản chất đặc thù của nó, trông điềm đạm, ngoan hiền, không khoe khoang sáng rỡ, không tối sẫm xấu xa. Một màu áo mà đứng trước bậc thanh cao không thấy mình thấp kém, đứng trước người thấp hèn chẳng lộ vẻ kiêu căng, mà luôn hòa đồng được tất cả và luôn giữ được nét khiêm cung. Hiểu rõ được ý nghĩa của màu lam như thế, thì khi chúng ta khoác chiếc áo lam lên người, phải biết rằng chúng ta không chỉ đơn thuần khoác lên mình một chiếc áo, mà là trang phục lên mình những tánh đức điềm đạm khiêm cung. Biết kính trên nhường dưới, biết nâng đỡ kẻ thua mình, biết học hỏi người đi trước. Vải là được dệt nên từ đường chỉ khéo léo đầy trí tuệ, mà màu sắc lại được nhuộm bằng lòng Từ Bi của chư Phật, tạo nên chiếc sống lưng ngay ngắn trong chánh hạnh với chiếc cầu vai gánh vác tiếp nối chí cha anh. Thế thì từ nay, chúng ta phải phục sức như thế nào để tạo nên nhân phẩm, tư cách xứng đáng của một người Phật tử.

Nói đến huy hiệu hoa sen, chúng tôi nhớ lại hồi còn nhỏ, những ngày được sống trong Gia Đình Phật Tử. Ngày xưa, yêu cầu đòi hỏi gia nhập vào Gia Đình Phật Tử cũng không gì khó khăn lắm, nhưng muốn trở thành đoàn sinh chính thức cũng không phải là dễ. Sau khi gia nhập vào Gia Đình Phật Tử một thời gian, theo học hỏi cho rành rẽ những quy tắc, nội quy cùng ý nghĩa từ chiếc áo, huy hiệu hoa sen cho đến những giáo lý căn bản nhất mới được khoác chiếc áo lam để làm lễ trở thành đoàn sinh chính thức. Còn đến việc được cài lên áo chiếc huy hiệu hoa sen thì lại khó hơn nhiều, bởi chẳng phải ai trong Gia Đình Phật Tử cũng có được một cái để đeo như bây giờ, mà hầu như chỉ một vài huynh trưởng và đoàn sinh xuất sắc mới có được mà thôi. Vốn cũng chẳng phải là ghê gớm gì, mà chỉ là hồi đó kiếm được chiếc huy hiệu hoa sen thật chẳng dễ. Người ta thường nói, cái gì hiếm là quý, cho nên chiếc huy hiệu hoa sen đối với chúng tôi rất quý, bởi chỉ những ai là đoàn sinh nổi bật qua các trại huấn luyện và thi cử mới có được hoa sen để cài. Chính chúng tôi hồi còn làm đoàn sinh trong Gia Đình Phật Tử cũng chưa được cái hân hạnh cài chiếc huy hiệu hoa sen đó, mặc dù đã rất cố gắng. Chẳng như ngày nay, huy hiệu hoa sen chỉ là cái phù hiệu đeo vào cho có, áo lam chỉ là một loại đồng phục mặc vào trông cho đều, cho đẹp. Vì thế mà áo lam mặc trong ngày sinh hoạt xong, thậm chí chưa ra khỏi chùa đã cởi vứt bỏ đầu này, quăng liệng đầu kia trông rất tội nghiệp. Và mọi

người trông riết rồi cũng trở thành quen mắt, chẳng thấy được những hành động như vậy là sai quấy cả. Nên nhân dịp này, chúng tôi cũng xin nhắc cho anh chị huynh trưởng phải nhận thức được chiếc áo lam chúng ta đang mặc đây, không chỉ là một thứ đồng phục, mà nó mang một ý nghĩa rất cao quý. Còn chẳng bằng vậy, sao người xưa lại phải dùng màu lam, là màu mà quý chư Tăng, Ni đều thường dùng mặc. Và chúng ta cũng có thể tùy tiện thay đổi bất cứ màu gì chúng ta muốn, nào cứ phải khăng khăng giữ mãi chiếc màu lam này. Vì vậy xin những ai đã mặc áo lam vào người rồi thì xin hãy giữ gìn cho đúng với ý nghĩa màu áo của nó vậy, được như thế thì chẳng gì đáng quý hơn! Còn huy hiệu hoa sen thì ôi thôi càng không cần phải nói. Nhìn các em liệng mắt lung tung, chẳng biết phải tiêu phí bao nhiêu huy hiệu hoa sen cho một đoàn sinh, nghe đau lòng làm sao.

Ý nghĩa huy hiệu hoa sen,

Huy hiệu hoa sen không chỉ là biểu tượng riêng cho Gia Đình Phật Tử, mà thỉnh thoảng vẫn được biểu tượng dùng chung cho đạo Phật, nhất là Phật giáo Việt Nam. Nói đến hoa sen, thì trong kinh được đức Phật nhắc đến rất nhiều, nhất là được dùng làm ví dụ điển hình cho sự thanh tịnh, giải thoát, đặc biệt là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Là quyển kinh đại thừa được xem là kinh viên đốn tối trọng yếu của tông thiên thai. Tông phái này lấy Kinh Diệu Pháp Liên

Hoa làm tông chỉ tu hành, mà được làm nổi bật nhất là bắt đầu từ ngài Trí Giả đại sư. Hoa sen được ví dụ như diệu pháp nhiệm màu của chư Phật, mà phải đợi đến nhân duyên căn cơ chúng sanh thành thực rồi mới nói. Nói đến hoa sen, chúng ta ít nhiều đều đã biết đến, hoặc cũng có người đã từng tự thân cầm nắm được hoa sen trong tay. Cái kỳ diệu của hoa sen là sống trong bùn lầy nước đọng, không những không bị nhiễm ô bởi cái tanh hôi của mùi bùn, mà ngược lại nó còn tỏa ra được mùi thơm thanh khiết. Cho nên ca dao có câu: “trong đầm gì đẹp bằng sen, lá sanh bông trắng lại chen nhị vàng, nhị vàng bông trắng lá xanh, gầy bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Vì thế mà Phật giáo chúng ta lấy hoa sen làm biểu tượng cho sự giải thoát giữa cõi đời uế trược này. Ngoài ra, đặc tánh của hoa sen không như bao nhiêu loại hoa khác. Các loài cây cỏ khác, loại thì hoặc có hoa rồi có quả, loại có quả rồi có hoa, loại thì chỉ hoa mà không quả, loại thì có quả mà chẳng có hoa. Riêng hoa sen thì chẳng vậy, hoa quả đồng thời, vừa có hoa thì nhụy sen, đài sen và hạt của nó cũng đồng thời hiện hữu, không hề có trước sau. Đây là đặc tánh kỳ diệu của hoa sen, mà cũng chính là Phật tánh kỳ diệu trong mỗi chúng ta.

Nếu các em, những ai đã từng đọc qua Pháp Bảo Đàn Kinh thì đều có thể biết được cơ duyên ngộ đạo của Lục tổ Huệ Năng, và sau khi ngộ ra được bản tánh chân thật của mình rồi, ngài liền thốt lên rằng: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự

thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tự tánh vốn không lay động, đâu ngờ tự tánh hay sanh ra muôn pháp". Đây chính là chỗ kỳ diệu của tự tâm bản tánh của mỗi chúng ta, cũng là Phật tánh, và cũng chính là cái đặc tánh kỳ diệu của hoa sen vốn vừa nở ra là tròn đủ như vậy. Bài viết này vốn lẽ ra chúng tôi đề tựa là hoa sen trong Gia Đình Phật Tử, vì muốn chỉ ra cho các em thấy rõ cái ý nghĩa cao quý của hoa sen, có đầy đủ tánh đức biểu trưng cho tinh thần Phật giáo là từ bi hỷ xả và tuệ giác cao độ, mà cũng chính là tánh đức sẵn có trong mỗi chúng ta.

Để hiểu thêm giá trị đặc thù của Hoa sen, chúng tôi xin lấy ví dụ điển hình trong Kinh Pháp Hoa phẩm Bồ-tát Thường Bất Khinh. Vị Bồ-tát này dụng tâm lương khổ vì mọi người lay gọi, đánh động cho họ biết rằng Phật tánh sẵn có nơi mỗi người mà chúng ta không tự biết. Vì vậy mà vị tỷ-kheo đó phàm khi ngó thấy hoặc tỷ-kheo, tỷ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thấy đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: *"Tôi rất kính quý ngài, chẳng dám khinh mạn. Vì sao? Vì quý ngài đều tu hành đạo Bồ-tát sẽ được làm Phật"*. Mà vị tỷ-kheo đó chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ chuyên đi lễ lạy, nhẩn đến xa thấy hàng tứ chúng cũng cố qua lễ lạy ngợi khen mà nói rằng: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ làm Phật"*. Trong hàng tứ chúng có người lòng bất tịnh sinh giận hờn buồn lờn ác mắng nhiếc, nhẩn đến có chúng nhân hoặc lấy gậy cây ngói đá để đánh ném. Ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to

tiếng xướng rằng: “*Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật*”.

Đoạn kinh văn trên dạy cho chúng ta điều gì? Các em có thể nhìn thấy Thường Bất Khinh Bồ-tát hiện thân như một vị đại lương y đứng trước những người bệnh nan y khôn khổ. Những người trông qua hình dáng bên ngoài của họ, cùng những thứ họ kể lể tưởng chừng như đang tuyệt vọng, nên họ đều nghĩ rằng mình đã vô phương cứu chữa. Họ đối với thân thể mình chẳng còn dám suy nghĩ hay mong đợi gì nữa, nên cũng có người sanh lòng chán nản và nói với nhau rằng: đã đến nước này sớm muộn gì cũng chết, thôi thì cứ xả lảng ăn uống hưởng thụ cho đã rồi chết. Cho nên chẳng còn biết thương xót đối với bản thân mình nữa. Đến khi gặp được vị đại lương y, biết rõ được căn nguyên của bệnh và phương pháp cứu chữa. Nên quả quyết rằng các vị không sao cả, chẳng chết được đâu, chỉ cần điều trị thích đáng thì bệnh này có thể chữa khỏi, không nên phóng túng như vậy, cần kiên cử theo yêu cầu thì bệnh nhất định lành. Nhờ vào sự quả quyết của vị đại lương y đó mà khiến cho những người bệnh sắp chết có lòng tin mãnh liệt, ý niệm cầu sanh sống dậy, họ y theo lời chỉ dạy của vị đại lương y mà được cứu khỏi. Ở đây cũng vậy, ngài Thường Bất Khinh Bồ-tát nói: “*Các ngài đều tu hành đạo Bồ-tát và sẽ thành Phật*”. Vì sao ngài phải nói những lời như thế? Vì do chúng sanh tự thấy mình là chúng sanh, cam phận làm chúng sanh, nên tự ti mặc cảm,

rồi mặc tình phóng túng trầm luân tạo nghiệp. Đã thấy mình thấp kém lại tầm thường nên không tin rằng mình có khả năng làm Phật, để vươn lên đạt đến tuệ giác viên mãn như đức Thế Tôn. Cho nên nếu mình đủ gan dạ dám tin mình là Phật thì ngay đó mình làm Phật. Cổ đức nói: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*”. Vì vậy chớ nên tự cho mình là thấp hèn rồi sống trong bê tha trụy lạc, đúng như câu: “Thân lươn bao quản lấm đầu” nghĩa là đã làm thân con lươn rồi thì còn lo ngại gì đến cái đầu bị lấm thêm bùn nữa, thì thật là oan uổng. Vì thế mà Lục Tổ Huệ Năng nói: “*Vô minh bốn vô, bản giác bốn hữu*”. Vì vô minh vốn không nên mới có thể trừ diệt, bản giác bốn hữu nên có thể thành tựu được tuệ giác như đức Thế Tôn.

Vì thế khi mang hoa sen trên người, các em phải biết tự sách tấn chính mình, ý nghĩa của hoa sen và biểu trưng của hoa sen là gì? Nó nhắc nhở chúng ta có đủ tất cả đức tánh cao đẹp như đức Phật không khác, chúng ta phải biết khéo vận dụng nó phải để phát huy tuệ giác cao độ của mình, phát huy tinh thần tự lợi, lợi tha của mình, để đem khả năng của mình thành tựu cho mình, giúp đỡ người khác, thành tựu cho người khác. Nhưng phải biết đó cũng chẳng phải việc dễ làm. Thí dụ như ngài Thường Bất Khinh Bồ-tát dù bị đánh ném mà ngài vẫn không sanh lòng hờn giận, vẫn hoài niệm từ bi thương xót kêu gọi, lay động cho mọi người biết được tánh đức tròn sáng sẵn có của mọi người, mà không biết nhàm mỏi. Ở đây chúng tôi dẫn dụ thêm

phẩm Đê-bà-đạt-đa trong Kinh Pháp Hoa để các em thấy. Sự thành tựu tuệ giác của đức Thế Tôn thật chẳng phải bằng không mà có được, ngài có được phước báu vô lượng nên đời đời sanh ra và nhà tôn quý, hoặc bậc đế vương. Thế mà ngài đối với danh vị, quyền lợi, ngôi báu chẳng tham trước, chỉ một lòng cầu đạo giải thoát. Nên Ngài lìa bỏ địa vị đế vương, xả thân mình để cầu kinh Pháp Hoa, theo hầu vị Tiên Nhân trải qua 1000 năm đem thân làm giường ghế, lượm củi hái rau hầu hạ cho Tiên Nhân chỉ vì đạo Bồ-đề. Chúng ta noi theo tinh thần đó, thì không khó khăn nào, không có trở lực nào có thể ngăn cản nổi lòng dân thân vì sứ mệnh, mục đích của chúng ta. Ở đây, đức Thế Tôn chia sẻ câu chuyện bốn sanh của mình không phải là để nói lên nỗi khó nhọc của mình khi cầu kinh Pháp Hoa, mà để nói lên tinh thần xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo. Và vì sợ chúng ta sẽ sợ hãi trước những khó khăn đó, nên liền ngay sau đó, đức Phật chia sẻ với chúng ta câu chuyện tiểu long nữ thành Phật. Để cho chúng ta thấy được sự diệu kỳ của Kinh Pháp Hoa, một khi liễu giải được thì không cần tốn một chút công phu, không cần thời gian, không luận thân tướng. Long nữ không chỉ là thân gái, tuổi nhỏ, mà còn lại là súc sanh nữa. Nên chuyện tiểu long nữ thành Phật như là tiếng sấm sét vang rền giữa trời không. Lúc bấy giờ cả ngài Trí Tích Bồ-tát và ngài Xá-Lợi-Phất cũng đều sanh nghi, vì thân nữ có 5 thứ chướng làm sao có thể thành Phật được. Nhưng một khi long nữ

kia đã đạt được tuệ giác từ kinh Pháp Hoa, thì nàng ấy liền xả bỏ lòng tham ái nhiễm trước, thành tâm đem viên minh châu giá trị bằng cội tam thiên đại thiên dâng lên cúng dường đức Thế Tôn. Tức thời biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ-tát, liền qua cội Vô Cấu ở phương nam, ngồi tòa sen báu thành Phật, đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, khắp vì tất cả chúng sanh trong mười phương mà diễn nói pháp mầu. Qua câu chuyện trên, các em thấy long nữ kia không chỉ riêng là thân gái, mà còn là súc sanh hãy còn làm Phật được thay, huống chi chuyện chúng ta nói đây nào phải to tát gì, chỉ là đào tạo, rèn luyện cho chính bản thân và biểu hiện làm gương cho các em khác noi theo, thành những Phật-tử chân chánh, góp phần phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội. Thì luận chi già trẻ, luận chi nam nữ mà ty hiềm sợ mình không gánh vác nổi.

NÓI VỚI CÁC EM OANH VŨ

Đến đây các em hiểu được chân giá trị của hoa sen rồi, biết được đức tánh đầy đủ vốn có của hoa sen, cũng tức là tánh đức đủ đầy của mỗi chính chúng ta. Và qua đoạn dẫn Kinh văn Pháp Hoa, tiểu long nữ kia là loài súc sanh mà còn có thể làm Phật, thì các em là người, có 6 căn: tai, mắt, mũi, miệng, thân và ý đầy đủ, lại được nương gân Tam-bảo, được quý anh chị, quý thầy hướng dẫn Phật pháp cho nghe thì tại sao không dám tin mình sẽ thành Phật. Nếu có thể tin mình sẽ làm Phật, thì phải tập làm Phật. Làm Phật

không luận già trẻ tuổi tác, không luận nam nữ, thầy đều có thể làm Phật, và các em có thể tập làm Phật ngay từ bây giờ. Các em có biết làm sao để tập làm Phật không? tập làm Phật thì phải học bắt chước theo Phật, phải đi như Phật, phải đứng như Phật, ngồi như Phật, nằm như Phật, nói năng hành động như Phật, và nhất là phải biết suy nghĩ như Phật. Thế nào là đi như Phật đi, Kinh nói: Phật đi như tượng vương, tức bước đi đều đặn và ngay ngắn như voi chúa, từng bước đi rất vững chãi, không nghiêng lệch, không rối, không loạn, không ngã về phía trước chẳng lệch về phía sau. Đứng phải như bảo trụ, ngay ngắn không ưỡn tới ngã lui. Ngồi thì thường xếp bằng cho ngay ngắn, không quay cọ. Nằm nghiêng hông bên phải, cong như cây cung, hay giống như tướng nằm của sư tử chúa. Nói thì phải nói lời chân thật, không nói lời dối trá, không nói lời thô ác mắng nhiếc, không đem lời đâm thọc khiến người chia rẽ. Cư xử với người phải dùng lòng bình đẳng, không thiên vị. Mỗi lần làm việc gì phải luôn biết nghĩ đến người khác, không tính toán ích lợi riêng mình, làm tổn hại cho người, thương yêu tất cả mọi người, mọi loài mà không có lòng sát hại. Không gian tham trộm cắp, không cờ bạc, không trêu ghẹo người khác. Không dùng xì-ke, ma túy làm tổn thương mình, làm hại cho người. Luôn luôn nghĩ đến giúp đỡ cho người khác, khiến người đạt được tâm tính giác hướng đến con đường giác ngộ, giải thoát. Bởi Phật nghĩa là đáng giác ngộ, tự giác, giác tha, giác hạnh viên

mãn. Những ai giác ngộ đều có thể làm Phật. Các em chớ cho rằng mình còn nhỏ, rồi không thể làm gì. Còn nhỏ thì làm Phật nhỏ! thế nào là Phật nhỏ? tức ở nhà phải ngoan ngoãn, vâng lời cha mẹ, biết tự chăm sóc mình, giúp đỡ nhiều việc cần thiết khi cha mẹ cần, vì Phật là người con đại hiếu thảo với cha mẹ. Ở trường phải biết vâng lời thầy cô giáo, học cho giỏi, bởi Phật là đấng đại trí tuệ, nên các em tập làm Phật cũng phải có đại trí tuệ, muốn có đại trí tuệ thì phải học cho giỏi mới được. Ra đường không sát hại loài vật, mà phải biết thương yêu chúng, vì Phật là đại từ bi, thương yêu tất cả. Bây giờ các em đã biết cách học làm Phật thế nào rồi, thì từ nay phải sống và hành động giống như một vị Phật con! Sen búp xin tặng người, một vị Phật khai sinh.

Trước khi kết thúc bài viết, chúng tôi xin lược kể thêm một câu chuyện của một em bé 8 tuổi người Trung quốc. Toàn thể câu chuyện tuy rất buồn, nhưng rất đáng được chú ý và học hỏi. Câu chuyện đại lược như sau: ... Một đứa trẻ mồ côi, bị vứt bên đường, được một người đàn ông nghèo độc thân nhặt về nuôi khi còn đờ hờn. Và rồi, chỉ được 8 tuổi lại mang bệnh ung thư ngặt nghèo. Dù đã được rất nhiều người quyên góp giúp em cứu chữa, nhưng đã muộn màng. Trước khi ra đi, em tự biết lo cho hậu sự của mình, số tiền được mọi người quyên tặng không thể tự cứu chữa, em nhường lại và chia sẻ đến cho những em bé khác có đồng bệnh như mình. Dù tuổi còn rất nhỏ, nhưng

em đã hiểu được duyên phận của mình và có lòng từ chia sẻ cho kẻ khác. Trong phần cuối di chúc, em đã để lại câu nói rất tuyệt vời và được khắc trên bia mộ như vậy: “*Con đã từng được sống và con đã rất ngoan!*” Em quả thật là rất ngoan, dưới cái nhìn của chúng tôi, em như hiện thân của một vị Bồ-tát, lấy sự hiện diện và ra đi của mình để cảnh tỉnh người khác. Các em nếu muốn biết rõ thêm về câu chuyện, có thể đọc ở trên mạng. Nếu đem ra so sánh, thì chúng ta là những người có được sống cuộc sống đầy đủ hơn em ấy nhiều, đặc biệt lại được gần gũi Tam Bảo, biết được sách thánh hiền. Thế thì tự mỗi người hãy tự hỏi lại chính mình, mình sống như vậy đã xứng đáng chưa? nếu chưa thì phải biết sống làm sao cho xứng đáng, nếu thấy mình đã xứng đáng rồi thì phải biết gìn giữ và phát huy thêm nữa, cùng giúp đỡ người khác cũng sống được tốt như mình. Thế ấy mới đúng nghĩa là người con Phật chân chánh.

Các anh chị em thân mến, quý vị đã chịu khó đọc đến đây, thì xin hãy xem những giòng chữ này như là những lời tâm sự của người ở lớp đàn anh đi trước nhắn nhủ lại cho các em, cũng coi đây như là những niềm ưu tư khắc khoải của người đã đi qua, hy vọng ở nơi các em hiện đã và đang gánh trọng trách tiếp bước trên sứ mạng của mình, mong rằng các em làm được cái gì đó cho chính mình, cho mọi người. Làm được những điều đó, chính là không cô phụ chí nguyện ban đầu của mình, đã thực hiện được tinh thần

mục đích mình nhắm đến, sống đúng với tinh thần từ bi của đức Phật, tự độ độ tha, tự hành hóa tha. Hy vọng những ai đọc được bài này, dù trực tiếp hay gián tiếp, hay đã từng sinh hoạt trong với GDPT, xin nhắc nhở tự mình, cũng như có lời khuyên cáo đến với người khác đừng quên lý tưởng ban đầu, đừng quên đi mình đã từng là Phật tử. Xin tạm mượn lời thơ thô thiển để đúc kết lời nhắn nhủ:

xin đừng làm ó hoa sen trắng
xin đừng làm bản áo lam xanh
xin đừng làm lịch nón tứ ân
xin đừng làm buồn người mở lối.

Chúc tất cả anh chị em Gia Đình Phật Tử luôn thực hiện đúng với điều luật của mình, “... *Phật tử sống trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Phật tử sống hỷ xả để dũng tiến trên đường đạo.*”

- Đầu thu Kỷ Sửu, tháng 7 năm 2009 -



Tản Mạn Về Chữ Hiếu

Vu lan về, nhan nhãn trên mỗi tờ báo, mỗi tập san, mỗi trang web chúng ta đều dễ dàng tìm thấy được những giòng chữ viết về lòng hiếu thảo, đạo làm con, nói về mùa báo hiếu. Đứng theo chiều dài lịch sử của Phật-giáo thì lễ Vu-lan, mùa báo hiếu khởi nguồn từ Ấn Độ và được kéo dài trên 2500 năm rồi. Nhưng nhìn theo số đo của vũ trụ thì sự hiện hữu của hiếu đạo không thể đo được bằng thời gian, hoặc không gian vì hiếu đạo là việc kinh thiên địa nghĩa, là lễ đạo tự nhiên không hạn cuộc trong loài người, mà còn có mặt trong tất cả chúng hữu tình. Chỉ là đối với mỗi loài mà phân biệt và nhận biết về sự hiếu thảo đối với bậc sanh ra chúng được nhiều hay ít, cạn hay sâu, hiện rõ hay không hiện rõ mà thôi. Con người được mệnh danh là động vật tối linh, cao cấp nhất, thế mà đối với hiếu đạo lại không hay không biết, không làm được thì có thể thông cảm được chăng? Đạo lý làm con đối với cha mẹ, dù không biết chữ, không thông qua trường lớp, không thông qua sự hướng dẫn của các bậc hiền triết, quý vị vẫn có thể dễ dàng nhận diện được chúng qua đời sống thực nghiệm, qua những mẫu chuyện được truyền tụng trong nhân gian, qua tin tức báo chí, và với vô số phương tiện khác trong cuộc sống.

Trước khi nói về chữ hiếu, chúng ta thử hình dung sơ về kiếp người qua câu chuyện ngụ ngôn: *Lúc bảy giờ trên thiên đình đang diễn ra phiên họp, tuyên phán tuổi thọ cho các loài sống trên trái đất. Đầu tiên, Ngọc Hoàng tuyên phán tuổi thọ con người sống được 20 năm. Con người đứng gãi đầu gãi tai ra chiều không mấy bằng lòng, vì chỉ 20 năm thôi, ít quá, nên nằn nì Ngọc Hoàng thêm mấy mươi năm nữa, nhưng chẳng được Ngọc Hoàng khứng chịu, nên đành tiu ngủi đứng qua một bên chấp nhận cho số phận ngắn ngủi của mình. Tiếp theo Ngọc Hoàng tuyên phán tuổi thọ cho con trâu 40 năm, con trâu đứng yên suy nghĩ một lúc, thấy đời sống mình ăn chỉ ăn cỏ, hằng ngày từ sớm đến tối phải kéo cày cực khổ mệt muốn đứt hơi, nằm chỉ nằm chuồng dột nát hôi hám, nào có sung sướng gì mà sống lâu đến thế, nên xin Ngọc Hoàng giảm xuống sống chừng phân nửa là 20 năm đủ rồi, Ngọc Hoàng đang ngẫm nghĩ và không vui về sự phản bác lại ý kiến của con trâu, thì con người đứng bên cạnh liền lên tiếng, vậy xin 20 năm tuổi thọ của con trâu để cho chúng con vậy. Ngọc Hoàng thấy trâu không cần, mà con người lên tiếng liền cười mỉm bảo: vậy cũng được, thì 20 năm ấy cho con người. Ngọc Hoàng xoay qua con chó và phán: tuổi thọ con chó sống 40 năm, con chó vừa nghe xong giựt thót mình, những bốn mươi năm cơ? Thử hỏi đời sống mình có gì vui, ăn thì ăn cơm thừa canh cặn, ban đêm dù có ngủ cũng phải ba phần ngủ bảy phần thức để coi chừng nhà,*

nếu trong nhà có việc gì thì khổ đòi với chủ, vậy mà sống tới 40 năm, sống lâu chỉ làm thêm khổ, nên xin Ngọc Hoàng cho 20 năm tuổi thọ đủ rồi, con người đứng bên cạnh nghe vậy lên tiếng liền: xin cho con thêm 20 năm ấy luôn, Ngọc Hoàng tuy thấy con người tham lam, nhưng mà con chó đã chẳng cần, thì thôi cho con người luôn vậy. Ngọc Hoàng lại day sang con khỉ và phán: đòi sống con khỉ 40 năm, con khỉ nghe xong hết hồn, đòi sống chỉ là ăn dăm ba trái cây, suốt ngày chẳng làm nên việc chi cả, nhảy khọt khẹt từ chỗ này sang chỗ kia, sống cuộc đời buồn tẻ như thế mà sống chi lâu thế, nên cũng xin sống 20 thôi. Con người nghe vậy cũng không ngừng khởi lòng tham, xin nốt luôn 20 năm của con khỉ... Vì thế mà so với các loài kia, con người sống lâu hơn cả, ngoài tuổi thọ của mình cộng thêm mấy mươi năm tuổi con trâu, tuổi con chó, tuổi con khỉ, thành ra sống đến 80 tuổi thọ. Nhưng trên thực tế, con người có thật sống trọn được 80 năm tuổi thọ của con người không. Hay con người chỉ thật sự sống được đúng với 20 năm tuổi thọ của con người mà Ngọc Hoàng đã phát thỉ. Chúng ta thử quan sát tỉ mỉ một chút, trên thực tế trong 20 năm đầu của tuổi thọ con người đôi lúc sống còn chưa trọn vẹn, thì đã vội bước sang sống cuộc sống của tuổi con trâu, tức mỗi ngày phải đi cày 8 tiếng, đôi lúc cày tới 12 -16 tiếng, và đôi lúc không chỉ cày 20 năm mà cày tới 40 năm đằng đẵng. Đồng thời, có người kiêm luôn đòi sống kiếp con chó, ăn thì thường nhường cho con miếng

ngon, mình ăn đồ thừa còn lại, ban ngày đi cày, lúc được nghỉ ngơi thì giữ nhà cho con đi chơi, sợ mình cũng đi nữa thì bỏ nhà cho ai. Sau khi không đi cày nổi nữa, thì bắt đầu chuyển sang kiếp sống con khi, ăn đâu còn được bao nhiêu, nhưng phải lây lắt đây đó với con cháu, làm trò hề cho con cháu vui lòng...

Bước vào vấn đề chữ hiếu, chúng tôi xin trích ra đây một vài mẫu chuyện của người xưa để chúng ta có một khái niệm chung về đạo hiếu. Theo gương hiếu hạnh của người xưa, được ghi chép nhiều nhất là tập sách Nhị Thập Tứ Hiếu của trung hoa, ghi rõ tên họ, niên lịch và hành trạng của những bậc hiền nhân đã làm nổi bật lên những trang sử hùng hồn về lòng hiếu thảo của mình đối với đấng sinh thành.

Gương hiếu thảo của Đổng Vĩnh

Đổng Vĩnh còn gọi là Đổng Âm. Đổng Vĩnh rất hiếu thảo với cha mẹ. Hàng xóm của anh ta có một người họ Vương, gọi là Vương Kỳ. Đổng Vĩnh là người nghèo, không có tiền, Vương Kỳ là người giàu có. Nhưng mẹ của Đổng Vĩnh, vì nhờ có người con hiếu thảo nên được khỏe mạnh mập mạp. Mặc dù đã lớn tuổi, nhưng từ sáng đến tối bà luôn cảm thấy vui vẻ. Còn bà mẹ của Vương Kỳ mặc dù tiền bạc sung túc, ăn thì có thịt heo, thịt gà, cá, vịt, toàn thứ ngon vật lạ, nhưng lại ốm yếu bệnh hoạn. Bà ta không có một chút vui vẻ, luôn đau buồn. Có một hôm Đổng Vĩnh

không có ở nhà, Vương Kỳ cũng không có ở nhà, bà ốm mới hỏi bà mập: "Nhà bà nghèo như thế, cũng không có gì ngon để ăn. Vậy tại sao bà mập như vậy? Bà lớn tuổi như thế, mà mập như vậy là lý do gì? Mẹ của Đổng Vĩnh mới nói với mẹ của Vương Kỳ rằng: "Bởi vì con của tôi rất là hiếu thảo, nó không dám làm một việc gì xấu cả, lại rất thật thà đúng đắn, cần cù làm việc. Tôi không có điều chi đau buồn về nó, lại rất hài lòng. Tâm hồn thoải mái, thân thể khỏe mạnh, tôi thích như vậy, nên tôi mập được." Sau đó mẹ của Đổng Vĩnh tức là bà mập hỏi lại bà ốm: "Bà có tiền như thế, ăn toàn là thứ ngon vật lạ, tại sao lại ốm như vậy? Bà ốm như cây sậy, có phải là bệnh gì không? Bà ốm này liền trả lời: "Tôi hả! Tuy có tiền, tuy có đồ ăn ngon, nhưng đĩa con của tôi, tánh nó không thật thà, không đúng đắn, thường làm những hành vi phi pháp; hôm nay phạm pháp, ngày mai cũng phạm pháp. Ba hôm nay bị sai nha bắt tra hỏi, mai lại có lệnh gọi của phủ đường gửi đến. Tôi từ sáng đến tối, chỉ lo lắng cho đĩa con này, ăn dù ngon cách mấy cũng cảm thấy không vui, từ sáng đến tối lúc nào cũng ưu sầu, lo buồn. Cho nên tôi càng ngày càng ốm đi, mập không nổi, đều là vì buồn bực chuyện này"...

Những gương hiếu hạnh trong Nhị Thập Tứ Hiếu rất nhiều, nhưng nếu dùng theo nhãn quan thời nay và quan niệm cận đại thì có những chuyện xem ra rất không hợp lý, và có những cái mà người đời nay không thể noi theo và làm được. Nên chúng tôi chỉ riêng trích gương hiếu của

Đổng Vĩnh đề nói lên tinh thần và ý nghĩa hiếu đạo, chứ chẳng nặng về phương pháp thực hành hiếu đạo. Bởi phương pháp hiếu thảo của mỗi quốc độ sẽ không giống nhau và hoàn cảnh của mỗi gia đình lại càng khác biệt, hướng chi trôi theo giòng chảy của thời gian thì không còn thích hợp nữa. Nhưng cái tinh thần và ý nghĩa kia thì bất diệt, không bao giờ thay đổi bởi thời gian, không gian hay bất cứ tầng lớp xã hội nào. Đó là lòng biết ơn sự sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, nguồn gốc tổ tiên ông bà. Mà quan trọng là hiếu được ý của cha mẹ, thành tựu được lòng mong mỏi của cha mẹ, cung dưỡng đầy đủ nhu cầu cần yếu cho cha mẹ, và thể hiện sự quan tâm của mình qua việc săn sóc cha mẹ, người thân trong những lúc ốm đau hay tuổi già sức yếu.

Nói chuyện hiếu thảo của người Hoa xong, chúng tôi quay sang tìm những gương hiếu thảo của người Việt Nam, nhưng thật hiếm hoi làm sao, chỉ là những bài viết giảng giải về lòng hiếu thảo, hay nhận định về Vu-lan, về mùa báo hiếu, gương hiếu người xưa trong kinh Phật. Âu lẽ nào Việt Nam ta lại không có lòng hiếu thảo bằng người hoa chẳng? Thưa không đâu ạ, chỉ là theo quan niệm của dân tộc chúng ta không chú trọng về lịch sử, hầu hết chỉ là truyền miệng mà không được lưu vào sử sách cho đời, nên lịch sử của chúng ta rất hiếm và nếu có cũng chỉ là vắn tắt mà thôi. Đại lược chúng tôi cũng trích ra đây một câu

chuyện, để thấy lòng hiếu thảo dân Việt ta nào phải thua ai!?

Tấm gương hiếu thảo của Nguyễn Văn Trình

Ông người huyện Quỳnh Lưu, trấn Nghệ An (nay thuộc tỉnh Nghệ An). Ông vốn tính hiền hậu lại nổi tiếng có hiếu với cha mẹ. Mẹ ông bị bệnh hiểm nghèo, qua nhiều thuốc thang, chữa trị nhiều nơi mà vẫn không thuyên giảm. Có thầy thuốc đến khám rồi phán rằng: - Bệnh này chỉ khỏi được nếu dùng bao tử nhím chữa trị. Nghe vậy, ông một mình trèo đèo, lội suối vào tận rừng sâu mà không quản ngại khó khăn cũng chẳng sợ ác thú. Bởi thương mẹ già mà quên cả hiểm nguy chỉ cốt sao tìm được phương thuốc cứu mẹ khỏi cơn nguy kịch. Sau mấy ngày đêm lặn lội chốn rừng sâu, quả nhiên ông tìm bắt được một con nhím như mong đợi. Quá vui mừng ông vội mang về ngay khi đang đêm mưa to gió lớn. Lần ấy, mẹ ông được chữa trị khỏi bệnh.

Vào năm Minh Mạng thứ ba (1822) cha ông bị bọn người xấu bắt đi. Chúng buộc gia đình ông phải nộp 150 lạng bạc để chuộc người. Trước tình cảnh này, ông quyết định bán hết gia sản để có tiền chuộc cha về. Nhưng bán hết gia sản rồi cũng chỉ có được 90 lạng bạc. Ông đành đem tới nộp và xin chúng tha mạng cho cha ông. Bọn xấu không chấp nhận và đòi giết cha ông cho thỏa thích. Lúc đó, Nguyễn Văn Trình vì quá thương cha nên kêu khóc

thảm thiết rồi xin được chết thay cho cha được bảo toàn tính mạng. Sự việc này đã làm cho bọn bất lương phải động lòng mà tha mạng cho cha ông được về sum họp với gia đình. Khi cha ông trở về nhà, Nguyễn Văn Trình ngày đêm lo buôn bán phụng dưỡng cha già. Thời gian sau, cha ông qua đời. Ông vì quá thương cha nên đã làm nhà ở ngay bên mộ để canh giữ. Sau khi đoạn tang, ông đem hài cốt cha mình về quê an táng đúng lễ. Việc này, ông một mình lo liệu mà không hề so đo tính toán với anh em trong gia đình.

Năm Minh Mạng thứ mười một (1830), nhà vua thường cấp cho ông nhiều gấm vóc, bạc vàng, cùng với một tấm biển khen thưởng lòng hiếu thảo của ông đối với cha mẹ. Báo hiếu là đại đạo muôn thuở và cũng chính là nghĩa thường tình của tất cả mọi người. Nếu thiếu nó, con người có còn là con người nữa hay không? Có được đưa con hiếu thảo thì cha mẹ nào lại không vui sướng mà hãnh diện với đời. Chỉ có đạo đức của con cái mới làm cho cha mẹ được sung sướng chớ chẳng phải là vàng bạc đâu! Tấm gương hiếu thảo của Nguyễn Văn Trình lưu tiếng thơm cho muôn thuở.

Qua hai câu chuyện trên, dù là từ hai quốc độ khác nhau, phương pháp hiếu thảo khác nhau, nhưng lòng hiếu kính biểu hiện vẫn chỉ là một. Đó là hết lòng vì cha mẹ mà không ngại hy sinh hay vất vả. Trong lần giảng về Kinh Hiếu Đạo, Hòa-thượng Tuyên Hóa phân chia chữ Hiếu ra

làm bốn loại: đó tiểu hiếu, đại hiếu, chân hiếu, cận –viễn hiếu.

— Tiểu hiếu, tức chỉ hiếu thảo với cha mẹ, ông bà trong gia đình mình, thêm tí nữa là hiếu thảo với những người trong thân bằng quyến thuộc của mình thôi.

— Đại hiếu, là ngoài phạm vi gia đình mình ra, chúng ta còn biết hiếu thảo với tất cả mọi người trong thiên hạ. Như trong Kinh chũ nói: tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta. Vì thế đối với tất cả chúng sanh đều đem lòng biết ơn và lòng hiếu thảo ra đối đãi.

— Cận hiếu là chỉ hiếu thảo với cha mẹ hạn cuộc trong một đời này. Con cái chỉ nghĩ đến việc ăn mặc cho cha mẹ khiến được no đủ, đời sống sinh hoạt tinh thần được vui vẻ. Còn viễn hiếu là không chỉ lo báo đáp trong hiện đời, mà còn nghĩ đến sự an lạc lâu dài về đời sau của cha mẹ nữa. Tức là độ cha mẹ ra khỏi sanh tử luân hồi trong nhiều kiếp, như gương hiếu của ngài Mục-kiền-liên, hay gương hiếu của ngài Địa-tạng, cứu mẫu thân ra khỏi tam đồ, sanh về cõi trời, vãng sanh về Tịnh-độ.

— Chân hiếu: trong bốn loại hiếu đạo, chỉ có chân hiếu là khó nhất, bởi chỉ có chư Phật Như-lai mới làm được. Vậy muốn thực hiện được hiếu đạo chân thật này, chúng ta phải tu thành Phật. Đây cũng là hiếu đạo rất ráo viên mãn nhất. Vì vậy, người xuất gia tuy không ở gần cha mẹ, phụng dưỡng miếng ăn giấc ngủ cho cha mẹ, nhưng lại độ

được cha mẹ thoát khỏi vòng trầm luân, thì vẫn được xem là lòng hiếu chân thật vậy.

Đó là nói chuyện hiếu thảo thời xưa, còn chuyện ngày nay thế nào? Muốn kiếm được chuyện hiếu thảo đời nay thật là khó khăn, vì thật khan hiếm. Chúng tôi tìm kiếm rất lâu, nhưng cũng chỉ toàn là những chuyện hiếu đạo của mấy trăm năm về trước, vẫn là tuồng xưa tích cũ. Thời bây giờ có lẽ quan niệm về hiếu đạo đã trở thành nhạt nhẽo, bởi do đời sống và quan điểm chung của thời đại. Con người ta không còn chuộng về hiếu đạo nhiều nữa, và nếu có cũng không ai buồn đăng lên báo chí, cũng không tôn vinh để làm gương cho người khác. Ngược lại, đối với việc thành công giàu sang của một người, hay danh dự của một người khi dành được địa vị sang trọng thì lại phổ biến hàng loạt. Đặc biệt về sự thông minh, mặt học thức, đạt được danh dự trong khoa bảng, dương danh với đời, thì ca thán hết lời. Đúng là thời đại đạo đức con người sắp đi đến tận diệt, nên phần đạo đức và hiếu thảo đành thả trôi theo giòng nước lãng quên. Những quan niệm về cha mẹ đặt đâu con ngồi đó đã vãng sanh từ lâu rồi, nếu được tái sanh trở lại chỉ là gương mặt khác với quan niệm rất mới: con đặt đâu cha mẹ ngồi đó. Nên việc thờ kính cha mẹ đã thành cũ rích, hay chỉ là những chuyện cổ tích mà thôi. Nội việc đi thừa về trình cũng chỉ thấp thoáng ở một vài gia đình còn giữ theo truyền thống nho giáo, và chỉ hạn cuộc đối với trẻ nhỏ, chứ tuổi lớn lên rồi thì cũng bái biệt

theo thời gian. Nhớ hồi nhỏ, mỗi lần ăn cơm chúng tôi đều phải mời ông bà, cha mẹ trước rồi mới ăn cơm. Phàm đi đâu, trước khi đi thì phải thưa, đi về thì phải chào. Còn thời bây giờ, nếu có một cô thiếu nữ, một cậu thanh niên nào chào cha mẹ, hay xin phép cha mẹ mỗi khi đi ra ngoài trước mặt bạn bè thì dễ dàng bị chúng bạn chê cười, và đôi lúc trở nên ngượng ngịu và làm như là chuyện xấu hổ lắm vậy. Bởi tuổi trẻ cho đó là làm mất thể diện của chúng, mà không hiểu được hành động cúi đầu chào và lễ phép trước người lớn không phải làm cho tư cách, phẩm giá của mình bị thấp hèn trước người khác, mà chính là biểu hiện được lòng khiêm cung của mình, làm sáng tỏ phẩm hạnh của mình đối với người khác. Không biết phép lịch sự mới là vô giáo dục, mới là đáng chê cười. Chúng ta không những không hổ thẹn trước những hành vi đó, mà chúng ta còn phải biểu hiện tốt hơn và cần giải thích cho bạn bè mình cùng hiểu. Nhưng lòng can đảm của chúng ta về việc đúng, việc nên làm lại tỏ ra yếu hèn. Biết đó là đúng mà không dám làm, vì chạy theo số đông. Có câu, việc tuy biết rằng sai, nhưng nhiều người cùng sai nên cho rằng đó là đúng, nhưng trên sự thật nào phải như vậy. Vì thế, chúng ta phải gan dạ, biết việc đúng liền làm, không cần nhìn người khác có làm hay không. Không chỉ làm một lần, mà làm đi làm lại trong thời gian dài, phải có lòng nhẫn nại, thì mọi người mới hiểu, khâm phục hành động của mình mà bắt chước làm theo. Điển hình như phần

duyên khởi của Kinh Kim Cang Bát Nhã, công việc mỗi ngày của đức Thế Tôn là tới giờ ăn liền khoát y mang bát vào thành khát thực, ăn cơm xong trải tòa mà ngồi. Chỉ một việc rất đơn giản, nhưng đức Thế Tôn làm một cách rất trang trọng trong ý thức chánh niệm, chỉ vồn vện việc ăn mặc bình thường của mỗi ngày, mà đức Thế Tôn đã thể hiện được tinh thần tuệ giác cao độ. Với cái tinh thần đó làm đến 20 năm, tôn giả Tu-bồ-đề mới nhận ra và tán thán đức Như-lai, đã khéo hộ niệm và phó chúc cho các vị Bồ-tát. Vì sao, vì việc khát thực không phải đơn thuần như việc đi xin cơm như bao nhiêu hành khát thuộc phường túi cơm giá áo, mà chính là phương pháp tu hành và kết duyên để hóa độ chúng sanh. Ngài mỗi ngày không chỉ dạy bằng lời, mà còn dùng thân giáo, để biểu thị làm khuôn phép cho chúng tăng noi theo.

Chúng tôi vào chùa cũng 10 năm, tuổi cũng đã quá nửa đời người, nhưng mỗi lần đi về vẫn là bạch thầy con đi đâu đó... còn quý vị ở nhà cảm thấy ra sao? E ngại, mắc cỡ, lớn tuổi rồi mà làm như trẻ con? Thật ra ở xứ phương tây này, phương tiện xe cộ rất nguy hiểm, không nhất định là con cái khi đi ra ngoài, mà thậm chí cha mẹ đi ra ngoài cũng nên nói cho con cái biết một tiếng, để chúng nó biết mình đi đâu, lỡ có chuyện gì chúng nó còn biết đường mà tìm, biết giờ mà hỏi thăm, chứ không lỡ mình đi ra ngoài, có chuyện gì ai mà biết được. Nếu không làm vậy thì

chính mình đã không đúng rồi, nói chi đến việc dạy con cái phải thực hành.

Chúng tôi thường nói, đời người của chúng ta thường đi qua bốn trường lớp giáo dục, đó là gia đình giáo dục, học đường giáo dục, xã hội giáo dục và tôn giáo giáo dục. Gia đình giáo dục là cận giáo, là nền giáo dục căn bản sớm nhất ảnh hưởng trọn đời của một con người. Cho nên, gia đình giáo dục là vô cùng quan trọng, nhưng lại bị rơi vào tình trạng lơ là nhất. Cha mẹ sanh con ra, chỉ biết nuôi con thôi, còn phần dạy dỗ hình như là việc ai đó, nhất là những bậc làm cha mẹ ở độ tuổi còn rất nhỏ, chính mình còn chưa được dạy về tư cách làm cha mẹ, trách nhiệm làm cha mẹ, làm sao để làm cha mẹ thì phần dạy con làm sao đảm đương nổi. Có một câu nói rất hay: dạy một đứa trẻ nên người, đòi hỏi mọi người chung cả một làng. Theo truyền thống văn hóa Á đông, dạy học có tuần tự, trước học lễ nghĩa rồi sau mới học văn chương, tức trước dạy nhân cách đạo đức rồi sau mới dạy cho trí tuệ. Làm thân trai phải kiêm toàn tam-cương ngũ-thường, (*tức quân-thần, phụ-tử, phu-phụ và nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*); làm thân gái thì phải học hạnh tam-tòng tứ-đức, (*tức tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử, và công, dung, ngôn, hạnh*). Những điều này mà thời nay nói ra người ta nghe như là nghe chuyện cổ tích vậy. Đặc biệt trên đất nước phương tây này, sự lẫn lộn về văn hóa của người bản xứ càng khiến lớp trẻ thời nay trở thành tồi tệ hơn, bởi không phân biệt

nguồn gốc của mình mà mỹ hóa quá trớn nên biến chúng trở thành quái dị. Chạy theo kiểu ăn mặc người không ra người, quý không ra quý của những kẻ đầu đường xó chợ, trông đã dị hợm mà cứ tưởng là mới mẻ. Với truyền thống của người tây phương, thì họ dạy cho con cái có tánh tự lập từ rất sớm. Khiến con trẻ được cách ly từ tuổi còn rất nhỏ, nên tình cảm của chúng đối với cha mẹ chẳng sâu đậm như chúng ta. Đương nhiên có cái hay của nó, nhưng kết quả tạo thành lại rất bi thương. Ở cái tuổi về già thì có nhiều người phương tây khi trông thấy nhiều thế hệ cùng sống trong một gia đình như chúng ta thì tỏ ra rất hâm mộ, họ thèm khát được cái cảm giác ấm áp đó nhưng đến lúc bấy giờ mới nhận ra thì đã muộn rồi.

Có nhiều bậc làm cha mẹ vì công ăn việc làm, đã gửi con từ thuở còn đang ẵm bồng. Nếu may mắn thì gửi cho người thân trong gia đình chăm sóc, bằng không thì mỗi ngày phải chở con đi từ rất sớm, và đến tối mịt với đón về. Vì hầu hết thời gian của chúng ở với người ngoài nhiều hơn với cha mẹ, khiến con trẻ xa rời hơi ấm và vòng tay mẹ trở thành thói quen, nên tâm tư tình cảm của chúng hoàn toàn ảnh hưởng từ người nuôi giữ trẻ. Vì thế tâm tình con trẻ có biến thái, không vâng lời cha mẹ, không thông hiểu cha mẹ cũng là lẽ thường. Bởi bậc làm cha mẹ đâu có dành thời giờ gần gũi với nó, lắng nghe tâm sự của nó, hoặc có lời khuyên bảo những lúc nó gặp phải trắc trở hay khó khăn trên đường đời đang chập chững. Chúng ta chỉ

biết đi làm, kiếm tiền mua sắm mọi thứ tiện nghi trên vật chất mà chẳng hiểu được con trẻ muốn gì. Đôi lúc trẻ có lầm lỗi, chúng ta thường chỉ biết la mắng, thậm chí đánh đập con mà không cần tìm hiểu nguyên nhân. Khiến cho con trẻ vốn đã xa cách lại càng xa cách hơn. Đối với con cái, cha mẹ là chỗ nương tựa chắc chắn nhất của mình. Nhưng đến một lúc nó phát hiện ra hình như cha mẹ không còn là chỗ nương tựa êm đềm như nó thường mong mỏi nữa, thì tự nhiên nó sẽ đi tìm chỗ nương tựa khác. Và từ đó tâm ý thức của nó bắt đầu dần lìa khỏi gia đình, và cho đến một ngày kia, cả con người nó cũng biến mất ra khỏi nhà. Chúng nó nếu có trở về chỉ vì để đòi hỏi xin tiền, những thứ cần yếu cho nó tiêu xài, và đôi lúc cha mẹ không chịu đáp ứng thì nó có những lời nói hỗn xược, những hành động thô bạo. Vào những lúc như thế, nếu chúng ta không kịp thời phản tỉnh để tìm cách lôi kéo con mình trở về thì kết quả chỉ là tự mình đánh mất con mình mà thôi.

Người xưa nói: *dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về*. Chúng ta thường quan niệm chúng nó còn con nít, nên không mấy lưu tâm về những lời ăn tiếng nói và hành động của nó. Trên thực tế chúng ta quan sát sẽ thấy được, con trẻ từ lúc còn ẵm bồng trên tay, đã biết phân biệt ai chiều nó, ai không chiều nó. Nên đã biết vờ vĩnh người này ẵm, chẳng chịu người kia bồng rồi, huống chi đã lớn đến 3 – 7 tuổi. Nếu chúng ta cứ nghĩ con trẻ còn

nhỏ rồi cái gì mình cũng chịu nó, thật ra chịu nó thì nó sẽ làm tới. Đồng ý cha mẹ nào không thương con, nhưng chịu con phải biết chừng mực, mỗi lần làm gì đều nên giải thích cho con trẻ hiểu, dù chỉ là thức ăn trên mâm cơm hay đồ chơi hằng ngày. Phải giải thích con hiểu rằng mỗi người đều có phần của mình, không được gom luôn phần của người khác. Nếu con trẻ làm sai điều gì, dù việc nhỏ chúng ta cũng khoan vội đánh mắng con, mà phải hỏi nguyên nhân và giải thích đúng sai cho con trẻ hiểu. Chúng ta phải dạy cho con trẻ biết tánh ức chế từ khi tuổi còn nhỏ, tánh ức chế tức là dạy cho con trẻ phải biết tự kiềm chế sự đòi hỏi của mình, không được vội vĩnh quá đáng. Nếu tánh ức chế này không được luyện tập từ nhỏ, đợi đến lớn thì hậu quả thật khôn lường, có thể dẫn đến việc con cái bỏ nhà ra đi, thậm chí dẫn đến tự vẫn. Mọi việc trên đời này đều có nguyên nhân của nó, đều có sự bắt đầu của giòng chảy và kéo dài theo thời gian. Chứ con mình không thể một sáng một chiều mà trở ra hư đốn. Chỉ là chúng ta không để ý quan sát, hoặc dù có thấy được những hành động sai quấy nhỏ bắt đầu khởi dậy trong con cái, thì cũng không mấy lưu tâm. Rồi đến một ngày, khi mầm mống đó trưởng thành và lớn mạnh rồi chúng ta mới vỡ lẽ, vì ôi thôi đã muộn vậy.

Chúng tôi thường thấy nhiều cụ già dạy con cháu rất hay. Mỗi khi dẫn cháu đi chùa, thay vì tự tay cúng dường Phật thì hay cầm tiền đưa con, đưa cháu tự bỏ vào thùng

phước sung, đó là một hành động dạy con cháu biết bố thí. Khi cho ai việc gì cũng đưa bảo con cháu tự làm cũng chính là những hành động dạy con biết chia sẻ, giúp đỡ người mà không tự tay mình làm. Thêm vào đó, nên phân chia việc cho con cái tự làm, chớ vì chiều con, cưng con mà không cho con cái làm gì. Đó chỉ là tập nét hư cho trẻ, mình nghĩ mình làm thêm chút xíu đâu nhọc mệt gì, nhưng làm thế chỉ là làm hại con mình thôi. Chúng ta dễ dàng thấy được điều đó qua con cái của những gia đình giàu có. Thành phần hư hỏng đại khái chỉ có hai loại, một loại là cùng đường bí lối và loại thứ hai là con gia đình giàu có, ăn chơi quen thói, cha mẹ cưng chiều. Khi con mình làm lỗi không những không dạy dỗ mà đôi lúc còn nói khỏa lấp cho con mình, nên con mình tưởng là nó chẳng sai, và thế là cứ làm bừa. Làm bừa đến một lúc đổ vỡ ra thì chỉ còn nước bán đứng cuộc đời mình trong lưu manh cướp giật, rồi tù tội. Đến bây giờ bậc làm cha mẹ mới biết chiều con là sai thì cũng muộn rồi.

Thứ nữa, nên đặc biệt dành nhiều thời gian cho trẻ, không nhất định phải dành hết thời gian cho chúng, nhưng sự có mặt thường xuyên của mình sẽ giúp cho trẻ rất nhiều. Bên cạnh đó, cũng nên lưu ý quan sát tìm hiểu sự phát triển tâm lý của trẻ như thế nào để kịp thời giúp trẻ nhận biết việc đúng sai và hướng dẫn trẻ theo con đường hiền thiện. Trong những lúc sinh hoạt chung, nên dạy bé biết hiếu thảo, biết chia sẻ, biết bổn phận và biết nhận trách nhiệm

khi được phân phó công việc. Quan trọng hơn hết là bậc làm cha mẹ phải tự làm tấm gương cho trẻ noi theo. Mà sự biểu hiện qua ngôn ngữ và hành vi hằng ngày của mình sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự học hỏi của con cái mình mạnh nhất. Trẻ thường hay để ý quan sát và bắt chước, cho nên cách cư xử của mình thế nào trẻ sẽ bắt chước theo, vì thế làm bậc cha mẹ, anh chị cần phải có những lời nói, hành động và cư xử phải thật đẹp, mới có thể dạy trẻ tốt được. Lại có những việc tuy mình nghĩ rất tầm thường, nhưng đối với trẻ lại là những việc rất cần thiết để giảng giải cho chúng hiểu và ý thức được khi biểu hiện hành vi của mình.

Với thế giới văn minh về vật chất như bây giờ, có lẽ mọi người đều chạy theo hiếu đạo của tiền tài, vật dụng tối tân, danh vọng địa vị, sự xa hoa, đua đòi, chơi nhẩy. Đối với những thứ này, chúng ta rất hiếu thảo, vận dụng mọi tâm lực, tranh thủ từng giây từng phút để dành thời gian chơi với chúng. Kinh Phật nói, những thứ này còn kiên cố bền chắc hơn cả lao tù, vì lao tù kia còn có lúc được phóng thích, chứ đối với những thứ này thì ngay cả trong ý niệm cũng không muốn xa rời. Với vật chất hiện đại không ngừng tăng tiến như bây giờ, lòng hiếu thảo của chúng ta thật sâu đậm, thấy cái gì hay đẹp ở đâu cũng mò tới, tìm cách đem về nhà phụng dưỡng, chắt chiu. Còn các cuộc tìm vui, đua chơi cũng không bao giờ chùn bước, dù nửa đêm nửa hôm, dù mệt nhoài cả người vẫn cố hiếu thảo với nó, sợ mình không đi ra ngoài thì các cuộc chơi sẽ khiến

trách mình, với mọi phương tiện bên ngoài, với bạn bè đôi lúc ta lại quá hiếu thảo với chúng, mà không tự biết. Nếu nói đến thành phần hút sách bê tha vô độ thì càng kinh hoàng hơn nữa, thỉnh thoảng trên báo chí, tin tức chúng ta vẫn thường hay thấy con cái vì việc hút sách mà nhẫn tâm giết cả cha mẹ chỉ vì một ít tiền. Ôi thời đại văn minh của con người là thế đấy. Càng văn minh, con người ta càng tự đắc, càng xa rời đạo đức luân thường, xa rời nhân cách con người. Nên nói: ngoài trông dáng vẻ con người, lòng trong ác quỷ, thú cầm còn hơn.

Vì thế với bốn phận làm con, chúng ta phải biết hiếu thảo với cha mẹ. Không luận là bạn được sanh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nào, cha mẹ bạn đối xử với bạn ra sao, nhưng nếu đem so sánh với các loài khác thì vẫn tốt hơn trăm vạn lần. Nhưng các loài kia hãy còn biết đến hiếu đạo, vì hiếu đạo là lẽ đạo tự nhiên của loài hữu tình đối với đấng sanh ra mình, mà không luận là họ đã làm gì được cho mình. Như người tây phương có câu: "Ask not what your country can do for you, but what you can do for your country", đại ý là chớ hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn, mà bạn có thể làm gì cho đất nước. Thì chúng ta đây cũng lại như vậy, chớ đòi hỏi rằng cha mẹ đã làm gì cho mình, mà mình đã làm gì được cho cha mẹ.

Hiếu đạo là làm hài lòng cha mẹ bằng những gì trong khả năng, và những điều mình có thể làm được bây giờ và ở đây. Hiếu đạo được thực hành trong mọi tầng lớp, trong

từng lúá tuổi mà không bị hạn cuộc bởi không gian và thời gian. Không đợi lớn lên rồi mới làm gì đó cho cha mẹ, mà ngay từ bây giờ, bất luận ở độ tuổi nào và đang ở đâu vẫn đều có thể làm được. Chớ hiểu rằng, nghe nói hiếu thảo với cha mẹ thì mình liền nghĩ rằng đợi về nhà mình sẽ làm này làm nọ cho cha mẹ mới gọi là hiếu thảo. Buồn cười một nỗi là khi về đến nhà rồi thì mình chẳng có làm gì cả, và cũng chẳng biết bắt đầu từ đâu, để rồi thả hết những ý niệm đó xuôi theo giòng ký ức. Như từ lúc bắt đầu chúng tôi có nói đến, hiếu thảo là làm vui lòng cha mẹ, được biểu hiện qua sự quan tâm và săn sóc khi cần. Chứ hiếu thảo với cha mẹ không phải là những công việc có tên tuổi rõ ràng để chúng ta làm. Nếu quý vị đọc truyện Nhị thập tứ hiếu sẽ thấy được ngay, mỗi vị hiền nhân trong đó đều có hành trạng hiếu thảo khác nhau, nhưng không ngoài một chung điểm đó là làm hài lòng cha mẹ, luôn nghĩ đến cha mẹ trước rồi mới nghĩ đến mình. Nếu chúng ta ở tuổi đi học thì chúng ta học cho tốt chính là đang hiếu thảo với cha mẹ. Nếu tuổi lớn một chút có thể làm được việc thì chúng ta phụ giúp cha mẹ những việc lặt vặt trong nhà như lau nhà, dọn dẹp, quét nhà, không ham chơi với bạn bè, không làm trái ý cha mẹ đều là được gọi là hiếu cả. Ở độ tuổi trưởng thành và lập gia thất, thì phải biết trước có cha mẹ rồi sau mới có mình. Con dâu phải biết mình có được chồng tốt là nhờ công ơn cha mẹ chồng, chàng rể cũng phải biết có được vợ hiền là nhờ ơn cha mẹ vợ sanh dưỡng.

Vì vậy, không nên chỉ biết bo bo chú ý đến tiểu gia đình nhỏ bé của mình mà phải luôn để tâm lưu ý đến cha mẹ đôi bên cần gì, thường hỏi thăm lui tới. Tiền bạc và sự giàu sang không hẳn đã mang lại niềm vui và hạnh phúc cho cha mẹ, mà chính là sanh ra được một đứa con biết hiếu thảo, biết vâng lời, biết quan tâm đến mọi người, có cuộc sống hiền thiện đạo đức, đem lại tiếng thơm cho gia đình.

Người xưa phận là con khi ra làm việc gì luôn nghĩ tới sợ cha mẹ buồn lòng, nên cố gắng hiếu thảo làm những gì mà cha mẹ mong muốn, nói năng hành động đều giữ gìn lễ nghĩa khiến cha mẹ được vui. Còn thời bây giờ thì hình như trái ngược, cha mẹ đôi lúc muốn làm gì đó nhưng lại sợ con cái buồn phiền, nên mỗi mỗi đều nhịn chịu, dù thân thể có mỏi mệt hay ốm đau, chỉ vì quan niệm thương con thương cháu mà cắn răng chịu đựng, chẳng dám một lời than van. Quý vị có bao giờ nghĩ đến cảm giác này của cha mẹ mình đang chịu đựng không? Đôi lúc thấy con cháu sai quấy nhưng không dám nói, nói ra sợ chúng nó sanh lòng buồn giận, lắmlúc sợ con cái trở mặt, thậm chí bỏ nhà ra đi. Đức Khổng Tử dạy: tam thập nhi lập, tứ thập bất hoặc, ngũ thập tri thiên mạng, lục thập thuận nhĩ. Chữ thuận nhĩ này vô cùng hay, vô cùng tuyệt diệu. Có lớn tuổi rồi mới thâm hội được điều này, con cái nói kiêu nào cũng ậm ờ cho là phải, nó không thích mình nói thì mình không nói nữa. Thôi thì sao cũng được, thế ấy là tốt lắm rồi, được như vậy nên ở đâu cũng có cuộc sống yên thân.

Theo quan niệm chung, đa phần người lớn tuổi đều thích con cháu sum vầy dẫu là bận rộn vất vả cách mấy nhưng trong lòng lại rất vui. Đối với người trẻ tuổi thì ý niệm ở chung với cha mẹ đôi lúc trở thành mỗi một, việc tự do sinh hoạt sẽ có phần trở ngại. Nhưng họ có biết? chính họ đang hưởng hạnh phúc mà không hay. Bởi có biết bao nhiêu người muốn có cha mẹ để phụng dưỡng, để vâng lời mà không được? Trong tập thơ *Bông Hồng Cài Áo* của thi sĩ Nhất Hạnh viết đã nhấn nhủ: *Một bầu trời thương yêu dịu ngọt, lâu quá mình đã bơi lội trong đó, sung sướng mà không hay, để hôm nay bừng tỉnh thì thấy đã mất rồi.*

Trong hoàn cảnh xã hội hiện tại, muốn làm tròn chữ hiếu quả là một đại vấn đề. Chiếu theo gương nhị thập tứ hiếu của trung hoa, hay chuyện hiếu thảo của Việt Nam, bản phận làm con khó có thể áp dụng được, ví dụ như thường làm trò hề cho cha mẹ vui như Lão Lai tử, mỗi khi sấm chớp đều chạy ra ôm lấy mộ mẹ như Vương Thôi, đào hố chôn con để phụng dưỡng mẹ già như Quách Cự,... những việc như thế mà áp dụng cho đời nay thì chỉ có nước khỏi đi làm, ở nhà nhịn đói chịu chết mà thôi. Nói như vậy không có nghĩa là không có cách gì để thực hiện lòng hiếu thảo. Bởi hành động hiếu thảo là làm hài lòng cha mẹ, sống trong gia đình trên dưới thuận hòa. Không những riêng mình biết giữ gìn đạo hiếu mà còn chỉ dạy cho vợ con đồng liễu giải và cùng thực hành. Ngoài những thời gian phải đi làm, nên tạo cơ hội và các phương tiện giao

lưu để cha mẹ có thể đi những nơi người muốn đến. Nhất là phải chú ý đến cha mẹ ở tuổi về chiều không thể tự mình ra ngoài, để tránh tình trạng cha mẹ sống thui thủi quanh quẩn trong nhà một mình. Thỉnh thoảng tổ chức các bữa cơm sinh hoạt gia đình để mọi người cùng sum họp. Thêm vào đó, về phần cha mẹ cũng chớ cố chấp theo quan niệm xưa rằng sanh con ra nuôi con lớn lên là hy vọng nhờ cậy con, nó sẽ trả hiếu cho mình. Với thời đại bây giờ, đặc biệt ở phương tây này điều đó lại càng phức tạp, những bậc cha mẹ phải ở nương vào con cái, nên cố gắng tự mình làm chủ lấy mình, không nên trông cậy hết vào con cháu để rồi tự chuốc lấy buồn tủi, khổ lụy về thân. Hy vọng những đấng bề trên, khéo phương tiện mở cửa lòng mình mà bao dung và tha thứ cho nỗi lòng con trẻ để gia đình đầm ấm yên vui. Mong rằng con cháu đời nay cũng biết uống nước nhớ nguồn, khéo sống đời hiếu đạo cho cha mẹ vui lòng, trước là trả hiếu sanh thành, sau làm gương sáng cho mọi người cùng theo.

Nam mô Đại hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát.

- Cuối thu Kỷ Sửu, tháng 9 năm 2009 -



Tâm bình thường là Đạo

Bình thường tâm thị đạo là câu nói rất nổi tiếng ở trong chuyện nhà thiền. Đó là tiếng sư tử gầm của ngài Nam Tuyên, trong mẫu đối thoại khai thị cho ngài Triệu Châu. Lời này chỉ ra “cái thấy” của chân tâm bốn tánh, chứ chẳng phải chỉ riêng cho cái đạo gì khác biệt, ngay nơi đó mà nhận biết, ngay nơi đó liền tỏ ngộ. Thể hội được rồi thì gọi là nhận ra được chân tánh, Phật tánh, chân như, mặt thật xưa nay, hay gì gì cũng được. Còn như ngay nơi đó mà để luống qua, rồi vận tâm suy nghĩ lung tung thì dù gọi đó là Phật, là chân tánh hay Niết-bàn, hay gì gì đi nữa thì cũng đều chẳng phải. Nên Lão tử nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”, chính là đây vậy. Cái đạo mà còn có thể nói được thì chẳng còn là cái đạo bình thường nữa. Phải biết, đạt tới chỗ này rồi thì “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, chỉ như người uống nước nóng lạnh tự biết.

Theo tiểu thừa kinh giáo nói đến 37 phẩm trợ đạo, đó chính là đạo. Nhận biết rồi thì cái đạo đó cũng chính là tâm bình thường kia, và tâm bình thường kia cũng chính là 37 phẩm trợ đạo pháp đó vậy. Khi nhận ra được chân tâm bốn tánh kia rồi thì tất đều có thể nói là đạo, ngay khi ấy chính là đạo. Còn nếu không nhận ra được, ngộ ra được thì

37 phẩm kia cũng không phải là đạo nữa. Dù cho bạn có đem Phật pháp ra nói một cách thao thao bất tuyệt như suối tuôn thác đổ cũng chẳng ăn nhằm gì đến cái đạo này. Vì sao, cổ đức nói: “Vọng văn sanh nghĩa tam thế Phật oan”, nghĩa là bạn dùng tâm hư vọng để phân biệt, giãn trách, tư duy cho nên chư Phật ba đời phải chịu hàm oan uổng. Trong Tín Tâm Minh của Nhị tổ thiên tông, Huệ Khả đại sư nói: “Chí đạo vô nan duy hiềm giãn trách” chính là nghĩa này vậy. Cái đạo tột cùng đó chẳng khó, nếu khéo nhận biết thì ngay đó liền được, duy hiềm vì dùng vọng thức phân biệt chấp trước, nên biến cái đạo bình thường kia trở thành lục đạo, tứ thánh, bách giới thiên như, chẳng phải là chơn đạo.

Nói cách khác, những cái kia cũng là đạo vậy, nhưng đó là thiên đạo, là nhân đạo, là A-tu-la đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, chứ chẳng phải chơn thật đạo. Sao lại nói như vậy? bởi ngay nơi chân tâm kia không nhận, lại khởi vọng thức phân biệt nên biến thành mười pháp giới. Thí như Phật đạo chính là chơn tâm bình đẳng, từ bi nhất thiết. Nếu hay gìn được tâm như vậy thì đúng là chúng ta đi trên con đường Phật đạo. Nếu chúng ta thường gìn tâm theo sáu lục độ thì đó là Bồ-tát đạo. Thiên đạo là thập thiện tứ vô lượng tâm. Nhân đạo là con đường của ngũ giới thập thiện, nếu giảng theo nho gia là đầy đủ luân thường bát đức. Còn nếu là tâm sân hận, tật đố, ganh tỵ không nguôi thì đó là địa ngục đạo. Súc sanh đạo là si mê,

ngang ngược, chẳng biết phép tắc, chẳng phân tôn ti trật tự, ngang tàng làm bướng, buông thả theo phiền não của mình, nên kết quả sẽ đi vào súc sanh đạo. Ngạ quỷ đạo chính là lòng tham lam không biết chán, không bao giờ biết đủ. Những thứ lược kể ở trên đều là đạo của sanh tử luân hồi, chứ chẳng phải là chơn thật đạo. Vậy thế nào là chơn thật đạo? Thử nghe câu chuyện đáp thoại thiền về chữ đạo của ngài Tào Sơn. Có người đến hỏi sư rằng:

- Thế nào là đạo?

Ngài Tào Sơn bảo:

- Nói đạo kia chẳng khó, nếu như ta vừa mở miệng liền ngay đó nhận biết thì hãy còn chút gàn gù. Còn đợi đến ta nói xong thành lời, rồi ở đó mà suy nghĩ để hiểu lấy thì chỉ là oan uổng tạo nghiệp. Cho nên thà rằng ta chẳng nói còn hơn.

Trong các câu chuyện thiền sao thấy các ngài ngộ dễ quá. Nói qua nói lại chỉ vài câu là ngộ ngay. Vậy cái mà các ngài ngộ đó là ngộ cái gì. Thật ra những câu chuyện thiền kia được kể lại chỉ là vắn tắt lược thuật nhân duyên ngay lúc ngộ đạo của các ngài mà thôi, còn công phu tu tập và việc hành đạo của các ngài trước đó và sau đó thường không thấy nói đến, điều này chúng ta không thể không biết. Nếu những ai có duyên theo tu học với thiền tông thì nên xem cuốn Vô Môn Quan để thấy được việc hành trì khó nhọc của các ngài, quên mình vì đạo, thật

chẳng phải chuyện đùa. Cần phải nỗ lực tu hành gắng gỏi mới được, thật dụng công mới đạt được thật quả. Chẳng phải chỉ vận dụng ở nơi ba tác lữ để biện luận, càng không thể dùng đầu óc suy nghĩ để đối đáp mà đạt được. Bởi cái anh suy nghĩ mà được đó, dù nói được rất hay, giảng được thông suốt, nhưng đối với việc kia vẫn tuyệt như vô phần. Cho đến làm chủ được việc sanh tử cũng không dính dáng. Thật sự đạt đạo thì hết thầy đều được, động tịnh nói nín đều phải. Khi đối duyên hiển bày các phương tiện thiện xảo chỉ là ứng cơ thuyết pháp mà thôi. Còn nếu chưa thật đạt được thì tất cả chỉ là vọng đối, cũng chỉ là sự suy lường phân biệt của vô não, dù là đánh hét, hay im lặng cũng đều chẳng phải.

Trong thiền sử Thiền Sư Trung Hoa có chuyện kể về ngài Hương Nghiêm, lâu thông kinh điển, hỏi một đáp mười, nhưng vẫn chưa phải là bậc sáng mắt. Cho nên một hôm bị Tổ Quy Sơn hỏi:

- Ta nghe người ở chỗ Tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là người thông minh lanh lợi, ý hiểu thức tướng là cội gốc sanh tử. Giờ đây thử nói một câu khi cha mẹ chưa sanh xem?

Ngài bị một câu hỏi này mờ mịt không làm sao đáp được. Bèn trở về liêu phòng, lục tung tất cả kinh sách vở đã học qua để giải quyết vấn đề này nhưng tìm một câu giải đáp trọn không thể có. Bởi câu hỏi này nằm ngoài

thường thức, ngoài sự hiểu biết của ngôn ngữ văn tự, ngoài cái thấy nghe của kiến văn giác tri, cho nên dù ngài đã cố vận dụng tất cả những thứ kinh nghiệm hiểu biết đều không đạt đến được. Ngài liền than rằng:

- Bánh vẽ chẳng thể làm no được bụng đói?

Ngài bèn đến cầu xin Tổ Qui Sơn nói phá. Tổ Qui Sơn bảo:

- Nếu ta nói cho ngươi, về sau ngươi sẽ chửi ta. Ta nói là việc của ta, đâu có can hệ gì đến ngươi?

Vì vậy ngài vô cùng buồn khổ, bèn trở về đem những sách vở đã thu thập được đồng thời đốt hết. Thệ trọn đời chỉ làm một ông tăng bình thường với hai ngày cơm cháo mà thôi, tuyệt không bàn đến giảng kinh thuyết giáo nữa. Ngài khóc và từ giã Tổ Qui Sơn ra đi. Thẳng đến Nam Dương, chỗ di tích Quốc sư Huệ Trung và trụ lại ở đây. Một hôm nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng “cốc”, ngài chợt tỉnh ngộ mà phá lên cười. Ngài trở về tắm gội thắp hương nhắm hướng Tổ Qui Sơn đảnh lễ, ca tụng rằng: “Hòa thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay”. Chỉ đơn giản như thế, trong lúc nghe được âm thanh này ngài liền tỏ ngộ. Chúng ta hằng thuận theo tình thức của vọng tâm để suy nghĩ cho nên không thể nào thể hội được việc đó. Nghe như thế mà ngộ là ngộ cái gì? Là ngộ từ cục đá hay ngộ từ âm thanh phát ra từ cây tre. Chúng ta

cũng có thể lấy hàng trăm viên đá để ném vào thân tre, thế sao chúng ta không ngộ? Phải biết ngộ đó là nhận ra được chơn tâm của mình, thế hội được cái tánh nghe thường hằng vốn có chứ không phải gì khác biệt. Cái mà chúng ta vẫn thường sống với nó mà lại bỏ quên mất, một khi ngoảnh lại liền nhận ra. Nhận ra được đó gọi là ngộ. Cái ngộ của ngài cũng phải là do lòng ôm áp mối nghi này hằng ngày, đăm đăm soi xét quán chiếu cho nên nhân duyên đến liền ngộ. Còn nếu chúng ta không hiểu, không chịu tu hành chỉ ngồi đó chờ ngộ, thì có lẽ phải đợi đến kiếp con lừa cũng không ngộ được. Nhưng ở chỗ này cũng cần nói rõ, cái ngộ đó tuy nói là phải dụng tâm tu hành, nhưng cái thấy này hoàn toàn không phải do tu mà được. Nghĩa rằng cái thấy đó là hằng thấy, chỉ là mình không nhận ra mà thôi, ngày nay mới nhận ra. Nếu là người hay thấy thì thẳng đó liền thấy, không cần phải trải qua thời gian hay công phu tu hành gì cả. Nhưng không thấy được thì cần phải từ trong đó dụng công rồi sẽ thấy, tức là pháp tiệm tu đốn ngộ vậy.

Lại nữa, như câu chuyện nhân duyên ngộ đạo rất nổi tiếng của nhị tổ Huệ Khả khi đối đáp với Đạt-ma tổ sư. Trước khi gặp được tổ sư, ngài phải lặn lội Tung sơn trèo đèo vượt suối gian khổ, đem hết tinh thần cùng tâm huyết của mình chỉ mong đạt được cái đạo vô thượng kia. Thậm chí quỳ giữa trời tuyết giá rét của mùa đông mà không hề khởi tâm lo lắng đến việc sống chết của mình. Người có

thể đem thân mạng này coi nhẹ, buông xuống được rồi thì còn có cái gì chẳng làm được. Chúng ta không làm được chỉ vì chẳng chịu buông xuống mà thôi. Có lúc chúng ta chợt nhận ra, chợt tin đó nhưng lại sợ, nghi ngờ nếu buông xuống rồi thì làm sao sống, thế thì cái tâm sanh tử luân hồi lại hiện về, sự lo lắng sợ hãi kia lại sống dậy, cho nên cái chơn tâm kia không thể hiển bày. Thật ra chơn tâm kia vẫn sờ sờ ra đấy, chỉ là chẳng khởi được diệu dụng mà thôi. Bởi chúng ta chỉ biết quen dùng vọng tâm mà để quên chơn tâm, chứ chẳng phải chơn tâm kia không hiện hữu. Vì vậy khi Tổ Đạt-ma hỏi ngài Huệ Khả rằng:

- Ông đã quỳ trong tuyết lạnh ba ngày ba đêm, thật ra là để cầu việc gì?

Ngài Huệ khả liền nói:

- Tâm con bất an, xin ngài ban cho con pháp an tâm.

Tổ liền bảo:

- Vậy người đem cái tâm bất an đó ra đây là ta an cho.

Ngài liền quay lại tìm kiếm cái tâm bất an đó, nhưng tìm hoài mà không được, bèn thưa với tổ rằng:

- Dạ con tìm tâm không được?

Tổ bèn nói:

- Ta đã an tâm cho người rồi!

Ngay câu nói này ngài Huệ Khả liền hoát nhiên đại ngộ. Bởi tâm bất an kia chẳng qua chỉ là những vọng thức lăng xăng, chúng ta cho nó là thật và luôn sống chết với nó, khiến cho tâm mình trở nên bất an. Nay duyên may gặp được thiện tri thức chỉ dạy, xoay lại nhìn liền không thấy nữa, ngay đó nhận ra được cái tâm xưa nay vốn an tịnh, chứ Tổ nào có phép an tâm gì. Nhưng thưa thật rằng, câu nói đó nếu chẳng phải xuất ra từ miệng của Tổ thì ngài Huệ Khả có thể an tâm được chẳng? Qua câu chuyện như thế này thì tất cả chúng ta đều có thể hiểu, nhưng sao tâm của chúng ta vẫn chưa an? Bởi vì chúng ta không dám tin, không chịu thừa nhận, điển hình như câu chuyện “Tử Hồ bắt ăn trộm” đã nói được rất rõ về việc này. Thông thường, chúng ta cứ nghĩ rằng việc tu hành một khi đạt được đến chỗ ngộ đạo là xong. Nhưng thưa rằng dạ không đâu ạ! Trong thiên tông thường có câu: ngộ rồi mới khởi tu, tức là pháp đón ngộ tiêm tu. Nói rằng tu ở đây cũng chẳng phải là tu hành gì cả, chỉ là đào luyện cái đối nghiệp thức lăng xăng, phàm tâm dấy khởi, không còn thuận theo phiền não tập khí xưa nay, chạy theo vọng trần phân biệt chấp trước, sống trở lại với tâm chơn thật của mình mà thôi. Như Kinh Pháp Hoa phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự nói: “Thế Tôn! Chưa từng có vậy! Pháp của Như-lai đầy đủ trọn nên bất khả tư nghì công đức vi diệu, dạy răn chỗ tu hành an ổn rất hay, con từ ngày nay chẳng còn lại tự theo tâm hành của mình, chẳng sinh

những lòng ác: kiêu mạn, giận hờn, tà kiến”. Đây chính là tu hành. Vì thế sau khi ngài Huệ Khả ngộ đạo rồi, ngày ngày vẫn kẻ cận bên Tổ để học đạo, cho đến một hôm, Tổ Đạt-ma hỏi ngài Huệ Khả rằng:

- Ông hiện nay thế nào?

Ngài Huệ Khả mới thưa rằng:

- Da mỏng da dày đều lột sạch.

Tổ liền bảo:

- Coi chừng rơi vào không?

Ngài Huệ Khả liền đáp:

- Rõ ràng thường biết, sao rơi vào không được.

Bấy giờ Tổ mới ấn chứng cho: “

- Ông như thế, ta như thế, mùi hương chư Phật ba đời cũng như thế.

Đến chỗ này mới có thể nói công phu đến viên địa rồi vậy. Do đây có thể biết, cái ngộ này người người đều có thể được. Nhưng phải cần đợi đến thời tiết nhân duyên mới được. Nếu chẳng phải gặp được thời tiết nhân duyên tốt, thì dù ngồi đó suốt ngày bất động cũng không được gì. Đây là chỗ khả quý của thiền tông, đây cũng điều mà ai ai tu thiền đều muốn có được.

Nhưng nay chúng ta không phải tu theo thiền tông, chúng ta tu tịnh độ có ngộ được việc này không? Dạ thưa

rằng vẫn được như thường. Vì cái này không hạn cuộc cho người tu theo pháp môn nào cả. Nếu được ngay đó liền chợt nhận ra, tỉnh ngộ. Còn công phu tu hành, pháp môn hành trì mỗi ngày của mình không hề làm chướng ngại. Điển hình như cuộc đối thoại giữa ngài Pháp Đạt và Lục tổ Huệ Năng. Trước khi đến tham vấn Lục tổ, ngài thường trì tụng kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ mà chưa hiểu nghĩa Kinh, tâm thường có nghi. Xưa nay chỉ biết y văn tụng niệm, chẳng biết tông chỉ. Sau khi nghe Tổ khai thị xong bèn hỏi rằng:

- Nếu như vậy tức là chỉ cần hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh sao?

Tổ bảo: Kinh có lỗi gì, đâu làm chướng niệm của người! Chỉ vì mê ngộ tại người, tổn ích do mình mà thôi. Miệng niệm tâm hành tức là chuyển được kinh, miệng niệm tâm chẳng hành tức bị kinh chuyển. Hãy nghe kệ:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa

Tụng lâu không rõ lý,

Kinh nghĩa biến thù nhà.

Vô niệm, niệm tức chánh

Hữu niệm, niệm thành tà

Hữu vô đều chẳng kể

Ngồi xe trâu trắng ca.

Bấy giờ ngài Pháp Đạt nghe xong bèn rơi nước mắt, ngay nơi đó được khai ngộ, lãnh hội đường huyền chỉ, và từ đó về sau ngài cũng không ngừng việc trì tụng kinh Pháp Hoa vậy. Thế mới biết, giác ngộ rồi thì chỗ chỗ đều viên dung vô ngại, hành trì tụng kinh, niệm phật, tu thiền, trì chú đều chẳng làm trở ngại tánh kia. Còn nếu tánh kia không nhận được thì dù tu thiền ngồi rách đến mấy chục cái bồ đoàn cũng chẳng nhận ra, chúng ta không thể không biết đạo lý này.

Thiền Tông thường nói: ngộ rồi mới tu, không ngộ lấy gì tu? Thế chúng ta đây chưa thấy được tánh kia thì không tu à? Những người tu thiền kia đâu phải ai ai cũng thấy? Nếu chưa thấy thì cho rằng họ chẳng tu hành gì sao? Thừa rằng, chưa thấy là vọng tu, vọng tu thì rơi vào thứ lớp. Thấy rồi là chơn tu, chơn tu là một bước liền nhảy vào chơn thật địa. Chung quy lại thấy đều là tu hành. Nếu chúng ta tu tịnh độ, khi niệm Phật đạt được tới cảnh giới nhất tâm, vô niệm, thì đó chính là tỏ ngộ được tâm bình thường. Nếu tu theo giáo hạ học tập kinh điển thì phải y chiếu theo lý luận ở trong kinh điển tu hành, được đại khai viên giải cũng chính là chứng được cảnh giới này. Tuy nói vọng tu nhưng nhân nơi vọng tu này mà lọc sạch tập khí phiền não tập khí của mình, tức là pháp nương nơi vọng mà tu chơn. Khi vọng tâm lóng sạch rồi thì ngay đó chính là chơn tâm. Ngài Đạo Ngộ chỗ nói: “chỉ hết tâm phàm,

chẳng có thánh giải khác”, chính là nghĩa này. Điều kiện đòi hỏi là phải thực sự tu hành, chẳng phải mỗi ngày một hai thời tụng kinh niệm phật, ngồi thiền đó gọi là tu vậy. Tu là ở trong sinh hoạt đời sống hằng ngày, xuyên suốt 24 giờ, đây gọi là lịch sự luyện tâm, tức là ở ngay trong sự việc mà tu luyện tâm mình. Cho nên giờ giờ là tu hành, xú xú là đạo tràng, chỗ chỗ đều là thiền đường để hành thiền vậy. Dù đi giữa chợ vẫn là tu hành, cho đến ngồi đó khởi tâm vọng tưởng vẫn là tu hành. Nếu thật hiểu được nghĩa của tu hành thì không gì chẳng phải đạo. Đạo chính là thế ấy! Kinh Pháp Hoa trong Phẩm Phương Tiện khi nói đến tốt tướng chơn thật của các pháp, nghĩa là các pháp: nhân như vậy, duyên như vậy... cho đến rốt ráo là như vậy. Đây chính là nói đến cảnh giới của người đạt được tâm bình thường.

Do đó nếu là người tu theo giáo hạ học tập kinh điển thì y cứ theo tứ đế là tâm bình thường, y cứ theo bát chánh đạo là tâm bình thường, y cứ theo tứ niệm xứ là tâm bình thường, nếu có chút khác đi tức là biến tâm bình thường thành tâm bất bình thường rồi vậy. Còn người tu theo tịnh độ chúng ta thì ngày ngày y chiếu theo ngũ kinh nhất luận kia để hành trì thì đó chính là tâm bình thường. Vâng theo lời Phật dạy, không để xen lẫn một tư hào vọng niệm nào của mình vào trong đó là tâm bình thường, nếu có chút ý niệm của mình xen tạp vào trong đó thì tâm kia liền biến thành bất bình thường. Người niệm Phật, thì ngay lúc

đương niệm Phật kia là tâm bình thường, nếu trong lúc niệm còn khởi lên vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì tâm kia cũng là bất bình thường. Do đây có thể biết, tâm bình thường là tâm Phật, là tâm từ bi hết thảy. Tâm bình thường là tâm bình đẳng, tâm vô niệm, vô tu, vô chứng vô đắc, tâm vượt ra ngoài thứ lớp. Nếu lòng ta sanh khởi tâm tật đố, sân hận, tham lam, bòn xén thì tâm kia liền trở thành tâm bất bình thường. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, không cần thay đổi nghề nghiệp, chỉ cần tuân thủ theo bốn phạm là được. Nhưng ở trong nghề nghiệp của mình phải biết tận chức làm cho tốt, không được khởi tâm tham lam tật đố. Ở trong đó tu hành tâm thanh tịnh bình đẳng từ bi nhất thiết, thì đó cũng chính là tâm bình thường. Nếu chúng ta ở trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, trong công việc sử xử, tiếp người đối vật, khởi tâm muốn chiếm tiện nghi của người, làm những điều tổn người lợi mình, thì đó là tâm bất bình thường rồi. Hệ quả nghiệp báo của tâm bất bình thường kia chính là phải chịu sự sanh tử trong luân hồi lục đạo. Tùy theo trình độ cạn sâu dày mỏng của tâm bất bình thường kia mà sự chuyển sai có khác biệt. Nếu tâm bất bình thường kia không quá chấp chặt thì luân chuyển trong tứ thánh, còn tâm bất bình thường đó biến kế sâu nặng, thì hậu quả của nó tất phải đọa lạc trong ba nẻo sáu đường. Vì thế, một khi đạt được tâm bình thường đó rồi thì phải khéo giữ gìn và sống trọn được với nó, thì mới thấy được cái diệu dụng khôn lường của tâm chơn thật này.

Phải biết tâm bình thường đó chính là tâm Phật. Chỗ nói: thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, chính là nghĩa này vậy. Nếu chẳng nhận biết được điều này thì dù là nói nín động tịnh, la hét đánh trống đều chẳng liên can. Nơi đây chúng tôi xin trích thêm vài mẫu chuyện thiền nữa để quý vị có cái nhìn rõ hơn về tâm bình thường này. Nó vốn là như thế, không phải trải qua duyên lự của tâm ý thức mới có thể hiểu được. Thật ra càng suy nghĩ càng bế tắc, do không suy nghĩ mà ngay đó liền thông. Nếu dùng đến suy nghĩ để nhận biết thì dù hiểu được kia là tâm bình thường cũng chỉ là sự tưởng tượng mà thôi. Đây kể về nhân duyên ngộ đạo của ngài Long Đàm Sùng Tín. Sư trước kia là người làm bánh bao bán ở trước cổng chùa, biết phát tâm cúng dường nên hôm nào cũng đem vài cái bánh bao đến cúng dường cho thiền sư Đạo Ngộ. Như thế trong một thời gian, ngài Đạo Ngộ nghĩ thương tình người này có đạo tâm, nên mỗi khi Sùng Tín đem bánh bao cúng dường cho Ngài, Ngài thường đưa lại một cái và nói rằng:

- Ta cho lại ngươi để về nuôi con cháu.

Sùng Tín ngạc nhiên quá thưa:

- Con cúng cho Thầy mà Thầy cho lại con để làm gì?

Đạo Ngộ nói:

- Ngươi cúng cho ta, ta cho lại ngươi thì có lỗi gì?

Qua sự đối đáp đó làm Sùng Tín băn khoăn: Tại sao mình cúng cho thầy mà thầy cho lại mình? Sau một thời

gian suy nghĩ, thâm hiểu được lời này rồi phát tâm xin vào tu. Sau khi ông xuất gia, ngài Đạo Ngộ bảo: “Nay ông làm thị-giả cho ta, ta sẽ chỉ tâm yếu cho ông.” Từ đó Sư bắt đầu làm thị-giả hầu hạ bên thầy, nhưng mãi cho đến ba năm mà không thấy ngài Đạo Ngộ chỉ dạy tâm yếu gì cả. Cho nên một hôm thắc mắc quá, Sư ắp nhẫn không nổi mới đứng ra thưa thỉnh ý ngài Đạo ngộ:

- Từ ngày con vào đây đến nay, chưa được Thầy chỉ dạy cho tâm yếu cho con.

Ngài Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày ngươi vào đây, ta lúc nào mà không chỉ dạy cho ngươi tâm yếu!

Sư trong lòng khởi nghi bèn hỏi:

- Thầy chỉ dạy ở chỗ nào?

Ngài Đạo Ngộ bảo:

- Ngươi dâng trà lên, ta vì ngươi mà tiếp, ngươi bung com đến, ta vì ngươi mà nhận, ngươi xá lui ra thì ta gặt đầu, chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?”

Sùng Tín cúi đầu im lặng suy nghĩ, tại sao việc đó là tâm yếu? Sư vừa suy nghĩ được giây lâu thì ngài Đạo Ngộ liền bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Qua câu nói đó, Sư chợt tỉnh ngộ, liền hỏi thêm:

- Làm sao giữ gìn?

Ngài Đạo Ngộ bảo:

- Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm chẳng có Thánh giải khác.

Qua câu chuyện này đã làm nổi bật được cái tâm bình thường kia chính ở ngay câu nói: “thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai”. Vừa khởi nghĩ tức là đã làm méo mó chơn tâm rồi, khiến cho cái tâm vốn đang bình thường kia biến thành không còn bình thường nữa. Nhưng đây cũng chính là cái chỗ lắt léo, khó thông qua nhất. Khởi nghĩ thì sai, nhưng không khởi nghĩ thì làm sao mà hiểu (?) Lại bảo, phải ngay nơi chỗ không khởi nghĩ đó mới hay thấy được. Đây cũng chính như trong Kinh Kim Cang chỗ nói: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm vậy”. Đã không có chỗ trụ trước làm sao sanh tâm (?) Nhưng đúng thật là phải ở nơi chỗ không trụ trước kia mà sanh tâm. Ở đây, cái rõ ràng hơn nữa là ngài Đạo Ngộ còn dạy cho phép tu hành sau khi nhận được cái tâm bình thường kia. Chỉ cần loại trừ hết tâm phàm tục kia, tức là những tâm vọng chấp, tham trước, si mê buồn giận, hằng luôn sanh khởi trong tâm phàm phu chúng ta. Một khi trừ sạch những tâm thức này rồi thì đạt được tâm bình thường, lúc bấy giờ chẳng còn khởi thêm là thánh hay phàm gì khác nữa. Người nhận ra được tâm bình thường này rồi thì mỗi ngày chỉ làm mỗi một việc đó là tùy duyên đối việc mà buông xả, mặc cho

chơn tánh thông dong tự tại. Chúng ta mặc dù chưa trực nhận được tâm bình thường, tuy chưa có khai ngộ nhưng nếu biết y theo phương thức này mà tu hành thì chẳng bao lâu cũng sẽ đạt đến tâm bình thường. Phạm việc gì cũng phải nhìn thấu, buông xuống, chớ để sanh khởi bao nhiêu thứ tâm phiền não, làm bận rộn cho cõi lòng. Ở đây chỉ luận việc mình chẳng luận việc người, nếu cứ dăm dăm nhìn vào lỗi người thì chỉ là tự mình làm khổ cho mình chứ chẳng phải ai khác. Tu đạo mà không nhận chân được sự thật chỉ là tu cầu phước báo nhân thiên mà thôi. Thí như trong bài Vô Tướng Tụng của Lục tổ nói:

Người mê tu phước chẳng tu đạo

Nói rằng phước ấy chính là đạo

Bồ thí cúng dường phước vô biên

Trong tâm ba ác vẫn còn tạo...

Phước thiện dù tạo được bao nhiêu đi nữa thì cũng không trừ hết những tội kia, cho nên Lục Tổ bảo người học đạo tu hành phải luôn hướng vào nơi chân tánh quán chiếu, đốn ngộ chân tâm, tà tâm đoạn dứt, phẩm hạnh chánh chơn thì mới tiêu hết tội. Bằng không thì mọi việc chúng ta làm đó, chỉ là tu thiện làm phước mà thôi. Hiểu và hành được như đây mới gọi là người biết tu hành, là người biết quay về sống với tâm bình thường đó. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày phải thường quán chiếu nơi tự tánh, đối người tiếp vật, xử sự đều chớ khởi tâm chớ động niệm, luôn giữ

mình ở nơi tâm bình thường này. Phàm ra làm việc chớ để rơi vào tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, ngũ dục lục trần, không dính mắc nơi 16 chữ này thì tự nhiên được tự do tự tại, an lành giải thoát. Chúng ta tu hành muốn vượt thoát ba cõi sáu đường thì phải khéo tu tịnh nghiệp, chẳng để rơi vào ác nghiệp cùng thiện nghiệp. Ác nghiệp đương nhiên phải tránh, vì nó sẽ làm ta khổ lụy vô cùng, thiện nghiệp cũng nên lìa vì nó cũng sẽ làm chướng duyên trên đường tu đạo của chúng ta, bởi tạo tác thiện nghiệp mà không khéo hay lìa xả sẽ khiến lòng tham tăng trưởng, tất chướng ngại Bồ-đề. Vì vậy người tu đạo giải thoát phải khéo tu tịnh nghiệp, tức lìa cả hai bên, thời thời khắc khắc đều tùy duyên buông xả, thường sống được ở nơi tâm bình thường này.

Và cuối cùng để đúc kết lại bài viết này, chúng ta sẽ đi thẳng vào câu chuyện thiền: “Tâm Bình Thường Là Đạo”. Đây là giai thoại thiền nói về nhân duyên ngộ đạo của ngài Triệu Châu khi đến hỏi đạo với ngài Nam Tuyền. Sư hỏi:

- Thế nào là đạo?

Ngài Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Sư lại hỏi:

- Lại có thể nhằm tiến đến chăng?

Nếu nói tâm bình thường là đạo, vậy thì mình có thể nhằm tiến tới để được cái tâm bình thường đó chẳng? Ngài Nam Tuyền trả lời:

- Nghĩ nhằm tiến đến là trái.

Vừa nghĩ tiến đến tức là trái với đạo rồi. Sư bèn hỏi thêm:

- Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?

Theo quan niệm của ngài Triệu Châu là muốn biết được đạo thì phải do suy nghĩ mới biết, nay không do suy nghĩ tiến đến thì làm sao biết đó là đạo.

Ngài Nam Tuyền liền đáp:

- Đạo chẳng thuộc biết, chẳng biết; biết là vọng giác, không biết là vô ký, nếu thật đạt đạo thì chẳng nghịch chẳng nghĩ, ví như hư không thanh vắng rỗng rang, đâu thể đối nói phải quấy.

Ngay đó ngài Triệu Châu liền được đại ngộ. Chuyện đã kể xong? Quý vị ngộ chưa? Chưa ngộ thì hãy lắng nghe tiếng hét của Lâm Tế:

- A....ah!

Rồng Kinh Điển

Năm cũ sắp qua, năm mới sắp đến. Tân Mão là con mèo cay đắng, khổ sở, nhọc nhằn, đau thương khổ nạn đã sắp qua. Nhâm Thìn là con thần long sắp đến, hy vọng sẽ mang lại mưa thuận gió hòa, làm trù phú cho nhân gian.

Nói đến rồng, đối với nền văn hóa Đông Nam Á chúng ta, là một trong tứ linh vật được xem là biểu tượng cao quý nhất. Cho nên trên áo mão các vị vua thường được thêu nổi hình con rồng, và hay dùng chữ long đi kèm để gọi tên các đồ vật dụng. Nhân gian thường dùng long phụng cho nam và nữ. Người nam sáng giá thì được xưng tụng mỹ danh như rồng ở trong loài người, người nữ cao quý thì dùng mỹ danh như là phụng giữa nhân gian. Phổ cập nhất là các tự miếu, đền đài đều đắp hình rồng trên đỉnh ốc, các góc cù giao.

Hồi còn nhỏ, khi chúng tôi nhìn thấy các bộ lạc, người ta thường dùng đầu da con thú để làm nón trang sức cho mình, lấy đó làm biểu tượng sang quý và đáng tôn kính nhất của họ. Thí như có các bộ tộc, họ lấy hình đầu con rắn đội lên đầu, có bộ tộc thì dùng hình con sói. Chúng tôi lúc bấy giờ nghĩ rằng, người là vật tối linh ở giữa trời đất, sao bây giờ lại đội hình con sói lên đầu và tôn thờ nó. Thậm chí có những quốc gia họ còn có các tín ngưỡng tôn thờ các loài

vật như heo, bò, chó, rắn, v.v... Bấy giờ chúng tôi chỉ biết suy nghĩ sao kỳ vậy, mà quên mất đi văn hóa của chúng ta cũng lấy biểu tượng con rồng, dùng đó làm biểu trưng cho sự sang quý, thêu dệt lên áo mào hay đắp tượng trên các nóc đền đài. Ở đây chúng ta chỉ sơ lược về biểu tượng con rồng qua các phong tục văn hóa trong nhân gian.

Bây giờ chúng ta thử đi vào kinh điển để tìm hiểu xem con rồng ở trong Phật pháp được đóng vai trò như thế nào. Hầu hết trong kinh điển đại thừa, những vị hộ trì Phật pháp thường hay được nhắc đến là thiên long bát bộ. Thiên long bát bộ gồm có trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-dà. Ở trong đây thì loài rồng là một trong tám bộ chúng ấy. Nay chúng ta lược cử ra một vài đoạn trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, để tìm hiểu xem đức Phật của chúng ta đã nói những gì cho loài rồng này. Kinh chép:

“Tôi nghe như vậy, một thời Phật ở tại Long cung Ta-kiệt-la, cùng tám ngàn chúng đại tỳ-kheo, ba vạn hai ngàn các vị Bồ-tát ma-ha-tát đồng tụ hội.”

Vừa vào phần mở đầu của kinh văn chúng ta liền thấy ngay rằng, pháp hội đức Phật giảng kinh này là ở ngay tại cung rồng Ta-kiệt-la, với sự tham dự của các vị đại tỳ-kheo, và chúng đại Bồ-tát gồm chung hết thảy là 4 vạn người. Chữ Ta-kiệt-la là tiếng dịch âm từ tiếng phạn, dịch nghĩa là hàm hải thủy, ý nói là nước muối biển. Nói tới nước biển,

mọi người đều biết rằng nước biển có vị mặn đắng, là thứ nước không thể uống được. Người có khát nước đến mấy mà thấy được nước biển cũng không dám uống, vì biết rằng càng uống sẽ lại càng khát. Do đó mà trong nhân gian người ta thường ví cuộc đời như biển khổ. Vì sao đức Phật không ở giữa nhân gian nói kinh này, mà phải ở trong cung Ta-kiệt-la nói kinh này cho Long vương và loài thủy tộc nghe! Thế thì kinh này chỉ riêng dành cho loài thủy tộc, không phải dạy cho nhân gian chúng ta sao! Thật ra dụng ý ở đây rất sâu, lấy biển khổ để đại biểu cho cõi trần lăm khổ của chúng ta. Ở giữa chốn trần lao khổ lụy mới có thể nói lên bài kinh mười nghiệp lành, như đoạn kinh sau đức Phật dẫn chứng những quả báo sai biệt do nhân thiện và bất thiện tạo thành.

“Này Long vương, nhà ngươi có thấy trong hội này và các loài ở trong đại hải, hình sắc chủng loại mỗi mỗi khác nhau không? Tất cả như thế đều do tâm tạo thiện hay bất thiện nơi thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà gây ra.”

Đoạn này là chỉ rõ nhân quả của các loài thủy tộc ở trong biển, có nhiều hình dáng màu sắc chủng loại khác nhau, đều là do ba nghiệp đã tạo trong quá khứ gây nên cả. Để làm nổi bật vấn đề của thiện nghiệp, đức Phật bèn đưa ra những quả lành của chư Phật, chư Bồ-tát cho đến hàng trời rồng do phước báo thiện nghiệp sanh ra.

“Này Long vương! Ngươi xem thân Phật do trăm ngàn ức phước đức sanh ra, các tướng trang nghiêm, quang minh chói rạng, che phủ tất cả đại chúng... Ngươi lại xem đây, các vị Bồ-tát diệu sắc trang nghiêm, tất cả đều do tu tập phước đức thiện nghiệp mà sanh ra. Lại nữa, các hàng thiên long bát bộ, thấy có oai thế lớn lao, cũng như phước đức của thiện nghiệp mà sanh.”

Ở đây, đức Phật tuy chỉ lược thuyết, nhưng cũng đủ tổng quát được hết thấy những phước báo lành, oai đức trang nghiêm từ hàng trời rồng, các vị Bồ-tát, cho đến cùng tột quả Phật thấy đều do thiện nghiệp phát sanh. Qua đoạn khảo thị này, bảo cho chúng ta biết được điểm trọng yếu chính là cần phải tạo nhân lành, tác nghiệp lành thì mới có thể dẫn đến quả báo lành. Phàm là con người thì không luận là đông tây kim cổ, ai ai cũng đều muốn có được đời sống giàu sang, mạnh khỏe, sống lâu, và mọi điều như ý. Nhưng mọi người chỉ biết mong đợi quả lành, mà không biết tự mình nỗ lực gieo trồng nhân lành. Đức Phật nói việc như vậy quyết không xảy ra, vì không gieo nhân thì quyết không có quả để thu hoạch. Chúng ta là người học Phật, hiểu được điều này rồi thì tự mình phải biết nên làm gì. Không cứ trông đông ngóng tây, cầu thần khẩn thánh mà được. Chúng ta muốn mong cầu điều gì thì chúng ta phải biết gieo trồng thứ đó, thí dụ như chúng ta muốn cầu giàu sang thì chúng ta phải biết tu bố thí tài vật, tiền của. Chúng ta muốn mạnh khỏe sống lâu thì chúng ta phải giới

sát phóng sanh, giúp đỡ người bệnh tật. Chúng ta muốn thông minh tài trí thì chúng ta phải tu trí huệ; tu trí huệ là tự mình không ngừng học hỏi, không có thái độ cống cao ngã mạn, biết chia sẻ kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình không lẫn tiếc, không giấu giếm. Muốn gia đình hòa hợp đầm ấm an vui thì không xâm chiếm vợ hay chồng của người, không đi gây bất hòa cho gia đình người, không cố ý tạo chuyện thị phi khiến cho người ân ái chia lìa. Cho nên, chúng ta muốn cầu quả lành nào thì phải khéo gieo nhân lành cho quả đó, quyết không phải do cầu nguyện suông mà được, hay do vận mạng may mắn mà được, hay bằng vào tiểu xảo lẩn lút của người mà được. Người xưa nói, nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai, chẳng phải không ứng, chỉ là thời thần chưa đến mà thôi.

Chúng ta xem tiếp kinh văn: **“Nay đây, các chúng sanh ở trong đại hải, hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ đều do hết hỷ tướng niệm của tự tâm gây ra bởi thân, ngữ, ý các nghiệp bất thiện, nên tùy theo chỗ gây nghiệp mà thọ lấy quả báo.”** Ở trên nói về quả báo lành thù thắng của chư Phật, thánh nhân, còn đoạn này nói về quả báo sai biệt do nghiệp nhân bất thiện tạo thành.

Kinh nói: “Chúng sanh ở trong đại hải,” chính là nói hoàn cảnh sống của chúng ta như đang ở trong khổ hải. Các loài thủy tộc ở trong biển lớn thì có muôn ngàn chủng loại, hình sắc cho đến tướng trạng lớn nhỏ bất đồng, đối với điều này chúng ta dễ dàng thấy được và hiểu được qua

lời Phật dạy là đều do ba nghiệp bất thiện gây ra. Bởi vì tại nhân gian, loài người tuy hình dáng có sai biệt, màu da có sai biệt nhưng tỷ lệ sai khác không lớn lắm. Còn đối với loài thủy tộc thì hiển thị một cách rất rõ ràng, có loài cá thì thân hình to lớn dị thường, có loài thì thân hình bé tí đến không thể thấy rõ. Đức Phật muốn mượn hình tướng các loài thủy tộc để nói lên nghiệp báo sai biệt của tất cả chúng sanh. Chúng ta tuy thân là đều người, nhưng nghiệp báo sai biệt giữa người và người cũng lại như thế. Có hạng, thân tuy là người nhưng đời sống và tâm thức của họ vô cùng bé bỏng, nhỏ nhoi. Họ tuy vẫn sống sờ sờ ra đây, qua lại giữa chốn trần đời nhưng không mấy ai nhìn thấy họ, nghe tiếng họ nói, cũng giống như các loài tôm tép bé nhỏ giữa đại dương. Lại có một số người, thân tuy chỉ cao chừng 1 thước 6 thôi, nhưng nhất cử nhất động, mỗi bước đi của họ có thể làm ảnh hưởng cả một góc trời. Do vậy, chúng ta hiểu được đạo lý này rồi thì đối với đời sống của tự thân, nên tự xét tự lượng để sống sao cho phù hợp. Chớ nên nhìn xuống quá thấp hay nhìn lên quá cao để rồi tự mình chuốc khổ. Nếu như trong đời sống đôi lúc cảm thấy như vận may đang đưa đến thì phải hiểu đó là phước lành xưa kia mình đã tạo mà gắng nỗ lực tiến tu. Còn nếu gặp phải lúc cảm thấy như đen đui rủi ro thì phải biết đây là do nghiệp xưa xoay vần, càng cần phải nỗ lực tu tập sửa lỗi làm mới. Chớ nên than trời trách đất, oán người trách số phận, hờn cha mẹ oán vợ con, rồi buông xuôi đời mình,

sống một cách buông thả. Do đó Phật lại thuyết: **“Ngươi nay thường nên như thế mà tu học, cũng khiến cho chúng sanh rõ thấu nhân quả, tu tập thiện nghiệp. Ngươi nên y đây chánh kiến bất động, lại chớ đọa vào trong tà kiến đoạn thường, đối với những bậc phước điền nên hoan hỷ cúng dường.”**

Qua những đạo lý và những dẫn chứng do đức Phật đưa ra, chúng ta thấy rõ thiên sai vạn biệt giữa các sự tướng, vũ trụ nhân sanh đều do tâm nghĩ tưởng sai biệt tạo thành. Hiểu được điều đó rồi thì chúng ta từ nay phải biết tránh nghĩ tưởng những điều xấu ác, ngôn ngữ lời nói hành vi ác, mà luôn khởi tưởng tâm lành, lời nói lành và hành động lành, sẽ giúp chúng ta đi đến những quả thiện viên mãn.

Đặc biệt ở đoạn văn sau, đức Thế Tôn nhấn mạnh về tầm quan trọng của thiện nghiệp, kinh nói: **“Long vương nên biết, Bồ-tát có một pháp hay có thể dứt tất cả các khổ của ác đạo. Một pháp ấy là gì? Nghĩa là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ quán sát pháp lành, làm cho các pháp lành mỗi niệm mỗi tăng trưởng, không để cho một mảy may bất thiện xen lẫn vào, tức là hay khiến cho các ác pháp hằng dứt, thiện pháp viên mãn; thường được gần gũi các đức Phật, Bồ-tát và các thánh chúng.”** Mà thiện pháp ở đây cụ thể là gì? Đức Phật thuyết: **“Thiện pháp đây tức là con đường mười thiện nghiệp. Những gì là mười? Là hằng xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà**

hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.”

Phàm phu chúng ta khi luận bàn điều gì cũng thường đòi hỏi bằng chứng. Đức Phật rất tâm lý, rất hiểu lối suy nghĩ của chúng sanh. Nên trước khi nói ra điều gì, ngài đều dẫn chứng những quả báo hiện thật trước mắt cho chúng ta thấy. Quả báo ở đây là nói đến những cái hiện thực mà chúng ta đang tiếp xúc, đang đối diện và nhận chịu mà không biết nguyên nhân vì sao. Sau khi chỉ ra những hiện trạng quả báo trước mắt rồi, đức Phật nói đến phần duyên do, nguyên khởi của mọi nghiệp báo chúng ta đã và đang phải gánh vác đó, nó có nguồn gốc, xuất xứ như thế nào, đều giảng giải một cách tường tận cho chúng ta hiểu rõ. Không giống như những nhà triết học, hay các nhà tư tưởng, học thuật khác,.. họ có thể nói ra hàng loạt những luận lý, luận cứ, chia chẻ sự việc, đặt vô số câu hỏi cho mọi vấn đề về những điều chúng ta đang đối mặt, đang sống và đang lặn mò trong đêm tối. Tất cả dường như nghe rất có lý, rất hợp tình, và chúng ta cũng đồng cảm với họ rằng sự thật đúng là như vậy. Nhưng cái họ nói ra đó, khiến cho người đọc, người nghe thắc mắc về các vấn đề được nêu ra đó, trên thực tế họ lại không thể đưa ra một câu trả lời nào thỏa đáng để giúp cho người vượt thoát ra cả. Còn Đức Phật không phải nói ra những điều bi thương, những tội lỗi, những thống khổ của nhân sanh để chỉ trích hoặc bài bác, hay để chứng minh sự uyên bác, trí tuệ cao siêu, sự hùng

biện của mình. Mà ngài thuyết ra để cho chúng sanh thấy rõ vấn đề một cách thiết thực, không hồ đồ, mù quáng. Cái tuyệt vời của đức Phật đó là lúc nào cũng đi kèm theo những giải pháp, phương hướng, giúp cho chúng sanh tự mình có thể lần theo con đường của ngài đã chỉ bày để đi đến giải thoát. Ngài không những giảng giải lý lẽ một cách thấu triệt, mà còn dạy cả phương pháp thích hợp cho mọi tầng lớp, mọi căn cơ, mọi thời đại, khiến cho người người ứng dụng tập tu ở trong đời sống hằng ngày đều được lợi ích.

Toát yếu lại vấn đề, đây là kinh đức Phật thuyết về thập thiện nghiệp đạo. Quý vị nghĩ xem, đức Phật giảng kinh này rõ ràng là để chỉ dạy cho chúng ta tu học, nhưng ngài tại sao không ở giữa nhân gian mà thuyết, lại phải ở dưới long cung mà thuyết pháp này? Thứ nữa, đức Phật lại lấy long vương là chúng đương cơ, vì long vương thuyết pháp. Chúng đương cơ tức là đối tượng hội đủ nhân duyên, hay nhân duyên đến lúc chín muồi, là đối tượng đến lúc có thể nghe hiểu tin nhận, vui vẻ vâng làm.

Vậy thì Long vương ở trong kinh này đại diện cho cái gì? Chữ vương nói nôm na nghĩa là vua dưới chế độ quân chủ. Lấy vua làm đại biểu là để nói lên chủ quyền tự do, mọi thứ quyền hành đều nằm trong tay của vua. Nói theo thời nay là chỉ cho mọi tầng lớp lãnh đạo, từ các chức quan viên của chính phủ cho đến các ông chủ của các hạ tầng cơ sở. Chữ Long nghĩa là rồng. Nói đến rồng thì chúng ta liền

liên tưởng đến chuyện hô mây gọi gió, làm mây làm mưa, có thể bay lên trời, vào trong nước, thần thông biến hóa. Như vậy Long vương ở đây là đại biểu cho sự chủ động biến hóa khôn lường, tự do tự tại không gì ngăn ngại. Khi một sự tự do thái quá mà không gì có thể ngăn trở được, mọi sự thay đổi tùy theo ý thích của riêng mình thì nó sẽ trở thành bá đạo, tà đạo. Nếu quý vị từng đọc qua lịch sử các triều đại vua chúa thì có thể chứng nghiệm được những đạo lý này. Trở thành một bậc hiền vương hay ác vương đều nhờ vào ý thức, biết khắc kỷ bản thân và tuân thủ theo lời giáo huấn của thánh hiền thì người đó sẽ trở thành minh quân, hiền triết; bằng ngược lại chỉ biết dùng võ lực, đi ngược lại nhân tâm, làm trái với tổ chế của thánh hiền thì quyết định sẽ trở thành bậc nhân chủ ác chúa. Do đó, đức Phật mới ở trong long cung mà giảng thuyết mười điều thiện nghiệp cho loài thủy tộc, và lấy Long vương là chúng đương cơ để thuyết pháp. Dù Long vương có thần thông biến hóa đến bao nhiêu, nhưng y theo mười thiện nghiệp này thì vẫn đi theo vòng quỹ đạo của con đường hiền thiện, mà không đến nỗi tạo thành ác nạn, đi vào ác đạo. Nay xét lại trên bản thân của mình, cái gì là cái thường biến hóa khôn lường, đa đoan uẩn khúc, có thể dẫn dắt chúng ta hướng về cõi lành hay chìm đắm trong nẻo ác. Thế thì long vương đây chính là đại biểu cho tâm ý thức của chúng ta. Tâm ý của chúng ta biến hóa đa đoan, thay đổi vô chừng mà không gì có thể làm cho nó dừng lại được. Nếu

chúng ta không an trụ trong chánh kiến bất động, thấu rõ nhân quả, tu mười thiện nghiệp thì ắt sẽ rơi vào tà kiến đoạn thường. Đoạn kiến là cái thấy sai lệch về đời sống của kiếp người. Họ nghĩ rằng chết rồi là hết cho nên không tin vào nhân quả, sống chỉ biết hưởng thụ cho thỏa thích ngay trong cuộc đời này, mà không màng đến nhân quả thiện ác, không tin lời dạy của thánh hiền. Thường kiến là cái thấy sai lệch về nhân quả, họ cho rằng người chết rồi đầu thai trở lại vẫn là người, còn súc sanh chết rồi thì quyết mãi là súc sanh. Cho nên nói là vật dưỡng nhân, mà không biết rằng người chết biến thành dê, dê chết biến thành người. Phật dạy cho chúng ta mười điều thiện nghiệp, vì biết rằng chúng sanh tâm thức đa đoan, biến hóa khôn lường, không phân được thiện ác, không có chánh kiến, không tin nhân quả, nên cần phải nương theo mười điều lành này để không rơi vào ác đạo, trầm luân trong ác thú. Do vậy hằng ngày chúng ta dụng tâm cần phải tuân thủ theo mười thiện nghiệp thì quyết định không sai lầm, không tạo thành ác nạn. Hiện tiền gia đình hạnh phúc mỹ mãn, đời sống an vui. Nếu lại biết bố thí cúng dường thì gia đình giàu sang sung sướng, khỏe mạnh sống lâu. Nương theo mười thiện nghiệp mà tu học, nỗ lực tinh cần thì lai sanh sẽ được hưởng phước báo lớn ở cõi trời. Nếu hay hồi hướng về vô thượng đạo quả thì quyết sẽ được thành Phật.

Tâm ý thức của chúng ta tuy biến hóa đa đoan, thay đổi khó lường, nhưng trên thực tế thì nó chỉ là huyễn hóa không thật, thí như hoa đốm giữa hư không. Khi mê muội thì chúng ta thấy tâm thức mình lúc nào cũng cảm giác phiền muộn, khổ não, buồn thương, yêu ghét, mừng giận, chán chường thích thú,... Nếu không nhận biết được nó thì chúng ta sẽ bị nó mê hoặc, sanh khởi những ý tưởng sai lầm, thốt ra lời nói hoang đường, hành vi điên đảo. Khiến cho chúng ta làm ra những điều bất thiện, tạo thành nghiệp chướng và dẫn dắt chúng ta đi vào trong con đường hiểm nạn. Nhưng rõ biết tâm ý thức là huyễn hóa, do niệm niệm kết thành, là hư giả không thật, thí như Bát Nhã Tâm kinh nói: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách,” nghĩa rằng quán chiếu thấy rõ năm uẩn thấy đều là hư dối, không thật liền vượt qua tất cả mọi khổ nạn; tức là chúng ta đã chuyển được tâm ý thức thành trí tuệ bát nhã, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Khoảnh khắc chuyển đổi này rất nhanh, vốn không cần huân tập, cũng không cần mất nhiều công sức và thời gian. Nhưng vì chúng ta trầm luân trong sanh tử quá lâu, không thể nhất thời chuyển đổi qua được, nên mãi chịu ở trong các nạn. Nếu có thể thật sự chuyển đổi qua được thì nhất thời có thể thành Phật, điển hình như chuyện Long-nữ thành Phật ở trong kinh Pháp Hoa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: “*Có con gái của vua rồng Ta-kiệt-la mới tám tuổi mà căn tánh lạnh lẽ, có trí tuệ, khéo*

biết các căn tánh hành-nghiệp của chúng sanh, được pháp tổng-trì, các tạng pháp kín rất sâu của các Phật nói đều có thể thụ-trì, sâu vào thiền-định, rõ thấu các pháp. Trong khoảnh sát-na phát tâm Bồ-đề được bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sanh như con đờ, công đức đầy đủ, lòng nghĩ miệng nói pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, năng ấy có thể đến Bồ-đề.”

Bấy giờ có Trí Tích Bồ-tát chấp vào sự huân tập của việc tu hành, không tin Long-nữ đó có thể ở trong giây lát thành bậc Chánh giác. Vì sao Bồ-tát này không tin? Niệm danh hiệu của ngài thì chúng ta liền có thể thấy được, trí tuệ của ngài do sự tích lũy ở trong thời gian lâu dài mới có được, nên không thể tin Long-nữ này nhất thời thành Phật. Lại như ngài đại trí Xá-lợi-phất, tuy là bậc trí tuệ bậc nhất trong hàng đại đệ tử Phật nhưng vẫn còn thuộc về trí tuệ của hàng thanh-văn, nên càng không thể chấp nhận được. Ngài còn chấp vào kiến giải của mình, cho rằng “*thân gái như uế chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể được thành vô-thượng chánh-giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô-lượng kiếp cần khổ chứa nhóm công-hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được.*” Lúc đó, Long-nữ có một hạt châu báu, giá trị bằng cõi tam-thiên đại thiên, đem dâng đức Phật. Quý vị nghĩ xem, hạt châu gì mà giá trị bằng cả tam-thiên đại thiên thế giới? Vật báu giá trị như thế mà vừa dâng lên đức Phật liền thu nhận? Ở trong đoạn kinh

này ẩn tàng một đạo lý rất sâu, nhưng vì bài viết có hạn, chúng tôi chỉ điểm sơ để quý vị mỗi người tự mình ngẫm lấy. Nơi đây chỉ nói đến phần của Long-nữ mà thôi. Sau khi đức Thế Tôn nạp thọ, Long nữ bèn nói: *“Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó.”* Đang lúc đó cả chúng-hội đều thấy Long-nữ thoát nhiên biến thành nam-tử, đủ hạnh Bồ-tát, qua cõi Vô Cấu ở phương nam, ngồi tòa sen báu thành bậc Đẳng Chánh-giác. Qua đoạn kinh văn này, tỉ mỉ quan sát một chút chúng ta sẽ thấy được Long-nữ tuy là loài súc sanh, lại là thân nữ, nhưng đặc biệt chỉ có tám tuổi. Chí đến Trí Tích Bồ-tát, đại trí Xá-lợi-phất vẫn còn chấp vào tâm ý thức huông hồ gì chúng ta. Chỗ này, đức Phật vì chúng ta nói phá, giải trừ kiến chấp tầm thường kia, do đó chỉ cần chuyển thức thành trí, giải mê thành ngộ liền thành bậc chánh giác. Số tám ở đây là chỉ cho tám thức tâm vương của chúng ta, một khi chuyển tám thức thành bốn trí liền đầy đủ lục độ vạn hạnh, thân tướng trang nghiêm, nên kinh nói “biến thành nam-tử, đủ 32 tướng, 80 món đẹp.” Ngũ uẩn vốn không, tâm địa thanh tịnh, nên kinh nói “liền qua nước Vô Cấu, ngồi trên tòa sen thanh khiết thành bậc Đẳng Chánh Giác.” Đoạn kinh này cũng lấy long-nữ làm chính, làm đại biểu cho tâm ý thức của chúng ta. Nhưng vì sao những kinh văn tương tự như đây lại lấy loài rồng làm đại biểu, bởi vì loài rồng mới có năng lực thần thông biến hóa khôn lường, mới đủ năng lực để chuyển đổi cảnh giới. Tâm ý thức của

chúng ta cũng lại như vậy, nên Hoa Nghiêm kinh có bài kệ diễn tả về chữ tâm như vậy:

Tam điểm như tinh tượng,
 Hoành câu tợ nguyệt tà,
 Phi mao tùng thử đắc
 Tổ Phật dã do tha.

Tạm dịch: *ba điểm như sao trời, móc ngang tợ trăng tà, ác thú do đây tạo, thành Phật cũng đó ra.* Để nói lên mọi sự sai biệt từ phàm đến thánh, từ ác thú đến thành Phật đều do tâm ý phát khởi. Chỉ cần một tâm niệm chuyển đổi hướng thiện thì mọi nghiệp chướng, khó khăn đều có thể giải quyết.

Qua một vài trích đoạn của hai bài kinh trên, đức Phật cho chúng ta một khái thị rất lớn, dạy cho chúng ta lấy đó làm cương yếu để sống thiện và tu học đến ngày giải thoát. Thứ nhất, nếu chúng ta chưa thể thấu suốt được tâm thức hư dối này, chấp vào bản ngã sanh diệt này là thật thì chúng ta phải tuân thủ theo mười điều thiện nghiệp mà tu học, được như vậy thì chúng ta quyết sẽ không rơi vào ác thú, các nạn. Tuy còn ở trong sanh tử luân hồi nhưng chỉ ra vào trong cõi nhân thiên để hưởng phước báo lành. Thứ hai, một khi chúng ta triệt để được bản thể của tâm thức là hư dối không thật, do niệm niệm kết thành thì sẽ mau chóng đột phá được sự trói buộc của tâm ý thức, đặt chân đến chỗ bất động an nhiên. Chúng ta thân tuy còn ở trong

cõi ngũ trực, với bao nhiêu phiền nhiễu vây quanh nhưng vẫn được an lành, không khổ não.

Đề hưởng trọn mùa xuân Di Lặc khi bước sang năm mới, hy vọng tất cả chúng ta đều có thể chuyển đổi tất cả những điều bất thiện, những nghiệp chướng khổ não, từ việc làm công sở cho đến nơi ăn chốn ở trong gia đình, biến hết thảy chốn chốn đều là đạo tràng để chúng ta tu luyện, biến người ân kẻ oán đều trở thành thiện tri thức để sách tấn chúng ta tu hành, biến Ta-bà ngũ trực ác thế thành trang nghiêm Tịnh-độ. Chúc tất cả quý vị luôn được sức khỏe, an vui và luôn sống trong ánh hào quang của mười phương chư Phật.

Cuối đông Tân Mão, tháng 12 năm 2011



Cội Nguồn

Printed by **5 Star Printing**
10322 Trask Ave, #B Garden Grove, CA 92843
Cell: 714.715.8172 Tel: 714.638.8800
email: longptran@gmail.com

Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông.

Chùa xưa mái ngói cũ
Trèo lên nắm cây sào
Đêm khuya rồi không ngủ
Kéo rặng bao nhiêu sao?
Huyền Không
(HT. Thích Mãn Giác)



Sách biểu không bán



5 STARS
design & printing

10322 Trask Ave #B, Garden Grove, CA 92843
Cell: (714) 715-8172 - Tel: (714) 638-8800 - Fax: (714) 638-2377
Email: longptran@gmail.com